



giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh chuyên ngành lý luận chính trị

Tư tưởng Hồ Chí Minh (Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁO TRÌNH
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

DÀNH CHO BẠC ĐẠI HỌC -
CHUYÊN NGÀNH LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

HÀ NỘI - 2019

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Đồng chí **Võ Văn Thường**, Ủy viên Bộ Chính trị,

Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương.

Đồng chí GS, TS **Phùng Xuân Nhạ**, Ủy viên Trung ương Đảng,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đồng chí PGS, TS **Phạm Văn Linh**, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung

ương, Trưởng Ban Chỉ đạo biên soạn chương trình, giáo trình các môn

Lý luận chính trị.

NHỮNG NGƯỜI BIÊN SOẠN

Mạch Quang Thắng (Chủ biên)

Phạm Ngọc Anh

Nguyễn Quốc Bảo

Doãn Thị Chín

Lại Quốc Khánh

Bùi Đình Phong

Lương Văn Tám

Nguyễn Thế Thắng

Nguyễn Đức Thìn

Vũ Tình

MỤC LỤC

Lời giới thiệu

Chương I

KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	6
---	----------

Chương II

CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	25
---	-----------

Chương III

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	54
--	-----------

Chương IV

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN	88
--	-----------

Chương V

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ	119
--	------------

Chương VI

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, CON NGƯỜI	143
---	------------

Chương VII

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC	164
--	------------

LỜI MỞ ĐẦU

Hội nghị 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI đã ra Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4-11-2013, “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Triển khai Nghị quyết đó, ngày 28-3-2014, Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI đã ban hành bản Kết luận số 94-KL/TW “về việc tiếp tục đổi mới học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”, trong đó nêu rõ: học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân là giáo dục những vấn đề cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng; sát với thực tiễn, không máy móc, giáo điều, khô cứng; gắn với chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam; nội dung chương trình học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân phải tập trung xây dựng cho phù hợp với từng đối tượng học, từng cấp học, bậc học từ thấp đến cao.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng và Kết luận trên đây của Ban Bí thư, Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng và Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức và chỉ đạo biên soạn chương trình, giáo trình các môn lý luận chính trị, trong đó có môn Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm hai chương trình, giáo trình: một là, dành cho bậc đại học không chuyên ngành lý luận chính trị; hai là dành cho bậc đại học chuyên ngành lý luận chính trị.

Kế thừa các chương trình, giáo trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các giai đoạn trước, những người biên soạn chương trình, giáo trình lần này đã quán triệt tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận số 94-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI cũng như sự chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo để xây dựng chương trình và biên soạn giáo trình với thời lượng 2 tín chỉ. Ngoài Chương I nêu những nội dung nhập môn (Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh) và Chương II đề cập cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, căn cứ vào yêu cầu và thời lượng đào tạo, cuốn giáo trình này chỉ bao gồm một số nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, con người, đạo đức (Đối với giáo trình dành cho bậc đại học chuyên ngành lý luận chính trị thì tách nội dung Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức thành một chương riêng – Chương VII).

Những người biên soạn giáo trình đã chú trọng bảo đảm những yêu cầu về tính cơ bản, tính hệ thống, tính cập nhật những tri thức mới, tính sư phạm, kết hợp tính

lý luận với tính thực tiễn, v.v. Nhưng, so với những môn khác trong hệ thống các môn lý luận chính trị dành cho bậc đại học thì môn Tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn là môn còn mới. Cho nên, giáo trình này, được đưa vào sử dụng bắt đầu từ năm học 2019-2020, chắc chắn còn nhiều hạn chế cả về nội dung, kết cấu và hình thức thể hiện.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, những người biên soạn đã nhận được nhiều ý kiến chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như nhận xét, góp ý chân thành, quý báu của đông đảo tập thể trường đại học cũng như các nhà quản lý giáo dục, các cá nhân đồng nghiệp trong cả nước. Những người biên soạn giáo trình xin trân trọng gửi lời cảm ơn.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng giáo trình trong những lần tái bản, chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được ý kiến nhận xét, góp ý của các nhà khoa học, của các đồng nghiệp, các nhà quản lý giáo dục và của các em sinh viên các trường đại học của cả nước.

Hà Nội, Mùa Thu năm 2019

NHỮNG NGƯỜI BIÊN SOẠN

Chương I

KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

MỤC TIÊU

- Về kiến thức

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhập môn của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Về kỹ năng

Qua nghiên cứu môn học này, sinh viên bước đầu có được tư duy và kỹ năng đúng đắn, phù hợp khi phân tích cả về mặt lý luận và thực tiễn các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

- Về tư tưởng

Giúp cho sinh viên thấy rõ hơn vai trò của Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của dân tộc Việt Nam, thêm tin tưởng vào chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, góp phần tiếp thêm sức mạnh cho sinh viên về ý chí và hành động phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của cách mạng.

I. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Quá trình nhận thức về tư tưởng Hồ Chí Minh

Quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về Hồ Chí Minh, trong đó có tư tưởng của Người, đối với cách mạng Việt Nam đã trải qua một thời gian lâu dài.

Ngay từ khi ra đời, Cương lĩnh chính trị của Đảng đã thể hiện được những vấn đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam.

Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930 đã thông qua các văn kiện làm thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Cương lĩnh này thể hiện những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề cốt yếu của cách mạng Việt Nam.

Sau khi thành lập Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trải qua thử thách. Khi Hồ Chí Minh về nước chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5-1941 đến Đại hội II của Đảng tháng 2-1951, tư tưởng của Người được khẳng định lại, tiếp tục được đưa vào đường lối, chủ trương của Đảng.

Việc nhận thức về quan điểm của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam cũng như vai trò của Người đối với quá trình phát triển của dân tộc từ sau khi thành lập Đảng là một quá trình không đơn giản. Đã có sự đánh giá không đúng từ Quốc tế Cộng sản và từ một số người trong Đảng Cộng sản Đông Dương. Những người này bị chịu ảnh hưởng lớn từ đường lối, quan điểm tả khuynh của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (năm 1928) trên vấn đề tập hợp lực lượng cách mạng ở những nước thuộc địa. Nhưng, thực tế đã chứng minh cho sự đúng đắn của những quan điểm của Hồ Chí Minh và những người tham gia Hội nghị thành lập Đảng, vì thế tư tưởng Hồ Chí Minh đã được khẳng định lại. Tháng 1-1941, Người về nước và đến tháng 5-1941 Người chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng. Tại Hội nghị này, những quan điểm trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đầu năm 1930 đã được quán triệt vào chương trình hành động của Đảng, đặc biệt thành lập Mặt trận Việt Minh để đoàn kết tất cả các lực lượng yêu nước chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền. Tại Đại hội II (2-1951), Đảng nêu rõ: "Đường lối chính trị, nền nếp làm việc và đạo đức cách mạng của Đảng ta hiện nay là đường lối, tác phong và đạo đức Hồ Chủ tịch... Toàn Đảng hãy ra sức học tập đường lối chính trị, tác phong và đạo đức cách mạng của Hồ Chủ tịch; sự học tập ấy, là điều kiện tiên quyết làm cho Đảng mạnh và làm cho cách mạng đi mau đến thắng lợi hoàn toàn"¹.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng tôn vinh Hồ Chí Minh là “Anh hùng dân tộc vĩ đại”.

Hồ Chí Minh qua đời ngày 2-9-1969 tại Nhà 67 trong Phủ Chủ tịch (Hà Nội). Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng được đọc sáng ngày 9-9-1969 tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), trong đó nêu rõ: “Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”². Tiếp nối sự đánh giá ấy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12-1976) nêu: “Thắng lợi to lớn của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước cũng như những trang sử chói lọi của cách mạng Việt Nam ngót nửa thế kỷ nay mãi mãi gắn liền với tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, người khai sinh nền Cộng hoà Dân chủ Việt Nam, người vun trồng khối đại đoàn kết dân tộc và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, vị lãnh tụ thiên tài của giai cấp công nhân và nhân dân ta, người anh hùng dân tộc vĩ đại, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế”³.

1 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.12, tr. 9.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.30, tr.275.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.474.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (3-1982) nêu rõ: "Đảng phải đặc biệt coi trọng việc tổ chức học tập một cách có hệ thống tư tưởng, đạo đức, tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong toàn Đảng"¹.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện của đất nước, trong đó đề cập về chủ nghĩa Mác - Lênin và di sản tư tưởng Hồ Chí Minh. Đại hội nhấn mạnh: "Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh"².

Đảng tiếp tục nêu cao tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Đến thời điểm diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6 và 7-1991), sự nghiệp đổi mới của đất nước đã diễn ra được 5 năm. Thực tế sự nghiệp cách mạng Việt Nam nói chung và của những năm đổi mới nói riêng đã chứng tỏ rằng, không những chủ nghĩa Mác - Lênin, mà còn tư tưởng Hồ Chí Minh, đã trở thành yếu tố chỉ đạo làm nên thắng lợi cho cách mạng Việt Nam.

Chính vì thế, một trong những điểm mới của Đại hội VII là Đảng *đánh giá đúng tầm vóc tư tưởng Hồ Chí Minh*. Đại hội VII của Đảng đã khẳng định: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động"³. Đại hội nêu rõ: "Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta, và trong thực tế tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng ta và của cả dân tộc"⁴. Đại hội VII còn cho rằng: "Chủ tịch Hồ Chí Minh... tiêu biểu sáng ngời cho sự kết hợp giai cấp và dân tộc, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với mỗi người dân Việt Nam là vô cùng gần gũi, gắn liền với tình cảm yêu thương vô hạn của nhân dân đối với Bác, bởi công lao to lớn và đạo đức cách mạng trong sáng của Người. Vì vậy, nói tư tưởng Hồ Chí Minh là phù hợp với thực tế cách mạng nước ta, phù hợp với tình cảm và nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân ta"⁵.

1 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb Sự thật, Hà Nội, t.3, tr.61.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.47, tr.807.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.127.

4 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.127.

5 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.128.

Đại hội VII xác định: “Điều kiện cốt yếu để công cuộc đổi mới giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa và đi đến thành công là trong quá trình đổi mới, *Đảng phải kiên trì và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững vai trò lãnh đạo xã hội*”¹. Việc khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cũng đã được ghi nhận trong hai văn kiện rất quan trọng của Đảng và Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đó là *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được Đại hội VII năm 1991 thông qua (bổ sung, phát triển năm 2011) và trong *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam* năm 1992 và năm 2013.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4-2001), Đảng đã nêu lên khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh một cách đầy đủ hơn so với Đại hội VII: “*Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại*”². Đại hội IX của Đảng không những cho rằng tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, mà còn là kết quả của sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4-2006), khi đề cập tư tưởng Hồ Chí Minh, đã nêu rõ: “Sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân ta 76 năm qua đã khẳng định rằng, tư tưởng vĩ đại của Người cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin mãi mãi là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta. Tư tưởng đó đã dẫn dắt chúng ta trên mỗi chặng đường xây dựng và phát triển đất nước, là ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam, là sức mạnh tập hợp và đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta hôm nay và mai sau”³. Các Đại hội đại biểu toàn quốc tiếp nối về sau của Đảng cũng luôn khẳng định công lao vĩ đại của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và khẳng định tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là những nhân tố không thể thiếu trong tư tưởng và hành động của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ

1 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.53.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.83.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.6-7.

Tổ quốc. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (năm 2016) nhấn mạnh rằng, phải “kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam”¹.

Từ những năm đầu thế kỷ XXI, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương trong toàn hệ thống chính trị học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Đại hội XII của Đảng nhận định: “Việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đạt kết quả bước đầu quan trọng”². Tuy nhiên, việc này “chưa đều, chưa đi vào chiều sâu ở nhiều ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; một số nơi thực hiện còn mang tính hình thức”³. Trên cơ sở đó, Đại hội XII của Đảng quyết định “Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; coi đó là công việc thường xuyên của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị-xã hội, địa phương, đơn vị gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”⁴. Đó cũng là tinh thần của Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII.

Thế giới đánh giá cao vai trò của Hồ Chí Minh đối với sự phát triển văn minh, tiến bộ của nhân loại.

Trên thế giới, nhiều đảng chính trị, nhiều chính phủ, nhiều tổ chức chính trị-xã hội, nhiều cá nhân đánh giá cao phẩm chất, năng lực, vai trò của Hồ Chí Minh đối với quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam cũng như đối với quá trình phát triển văn minh tiến bộ của nhân loại. Trong đó, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO)⁵, tại Phiên họp Đại Hội đồng lần thứ 18 tại Paris (Thủ đô nước Cộng hòa Pháp) từ ngày 17-10 đến ngày 23-11-1974, đã thông qua một số nghị quyết về tổ chức kỷ niệm danh nhân, trong đó có Nghị quyết số 18C/4.351⁶.

Nghị quyết này có một số điểm cần lưu ý:

1 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.199.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.187.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.193.

4 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.202.

5 UNESCO: United Nations Educational Scientific and Cultural Organization (tiếng Anh).

6 Những nội dung liên quan tới sự kiện này, chúng tôi dựa vào cuốn sách: “UNESCO với sự kiện tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013 do GS, TS Mạch Quang Thắng cùng với PGS, TS Bùi Đình Phong, TS Chu Đức Tính làm Đồng Chủ biên, trong đó công bố các tài liệu liên quan bằng 6 ngôn ngữ chính thức của UNESCO đang được lưu ở Bảo tàng Hồ Chí Minh tại Hà Nội.

Một, UNESCO mong muốn thực hiện tổ chức lễ kỷ niệm các nhân vật kiệt xuất và sự kiện lớn tại các quốc gia thành viên nhằm góp phần làm cho mọi người biết đến tên của các nhân vật này và các sự kiện đã để lại dấu ấn trong sự phát triển của nhân loại. Do đó, yêu cầu các Ủy ban quốc gia đệ trình danh sách đã lựa chọn các ngày lễ kỷ niệm (một trăm năm chẵn hoặc nhiều trăm năm) của các nhân vật kiệt xuất và các sự kiện lớn trong lĩnh vực giáo dục, khoa học, văn hóa và truyền thông mà các Ủy ban quốc gia sẽ tổ chức kỷ niệm.

Hai, từ sau khi ra đời, đây là nghị quyết đầu tiên của UNESCO có ý nghĩa như nghị quyết khung, đề cập việc tiến hành tổ chức kỷ niệm các nhân vật kiệt xuất và sự kiện lớn tại các quốc gia thành viên UNESCO.

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Chấp hành UNESCO cũng như của Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam cùng nhiều Ủy ban quốc gia UNESCO của nhiều nước khác, Khóa họp Đại Hội đồng UNESCO lần thứ 24 ở Paris, từ ngày 20-10-1987 đến ngày 20-11-1987, đã thông qua *Các nghị quyết về việc tổ chức lễ kỷ niệm các nhân vật kiệt xuất và các sự kiện lịch sử*, trong đó có Nghị quyết số 24C/18.6.5 về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sau đây là toàn văn bản Nghị quyết số 24C/18.6.5 ¹:

1 Xem GS, TS Mạch Quang Thắng, PGS, TS Bùi Đình Phong, TS Chu Đức Tính (Đồng Chủ biên): “UNESCO với sự kiện tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.71-72.

UNESCO sử dụng 6 ngôn ngữ chính thức: Pháp, Anh, Nga, Ảrập, Hán, Tây Ban Nha. Sau đây là bản tiếng Anh:

“18.6.5. Centenary Conference,

Considering that the international celebration of the anniversaries of eminent intellectual and cultural personalities contributes to the realization of Unesco’s objectives and to international understanding,

Recalling 18 C/Resolution 4.351 concerning the commemoration of the anniversaries of great personalities and events which have an imprint on the development of humanity,

Noting that the year 1990 will mark the centenary of the birth of President Ho Chi Minh, Vietnamese hero of national liberation and great man of culture,

Considering that President Ho Chi Minh, an outstanding symbol of national affirmation, devoted his whole life to the national liberation of the Vietnamese people, contributing to the common struggle of people for peace, national independence, democracy and progress,

Considering that the important and many-sided contribution of President Ho Chi Minh in the fields of culture, education and the arts crystallizes the cultural tradition of the Vietnamese people which stretches back several thousand years, and that his ideals embody the aspirations of peoples in the affirmation of their cultural identity and the promotion of mutual understanding,

1. Recommends to Member States that they join in the commemoration of the centenary of the birth of President Ho Chi Minh by organizing various events as a tribute to his memory, in order to spread knowledge of the greatness of his ideals and of his work for national liberation;

Nhân thấy việc tổ chức kỷ niệm ngày sinh các nhân vật trí thức lỗi lạc và các danh nhân văn hóa trên phạm vi quốc tế góp phần thực hiện các mục tiêu của UNESCO và đóng góp vào sự hiểu biết trên thế giới,

Nhắc lại Quyết định số 18C/4.351 thông qua tại Khóa 18 Đại Hội đồng UNESCO về việc tổ chức kỷ niệm ngày sinh của các danh nhân và việc kỷ niệm các sự kiện lịch sử đã để lại dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại,

Ghi nhận năm 1990 sẽ đánh dấu 100 năm Kỷ niệm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam,

Nhân thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh, một biểu tượng xuất sắc về sự tự khẳng định dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội,

Nhân thấy những đóng góp quan trọng và nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật chính là sự kết tinh của truyền thống văn hóa hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam, và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc mong muốn được khẳng định bản sắc văn hóa của mình và mong muốn tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc,

1. Khuyến nghị các quốc gia thành viên cùng tham gia Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bằng việc tổ chức các hoạt động cụ thể để tưởng niệm Người, qua đó làm cho mọi người hiểu rõ tầm vóc vĩ đại của những tư tưởng và những cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của Người;

2. Đề nghị Tổng Giám đốc UNESCO triển khai các biện pháp thích hợp để kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và hỗ trợ các hoạt động kỷ niệm được tổ chức nhân dịp này, đặc biệt là những hoạt động sẽ diễn ra ở Việt Nam”.

2. Khái niệm Tư tưởng Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh không những là lãnh tụ của Đảng Cộng sản Việt Nam, mà đồng thời còn là một *nhà tư tưởng*. V.I.Lênin cho rằng: ““Nhà tư tưởng” chỉ xứng đáng với danh hiệu nhà tư tưởng khi nào họ đi *trước* phong trào tự phát, chỉ đường cho nó, khi nào họ biết giải quyết, trước những người khác, tất cả các vấn đề lý luận,

2. Requests the Director-General of Unesco to take appropriate steps to celebrate the centenary of the birth of President Ho Chi Minh and to lend his support to commemorative activities organized on that occasion, in particular those taking place in Viet Nam” (Sách trên, tr.92-93).

chính trị, sách lược và các vấn đề về tổ chức mà “những yếu tố vật chất” của phong trào húc phải một cách tự phát”¹.

Hồ Chí Minh xứng tầm là nhà tư tưởng vì ở Người hội đủ những phẩm chất như V.I.Lênin quan niệm. Ở Hồ Chí Minh, xét về yếu tố “nhà tư tưởng”, nổi rõ nhất là:

- Có hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề chính trị-xã hội đối với một cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam, hệ thống quan điểm này vừa có giá trị đối với dân tộc vừa có ý nghĩa tích cực đối với cộng đồng quốc tế.

- Hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh mang tính khoa học, cách mạng và nhân văn, có ý nghĩa dẫn đường cho xã hội phát triển theo hướng văn minh, tiến bộ.

- Hồ Chí Minh đã dấn thân vào cuộc sống thực tế, trở thành nhân vật cốt yếu nhất với tư cách là người tiên phong, người mở đường, dẫn đường thực thi một cách tích cực nhất, có hiệu quả nhất hệ thống quan điểm mà mình đã nêu ra.

- Hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh trên thực tế được cộng đồng quốc gia thừa nhận và tổ chức thực hiện với tư cách là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.

Có nhiều cách tiếp cận để nêu khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 2011) nêu khái niệm “Tư tưởng Hồ Chí Minh” như sau:

“*Tư tưởng Hồ Chí Minh* là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”².

Khái niệm trên đây chỉ rõ ba yếu tố: *một là*, nội hàm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; *hai là*, cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; *ba là*, ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Cụ thể:

1 V.I.Lênin: “Mạn đàm với những người bảo vệ chủ nghĩa kinh tế”, *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1975, t.5, tr.445-446 (tiếng Việt Nam).

2 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.88.

Một là, đã nêu rõ bản chất khoa học và cách mạng cũng như nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ đó phản ánh những vấn đề có tính quy luật của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Để đạt mục tiêu đó, con đường phát triển của dân tộc Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu và con đường này đúng theo lý luận Mác-Lênin; khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự quản lý của Nhà nước cách mạng; xác định lực lượng cách mạng là toàn thể nhân dân Việt Nam yêu nước, xây dựng con người Việt Nam có năng lực và phẩm chất đạo đức cách mạng; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại trên cơ sở quan hệ quốc tế hòa bình, hợp tác, hữu nghị cùng phát triển; với phương pháp cách mạng phù hợp...

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống lớn bao gồm những quan điểm, nguyên tắc, phương pháp về cách mạng Việt Nam ở tầm chiến lược. Hồ Chí Minh còn có tư tưởng về quân sự, ngoại giao, đối ngoại, phương pháp cách mạng, tư tưởng đổi mới, hội nhập và phát triển. Hồ Chí Minh còn có cả những quan niệm về dự báo xu thế, triển vọng của cách mạng Việt Nam, quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Tư tưởng Hồ Chí Minh còn thể hiện ở những quan điểm giữa kinh tế và chính trị với văn hóa, giữa xã hội với quản lý xã hội, cơ cấu xã hội và các chính sách xã hội hướng tới mục tiêu phát triển và hiện đại hóa Việt Nam... Tư tưởng Hồ Chí Minh hướng tới phát triển con người từ cá nhân tới cộng đồng, từ dân tộc đến nhân loại, thể hiện rất sâu sắc không chỉ tầm nhìn chiến lược mà còn là chủ nghĩa nhân đạo, chủ nghĩa nhân văn cao cả của Người. Trong tư duy lý luận và trong hoạt động thực tiễn của mình, Hồ Chí Minh còn có những tư tưởng về giáo dục - đào tạo, về khoa học - công nghệ, về dùng người hiền tài để chấn hưng dân tộc, v.v.¹

Hai là, đã nêu lên cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác-Lênin – giá trị cơ bản nhất trong quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng đó; đồng thời tư tưởng Hồ Chí Minh còn bắt nguồn từ việc Người, bằng phẩm chất cá nhân của mình, đã tiếp thu các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại.

¹ Sau những nội dung nhập môn (Chương I) và sau khi nêu lên cơ sở hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh (Chương II), giáo trình này đề cập một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh trong khuôn khổ thời lượng đào tạo bậc đại học (từ Chương III đến Chương VII).

Ba là, đã nêu lên ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh, khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là một bộ phận cấu thành làm nên nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam.

3. Vị trí của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh nằm trong hệ thống năm môn lý luận chính trị trong giáo dục đại học của Việt Nam (Triết học Mác- Lênin; Kinh tế chính trị học Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam). Các môn học đó có mối quan hệ mật thiết với nhau.

Mối quan hệ giữa môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh với ba môn học: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học là mối quan hệ giữa hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh với cơ sở hình thành và phát triển của nó. Tư tưởng Hồ Chí Minh có cơ sở hình thành và phát triển quan trọng là chủ nghĩa Mác - Lênin. Tư tưởng yêu nước truyền thống của Hồ Chí Minh đã hội nhập được với lý luận phát triển của thời đại là chủ nghĩa Mác - Lênin. Không có yếu tố “Chủ nghĩa Mác - Lênin” thì không thể có “Tư tưởng Hồ Chí Minh”. Tách rời hoặc đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin thì hoàn toàn không đúng cả về mặt lý luận và cả về mặt thực tiễn. Hồ Chí Minh là người vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam trong các thời kỳ cách mạng. Do đó, chính thể làm nên nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng Cộng sản và của cách mạng Việt Nam phải là cả hai: Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa Mác - Lênin không là tất cả thành phần làm nên chủ thuyết phát triển của cách mạng Việt Nam và chỉ riêng tư tưởng Hồ Chí Minh thôi cũng thế. Hai thành phần này là không thể thiếu và chúng có quan hệ chặt chẽ với nhau trong lý luận chính trị soi đường phát triển của dân tộc Việt Nam.

Đối với môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh càng có quan hệ chặt chẽ hơn. Bởi vì:

Một là, Hồ Chí Minh là lãnh tụ của Đảng Cộng sản Việt Nam; là người tìm đường, người mở đường, người dẫn đường cho cách mạng Việt Nam phát triển. Hồ Chí Minh trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp; là một cán bộ của Quốc tế Cộng sản; là “phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách

mạng ở Đông Dương”¹ đã riệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930; là Chủ tịch Đảng từ tháng 2-1951 đến khi từ trần tháng 9-1969.

Hai là, Hồ Chí Minh không những là người sáng lập, mà còn là người rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam để Đảng luôn luôn là xứng đáng là Đảng mácxít – leninnít, luôn luôn trong sạch, vững mạnh, có đủ năng lực lãnh đạo, cầm quyền (từ tháng 9-1945 Đảng trở thành Đảng cầm quyền), có sức chiến đấu mạnh mẽ trong sự nghiệp lãnh đạo toàn dân đấu tranh giành độc lập dân tộc cũng như trong sự nghiệp giải phóng, bảo vệ Tổ quốc, trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành tư tưởng dẫn đường cho cách mạng Việt Nam, thể hiện trong cương lĩnh chính trị, đường lối, chủ trương của Đảng cũng như thể hiện trong quá trình hoạt động thực tiễn của Đảng qua các thời giai đoạn, thời kỳ.

Ba là, toàn bộ lịch sử ra đời và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với quá trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh. Đề cập lịch sử hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam không thể không đề cập vai trò của Hồ Chí Minh cũng như đề cập tiểu sử và sự nghiệp của Hồ Chí Minh không thể không đề cập vai trò của Đảng đối với bản thân cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.

Như vậy, để nghiên cứu tốt môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, rất cần thiết phải nghiên cứu các môn học thuộc ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin; đồng thời phải nghiên cứu môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, coi đó là một điều kiện để có thể nghiên cứu môn học này.

II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là một nội dung của chuyên ngành *Hồ Chí Minh học* (nằm trong ngành Khoa học chính trị). Đối tượng nghiên cứu của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là toàn bộ những quan điểm của Hồ Chí Minh thể hiện trong di sản của Người. Đó là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Hệ thống quan điểm đó phản ánh trong những bài nói, bài viết của Người, trong hoạt động cách mạng và trong cuộc sống hằng ngày của Người. Đó là những vấn đề lý luận và thực tiễn được rút ra từ cuộc đời hoạt động rất phong phú ở cả trong nước và trên thế giới của Hồ Chí Minh phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.13.

Đối tượng nghiên cứu của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh còn là quá trình vận động của hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh trong thực tiễn. Hay nói cách khác, đó là quá trình “hiện thực hóa” hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh trong quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lênin có một quá trình được các đảng cộng sản vận dụng vào những điều kiện cụ thể của dân tộc mình và của thời đại. Quá trình này cho thấy chủ nghĩa Mác - Lênin luôn luôn được bổ sung, phát triển trên cơ sở thực tiễn đời sống. Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như thế. Trong quá trình hiện thực hóa hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam luôn vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển hệ thống quan điểm đó trong những điều kiện mới.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh

Phương pháp luận Hồ Chí Minh lấy phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử Mác – Lênin làm cơ sở, được hình thành và phát triển qua quá trình hoạt động cách mạng của Người. Phương pháp luận đó chỉ đạo các phương pháp suy nghĩ và hành động trong điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của Hồ Chí Minh sống và hoạt động cách mạng nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp và cuối cùng đi đến giải phóng con người. Phương pháp luận nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh phải phù hợp với phương pháp luận của chính Hồ Chí Minh và của chủ nghĩa Mác-Lênin. Dưới đây là một số nguyên tắc và quan điểm phương pháp luận trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh.

a. Thống nhất tính đảng và tính khoa học

Nội dung chủ yếu của phương pháp luận này là: phải đứng trên lập trường giai cấp công nhân, đứng trên quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, quán triệt cương lĩnh, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam để nhận thức và phân tích những quan điểm của Hồ Chí Minh. Đồng thời, phải bảo đảm tính khách quan, khoa học của các luận đề nêu ra. Sự thống nhất chặt chẽ giữa tính đảng và tính khoa học là một nguyên tắc rất cơ bản trong phương pháp luận nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Chỉ trên cơ sở thống nhất nguyên tắc tính đảng và tính khoa học, người nghiên cứu mới hiểu rõ và hiểu sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh.

b. Thống nhất lý luận và thực tiễn

Cần vận dụng cơ sở phương pháp luận của Hồ Chí Minh về mặt này. Hồ Chí Minh coi trọng lý luận và thực tiễn thống nhất chặt chẽ với nhau. Về lý luận, Người cho rằng: “Lý luận là đem *thực tế* trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó

chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính. Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi”¹. Hồ Chí Minh phê bình sự chủ quan, kém lý luận, “mắc phải cái bệnh *khinh lý luận*”², có kinh nghiệm mà không có lý luận, cũng như một mắt sáng, một mắt mờ”³, “vì kém lý luận, cho nên gặp mọi việc không biết xem xét cho rõ, cân nhắc cho đúng, xử trí cho khéo. Không biết nhận rõ điều kiện hoàn cảnh khách quan, ý mình nghĩ thế nào làm thế ấy. Kết quả thường thất bại”⁴.

Hồ Chí Minh chỉ rõ con người sẽ mắc phải bệnh “lý luận suông”⁵ nếu không áp dụng vào thực tế, “dù xem được hàng vạn quyển lý luận, nếu không biết đem ra thực hành, thì khác nào một cái hòm đựng sách. Xem nhiều sách để mà *lòe*, để làm ra *ta đây*, thế không phải là biết lý luận... Phải ra sức thực hành mới thành người biết lý luận... Phải đem lý luận áp dụng vào công việc thực tế... Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận. Lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn, hoặc bắn lung tung cũng như không có tên”⁶.

Ở Hồ Chí Minh, chúng ta thấy không có sự tuyệt đối hóa mặt nào giữa chúng. Thậm chí, nhìn xuyên suốt tư tưởng Hồ Chí Minh thì trong lý luận của Người đã có thực tiễn, trong thực tiễn của Người đã có lý luận; chỉ khi muốn nghiên cứu thật sâu với tư cách là một yếu tố chuyên biệt thì chúng ta mới có thể tách riêng ra, nhưng việc tách ra cũng chỉ là tạm thời trong một động thái nào đó của thao tác nghiên cứu mà thôi, còn về bản chất của nội dung phương pháp luận này là sự thống nhất biện chứng.

c. Quan điểm lịch sử - cụ thể

Cùng với chủ nghĩa duy vật biện chứng, cần vận dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử vào việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong vấn đề phương pháp luận này, cần vận dụng quan điểm của V.I.Lênin về mối quan hệ biện chứng khi xem xét sự vật và hiện tượng trong mối liên hệ lịch sử căn bản, xem sự vật, hiện tượng đó đã xuất hiện trong lịch sử như thế nào, trải qua những giai đoạn phát triển chủ yếu nào; đứng trên quan điểm của sự phát triển đó để xem xét hiện nay nó đã trở thành như

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.273-274.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.274.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.274.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.274.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.275.

6 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.274-275.

thể nào. Nếu nắm vững quan điểm này, người nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ nhận thức được bản chất tư tưởng đó mang đậm dấu ấn của quá trình phát triển lịch sử, quá trình phát triển sáng tạo, đổi mới.

d. Quan điểm toàn diện và hệ thống

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về cách mạng Việt Nam, có quan hệ thống nhất biện chứng nội tại của nó. Một yêu cầu về lý luận khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trên bình diện tổng thể hay từng bộ phận là phải luôn luôn quán triệt mối liên hệ qua lại của các yếu tố, các bộ phận khác nhau trong sự gắn kết tất yếu của hệ thống tư tưởng đó xung quanh hạt nhân cốt lõi là tư tưởng độc lập, tự do, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Nếu tách rời một yếu tố nào đó khỏi hệ thống sẽ hiểu sai tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh nhìn sự vật và hiện tượng trong một tổng thể vận động với những cái chung và cả những cái riêng, trong sự vận động cụ thể của điều kiện hoàn cảnh nhất định nào đó và xem xét chúng trong xu thế chung. Vì coi tính bao quát là một nguyên tắc tư duy và hành động, cho nên Hồ Chí Minh xem xét cách mạng Việt Nam trong quan hệ tổng thể với cách mạng thế giới. Trong khi nhìn bao quát, phương pháp luận này còn chỉ rõ điểm nhấn, bộ phận nào có tính trọng điểm để hướng hành động một cách tập trung ưu tiên vào đó. Trọng điểm này có khi không chỉ là trọng điểm của cả một quá trình dài mà còn là trọng điểm của một giai đoạn, một thời kỳ nào đó. Phương pháp luận này chỉ dẫn cho những người nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết một cách biện chứng, đúng đắn một loạt các mối quan hệ trong tiến trình cách mạng Việt Nam mà tư tưởng Hồ Chí Minh đã thể hiện; chẳng hạn, đó là mối quan hệ rất trọng yếu trong cách mạng Việt Nam là giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp qua các thời kỳ; đồng thời, Hồ Chí Minh đã tìm thấy các điểm tương đồng, từ đó nhận các điểm tương đồng, hạn chế các điểm khác biệt trong các giai cấp, tầng lớp của xã hội Việt Nam để tạo ra lực lượng cách mạng tổng hợp đấu tranh giành thắng lợi.

e. Quan điểm kế thừa và phát triển

Nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh đòi hỏi không chỉ biết kế thừa, vận dụng mà còn phải biết phát triển sáng tạo tư tưởng của Người trong điều kiện lịch sử mới, trong bối cảnh cụ thể của đất nước và quốc tế.

Hồ Chí Minh nhìn sự vật và hiện tượng trong một trạng thái vận động không ngừng. Đó là một quá trình giải phóng mọi trở lực, trở lực bên ngoài, trở lực bên trong, thậm chí trở lực nằm ngay trong mỗi con người, để phát triển bền vững. Phương pháp luận Hồ Chí Minh cho thấy rằng, con người phải luôn luôn thích nghi

với mọi hoàn cảnh. Muốn thích nghi, phải luôn luôn tự đổi mới để phát triển. Quá trình phát triển là quá trình khẳng định cái mới, phủ định cái cũ; đó cũng là quá trình luôn luôn giải phóng, giải phóng mọi sự ràng buộc lạc hậu để bắt kịp những cái tiên tiến, tiến bộ.

2. Một số phương pháp cụ thể

"Phương pháp là toàn bộ những cách thức với tính chất là một hệ thống các nguyên tắc xuất phát từ các quy luật tồn tại và vận động của đối tượng, khách thể đã được nhận thức, để định hướng và điều chỉnh hoạt động nhận thức cũng như hoạt động thực tiễn của con người, nhằm tác động vào đối tượng, khách thể để thực hiện mục đích đã định"¹.

Có thể nêu một số phương pháp chủ yếu thường được sử dụng để nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh:

Phương pháp logic, phương pháp lịch sử và sự kết hợp hai phương pháp này. Phương pháp logic nghiên cứu một cách tổng quát nhằm tìm ra được bản chất vốn có của sự vật, hiện tượng và khái quát thành lý luận. Muôn vạn sự kiện, sự vật và hiện tượng đều có mối dây liên hệ bản chất, vì thế giữa chúng có logic tất yếu, cần nhận biết rõ. Phương pháp lịch sử nghiên cứu sự vật và hiện tượng theo trình tự thời gian, quá trình diễn biến đi từ phát sinh, phát triển đến hệ quả của nó. Ở đây, phương pháp nghiên cứu lịch sử tư tưởng là cách vận dụng sát hợp với nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh rất cần thiết phải kết hợp sử dụng kết hợp một cách chặt chẽ phương pháp logic và phương pháp lịch sử.

Phương pháp phân tích văn bản kết hợp với nghiên cứu hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh để lại những bài viết, bài nói được tập hợp thành bộ sách toàn tập².

Nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, đương nhiên trước hết phải dựa vào những tác phẩm của Người đã để lại. Nhưng, di sản tinh thần quý báu của Hồ Chí Minh để lại cho dân tộc Việt Nam không chỉ là những tác phẩm đó, mà còn ở toàn bộ cuộc đời hoạt động của Người, những vấn đề phản ánh qua cuộc sống hằng ngày của Người. Thực tiễn chỉ đạo của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

1 Trong nhiều khái niệm về phương pháp, chúng tôi cho rằng, khái niệm “phương pháp” được trích dẫn trên đây mà tập thể tác giả của cuốn sách do Giáo sư Đặng Xuân Kỳ làm Chủ biên là phù hợp hơn cả. Xem Đặng Xuân Kỳ (Chủ biên): *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.24-25.

2 Cho đến nay, về cơ bản những văn bản đó được tập hợp trong bộ sách *Hồ Chí Minh toàn tập* (15 tập), Nxb Chính trị quốc gia, 2011. Chắc chắn là còn nhiều văn bản của Hồ Chí Minh và về Hồ Chí Minh còn lưu trữ ở nhiều nơi, cả trong và ngoài nước, cần được sưu tầm, nghiên cứu.

là một bộ phận cực kỳ quan trọng làm nên hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh. Có nhiều nội dung phản ánh tư tưởng Hồ Chí Minh không ở trong văn bản mà là ở trong chỉ đạo thực tiễn của chính bản thân Hồ Chí Minh; đồng thời phản ánh qua hoạt động của các đồng chí, qua học trò của Người. Tư tưởng Hồ Chí Minh không những thể hiện vai trò quan trọng ở thời kỳ Hồ Chí Minh sống, mà kể cả khi Người đã qua đời, tư tưởng đó còn có vai trò làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của toàn Đảng, toàn dân phấn đấu cho mục tiêu của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh không những cần thiết có trong hành trang của dân tộc Việt Nam thế kỷ XX mà còn tiếp tục đi với dân tộc Việt Nam ở thế kỷ XXI và các thế kỷ tiếp theo; không những góp phần thúc đẩy sự phát triển tiến bộ, văn minh của nhân loại trong những thời kỳ trước đây mà còn cả trong tương lai.

Phương pháp chuyên ngành, liên ngành. Hồ Chí Minh thể hiện tư tưởng của mình thông qua nhiều lĩnh vực như chính trị, triết học, kinh tế, quân sự, văn hóa, v.v. Vì vậy, trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, các phương pháp chuyên ngành và liên ngành cần được sử dụng để nghiên cứu toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như mỗi tác phẩm lý luận riêng biệt của Người.

Để việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh đạt được trình độ khoa học ngày một cao hơn, cần đổi mới và hiện đại hóa các phương pháp nghiên cứu cụ thể trên cơ sở không ngừng phát triển và hoàn thiện về lý luận và phương pháp luận khoa học nói chung. Ngoài các phương pháp nêu trên, cần thiết phải sử dụng cả các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, điều tra xã hội học, v.v. Những phương pháp nghiên cứu cụ thể được sử dụng cần xuất phát từ yêu cầu nghiên cứu nội dung cụ thể của tư tưởng Hồ Chí Minh.

IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận

Với ý nghĩa cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin làm thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh là những phương hướng về lý luận và thực tiễn hành động cho những người Việt Nam yêu nước. Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần trang bị cho sinh viên tri thức khoa học về hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về cách mạng Việt Nam; hình thành năng lực, phương pháp làm việc, niềm tin, tình cảm cách mạng; góp phần củng cố cho sinh viên về lập trường, quan điểm cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ

Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; biết vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống. Năng lực tư duy lý luận của mỗi người là điều rất cần thiết để giúp giải quyết được yêu cầu do cuộc sống đặt ra. Năng lực đó được hình thành và phát triển từ nhiều nguồn, trải qua nhiều giai đoạn của cuộc sống, nhưng giai đoạn đang nghiên cứu ở trường đại học rất quan trọng, nó gắn với tuổi trẻ của con người. Hơn nữa, tri thức và kỹ năng của sinh viên hình thành và phát triển qua nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là những yếu tố bồi đắp năng lực lý luận để chỉ dẫn hành động rất quan trọng để trở thành một công dân có ích cho xã hội Việt Nam trong quá trình thực hiện mục tiêu cao cả: Xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, thực hiện lời mong muốn cuối cùng mà Hồ Chí Minh đã ghi vào bản *Di chúc*: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”¹.

2. Giáo dục và định hướng thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước

Qua nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, người học có điều kiện hiểu biết sâu sắc và toàn diện về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh, lãnh tụ của Đảng, người con vĩ đại của dân tộc Việt Nam, một chiến sĩ kiên cường đấu tranh vì độc lập, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và tiến bộ giữa các dân tộc trên thế giới, trong đó đặc biệt là học tập tư tưởng của Người, học tập gương sáng của một con người suốt đời phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Sinh viên nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ có điều kiện tốt để thực hành đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, chống “giặc nội xâm” để lập thân, lập nghiệp, sống có ích cho xã hội, yêu và làm những điều tốt, điều thiện, ghét và tránh cái xấu, cái ác; nâng cao lòng tự hào về đất nước Việt Nam, về chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, về Hồ Chí Minh, về Đảng Cộng sản Việt Nam và nguyện “Sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

Thông qua việc nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên sẽ nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên định ý thức và trách nhiệm công dân của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện bản thân mình theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng của đất nước, vững bước trên con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn.

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.614.

3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác

Qua nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, người học có điều kiện vận dụng tốt hơn những kiến thức và kỹ năng đã nghiên cứu, học tập vào việc xây dựng phương pháp học tập, tu dưỡng, rèn luyện phù hợp với điều kiện cụ thể của từng người, từng địa bàn. Người học có thể vận dụng xây dựng phong cách tư duy, phong cách diễn đạt, phong cách làm việc, phong cách ứng xử, phong cách sinh hoạt, v.v. phù hợp với từng lúc, từng nơi, theo phương châm mà Hồ Chí Minh đã nêu: Dĩ bất biến ứng vạn biến.

Tư tưởng Hồ Chí Minh có tác dụng góp phần tích cực trong việc giáo dục thế hệ trẻ tiếp tục hình thành và hoàn thiện nhân cách, trở thành những chiến sĩ tiên phong trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần làm cho đất nước ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn như khát vọng của Hồ Chí Minh và của mỗi người Việt Nam yêu nước.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

1. Phân tích, nhận xét quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó cá nhân sinh viên tự đưa ra một khái niệm “Tư tưởng Hồ Chí Minh” ngoài các khái niệm đã có trong giáo trình này.
2. Phân tích tầm quan trọng của việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh.
3. Phân tích giá trị Tư tưởng Hồ Chí Minh; ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh trong chương trình của nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
6. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
7. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh – GS Song Thành (Chủ biên): *Hồ Chí Minh – Tiểu sử*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006.
8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, 2011.
9. Song Thành: *Hồ Chí Minh – Nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Lý luận chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2013.
9. Mạch Quang Thắng - Bùi Đình Phong - Chu Đức Tính (Đồng Chủ biên): *“UNESCO với sự kiện tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013.

Chương II

CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

MỤC TIÊU

- Về kiến thức

Giúp cho sinh viên hiểu rõ cơ sở thực tiễn, lý luận và nhân tố chủ quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; hiểu rõ các giai đoạn cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Về kỹ năng

Giúp cho sinh viên tiếp cận với phương pháp khoa học nhận thức khái quát nội dung, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh từ nghiên cứu các cơ sở phong phú hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh và quá trình hình thành từng bước, lâu dài tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoạt động lý luận và thực tiễn của Người.

- Về tư tưởng

Giúp cho sinh viên nhận thức giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, từ đó có tư tưởng, tình cảm tích cực trong việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong cuộc sống.

I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Cơ sở thực tiễn

a. Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Việt Nam có lịch sử và văn hiến lâu đời với truyền thống chống giặc ngoại xâm vô cùng oanh liệt. Nhưng, đến thế kỷ XIX, cũng như các nước phong kiến khác ở phương Đông, Việt Nam vẫn là một quốc gia lạc hậu, kém phát triển. Triều đình phong kiến Nhà Nguyễn thực thi chính sách bế quan tỏa cảng khiến Việt Nam càng lạc hậu với thế giới bên ngoài.

Đến giữa thế kỷ XIX, đế quốc Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam. Tiếp nối truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm, nhân dân Việt Nam đã liên tục anh dũng đứng lên chống thực dân Pháp trên phạm vi cả nước. Từ năm 1858 đến cuối thế kỷ XIX, các phong trào đấu tranh yêu nước liên tục nổ ra. Tiêu biểu là: Cuộc khởi nghĩa của Trương Định từ tháng 9-1861 đến tháng 8-1864 trên khu vực rộng

lớn từ Gò Công đến Tân An, Mỹ Tho, Chợ Lớn, Gia Định tới tận Đồng Tháp Mười; cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Trung Trực ở Kiên Giang, Rạch Giá năm 1868; cuộc khởi nghĩa của Trần Tấn, Đặng Như Mai ở Nghệ An năm 1874; cuộc khởi nghĩa Hương Khê ở Hà Tĩnh của Phan Đình Phùng năm 1885-1896; cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy ở Hưng Yên của Nguyễn Thiện Thuật năm 1883-1892; cuộc khởi nghĩa Ba Đình, Thanh Hóa năm 1886-1887 của Phạm Bành và Đinh Công Tráng; cuộc khởi nghĩa ở Tây Bắc Bắc Kỳ năm 1885-1892 của Nguyễn Quang Bích; cuộc khởi nghĩa của nông dân Yên Thế trên một địa bàn rừng núi rộng lớn ở Bắc Giang, Bắc Ninh, Phúc Yên, Thái Nguyên do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, kéo dài từ năm 1885 đến năm 1913.v.v...

Tuy nhiên, các phong trào yêu nước chống Pháp nói trên đều thất bại. Giai cấp phong kiến và hệ tư tưởng của nó đều đã suy tàn, bất lực trước nhiệm vụ bảo vệ độc lập của dân tộc.

Sau khi đã hoàn thành căn bản việc bình định Việt Nam về mặt quân sự, thực dân Pháp thành lập *Liên bang Đông Dương thuộc Pháp*, bắt tay vào khai thác thuộc địa Việt Nam một cách quy mô và từng bước thiết lập ở Việt Nam chế độ thuộc địa và phong kiến¹. Dưới ách thống trị của thực dân pháp và bộ máy quan lại phong kiến tay sai, xã hội Việt Nam có những biến chuyển lớn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội dẫn tới có sự biến đổi về cơ cấu giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Thực dân Pháp vẫn duy trì nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu với khoảng 95% dân số là nông dân; giai cấp địa chủ được bổ sung, củng cố, tăng cường thêm các điền chủ người Pháp và nước ngoài. Bên cạnh tầng lớp thợ thủ công, tiểu thương, trong xã hội Việt Nam xuất hiện những giai cấp, tầng lớp mới. Đó là giai cấp công nhân, giai cấp tư sản và tầng lớp tiểu tư sản ở thành thị. Từ đó, liên với mâu thuẫn cơ bản trong xã hội phong kiến là nông dân với địa chủ phong kiến, xuất hiện các mâu thuẫn mới: Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân Việt Nam với giai cấp tư sản; mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với đế quốc Pháp.

Từ các biến đổi trên, đến đầu thế kỷ XX có thêm ảnh hưởng của những cải cách, duy tân trên thế giới, phong trào cách mạng Việt Nam từng bước có những phát triển mới. Đó là sự xuất hiện các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân.

¹Thuật ngữ “thuộc địa và phong kiến” là thuật ngữ Hồ Chí Minh nêu trong các bài viết ký tên Đ.X. đăng ở Chuyên mục *Thường thức chính trị* của báo *Cứu quốc*, từ ngày 16-1 đến ngày 23-9-1953. Nxb Sự thật tập hợp in thành sách *Thường thức chính trị*, xuất bản năm 1954. Tác phẩm *Thường thức chính trị* mới nhất được in trong sách *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.8, tr.254 và 260.

Đầu thế kỷ XX, trước ảnh hưởng của các cuộc vận động cải cách ở Trung Quốc của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu, gương Duy Tân của Nhật Bản, cuộc vận động biến pháp ở Trung Quốc (năm 1898)¹, Cách mạng Tân Hợi năm 1911 ở Trung Quốc, ở Việt Nam xuất hiện các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản với sự dẫn dắt của các sĩ phu yêu nước có tinh thần cải cách. Một số phong trào tiêu biểu là:

Phong trào Đông Du do Phan Bội Châu khởi xướng, với nòng cốt là Duy Tân hội (1905-1909). Lúc đầu phong trào có mục đích cầu viện, do không đạt sau đã chuyển sang kêu gọi, tổ chức thanh niên Việt Nam sang Nhật Bản học tập, chuẩn bị lực lượng chờ thời cơ cho việc giành lại độc lập cho nước nhà. Đến năm 1908, số học sinh sang Nhật Bản du học lên tới khoảng 200 người. Song, thực dân Pháp câu kết với nhà cầm quyền Nhật đã trục xuất các học sinh Việt Nam. Đến tháng 12-1909, Phan Bội Châu cũng bị nhà cầm quyền Nhật Bản trục xuất về nước, nhưng Phan Bội Châu vẫn náu tại Trung Quốc.

Phong trào Duy Tân do Phan Châu Trinh phát động (1906-1908). Phong trào này chủ trương *cải cách tự cường, bất bạo động*, khôi phục đất nước bằng con đường nâng cao *dân trí*, cải tổ xã hội về mọi mặt, trong đó có kinh tế, giáo dục và văn hoá, với các hoạt động thực tiễn: mở mang kinh tế, lập các nhà buôn lớn để tự lực, mở trường dạy học hiện đại: dạy quốc ngữ, bỏ lối học khoa bảng từ chương, thêm khoa học và ngoại ngữ cũng như hướng đến nền chính trị dân chủ.

Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục do Lương Văn Can, Nguyễn Quyền và một số nhân sĩ khác phát động (3-1907 – 11-1907). Đây là phong trào nhằm thực hiện cải cách xã hội Việt Nam dựa vào việc khai trí cho dân, mở những lớp dạy học không lấy tiền với tên là nghĩa thục, du nhập những tư tưởng mới, phát triển văn hoá, thúc đẩy sử dụng chữ quốc ngữ thông qua các hoạt động giáo dục, báo chí, tuyên truyền, cổ động, chủ trương chấn hưng thực nghiệp, mở tiệm buôn, phát triển công thương nghiệp.

Phong trào chống đi phu, chống sưu thuế ở Trung Kỳ năm 1908. Phong trào này chịu ảnh hưởng của cả ba phong trào Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục và Duy Tân, nhưng trực tiếp nhất là của Phong trào Duy Tân. Phong trào phát triển từ hình thức ôn hòa như vận động cắt tóc ngắn, dùng hàng nội, chống mê tín dị đoan, vận động Đông Du, đôi nơi diễn ra cảnh xé áo lam, bẻ bài ngà, tuyên truyền không đi phu cho Pháp, v.v... Mục tiêu trước mắt là chống sưu thuế, chống chế độ bắt phu.

¹ “Cuộc vận động biến pháp” do vua Quang Tự thi hành từ ngày 11-6-1898, còn gọi là “Bách nhật duy tân”, “Mậu Tuất biến pháp”, “Duy Tân biến pháp”.

Khởi nghĩa Yên Bái. Việt Nam Quốc dân đảng do Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài và Phó Đức Chính thành lập ngày 25-12-1927. Đây là đảng theo xu hướng cách mạng dân chủ tư sản, đại diện cho giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam. Địa bàn hoạt động chính của đảng ở Bắc Kỳ. Việt Nam Quốc dân đảng đã tiến hành khởi nghĩa với phương châm "Không thành công cũng thành nhân". Khởi nghĩa nổ ra đêm 9-2-1930 ở Yên Bái, Phú Thọ, sau đó là ở Hải Dương, Thái Bình; riêng ở Hà Nội, đã tổ chức ném bom vào Sở Mật thám, Sở Cảnh sát. Tại Yên Bái, quân khởi nghĩa chiếm được trại lính, giết và làm bị thương một số sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp, nhưng không làm chủ được tỉnh lỵ nên hôm sau đã bị quân Pháp phản công, tiêu diệt. Ở các nơi khác, nghĩa quân cũng chỉ tạm thời làm chủ mấy huyện lỵ, nhưng ngay sau đó đã bị địch chiếm lại. Nguyễn Thái Học cùng 12 đồng chí bị thực dân Pháp đem ra xử tử ở Yên Bái. Khi lên máy chém, họ hô to: "Việt Nam vạn tuế!".

Nguyên nhân sâu xa của sự thất bại của các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản nói trên là do giai cấp tư sản Việt Nam còn non yếu, các tổ chức và người lãnh đạo các phong trào đó chưa có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn. Tinh thần yêu nước vẫn âm ỉ, sục sôi trong lòng nhân dân. Song, cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước, cứu dân diễn ra sâu sắc. Xuất hiện câu hỏi từ thực tiễn đặt ra là: *Cứu nước với mục tiêu và bằng con đường nào mới có thể đi đến thắng lợi?* Tìm ra mục tiêu và con đường cứu nước mới là yêu cầu nóng bỏng nhất của dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Trong bối cảnh đó, sự ra đời giai cấp mới là giai cấp công nhân, và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam đã làm cho cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp, giải phóng dân tộc ở Việt Nam chuyển sang một thời kỳ mới.

Cuối thế kỷ XIX, ở Việt Nam đã có công nhân, nhưng mới chỉ là một lực lượng ít ỏi, không ổn định. Đầu thế kỷ XX, công nhân lớn mạnh hơn về số lượng, chính thức thành một giai cấp ngay trước Chiến tranh thế giới thứ nhất với khoảng hơn 100.000 người. Công nhân Việt Nam chịu ba tầng áp bức bóc lột: Thực dân, tư bản, phong kiến. Họ sớm vùng dậy đấu tranh chống lại giới chủ. Từ hình thức đấu tranh thô sơ như đốt lán trại, bỏ trốn tập thể, họ đã nhanh chóng tiến tới đình công, bãi công.

Giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng trưởng thành về số lượng và chất lượng lại chịu tác động của phong trào cách mạng thế giới đã trở thành giai cấp cách mạng nhất trong cuộc đấu tranh chống lại chế độ thực dân Pháp. Phong trào công nhân Việt Nam đầu thế kỷ XX là mảnh đất tốt để tiếp nhận lý luận cách mạng mới là chủ nghĩa Mác - Lênin truyền bá vào. Phong trào công nhân và các phong trào yêu nước với các khuynh hướng khác nhau là cơ sở thực tiễn cực kỳ quan trọng cho sự ra đời của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chính Hồ Chí Minh là một người đã dày công truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, chuẩn bị về lý luận chính trị, tư tưởng và tổ chức, sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cách mạng Việt Nam. Sau đó, chính thực tiễn Đảng lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám thành công, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi; lãnh đạo vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là nhân tố góp phần bổ sung, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trên tất cả các phương diện.

b. Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản trên thế giới đã phát triển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Một số nước đế quốc Anh, Pháp, Mỹ, Tây Ban Nha, Ý, Đức, Nga, Nhật Bản, Bỉ, Bồ Đào Nha, Hà Lan, v.v... đã chi phối toàn bộ tình hình thế giới. Phần lớn các nước còn trong chế độ phong kiến lạc hậu ở châu Á, châu Phi, và Mỹ Latinh đã trở thành thuộc địa và phụ thuộc của các nước đế quốc.

Tình hình đó đã làm sâu sắc thêm mâu thuẫn vốn có trong lòng chủ nghĩa tư bản là mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp vô sản ở các nước tư bản; mâu thuẫn giữa các nước tư bản, đế quốc với nhau; mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc – mâu thuẫn này ngày càng phát triển, trở thành một mâu thuẫn gay gắt của thời đại. Giành lại độc lập cho các dân tộc thuộc địa không chỉ là đòi hỏi của các dân tộc thuộc địa mà còn là mong muốn chung của giai cấp vô sản quốc tế đã thúc đẩy sự phát triển phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Các mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc, chủ yếu là do tranh giành thị trường giữa các nước đế quốc, đã dẫn tới Chiến tranh thế giới thứ nhất từ tháng 8-1914 đến tháng 11-1918, nhằm chia lại các khu vực ảnh hưởng, làm xuất hiện phong trào của nhân dân thế giới đòi hòa bình, chấm dứt chiến tranh đế quốc. Đó cũng là một trong những nguyên nhân bùng nổ Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917.

Cách mạng Tháng Mười Nga thành công là thắng lợi đầu tiên của chủ nghĩa Mác-Lênin ở một nước rộng một phần sáu thế giới. Đó là thắng lợi vĩ đại nhất của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức do Đảng cộng sản lãnh đạo. Cách mạng Tháng Mười Nga đã đánh đổ giai cấp tư sản và giai cấp địa chủ phong kiến, lập nên một Nhà nước kiểu mới, xây dựng một xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa. Cách mạng Tháng Mười Nga đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử loài người – thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới; mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc bị áp bức.

Quốc tế Cộng sản, tức Quốc tế III - Bộ tham mưu của cách mạng vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới ra đời ở Mátxcova (Nga) ngày 2-3-1919. Dưới sự lãnh đạo của V.I.Lênin, Quốc tế III đã kế thừa và phát huy mạnh mẽ truyền thống cách mạng của Quốc tế I do C.Mác và Ph.Ăngghen sáng lập năm 1864, cũng như Quốc tế II trong thời kỳ đầu dưới sự lãnh đạo của Ph.Ăngghen từ năm 1889 đến năm 1895. Quốc tế III đẩy mạnh việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và kinh nghiệm Cách mạng Tháng Mười Nga ra thế giới, thúc đẩy sự ra đời và giúp cho các đảng cộng sản ở nhiều nước mau chóng trở thành đội tiên phong của giai cấp công nhân trong các cuộc đấu tranh cách mạng.

Sự ra đời của Nhà nước Xôviết, thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và sự thành lập Quốc tế III cùng với sự phát triển mạnh mẽ phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đã ảnh hưởng sâu sắc tới Hồ Chí Minh. Đó chính là cơ sở thực tiễn cách mạng thế giới trực tiếp dẫn tới sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trước đòi hỏi của dân tộc, nhân loại và thời đại, tư tưởng Hồ Chí Minh xuất hiện. Tư tưởng Hồ Chí Minh ra đời là kết quả sáng tạo của Người trên cơ sở kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin cùng những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và tinh hoa văn hóa nhân loại với thực tiễn cách mạng Việt Nam và thế giới ở cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

2. Cơ sở lý luận

a. Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam là tổng hòa các yếu tố tri thức, tình cảm, ý chí của con người Việt Nam, tạo thành động lực tinh thần to lớn thúc đẩy họ sẵn sàng cống hiến sức lực, trí tuệ, xả thân vì sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Chủ nghĩa yêu nước là giá trị hàng đầu xuyên suốt truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Đó là động lực, sức mạnh giúp cho dân tộc Việt Nam tồn tại vượt qua mọi khó khăn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc để phát triển. Chính chủ nghĩa yêu nước là nền tảng tư tưởng, điểm xuất phát và động lực thúc đẩy Hồ Chí Minh ra đi tìm mục tiêu, con đường cứu nước mới. Và, Người đã tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin mục tiêu, con đường cứu nước, cứu dân, giành được độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam. Đúng như Người khẳng định: "Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ III"¹.

Chủ nghĩa yêu nước với ý chí bất khuất, tự lực, tự cường để dựng nước và giữ nước được hình thành phát triển ngày càng mạnh mẽ qua lịch sử hàng nghìn năm

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.563.

dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Hồ Chí Minh đã chú ý kế thừa, phát triển tinh thần đấu tranh anh dũng, bất khuất vì độc lập, tự do của Tổ quốc, nhằm bảo vệ chủ quyền quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, trong *Tuyên ngôn Độc lập*, Hồ Chí Minh đã trình trọng tuyên bố với thế giới: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”². Không có gì quý hơn độc lập, tự do! - Chân lý lớn của thời đại được Hồ Chí Minh khẳng định, đồng thời cũng chính là một điểm cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Dân tộc Việt Nam và Nhà nước Việt Nam hình thành sớm trong điều kiện khắc nghiệt: Vừa phải đoàn kết đấu tranh chống lại các âm mưu thôn tính, xâm lược, đồng hóa của các thế lực xâm lược hùng mạnh, vừa phải cố kết trong sản xuất để khắc phục những thiên tai thường xuyên đe dọa nền nông nghiệp lúa nước. Trong lãnh đạo nhân dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Hồ Chí Minh hết sức chú trọng kế thừa, phát triển *một nội dung căn bản trong chủ nghĩa yêu nước và truyền thống của dân tộc Việt Nam* là yêu nước gắn liền với yêu dân, có tinh thần đoàn kết, nhân ái, khoan dung trong cộng đồng và hòa hiếu với các dân tộc trên thế giới. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, con người là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định thành công của cách mạng; dân là gốc của nước; gốc có vững cây mới bền; xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân. Đại đoàn kết dân tộc gắn liền với đại đoàn kết quốc tế không phải là một sách lược chính trị, mà là một nguyên tắc chiến lược quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Trong truyền thống dân tộc Việt Nam thường trực một niềm tự hào về lịch sử, trân trọng nền văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quán và những truyền thống tốt đẹp khác của dân tộc. Đó chính là một cơ sở hình thành tư tưởng, phẩm chất của nhà văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh với quan điểm văn hóa là mục tiêu, động lực của cách mạng; cần giữ gìn cốt cách văn hóa dân tộc đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng nền văn hoá mới của Việt Nam. Chính Hồ Chí Minh là một biểu tượng đẹp của sự tích hợp tinh hoa văn hóa phương Đông và phương Tây.

Đến Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam đã được phát triển lên một trình độ cao và mới. Trong đó, độc lập dân tộc gắn liền với lý tưởng vì dân chủ, tự do, công bằng, hạnh phúc của nhân dân; gắn liền với tinh thần quốc tế chân chính của giai cấp công nhân. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.3.

Mình đã *chú trọng khơi dậy và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam* trong hoạch định đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam. Đó là tinh thần cần cù, thông minh, sáng tạo trong lao động, sản xuất và anh hùng trong chiến đấu; truyền thống lạc quan, yêu đời, vì nghĩa. Trong muôn nguy, ngàn khó, nhân dân Việt Nam vẫn động viên nhau "Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo". Tinh thần lạc quan đó có cơ sở từ niềm tin vào sức mạnh của bản thân mình, tin vào sự tất thắng của chân lý, chính nghĩa dù trước mắt còn đầy gian truân, khổ ải phải chịu đựng, vượt qua.

b. Tinh hoa văn hoá nhân loại

Tinh hoa văn hóa phương Đông

Hồ Chí Minh xuất thân trong một gia đình trí thức Nho giáo, cụ thân sinh đỗ phó bảng. Từ nhỏ Người đã được hấp thụ một nền Quốc học và Hán học vững vàng. Trong quá trình hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh chú ý kế thừa và phát triển tinh hoa văn hoá, tư tưởng phương Đông kết tinh trong ba tư tưởng lớn Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo. Đó là những tư tưởng có ảnh hưởng sâu rộng ở phương Đông và ở Việt Nam trước đây.

- *Nho giáo*, còn gọi là *Đạo Nho* hay *Đạo Khổng* là một hệ thống đạo đức, triết học xã hội, triết lý giáo dục và triết học chính trị do Khổng Tử đề xướng và được các môn đồ của ông phát triển với mục đích xây dựng một xã hội thịnh trị. Nho giáo rất có ảnh hưởng tại ở các nước châu Á là Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Hàn Quốc. Đối với Nho giáo, Hồ Chí Minh phân tích: "Tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng song những điều hay trong đó thì chúng ta nên học. "Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu thái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại". Lênin dạy chúng ta như vậy"¹.

Hồ Chí Minh chú ý kế thừa và đổi mới tư tưởng dùng nhân trị, đức trị để quản lý xã hội. Kế thừa và phát triển quan niệm của Nho giáo về việc xây dựng một xã hội lý tưởng trong đó công bằng, bác ái, nhân, nghĩa, trí, dũng, tín, liêm được coi trọng để có thể đi đến một thế giới đại đồng với hòa bình, không có chiến tranh, các dân tộc có quan hệ hữu nghị và hợp tác. Đặc biệt, Hồ Chí Minh chú ý kế thừa, đổi mới, phát triển tinh thần trọng đạo đức của Nho giáo trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của con người, trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức.

- *Phật giáo* là một tôn giáo lớn bao gồm một loạt các truyền thống, tín ngưỡng và phương pháp tu luyện dựa trên lời dạy của Thích Ca Mâu Ni. Phật giáo với tư

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.356-357.

cách là một triết thuyết về giác ngộ, giải phóng, đề cao đức từ bi, hỉ xả, vô ngã vị tha; cứu khổ, cứu nạn, khi truyền đến Việt Nam đã sớm được tiếp nhận và trở thành một tôn giáo truyền thống của dân tộc, in đậm trong mỗi con người Việt Nam. Đối với Phật giáo, Hồ Chí Minh chú trọng kế thừa, phát triển tư tưởng vị tha, yêu thương con người, khuyến khích làm việc thiện, chống lại điều ác; khuyên con người sống hòa đồng, gắn bó với cộng đồng. Những quan điểm tích cực đó trong triết lý của Phật giáo được Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo để đoàn kết toàn dân vì nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Trong thư gửi Hội Phật tử năm 1947, Người viết: “Đức Phật là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn, Người phải hy sinh tranh đấu, diệt lũ ác ma. Nay đồng bào ta đại đoàn kết, hy sinh của cải xương máu, kháng chiến đến cùng, để đánh tan thực dân phản động, để cứu quốc dân ra khỏi khổ nạn, để giữ quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Thế là chúng ta làm theo lòng đại từ đại bi của Đức Phật Thích Ca, kháng chiến để đưa giống nòi ra khỏi cái khổ ải nô lệ”¹.

Hồ Chí Minh chú ý kế thừa, phát triển những tư tưởng nhân bản, đạo đức tích cực trong Phật giáo vào việc xây dựng xã hội mới, con người mới Việt Nam hiện nay. Người chỉ rõ nhiệm vụ: “Đồng bào Phật giáo cả nước, từ Bắc đến Nam, đều cố gắng thực hiện lời Phật dạy là: “Lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha””². Nghĩa là, đồng bào Phật giáo, cũng như đồng bào cả nước đều có thể cùng nhau thực hiện lời Phật dạy, luôn sống, làm việc với tinh thần “Đem lại lợi ích và vui sướng cho mọi người, quên mình vì người khác”. Điều đó là phù hợp với lối sống xã hội chủ nghĩa “mình vì mọi người, mọi người vì mình”.

- *Đạo giáo* có ảnh hưởng đến các lĩnh vực chính trị, kinh tế, triết học, văn chương, nghệ thuật, âm nhạc, dưỡng sinh, y khoa, hoá học, vũ thuật và địa lý của Trung Quốc. Lão giáo có ảnh hưởng tới cả Nhật Bản, Hàn Quốc. Ở Việt Nam đến thời Nguyễn, Nho, Phật, Lão cùng tồn tại làm một cơ sở tinh thần của nền văn hóa Việt Nam. Đối với Lão giáo, Hồ Chí Minh chú ý kế thừa, phát triển tư tưởng của Lão Tử, khuyên con người nên sống gắn bó với thiên nhiên, hoà đồng với thiên nhiên, hơn nữa phải biết bảo vệ môi trường sống. Hồ Chí Minh chú ý kế thừa và phát triển tư tưởng thoát khỏi mọi ràng buộc của vòng danh lợi trong Lão giáo. Người khuyên cán bộ, đảng viên ít lòng tham muốn về vật chất, thực hiện cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; hành động theo đạo lý với ý nghĩa là hành động đúng với quy luật tự nhiên, xã hội.

Trong các bài nói, bài viết, Hồ Chí Minh còn chú ý kế thừa, phát triển nhiều ý

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.228.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.14, tr. 383.

tưởng của các trường phái khác nhau trong các nhà tư tưởng phương Đông cổ đại khác như Mặc Tử, Hàn Phi Tử, Quản Tử, v.v... Và, Hồ Chí Minh cũng chú ý tìm hiểu những trào lưu tư tưởng tiến bộ thời cận hiện đại ở Ấn Độ, Trung Quốc như chủ nghĩa Găngđi, chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn. Hồ Chí Minh đã phát triển sáng tạo các quan điểm về dân tộc, dân quyền, dân sinh của Tôn Trung Sơn trong cách mạng dân chủ tư sản thành tư tưởng đấu tranh cho Độc lập - Tự do - Hạnh phúc của con người và dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản. Là nhà mácxít sáng tạo, Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển những tinh hoa trong tư tưởng, văn hóa phương Đông để giải quyết những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam thời hiện đại.

Tinh hoa văn hoá phương Tây

Hồ Chí Minh không đi sang Nhật Bản theo phong trào Đông Du của Phan Bội Châu, mà sớm chú ý tới văn hóa phương Tây. Trong những năm 1905-1906, khi còn học ở Trường tiểu học Pháp - bản xứ ở Vinh (tỉnh Nghệ An), Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với các tác phẩm văn hóa phương Tây, quan tâm sâu sắc tới khẩu hiệu nổi tiếng của Đại Cách mạng Pháp năm 1789: “LIBERTÉ, ÉGALITÉ, FRATERNITÉ” (Tự do, Bình đẳng, Bác ái). Đi ra thế giới, đầu tiên là Người chọn hướng sang phương Tây, chú ý tìm hiểu những khẩu hiệu nổi tiếng đó trong các cuộc cách mạng tư sản điển hình ở Anh, Pháp, Mỹ. Người kế thừa, phát triển những quan điểm nhân quyền, dân quyền trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của Mỹ, bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* năm 1791 của Pháp và đề xuất quan điểm về quyền độc lập, tự do, bình đẳng, hạnh phúc của các dân tộc trong thời đại ngày nay.

Trong hành trình đi tìm đường cứu nước, cứu dân, Hồ Chí Minh đã sống, hoạt động thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa nhân loại tại những trung tâm chính trị kinh tế văn hóa lớn ở các cường quốc trên thế giới như Mỹ, Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, v.v. bằng chính ngôn ngữ của các nước đó. Người trực tiếp nghiên cứu tư tưởng nhân văn, dân chủ và nhà nước pháp quyền của các nhà khai sáng phương Tây như Vonte, Rutxô, Môngtétxkiơ, v.v.; tìm hiểu chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, Trung Quốc; v.v..; thích đọc sách văn học của Shakespeare bằng tiếng Anh, Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Hoa, Hugo, Zola bằng tiếng Pháp; hai nhà văn Anatole France và Léon Tolstoi “có thể nói là những người đỡ đầu văn học”¹ cho Hồ Chí Minh.

c. Chủ nghĩa Mác-Lênin

1 Theo Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.48.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và sự phát triển của V.I.Lênin, được hình thành và phát triển trên cơ sở kế thừa những giá trị tư tưởng tiến bộ nhất của nhân loại và tổng kết thực tiễn thời đại. Đó là thế giới quan, phương pháp luận của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng; là khoa học về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động khỏi chế độ áp bức, bóc lột và tiến tới giải phóng con người. Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 và thời đại mới cũng như chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở lý luận quyết định bước phát triển mới về chất trong tư tưởng Hồ Chí Minh, khiến Người vượt hẳn lên phía trước so với những người yêu nước nổi tiếng nhất đương thời. Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin đồng thời kế thừa, phát triển tinh hoa văn hóa, tư tưởng của dân tộc Việt Nam và nhân loại, góp phần giải quyết cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước, khủng hoảng lãnh đạo cách mạng ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trải qua quá trình nghiên cứu lý luận kết hợp với hoạt động thực tiễn hết sức phong phú lâu dài tại nhiều nước trên thế giới. Ngay từ cuối những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh khẳng định rằng: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lenin"¹. Hệ thống quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin được hình thành và phát triển trên cơ sở kế thừa, phát triển những giá trị tư tưởng tiến bộ của nhân loại và tổng kết thực tiễn thời đại nhằm giải phóng nhân dân lao động khỏi chế độ áp bức, bóc lột, tiến tới thực hiện sự nghiệp giải phóng con người.

Tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã trở thành người cộng sản với tầm vóc trí tuệ lớn như Lenin mong muốn: "Người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết làm giàu trí óc của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra"².

Hồ Chí Minh trở thành người cộng sản trên cơ sở hiểu biết sâu sắc kho tàng tri thức của nhân loại từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây. Nói về việc đó, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giê-xu có ưu điểm là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó phù hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giê-xu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng phải đã có những ưu điểm chung đó sao? Họ đều muốn "mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội". Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ hợp lại

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.289.

2 V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1977, t.41, tr.362.

một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết.

Tôi cố gắng làm học trò nhỏ của các vị ấy"¹.

Hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra, song đối với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin là thế giới quan, phương pháp luận trong nhận thức và hoạt động cách mạng. Trên cơ sở lập trường, quan điểm và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã kế thừa, đổi mới, phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, tinh hoa văn hóa nhân loại kết hợp với thực tiễn cách mạng trong nước và thế giới hình thành lên một hệ thống các quan điểm cơ bản, toàn diện về cách mạng Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lênin chính là một nguồn gốc lý luận, là thành tố chủ yếu có vai trò quyết định trong việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tổng kết kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: “Chúng tôi giành được thắng lợi đó là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin”².

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh không những đã vận dụng sáng tạo, mà còn là bổ sung, phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại mới. Trong các vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; các vấn đề xây dựng Đảng, Nhà nước, văn hóa, con người, đạo đức, v.v... Hồ Chí Minh đều có những luận điểm bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một bước nhảy vọt trong lịch sử tư tưởng Việt Nam.

3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh

a. Phẩm chất Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển những phẩm chất tốt đẹp nhất của cha ông lên một tầm cao mới. Người có nguồn trí tuệ lớn trong học tập, ứng xử và ứng đối thơ văn từ nhỏ. Hơn nữa, Người có lý tưởng cao cả và hoài bão lớn cứu dân, cứu nước thoát khỏi cảnh lầm than, cơ cực để đuổi kịp các nước tiên tiến trên thế giới.

Nói về phẩm chất của những thiên tài thời kỳ phục hưng, Ph.Ăngghen nhận xét, đó là :"Những con người không lờ: không lờ về năng lực suy nghĩ, về nhiệt tình

¹ Trương Niệm Thứ: *Hồ Chí Minh truyện*, Nxb Tam Liên, Thượng Hải, 6-1949 (bản Trung văn), bản dịch tiếng Việt của Đặng Nghiêm Vạn, tr.41-42.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.589-590.

và tính cách, không lờ về mặt có lắm tài, lắm nghề và về mặt học thức sâu rộng...ít nhiều họ đều có cái tinh thần phiêu lưu của thời đại họ cổ vũ. Trong thời đại ấy khó tìm ra được nhân vật quan trọng nào mà lại không từng đi chu du xa, không biết nói bốn, năm thứ tiếng, và không nổi tiếng trong nhiều lĩnh vực sáng tạo"¹. Hồ Chí Minh có những phẩm chất để hình thành nên một con người như thế.

Với ý chí và nghị lực to lớn, Người đi khắp thế giới rộng lớn, xa lạ để khảo sát thực tế các nước để quốc giàu có cũng như các dân tộc thuộc địa nghèo nàn, lạc hậu, mà chỉ với hai bàn tay trắng, đã làm nhiều nghề khác nhau để vừa kiếm sống, vừa tự học hỏi và hoạt động cách mạng. Hồ Chí Minh khéo kết hợp học ở nhà trường, học trong sách vở, học trong hoạt động cách mạng, học ở nhân dân khắp những nơi Người đã đến sống, học tập và công tác; do đó Người có vốn học thức văn hoá sâu rộng Đông Tây kim cổ. Hồ Chí Minh đã đi, sống ở rất nhiều nơi trên thế giới và Người đã đọc, đã viết nhiều tác phẩm, giao tiếp thông thạo bằng nhiều thứ tiếng cơ bản của quốc tế, đó là điều hiếm có trong lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam từ xưa tới nay.

Đặc biệt, Hồ Chí Minh là người có tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, giàu tính phê phán, đổi mới và cách mạng. Trong tư tưởng, lý luận, Người không bao giờ giáo điều, phụ thuộc, bắt chước tư tưởng, hành động người khác mà luôn có sự vận dụng sáng tạo, có sự bổ sung và phát triển thành chính tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh luôn tự chủ, chủ động, lựa chọn hướng đi đúng cho nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân, đất nước và lịch sử dân tộc về tư tưởng, hành động của mình, không dựa dẫm, ỷ lại người khác. Người đã vận dụng đúng quy luật chung của xã hội loài người, của cách mạng thế giới vào hoàn cảnh riêng, cụ thể của Việt Nam, đề xuất tư tưởng, đường lối cách mạng mới đáp ứng đòi hỏi thực tiễn.

Hồ Chí Minh là người có tầm nhìn chiến lược, bao quát thời đại, đã đưa cách mạng Việt Nam vào dòng chảy chung của cách mạng thế giới, là người có năng lực tổng kết thực tiễn kịp thời, năng lực dự báo tương lai chính xác để cùng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam đi tới thắng lợi. Hồ Chí Minh là người suốt đời tận trung với nước, tận hiếu với dân, là người suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và của cách mạng thế giới.

b. Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận

Hồ Chí Minh là người có vốn sống và thực tiễn hoạt động cách mạng phong phú, phi thường. Người là hiện thân của chu trình "Thực hành sinh ra hiểu biết hiểu

¹ C. Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.20, tr.459-460.

biết tiến lên lý luận lý luận lãnh đạo thực hành"¹; vừa vận dụng sáng tạo và phát triển lý luận vào thực tiễn, vừa tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận.

Trước khi trở thành Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã sống, học tập, hoạt động, công tác ở khoảng 30 nước trên thế giới. Người hiểu sâu sắc chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân và chế độ thực dân không chỉ qua tìm hiểu trên các loại tài liệu, sách, báo, radio mà còn hiểu biết sâu sắc về chúng qua thực tế cuộc sống và hoạt động tại các cường quốc đế quốc. Người đặc biệt xác định rõ bản chất, thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc, thực dân và thấu hiểu tình cảnh người dân ở nhiều nước thuộc hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc ở châu Á, châu Âu, châu Phi và châu Mỹ.

Người hiểu sâu sắc về phong trào giải phóng dân tộc, về xây dựng chủ nghĩa xã hội, về xây dựng đảng cộng sản, v.v...không chỉ qua nghiên cứu lý luận mà còn qua việc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, rồi trở thành cán bộ của Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản, qua hoạt động trong Đảng Cộng sản Trung Quốc, qua tham gia phong trào cộng sản quốc tế ở nhiều nước, qua nghiên cứu đời sống xã hội ở Liên Xô, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, v.v...

Hồ Chí Minh là nhà tổ chức vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Người đã hiện thực hóa tư tưởng, lý luận cách mạng thành hiện thực sinh động; đồng thời tổng kết thực tiễn cách mạng, bổ sung, phát triển lý luận, tư tưởng cách mạng. Cùng với việc tìm thấy mục tiêu, phương hướng cách mạng Việt Nam ở chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam - tổ chức lãnh đạo cách mạng Việt Nam theo chủ nghĩa Mác - Lênin đi đến thắng lợi hoàn toàn. Người đã sáng lập Mặt trận dân tộc thống nhất; sáng lập Quân đội nhân dân Việt Nam; khai sinh Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam – Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Và, chính Hồ Chí Minh đã nêu ra hệ thống quan điểm toàn diện, sâu sắc đầy tính sáng tạo về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, về Mặt trận dân tộc thống nhất, về xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân, v.v...Những phẩm chất cá nhân cùng những hoạt động thực tiễn phong phú trên nhiều lĩnh vực khác nhau ở trong nước và trên thế giới, năng lực tổng kết thực tiễn kịp thời, dự báo tương lai chính xác là nhân tố chủ quan hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Thời kỳ từ ngày 5-6-1911 trở về trước: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng tìm con đường cứu nước mới

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.120.

Trong thời kỳ này, Hồ Chí Minh tiếp thu truyền thống tốt đẹp của quê hương, gia đình và của dân tộc hình thành nên tư tưởng yêu nước và tìm đường cứu nước.

Nghệ An là vùng đất địa linh nhân kiệt, giàu truyền thống yêu nước, lắm nhân tài và anh hùng yêu nước nổi tiếng trong lịch sử dân tộc, như Mai Thúc Loan, Nguyễn Biểu, Trần Tấn, Đặng Như Mai, Phan Bội Châu, v.v...

Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình trí thức phong kiến. Cụ Nguyễn Sinh Sắc đỗ phó bảng, từng được bổ nhiệm Tri huyện huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định. Tuy làm quan, nhưng cụ thường tâm sự: "Quan trường thì nô lệ trung chi nô lệ, hự nô lệ"¹, nghĩa là: Quan trường là nô lệ trong những người nô lệ, lại càng nô lệ hơn. Cụ thường dạy các con: "Vật dĩ quan gia vi ngô phong dạng"², nghĩa là đừng lấy phong cách nhà quan làm phong cách nhà ta. Tinh thần yêu nước, thương dân và nhân cách của cụ Nguyễn Sinh Sắc có ảnh hưởng lớn lao đến tư tưởng, nhân cách Hồ Chí Minh thuở niên thiếu.

Hồ Chí Minh cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc tình cảm của người mẹ, cụ Hoàng Thị Loan, người mẹ Việt Nam điển hình về tính cần mẫn, tần tảo, đảm đang, hết mực thương yêu chồng, thương yêu các con và ăn ở nhân đức với mọi người, được bà con láng giềng mến phục. Cụ Nguyễn Sinh Sắc có ảnh hưởng sâu sắc đối với các con về nền học vấn sâu rộng với một nhân cách yêu nước thương nòi mang đậm tính nhân văn. Cụ Hoàng Thị Loan có ảnh hưởng lớn đến các con bằng tấm lòng nhân hậu và mẫn cảm của người mẹ. Các cụ đã vun trồng, uốn nắn, dạy dỗ con cái những bài học đầu tiên về đạo lý làm người, góp phần quan trọng tạo nên tâm hồn rộng mở, tấm lòng nhân ái, tình yêu quê hương, đất nước sâu nặng trong tâm hồn Hồ Chí Minh tự thuở ấu thơ.

Tiếp thu truyền thống tốt đẹp của quê hương, gia đình, được theo học các vị túc nho và tiếp xúc với nhiều loại sách báo tiên bộ ở các trường, lớp tại Vinh, tại kinh đô Huế, hiểu rõ tình cảnh nước nhà bị giặc ngoại xâm đô hộ, Hồ Chí Minh *sớm có tư tưởng yêu nước và thể hiện rõ tư tưởng yêu nước trong hành động*. Hồ Chí Minh đã tham gia phong trào chống thuế ở Trung Kỳ (năm 1908). Là thầy giáo ở Trường Dục Thanh, Phan Thiết, khi dạy học cũng như trong sinh hoạt, Hồ Chí Minh thường đem hết nhiệt tình truyền thụ cho học sinh lòng yêu nước và những suy nghĩ về vận mệnh nước nhà (năm 1910).

¹ Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Tiểu sử sự nghiệp*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1980, tr.12.

² Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh – Song Thành (Chủ biên): *Hồ Chí Minh - Tiểu sử*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr.24.

Cách tư duy sâu sắc, mới mẻ về vận mệnh của Tổ quốc và thời đại đã bắt đầu từ tuổi trẻ Hồ Chí Minh. Tuy rất khâm phục tinh thần yêu nước của các vị tiền bối cách mạng nổi tiếng như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Hoàng Hoa Thám, v.v. nhưng Người đã phê phán, không tán thành, không đi theo các phương pháp, khuynh hướng cứu nước của các vị đó. Hồ Chí Minh muốn hiểu rõ bản chất, thủ đoạn và sức mạnh của kẻ thù; đồng thời muốn học hỏi kinh nghiệm các cuộc cách mạng lớn trên thế giới để làm theo. Ngày 5-6-1911, Hồ Chí Minh đi ra nước ngoài tìm con đường cứu nước, cứu dân.

2. Thời kỳ từ ngày 6-6-1911 đến ngày 30-12-1920: Hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường của cách mạng vô sản được hình thành từng bước trong quá trình Hồ Chí Minh đi tìm đường cứu nước; đó là quá trình sống, làm việc, học tập, nghiên cứu lý luận và tham gia đấu tranh trong thực tế cách mạng ở nhiều nước trên thế giới.

Trước hết, từng bước Người *thấy rõ bản chất, thủ đoạn, tội ác của chủ nghĩa thực dân và tình cảnh nhân dân các nước thuộc địa, tiến tới hiểu biết về một thời đại mới trong lịch sử bắt đầu từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917*. Từ năm 1911 đến năm 1917, Hồ Chí Minh đến các nước Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angiêri, Tuynidi, Cônggô, Đahômây, Xênegan, Mỹ, Anh, v.v... Qua cuộc hành trình này, ở Người *hình thành một nhận thức mới*: Nhân dân lao động các nước, trong đó có giai cấp công nhân, đều bị bóc lột có thể là bạn của nhau. Còn chủ nghĩa đế quốc, bọn thực dân ở đâu cũng là kẻ bóc lột, là kẻ thù của nhân dân lao động.

Trở lại Pháp vào năm 1917, Hồ Chí Minh tham gia phong trào công nhân Pháp đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Người gia nhập Đảng Xã hội của giai cấp công nhân Pháp vào năm 1919, bởi theo Người, đây là tổ chức duy nhất ở Pháp bênh vực nhân dân Việt Nam, là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại Cách mạng Pháp: Tự do, bình đẳng, bác ái.

Bước nhận thức mới về quyền tự do, dân chủ của nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh diễn ra qua hoạt động Người thay mặt những người Việt Nam yêu nước ở Pháp, lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, gửi *Yêu sách của nhân dân An Nam* tới Hội nghị Vécxây (18-6-1919), đòi quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam. Lần đầu tiên những quyền lợi cơ bản, chính đáng, thiết thực của nhân dân Việt Nam được nêu ra trên diễn đàn quốc tế. Bản yêu sách có tác động mạnh mẽ đến người Việt Nam ở trong nước và nước ngoài. Đây là dấu hiệu mới của cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam trên đường đi tới độc lập dân tộc.

Hồ Chí Minh đã *phát hiện ra phương hướng đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng vô sản* mới có thể thành công, qua nghiên cứu "Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa (Đề trình bày tại Đại hội II Quốc tế Cộng sản)" của V.I.Lênin và nhiều tài liệu liên quan đến V.I.Lênin và Quốc tế Cộng sản vào tháng 7-1920.

Vừa nghiên cứu lý luận Mác-Lênin, vừa tích cực tham gia các hoạt động thực tế trong Đảng Xã hội Pháp, Người hiểu biết sâu sắc hơn về Quốc tế Cộng sản, về cách mạng vô sản, về phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Với những nhận thức cách mạng mới, Hồ Chí Minh cùng những người tích cực nhất trong Đảng Xã hội Pháp tại Đại hội lần thứ XVIII ở thành phố Tua (từ ngày 25 đến ngày 30-12-1920, ở Pháp), bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đó là một bước chuyển về chất trong tư tưởng của Người. Từ chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản và lý luận cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác-Lênin trở thành người cộng sản với hệ tư tưởng mới của giai cấp công nhân. Người khẳng định: "Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"¹.

3. Thời kỳ từ ngày 31-12-1920 đến ngày 3-2-1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam

Đây là thời kỳ mục tiêu, phương hướng, nội dung cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam từng bước được Hồ Chí Minh xác lập thành hệ thống, thể hiện rõ trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngay sau khi trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, theo con đường của cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh tích cực sử dụng báo chí Pháp lên án chủ nghĩa thực dân Pháp, thức tỉnh lương tri nhân dân Pháp và nhân loại tiến bộ, khơi dậy lòng yêu nước của nhân dân các dân tộc thuộc địa và của dân tộc Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc thuộc địa được từng bước hình thành qua có một số bài báo và hoạt động thực tiễn như: *Vấn đề dân bản xứ*, báo L'Humanité 8-1919, *Ở Đông Dương*, báo L' Humanité 4-11-1920, v.v... Năm 1921, Hồ Chí Minh tham gia sáng lập *Hội liên hiệp thuộc địa*. Năm 1922, Người làm Trưởng *Tiểu ban Nghiên cứu vấn đề dân tộc thuộc địa* của Đảng Cộng sản Pháp, sáng lập báo *Le Paria* bằng tiếng Pháp. Người vừa làm chủ bút, tổng biên tập và

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.563.

kiêm cả việc tổ chức phát hành báo đó ở Pháp và gửi đến các thuộc địa của Pháp, trong đó có Đông Dương để khơi dậy tinh thần giải phóng dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa.

Hồ Chí Minh đẩy mạnh *hoạt động lý luận chính trị và tổ chức, chuẩn bị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam* để lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Thông qua báo chí và các hoạt động thực tiễn Người tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

Phương hướng của cách mạng giải phóng dân tộc trong các nước thuộc địa và phụ thuộc, trong đó có Việt Nam được Hồ Chí Minh cụ thể hóa một bước trên cơ sở phân tích sâu sắc bản chất, thủ đoạn của chủ nghĩa thực dân Pháp. Những nội dung đó được thể hiện rõ trong nhiều bài báo của Người đăng trên các báo của Đảng Cộng sản Pháp, Đảng Cộng sản Liên Xô, của Quốc tế Cộng sản và trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* viết bằng tiếng Pháp của Người được xuất bản ở Pari năm 1925.

Hồ Chí Minh sáng lập tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản - Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên vào tháng 6-1925, ra báo *Thanh niên* bằng tiếng Việt Nam, từng bước *truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và lý luận cách mạng* trong những người yêu nước và công nhân.

Tổng kết kinh nghiệm các cuộc cách mạng tư sản Anh, Pháp, Mỹ và nhất là từ kinh nghiệm Cách mạng Tháng Mười Nga, Hồ Chí Minh vạch rõ cách mạng Việt Nam phải có đảng cộng sản với chủ nghĩa Mác-Lênin làm cốt để lãnh đạo; lực lượng cách mạng giải phóng dân tộc là toàn thể nhân dân Việt Nam trong đó nòng cốt là liên minh công nông. Những nội dung cốt lõi đó và các vấn đề cơ bản trong đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam được hình thành trong tác phẩm *Đường cách mệnh* của Người, xuất bản năm 1927 ở Quảng Châu, Trung Quốc. Tác phẩm *Đường cách mệnh* là sự chuẩn bị mọi mặt về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh được xác lập về cơ bản qua việc Người chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua các văn kiện cơ bản của Đại hội thành lập Đảng do Người khởi thảo vào đầu năm 1930. Các văn kiện này được coi là *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam*, trong đó chính thức khẳng định rõ những quan điểm cơ bản về đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam, việc tổ chức, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thành một tổ chức lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam nêu mục tiêu và

con đường cách mạng là “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”¹, “đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến An Nam và giai cấp tư sản phản cách mạng”², giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; khẳng định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; liên minh công nông là lực lượng nòng cốt; cách mạng Việt Nam là một bộ phận cách mạng thế giới. Chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc thấm trong từng câu chữ của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên này đã thể hiện rõ sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc giải quyết mối quan hệ giai cấp - dân tộc - quốc tế trong đường lối cách mạng Việt Nam.

Hồ Chí Minh thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh chính trị đúng đắn và sáng tạo đã chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối và người lãnh đạo cách mạng Việt Nam kéo dài hơn 70 năm từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX.

4. Thời kỳ từ ngày 4-2-1930 đến ngày 28-1-1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo

Những thử thách lớn với tư tưởng Hồ Chí Minh xuất hiện không chỉ từ phía kẻ thù, mà còn từ trong nội bộ những người cách mạng. Một số người trong Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam có những nhìn nhận sai lầm về Hồ Chí Minh do chịu ảnh hưởng quan điểm giáo điều tả khuynh xuất hiện trong Đại hội VI của Quốc tế Cộng sản. Do không nắm vững tình hình các dân tộc thuộc địa và ở Đông Dương, nên tư tưởng mới mẻ, đúng đắn, sáng tạo của Hồ Chí Minh trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng chẳng những không được hiểu và chấp nhận mà còn bị họ phê phán, bị coi là "hữu khuynh", "dân tộc chủ nghĩa".

Hội nghị Trung ương Đảng họp tháng 10-1930 ra nghị quyết cho rằng: Hội nghị hiệp nhất đảng do Nguyễn Ái Quốc chủ trì có nhiều sai lầm, "chỉ lo đến việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu, ấy là một sự rất nguy hiểm"¹; việc phân chia thành trung, tiểu, đại địa chủ trong sách lược của Đảng là không đúng. Hội nghị ra án nghị quyết: "Thủ tiêu chánh cương, sách lược và điều lệ Đảng"; bỏ tên Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh và những người tham gia Hội nghị thành lập Đảng xác định, lấy tên là Đảng Cộng sản Đông Dương, hoạt động theo như chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, v.v...

Nhờ sự giúp đỡ của Quốc tế cứu tế đỏ, của Luật sư Lôdobin và hết sức khôn khéo, Hồ Chí Minh mới thoát khỏi nhà tù của thực dân Anh ở Hồng Kông (1931-1933).

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.1.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.22.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.2, tr.110-111.

Người trở lại Liên Xô năm 1934, vào học Trường Quốc tế Lênin. Sau đó, Người làm nghiên cứu sinh tại Ban Sử của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Quốc tế Cộng sản. Trong quãng thời gian từ năm 1934 đến năm 1938, Hồ Chí Minh vẫn còn bị hiểu lầm về một số hoạt động thực tế và quan điểm cách mạng.

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, dự đoán thời cuộc sẽ có những chuyển biến lớn, nên cần phải trở về nước trực tiếp tham gia lãnh đạo cách mạng Việt Nam, ngày 6-6-1938, Hồ Chí Minh gửi thư cho một lãnh đạo Quốc tế Cộng sản, đề nghị cho phép trở về nước hoạt động. Trong đó, có đoạn Người viết:

"Xin đồng chí giúp đỡ tôi thay đổi tình cảnh đau buồn này... Đừng để tôi sống quá lâu trong tình trạng không hoạt động và giống như là sống ở bên cạnh, ở bên ngoài của Đảng"². Đề nghị này được chấp nhận.

Hồ Chí Minh rời Liên Xô từ tháng 10-1938, đi qua Trung Quốc để trở về Việt Nam. Tháng 12-1940, Hồ Chí Minh về gần biên giới Việt - Trung, liên lạc với Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, trực tiếp chỉ đạo cách mạng Việt Nam. Tại làng Nậm Quang, Tỉnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc, Người mở lớp huấn luyện cán bộ. Các tài liệu huấn luyện do Người tổ chức biên soạn, sau in thành sách: *Con đường giải phóng*. Trong đó đã đề cập tới phương pháp cách mạng giành chính quyền (1-1941).

Tư tưởng Hồ Chí Minh được Đảng Cộng sản Đông Dương khẳng định, trở thành yếu tố chỉ đạo cách mạng Việt Nam từ Hội nghị Trung ương tháng 5-1941. Cuối tháng 1-1941, Hồ Chí Minh về nước. Tháng 5-1941, tại Pác Bó (huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng), với tư cách cán bộ Quốc tế Cộng sản, Người chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Hội nghị này đã đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Người khẳng định rõ: "Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng"¹.

Nghị quyết của Hội nghị Trung ương nêu rõ: "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"².

² Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh - Tiểu sử*, Nxb Lý luận chính trị, 2006, tr.250.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.230.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.113.

Hội nghị Trung ương đã tạm thời gác lại khẩu hiệu cách mạng điền địa, xóa bỏ vấn đề lập Chính phủ Liên bang Cộng hoà dân chủ Đông Dương, thay vào đó sẽ lập Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, chủ trương lập Mặt trận Việt Minh, thực hiện đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở nòng cốt liên minh công nông, nêu ra phương hướng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, thành lập, v.v...

Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5-1941 đã hoàn chỉnh thêm một bước sự chuyển hướng chiến lược và sách lược của Cách mạng Việt Nam được vạch ra từ Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11-1939. Sự chuyển hướng được vạch ra từ hai cuộc Hội nghị này thực chất là sự trở về với quan điểm của Hồ Chí Minh đã nêu ra từ trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng* khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930.

Trải qua sóng gió, thử thách, những quan điểm cơ bản nhất về đường lối cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam của Hồ Chí Minh được Đảng khẳng định đưa vào thực tiễn tổ chức nhân dân biến thành các phong trào cách mạng để dẫn tới thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

5. Thời kỳ từ ngày 29-1-1941 đến ngày 2-9-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân Việt Nam

Trong thời kỳ này, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng cơ bản là thống nhất. Đồng thời, Hồ Chí Minh từng nhiều lần đưa ra những quan điểm sáng tạo, đi trước thời gian trong những lần làm việc trực tiếp với cán bộ, đảng viên, nhân dân các địa phương, ban, bộ, ngành. Sau này, những quan điểm đó càng ngày càng được Đảng ta cụ thể hóa và tiếp tục phát triển để soi sáng con đường cách mạng Việt Nam.

Các quyết sách dẫn tới cách mạng: Hồ Chí Minh sáng lập Mặt trận Việt Minh, 19-5-1941; sáng lập Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, 22-12-1944; chớp đúng thời cơ, Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi Tổng khởi nghĩa* giành chính quyền. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công lật đổ chế độ phong kiến, lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp hơn 80 năm và giành lại độc lập dân tộc trực tiếp từ tay phát xít Nhật. Đây là thắng lợi to lớn đầu tiên của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam.

Tại cuộc mít tinh của nhân dân chiều ngày 2-9-1945 ở Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, thay mặt Chính phủ lâm thời, Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Một thời đại mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam đã được mở ra: Thời đại độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Từ ngày 2-9-1945 đến ngày 20-12-1946, Hồ Chí Minh đề ra chiến lược sách

lược cách mạng sáng suốt, lãnh đạo Đảng và chính quyền cách mạng non trẻ trải qua thử thách ngàn cân treo sợi tóc. Với phương châm *Dĩ bất biến ứng vạn biến*, giữ vững mục tiêu đấu tranh cho chủ quyền độc lập dân tộc, tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân bằng các sách lược cách mạng linh hoạt, mềm dẻo. Người đã chỉ đạo thành công sách lược: Khi thì tạm hoà hoãn với Tưởng để rảnh tay đối phó với thực dân Pháp, lúc thì tạm hoà hoãn với Pháp để đuổi quân Tưởng và quét sạch bọn phản động tay sai của Tưởng về nước, giành thời gian củng cố lực lượng, chuẩn bị toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp. Những biện pháp sáng suốt đó đã được ghi vào lịch sử cách mạng Việt Nam như một mẫu mực tuyệt vời của sách lược lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù và sự nhân nhượng có nguyên tắc; thêm bạn bớt thù, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vững chắc.

Từ năm 1946 đến năm 1954, Hồ Chí Minh là linh hồn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Người đề ra đường lối kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh. Đồng thời, Người lãnh đạo, tổ chức, chỉ đạo kháng chiến chống thực dân Pháp. Tác phẩm *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Hồ Chí Minh, ngày 19-12-1946 vừa thể hiện khái quát đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp, vừa là lời thề thiêng liêng liêng bảo vệ Tổ quốc của Dân tộc Việt Nam, với ý chí, quyết tâm thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Trong thời kỳ này Hồ Chí Minh hoàn thiện lý luận cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và từng bước hình thành tư tưởng về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân pháp ở Việt Nam thắng lợi, mở ra thời kỳ sụp đổ của hệ thống thuộc địa kiểu cũ trên phạm vi toàn thế giới. Hòa bình lập lại ở miền Bắc Việt Nam; và miền Bắc bắt đầu bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Từ năm 1954 đến năm 1969, Hồ Chí Minh xác định và lãnh đạo thực hiện đường lối cùng một lúc thi hành 2 nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Tất cả nhằm giành được hòa bình, độc lập, thống nhất nước nhà.

Trong thời kỳ này, Hồ Chí Minh *bổ sung, hoàn thiện hệ thống quan điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá, đạo đức, đối ngoại, v.v...* nhằm hướng tới mục tiêu nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập, nhân dân được hoàn toàn tự do, dân chủ, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Trong những giờ phút gay go nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước,

khi đế quốc Mỹ tăng cường quân đội viễn chinh Mỹ vào miền Nam và đẩy mạnh đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân Mỹ, ngày 17-7-1966, Hồ Chí Minh công bố *Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước*. Trong đó, nêu ra một chân lý lớn của thời đại: *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*. Người khẳng định nhân dân Việt Nam chẳng những không sợ, mà còn quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. "Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!"¹.

Trước khi qua đời, Hồ Chí Minh để lại *Di chúc*, một văn kiện lịch sử vô giá, kết tinh tư tưởng, trí tuệ, tâm hồn, đạo đức, phong cách của một lãnh tụ cách mạng, anh hùng dân tộc vĩ đại, nhà tư tưởng lỗi lạc, nhà văn hóa kiệt xuất, suốt đời vì dân, vì nước.

Điều mong muốn cuối cùng của Hồ Chí Minh là: "Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới"².

Tư tưởng Hồ Chí Minh có một quá trình từng bước hình thành, phát triển lâu dài và là một hệ thống mở. Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng và phát triển trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam đi đến thành công.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiếp tục lãnh đạo miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đi đến thắng lợi hoàn toàn. Từ ngày 30-4-1975, cả nước hòa bình, độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Và ngày nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đang đưa sự nghiệp đổi mới vững bước đi lên.

III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Đối với cách mạng Việt Nam

a. Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta

Hồ Chí Minh tìm thấy con đường cứu nước cứu dân, sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta thành một đảng cách mạng chân chính toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân đã lãnh đạo cuộc cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công. Hồ Chí Minh đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam - Thời đại độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Với tư tưởng Hồ Chí Minh, Người cùng Đảng ta lãnh

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.131.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.624.

đạo cuộc kháng chiến chống pháp thắng lợi. Sau đó, lãnh đạo miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân từng bước đi đến thắng lợi. Từ năm 1975, cả nước hòa bình, độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Có được những thắng lợi to lớn đó là bởi có tư tưởng Hồ Chí Minh gắn liền với sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Đảng ta biến tư tưởng Hồ Chí Minh thành hiện thực.

Tư tưởng Hồ Chí Minh từ khi ra đời đã trở thành ngọn cờ tư tưởng dẫn đường cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, và chính thực tiễn thắng lợi của cách mạng Việt Nam chứng minh, khẳng định tính đúng đắn, giàu sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là một hệ thống những quan điểm lý luận về chiến lược, sách lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, về sự cải biến cách mạng xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, về xây dựng những điều kiện đảm bảo cách mạng Việt Nam đi tới thắng lợi cuối cùng, đó là xây dựng Đảng cộng sản cầm quyền trong sạch vững mạnh, xây dựng nhà nước của dân, do dân vì dân, xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất và các đoàn thể chính trị xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc gắn với đoàn kết quốc tế, v.v... Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống mở đầy sức sống được Đảng cộng sản Việt Nam tiếp tục vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển trong sự nghiệp đổi mới hiện nay và trong tương lai.

b. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam

Lần đầu tiên trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, tư tưởng định hướng, soi đường, chỉ đạo sự phát triển của cách mạng Việt Nam và dân tộc Việt Nam là của chính người Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục soi đường cho Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam trên con đường thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong suốt các chặng đường cách mạng Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh là ánh sáng soi đường, là kim chỉ nam định hướng hành động cho Đảng ta và nhân dân ta. Khi nào làm đúng với tư tưởng Hồ Chí Minh thì cách mạng thắng lợi. Khi nào xa rời hoặc làm sai với tư tưởng Hồ Chí Minh thì cách mạng Việt Nam bị tổn thất hoặc thất bại.

Trong bối cảnh của thế giới ngày nay, tư tưởng Hồ Chí Minh giúp Đảng ta, nhân dân ta nhận thức đúng những vấn đề lớn có liên quan đến việc bảo vệ nền độc lập dân tộc, phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm tự do và hạnh phúc của con người,

tiến tới xã hội xã hội chủ nghĩa. Tất cả các quan điểm lý luận và phương pháp cách mạng cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh đều là nhằm tới mục tiêu: Độc lập, thống nhất cho Tổ quốc, tự do, dân chủ cho nhân dân, công bằng và hạnh phúc cho mọi người, hòa bình và hữu nghị cho các dân tộc với sự phát triển các quan hệ văn hóa, nhân văn của thời đại.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là chỗ dựa vững chắc để Đảng Cộng sản Việt Nam vạch ra đường lối cách mạng đúng đắn, là sợi chỉ đỏ dẫn đường cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Việt Nam đi tới thắng lợi. Tư tưởng Hồ Chí Minh trường tồn, bất diệt cùng với sự phát triển vững mạnh của dân tộc Việt Nam.

2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại

a. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội

C.Mác cho rằng, mỗi thời đại xã hội đều cần những con người vĩ đại của nó và nếu không có những con người vĩ đại như thế thì thời đại sẽ sáng tạo ra những con người như thế. Hồ Chí Minh là nhân vật lịch sử vĩ đại, đáp ứng đúng yêu cầu của dân tộc Việt Nam cần phát triển mạnh mẽ trong thời đại mới, Người không chỉ là sản phẩm của dân tộc Việt Nam, mà còn là sản phẩm của thời đại, của nhân loại tiến bộ, người anh hùng giải phóng dân tộc tiêu biểu của thế kỷ XX.

Cốt lõi lý luận lớn đầu tiên của Hồ Chí Minh là về cách mạng giải phóng dân tộc. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn giành thắng lợi triệt để phải đi theo con đường cách mạng vô sản, được tiến hành bởi toàn thể nhân dân với nòng cốt liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo, có thể thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc, bằng con đường bạo lực: Kết hợp đấu tranh chính trị của quần chúng với đấu tranh vũ trang.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm một hệ thống các luận điểm giải quyết một cách đúng đắn, sáng tạo vấn đề dân tộc và thuộc địa, dân tộc và giai cấp, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về cách mạng giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp và giải phóng con người, góp phần bổ sung, phát triển kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin. Và trên thực tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đi tiên phong trong phong trào giải phóng dân tộc dẫn tới phá tan hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, được thế giới tôn vinh là anh hùng giải phóng dân tộc trong thời đại ngày nay. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải

phóng dân tộc được đặt trên cơ sở hiện thực của Việt Nam nhưng có ý nghĩa lớn đối với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới.

b. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới

Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên khẳng định hợp tác quốc tế là xu thế tất yếu của thời đại, phá bỏ sự biệt lập, mở đường cho sự phát triển, liên kết các dân tộc trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội. Người là một nhà hoạt động quốc tế lỗi lạc trong phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào vì hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới.

Ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã chỉ ra nhu cầu, khả năng, điều kiện hợp tác giữa các dân tộc. Điểm nổi bật trong tư tưởng của Người lúc bấy giờ là sự hợp tác, đoàn kết giữa các dân tộc nhỏ yếu, lạc hậu, bị áp bức tạo nên sức mạnh chống đế quốc, thực dân, chống lại chính sách “chia để trị”, giành độc lập, tự do.

Hồ Chí Minh đã gắn cách mạng Việt Nam với các phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân trong các nước tư bản và phong trào cộng sản quốc tế, phong trào vì hòa bình, hợp tác và phát triển.

Người chủ trương hòa bình, hữu nghị, hợp tác lâu dài giữa các nước, không chỉ xuất phát từ những mục tiêu chính trị vì độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội của thời đại, mà còn vì sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất thế giới. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, hợp tác quốc tế không chỉ để giành độc lập dân tộc, mà còn là để xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, tiến kịp các nước tiên tiến và sâu xa là đặt chiến lược phát triển đất nước gắn với những chuyển biến của thời đại về chính trị, kinh tế, giữ vững độc lập của dân tộc mình đồng thời tôn trọng độc lập của các dân tộc khác.

Một nội dung lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh là “*Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai*”¹. Hợp tác quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập chủ quyền, bình đẳng cùng có lợi; phát huy sức mạnh nội lực của dân tộc kết hợp sức mạnh thời đại, đồng thời không quên nghĩa vụ quốc tế. Ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh được giương cao đã thúc đẩy sự phát triển của Việt Nam trong quá trình hội nhập, đồng thời góp phần tích cực củng cố hòa bình, thúc đẩy tình hữu nghị, sự hợp tác và phát triển giữa các quốc gia trên thế giới ngày nay. Thế giới còn đổi thay, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.256.

Trong lòng nhân dân thế giới, Hồ Chí Minh là bất diệt. Bạn bè năm châu khâm phục và coi Hồ Chí Minh là biểu tượng cao đẹp của những giá trị về tư tưởng, lương tri và phẩm giá con người.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, tổng kết 86 năm hoạt động của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định:

"Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, lãnh tụ thiên tài của Đảng và nhân dân ta, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, non sông đất nước ta, người chiến sĩ cộng sản quốc tế mẫu mực, người bạn thân thiết của các dân tộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới. Tư tưởng của Người, cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta"¹.

Việc nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh cần góp phần thiết thực vào việc đưa tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành bộ phận cấu thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội Việt Nam hiện đại.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

1. Phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; chỉ ra tiền đề lý luận giữ vai trò quyết định trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Phân tích những bước tiến trong nhận thức, những dấu mốc cơ bản trong quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Tại sao đó là những bước tiến trong nhận thức, là những dấu mốc cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh?

3. Hãy làm sáng tỏ những phẩm chất và tài năng cá nhân Hồ Chí Minh, phân tích mối quan hệ biện chứng giữa hoạt động lý luận và hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; ý nghĩa sự

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.7-8.

ra đời tư tưởng Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Chinh: *Chủ tịch Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội, 1992.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.2, 2005.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
5. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chủ tịch - Tình hoa của dân tộc, lương tâm của thời đại*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1976.
6. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
7. Trần Văn Giàu: *Hồ Chí Minh - vĩ đại một con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
8. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh – Song Thành (Chủ biên): *Hồ Chí Minh-Tiểu sử*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2006.
9. Hồ Chí Minh: “Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin”, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
10. Hồ Chí Minh: “Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng”, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, 2011.
12. Duiker William J. : *Ho Chi Minh a life*, Hyperion, New York, 2000.

Chương III

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

MỤC TIÊU

- Về kiến thức

Giúp cho sinh viên nhận thức được bản chất khoa học, cách mạng và những sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; hiểu được tính quy luật của cách mạng Việt Nam: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Về kỹ năng

Giúp cho sinh viên có khả năng nhận diện và phân bác được những luận điểm xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; góp phần rèn luyện khả năng tư duy độc lập, sáng tạo cho sinh viên.

- Về tư tưởng

Giáo dục, bồi dưỡng cho người học lòng tự hào về Hồ Chí Minh, về sức mạnh của dân tộc, tin tưởng và kiên định với mục tiêu chiến lược mà Người đã vạch ra cho cách mạng Việt Nam: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC

1. Vấn đề độc lập dân tộc

a. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của các dân tộc

Như bao nhiêu người dân Việt Nam yêu nước khác sống kiếp nô lệ dưới thời thuộc Pháp, khát vọng và mong muốn lớn nhất của Hồ Chí Minh là quyết tâm giành độc lập, tự do cho dân tộc, như Người từng nói: Cái mà tôi cần nhất trên đời là: đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập.

Năm 1919, nhân dịp các nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất họp Hội nghị Vécxây (Pháp), thay mặt nhóm những người yêu nước Việt Nam ở Pháp, Người đã gửi tới Hội nghị bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*, bao gồm 8 điểm với hai nội dung chính: đòi quyền bình đẳng về mặt pháp lý và đòi các quyền

tự do, dân chủ của người dân Đông Dương. Đây là tiếng nói “bình đẳng”, “tự do, dân chủ” đầu tiên của những người Việt Nam yêu nước ngay tại một hội nghị quốc tế quan trọng của các nước đế quốc.

Trong quá trình tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc, trên cơ sở tiếp thu những giá trị về tự do, bình đẳng, về quyền con người trong *Tuyên ngôn độc lập* của cách mạng Mỹ năm 1776, *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của cách mạng Pháp năm 1791, Hồ Chí Minh đã khẳng định những giá trị bất biến về quyền dân tộc, không ai được xâm phạm: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.....Đó là lẽ phải không ai chối cãi được”¹. Và đó cũng là chân lý của thời đại, là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của các dân tộc nói chung trên thế giới, mà Hồ Chí Minh là người đại diện nói lên tiếng nói đó.

Vào đầu năm 1930, trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng* do Người viết và được Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua, Người xác định mục tiêu chính trị của Đảng và cũng là mục tiêu của cách mạng Việt Nam là:

“a)Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến.

b)Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập.

c) Dựng ra chính phủ công nông binh...”²

Phải đấu tranh, phải đánh đổ thực dân, đế quốc để giành độc lập cho dân tộc, theo Người, đó phải là mục tiêu đầu tiên của cách mạng nước ta.

Năm 1945, tình hình Chiến tranh thế giới thứ hai chuyển biến mau lẹ, có lợi cho cách mạng, trong nước nhân dân ta sống trong nỗi thống khổ, lầm than...vấn đề giành độc lập dân tộc được đặt ra cấp bách hơn lúc nào hết. Trong bối cảnh đó, Hồ Chí Minh đã nêu lên quyết tâm phải đứng lên đấu tranh, giành bằng được độc lập cho dân tộc, Người nói: “Dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”³.

Trong *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945, thay mặt Chính phủ lâm thời, Hồ Chí Minh long trọng tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới rằng: nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, nhân dân Việt Nam quyết giữ vững quyền tự do và độc lập ấy. Trước âm mưu và thủ đoạn của thực dân Pháp muốn xâm lược Việt Nam một lần nữa, trong một bức thư gửi Liên hợp quốc năm 1946, Người cũng đã

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.1.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.1.

3 Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.196.

trịnh trọng tuyên bố rằng : “Nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hoà bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước”¹. Và khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ trong cả nước, trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* ngày 19-12-1946, Người thể hiện quyết tâm sắt đá, bảo vệ cho bằng được nền độc lập dân tộc mà nhân dân mới giành được: “Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”².

Khi đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ, chực hầu vào miền Nam tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, Hồ Chí Minh đã nêu lên một chân lý thời đại, một tuyên ngôn bất hủ của các dân tộc khao khát nền độc lập, tự do trên thế giới “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”³. Với chân lý đó, nhân dân Việt Nam đã đồng lòng, anh dũng chiến đấu và giành thắng lợi vẻ vang, buộc Mỹ phải ký kết Hiệp định Paris, cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, rút quân Mỹ về nước.

Quan điểm trên của Hồ Chí Minh vừa có giá trị lý luận, thực tiễn to lớn, vừa có ý nghĩa bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin về quyền dân tộc, cụ thể là quyền độc lập, tự do.

b. Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Độc lập phải gắn liền với tự do, đó là lẽ đương nhiên trong đấu tranh cách mạng của các dân tộc. Hồ Chí Minh tiếp thu và đánh giá cao học thuyết “Tam dân” của Tôn Trung Sơn: dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc. Người cũng từng viện dẫn bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”⁴ để rồi khẳng định dân tộc Việt Nam đương nhiên cũng phải được tự do và bình đẳng về quyền lợi. “Đó là lẽ phải không ai chối cãi được”⁵. Ngay trong bản *Yêu sách* gửi đến Hội nghị Vécxây, nhóm những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, trong đó có Người, đã đề nghị các nước đế quốc thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất phải tôn trọng quyền tự do, trong đó có “*Tự do báo chí và tự do ngôn luận. Tự do lập hội và hội họp. Tự do cư trú ở nước ngoài và*

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.522.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.534.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.31.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.1.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.1.

*tự do xuất dương. Tự do học tập, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ*¹.

Năm 1930, trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng*, Người cũng xác định mục tiêu của đấu tranh cách mạng là “Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập... dân chúng được tự do... thủ tiêu hết các thứ quốc trái...thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo. Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo... thi hành luật ngày làm 8 giờ”². Sau khi giành độc lập cho đất nước, một lần nữa Hồ Chí Minh khẳng định “Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”³.

Độc lập cũng phải gắn với tự do, hạnh phúc của nhân dân. Là một dân tộc thuộc địa bị đế quốc thực dân thống trị, bóc lột, nhân dân phải sống trong cảnh lầm than, cơ cực, đói rét... nên mong muốn, khát khao lớn nhất của dân tộc Việt Nam là làm sao nước nhà được độc lập, ai ai cũng tự do, hạnh phúc, cơm no, áo ấm. Xuất phát từ tâm tư, nguyện vọng tha thiết, chính đáng trên, sau khi giành độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh tiếp tục đấu tranh vì mục đích cơm no, áo ấm... cho nhân dân. Người chỉ rõ: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”⁴ và Người dạy: “Chúng ta phải thực hiện ngay:

Làm cho dân có ăn.

Làm cho dân có mặc.

Làm cho dân có chỗ ở.

Làm cho dân có học hành”⁵.

Có thể nói rằng, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng *độc lập* luôn gắn liền với *tự do, hạnh phúc* cho nhân dân, như Người từng bộc bạch tâm huyết: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁶ – một sự ham muốn đầy tính nhân văn và thấm đượm tình thương yêu dân tộc và đó cũng là mục tiêu tối thượng trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.469.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.1, 2.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.64.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.175.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.175.

6 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.187.

c. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để

Trong khi vạch trần chính sách mị dân, gieo rắc chiêu bài “độc lập, tự do” giả hiệu hòng lừa bịp nhân dân ta của thực dân đế quốc, Hồ Chí Minh khẳng định: độc lập dân tộc phải là độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao... Người nhấn mạnh: độc lập mà người dân không có quyền tự quyết về ngoại giao, không có quân đội riêng, không có nền tài chính riêng... thì độc lập đó chẳng có ý nghĩa gì. Với tư tưởng đó và trong hoàn cảnh đất nước ta sau Cách mạng Tháng Tám, để bảo vệ nền độc lập thật sự mới giành được trước kẻ thù dân tộc và giai cấp bao vây tứ phía, Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ký với Sainteny, đại diện Chính phủ Cộng hoà Pháp *Hiệp định Sơ bộ* ngày 6-3-1946, trong đó có ghi: “Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do có Chính phủ của mình, Nghị viện của mình, quân đội của mình, tài chính của mình”¹. Đây là thắng lợi bước đầu của một sách lược ngoại giao hết sức khôn khéo, mềm dẻo, linh hoạt nhưng có nguyên tắc, một phương pháp biết thắng từng bước của Hồ Chí Minh và là một minh chứng cho tính đúng đắn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

d. Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ

Đất nước Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh thường bị kẻ thù chia cắt hòng dễ cai trị và áp bức, bóc lột nhân dân ta. Dưới thời thống trị của thực dân Pháp, đất nước Việt Nam bị chia ra ba kỳ, mỗi kỳ có chế độ cai trị riêng. Sau Cách mạng Tháng Tám, thực dân Pháp tái chiếm đất nước ta một lần nữa, lần này chúng dùng chiêu bài Nam Kỳ tự trị hòng chia rẽ dân tộc. Với hoàn cảnh đất nước bị kẻ thù chia cắt như trên, Hồ Chí Minh trong *Thư gửi đồng bào Nam Bộ* (1946), Người khẳng định: “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”. Sau khi Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được ký kết, đất nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền, Hồ Chí Minh tiếp tục kiên trì đấu tranh chống lại âm mưu chia cắt đất nước để thống nhất Tổ quốc với một quyết tâm, ý chí sắt đá, không gì lay chuyển: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, không ai có thể chia cắt được”². Đến cuối cuộc đời, trong *Di chúc*, Người vẫn đặt niềm tin tuyệt đối vào sự thắng lợi của cách mạng, sự thống nhất nước nhà: Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà.

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.583.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.264.

Thực hiện tư tưởng trên của Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã tiến hành giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà năm 1975 và độc lập dân tộc từ đó gắn liền với toàn vẹn lãnh thổ.

2. Về cách mạng giải phóng dân tộc

a. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

Chúng kiến sự thất bại của những phong trào yêu nước Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã quyết định sang phương Tây để tìm kiếm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc mới, khác với con đường của các bậc tiền bối. Sau khi xem xét, tìm hiểu, khảo sát cách mạng tư sản Pháp và các cuộc cách mạng tư sản khác, với khả năng tư duy độc lập, tự chủ của mình, Hồ Chí Minh đã quyết định không chọn con đường cách mạng tư sản vì cho rằng: “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lột công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hăng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức. Cách mệnh An Nam nên nhớ những điều ấy”¹.

Trong lúc Hồ Chí Minh đang đi tìm mục tiêu và con đường cứu nước thì Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 nổ ra và thắng lợi. Cuộc cách mạng này có ý nghĩa quan trọng đối với Hồ Chí Minh trong việc tìm mục tiêu và lựa chọn con đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Vì sau khi nghiên cứu kỹ cuộc cách mạng trên, Người kết luận: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam... Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin”². Nhưng có thể khẳng định rằng, bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin mà Hồ Chí Minh đọc vào tháng 7 năm 1920 đã giúp Người tìm thấy ở đó con đường cứu nước, giải phóng dân tộc đúng đắn: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”³. Đây là con đường cách mạng triệt để, sâu sắc và toàn diện nhất, phù hợp với yêu cầu của cách mạng Việt Nam và quy luật phát triển của

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.296.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.304. “Mã Khắc Tư” là cách gọi trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (năm 1927) theo phiên âm Hán - Việt.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.30.

thời đại. Sau này, trong bài *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin*, Người kể lại: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”. Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”¹. Con đường cách mạng vô sản mà Hồ Chí Minh tiếp thu ở Luận cương của Lênin đã được Người vận dụng một cách sáng tạo trong điều kiện cách mạng Việt Nam: giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp nhưng giải phóng dân tộc phải được coi là nhiệm vụ hàng đầu; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Khác với C.Mác và Ph.Ăngghen khi hai ông đặt vấn đề giải phóng giai cấp lên hàng đầu trong cách mạng vô sản ở châu Âu, Hồ Chí Minh trong khi nêu lên mối quan hệ chặt chẽ giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp ở nước ta, Người đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên trên hết, trước hết. Vì trong quá trình phân tích xã hội thực dân và phong kiến ở nước ta, Người thấy rõ hai mâu thuẫn đối kháng, cơ bản tồn tại khách quan: mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp, trong đó mâu thuẫn dân tộc là mâu thuẫn đối kháng, bao trùm. Từ đó, Hồ Chí Minh vạch rõ cách mạng dân tộc dân chủ có hai nhiệm vụ chiến lược: đánh đổ thực dân Pháp để giải phóng dân tộc, đánh đổ địa chủ phong kiến để mang lại ruộng đất cho nông dân, trong đó nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu, còn nhiệm vụ dân chủ (đánh đổ địa chủ phong kiến...) rải ra thực hiện và phải phục tùng nhiệm vụ giải phóng dân tộc.

Vận dụng *lý luận cách mạng không ngừng* của chủ nghĩa Mác - Lênin và Nghị quyết Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (1928), Hồ Chí Minh đã có sự sáng tạo trong việc vạch ra phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng* năm 1930, Người đã chỉ rõ cách mạng nước ta phải làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản, tức là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Nói tóm lại, con đường cách mạng vô sản trong tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo học thuyết cách mạng vô sản của chủ nghĩa chủ nghĩa Mác-Lênin trong điều kiện cách mạng Việt Nam.

b.Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do đảng cộng sản lãnh đạo

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.562.

Học thuyết Mác-Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân chỉ rõ: Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Căn cứ vào lý luận nói trên và thực tế các tổ chức cách mạng nước ta trước đây, Hồ Chí Minh khẳng định vai trò quyết định của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng giải phóng dân tộc. Để làm rõ vai trò quan trọng, sự cần thiết phải có của tổ chức đảng cách mạng, Người giải thích: “Cách mệnh trước hết phải làm cho dân giác ngộ... phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu... phải hiểu phong trào thế giới, phải bày sách lược cho dân... Vậy nên sức cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh”¹. Và cũng trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (1927), Người kết luận: Cách mệnh trước hết phải có đảng cách mệnh, để vận động và tổ chức quần chúng Việt Nam cũng như liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đồng thời, xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, theo Hồ Chí Minh, để lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc đi đến thắng lợi thì đảng đó phải vừa là đội tiên phong của giai cấp công nhân vừa là đội tiên phong của nhân dân lao động kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc và nhân dân, Đảng đó là Đảng của cả dân tộc Việt Nam đấu tranh vì độc lập, tự do cho dân tộc. Trong *Báo cáo chính trị* tại Đại hội II của Đảng (1951), Người viết rằng, chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam. Với tư tưởng trên, Hồ Chí Minh đã giúp Đảng đoàn kết toàn dân, giành thắng lợi trong đấu tranh cách mạng, mang lại độc lập cho dân tộc tự do cho nhân dân.

c. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công - nông làm nền tảng

Chủ nghĩa duy vật lịch sử chỉ ra một chân lý: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân; quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo ra lịch sử. Lênin khẳng định: “Không có sự đồng tình ủng hộ của đại đa số nhân dân lao động đối với đội tiên phong của mình tức là đối với giai cấp vô sản, thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được”². Tiếp thu lý luận nói trên và với thực tiễn cách mạng Việt Nam, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn quan niệm rằng: có dân là có tất cả, trên đời này không gì quý bằng dân, được lòng dân thì được tất cả, mất lòng dân thì mất tất cả. Người khẳng định: “cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người”³. Và Người giải thích cặn kẽ rằng:

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.288, 289.

2 V.I.Lênin: *Toàn tập*, NxbTiền bộ, Mátxcova, 1979, t.39, tr.251.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.283.

dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền.

Cụ thể và sáng tỏ hơn, trong *Sách lược văn tắt của Đảng* năm 1930, Hồ Chí Minh xác định lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân. Người viết rằng, Đảng phải thu phục đại bộ phận giai cấp công nhân, tập hợp đại bộ phận dân cày và phải dựa vào dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng; liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông ... để lôi kéo họ về phía vô sản giai cấp; còn đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít ra cũng làm cho họ trung lập.

Bước vào hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Hồ Chí Minh tiếp tục nhất quán với tư tưởng luôn biết dựa vào dân, coi dân là gốc. Trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (12-1946), Người thiết tha kêu gọi: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc”¹. Và trong khi xác định lực lượng cách mạng là toàn dân, Hồ Chí Minh coi *công nông là chủ cách mệnh, công nông là gốc cách mệnh*. Người giải thích rằng, giai cấp công nhân và nông dân là hai giai cấp đông đảo và cách mạng nhất, bị bóc lột nặng nề nhất, nên “lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết ... công nông là tay không chân rồi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc”².

Với việc xác định lực lượng cách mạng là toàn dân, Hồ Chí Minh đã đoàn kết được toàn thể dân tộc, đánh thắng hai kẻ thù nguy hiểm nhất, hùng mạnh nhất của thế giới: thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

d. Cách mạng giải phóng dân tộc cần tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

Đây là luận điểm đặc biệt độc đáo, sáng tạo của Hồ Chí Minh dựa trên cơ sở lý luận Lênin và quan điểm của Quốc tế Cộng sản. Vào những năm 20 của thế kỷ XX, nhất là sau khi Lênin mất, trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế xuất hiện quan điểm xem nhẹ, hạ thấp vai trò của cách mạng thuộc địa, coi cách mạng thuộc địa phụ thuộc hoàn toàn vào cách mạng vô sản ở chính quốc. Đại hội VI Quốc tế cộng sản (1928) đã thông qua *Những luận cương về phong trào cách mạng trong các nước thuộc địa và nửa thuộc địa*, trong đó cho rằng: chỉ có thể thực hiện hoàn

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.534.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.288.

toàn công cuộc giải phóng các nước thuộc địa khi giai cấp vô sản giành được thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến.

Thấm nhuần tư tưởng của Lênin, từ rất sớm Hồ Chí Minh đã thấy được mối quan hệ khăng khít, tác động qua lại lẫn nhau giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc. Năm 1924, tại Đại hội V của Quốc tế cộng sản, Người nói: “Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa”¹. Và để nhấn mạnh, khẳng định sự gắn bó khăng khít của hai cuộc cách mạng nói trên, trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925), Người viết: “Chủ nghĩa tư bản là một con đũa có một cái vôi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vôi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vôi. Nếu người ta chỉ cắt một vôi thôi, thì cái vôi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vôi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra”². Và, trong khi nêu lên mối quan hệ mật thiết giữa hai cuộc cách mạng nói trên, căn cứ vào các cơ sở khách quan như vị trí, vai trò, tầm quan trọng của thuộc địa, tinh thần đấu tranh của các dân tộc, luận điểm của C.Mác...Người đã sớm dự báo khả năng thắng lợi trước của cách mạng thuộc địa so với cách mạng vô sản ở chính quốc. Trong bài báo *Đông Dương*, Người dự báo: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”³. Thực tiễn thắng lợi của cách mạng Việt Nam và cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới đã minh chứng cho luận điểm trên của Hồ Chí Minh là đúng đắn và sáng tạo.

e. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng

Trong bộ *Tư bản*, quyển I, tập thứ nhất, xuất bản lần đầu tiên năm 1867, C.Mác viết: “Bạo lực là bà đỡ của một chế độ xã hội cũ đang thai nghén một chế độ mới”⁴. Năm 1878, trong tác phẩm *Chống Duyrinh*, Ph.Ăngghen nhắc lại: “Bạo lực còn đóng một vai trò khác trong lịch sử, vai trò cách mạng; nói theo C.Mác, bạo lực còn là bà đỡ cho mọi xã hội cũ đang thai nghén một xã hội mới; bạo lực là công cụ

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.295.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.130.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.48.

4 C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, t.23, tr.1043.

mà sự vận động xã hội dùng để tự mở đường cho mình và đập tan tành những hình thức chính trị đã hóa đá và chết cứng”¹. Trên cơ sở tiếp thu quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, với kinh nghiệm Cách mạng Tháng Mười Nga và cách mạng thế giới, V.I.Lênin khẳng định tính tất yếu của bạo lực cách mạng, làm sáng tỏ hơn vấn đề bạo lực cách mạng trong học thuyết về cách mạng vô sản: không có bạo lực cách mạng thì không thể thay thế nhà nước tư sản bằng nhà nước vô sản được.

Hồ Chí Minh đã tiếp thu và vận dụng sáng tạo, phát triển quan điểm bạo lực cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin nói trên vào trong điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam như sau:

Về tính tất yếu của bạo lực cách mạng trong đấu tranh giải phóng dân tộc, Người chỉ rõ: “Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền”². Người luận giải thêm: vì ngay như hành động mang quân đi xâm lược của thực dân đế quốc đối với các nước thuộc địa và phụ thuộc, thì “Chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi”³.

Về hình thức bạo lực, thấm nhuần tư tưởng “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng” của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh chỉ rõ rằng, bạo lực cách mạng ở đây là bạo lực của quần chúng với hai lực lượng và hai hình thức đấu tranh: chính trị và quân sự, đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. Tuy nhiên, cũng phải căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể mà áp dụng các hình thức đấu tranh thích hợp. Người viết: “Tuỳ tình hình cụ thể mà quyết định những hình thức đấu tranh cách mạng thích hợp, sử dụng đúng và khéo kết hợp các hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị để giành thắng lợi cho cách mạng”⁴.

Toàn dân khởi nghĩa, toàn dân nổi dậy là nét độc đáo, sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về bạo lực cách mạng. Mở đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Người kêu gọi: “Hỡi đồng bào... bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm,

1 Ph.Ăngghen: “Chống Duyrinh”, trong C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1994, t.20, tr.259.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.391.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.114.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.391.

không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”¹.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Việt Nam đứng trước muôn vàn khó khăn về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội... đặc biệt là thực dân thực dân Pháp lại có dã tâm dùng sức mạnh quân sự, đánh nhanh thắng nhanh để cướp nước ta một lần nữa. Đứng trước một kẻ thù hung hăng và một chiến lược quân sự như vậy, Hồ Chí Minh chủ trương kháng chiến trường kỳ. Người nói: “Địch muốn tốc chiến, tốc thắng. Ta lấy *trường kỳ kháng chiến* trị nó, thì địch nhất định thua, ta nhất định thắng”². Đầu năm 1965, khi đế quốc Mỹ tăng cường và mở rộng chiến tranh ra cả nước, đưa quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ”, dùng không quân, hải quân tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, Người tiếp tục khẳng định chúng ta có thể sẽ chiến đấu lâu dài: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ!”³. Kháng chiến lâu dài nhưng không có nghĩa là vô thời hạn mà là tranh thủ thời gian để xây dựng, phát triển lực lượng kháng chiến ngày càng lớn mạnh.

Tự lực cánh sinh cũng là một phương châm chiến lược rất quan trọng nhằm phát huy cao độ nguồn sức mạnh của nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ sự giúp đỡ của dân tộc khác thì dân tộc đó không đáng để hưởng nền độc lập của dân tộc mình. Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Người viết: muốn người ta giúp cho thì mình phải tự giúp lấy mình đã. Tự lực cánh sinh nhưng phải tranh thủ sự ủng hộ, đồng tình và giúp đỡ của quốc tế, đây cũng là nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Và nét độc đáo cuối cùng là sự thống nhất biện chứng giữa quan điểm bạo lực cách mạng với quan điểm nhân đạo và hoà bình trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh luôn tranh thủ mọi khả năng có thể, để giành và giữ nền độc lập dân tộc mà ít mất mát, hy sinh, ít đổ máu nhất. Người tìm mọi cách để hạn chế xung đột, chiến tranh, giải quyết vấn đề trên cơ sở hoà bình, thương lượng thậm chí nhượng bộ nhưng có nguyên tắc. Năm 1947, Người đã nhiều lần viết thư gửi Chính phủ, Quốc hội và nhân dân Pháp nhằm kêu gọi thiết lập một nền hoà bình cho cả hai dân tộc: “Chúng tôi muốn hoà bình ngay để máu người Pháp và Việt ngừng chảy. Những dòng máu đó chúng tôi đều quý như nhau. Chúng tôi mong đợi ở chính phủ và nhân dân Pháp một cử chỉ mang lại hoà bình. Nếu không, chúng tôi bắt buộc

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.534.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.539.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.131.

phải chiến đấu đến cùng để giải phóng hoàn toàn đất nước”¹. Tương tự vậy, trong một bức thư gửi Tổng thống Mỹ năm 1969, Người viết: “Nhân dân Việt Nam chúng tôi rất yêu chuộng hoà bình, một nền hoà bình chân chính trong độc lập và tự do thật sự. Nhân dân Việt Nam quyết chiến đấu đến cùng, không sợ hy sinh gian khổ, để bảo vệ Tổ quốc và các quyền dân tộc thiêng liêng của mình”². Có thể nói, đây cũng là tư tưởng rất nhân văn, nhân đạo của Hồ Chí Minh.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

Trong quá trình ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh không chỉ tiếp cận được với những tư tưởng cơ bản về giải phóng dân tộc mà Người còn tiếp cận được với hệ tư tưởng mang đậm tính khoa học và nhân văn về một chế độ xã hội mà ở đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người – xã hội cộng sản chủ nghĩa. Người khẳng định mục đích của cách mạng Việt Nam là tiến đến chủ nghĩa cộng sản³. Xã hội cộng sản chủ nghĩa có hai giai đoạn: Giai đoạn thấp là *chủ nghĩa xã hội*; giai đoạn cao là *chủ nghĩa cộng sản*. Hai giai đoạn ấy giống nhau ở chỗ: Sản xuất đã phát triển cao, nền tảng kinh tế là tư liệu sản xuất đã trở thành của chung, không còn giai cấp áp bức, bóc lột. Hai giai đoạn ấy khác nhau ở chỗ: Chủ nghĩa xã hội vẫn còn chút ít vết tích của xã hội cũ còn chủ nghĩa cộng sản thì không⁴. Vì vậy, muốn tiến lên chủ nghĩa cộng sản, trước hết phải xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Trong các tác phẩm của mình, Hồ Chí Minh không để lại một định nghĩa cố định về chủ nghĩa xã hội. Với cách diễn đạt dung dị, dễ hiểu, dễ nhớ, khái niệm “chủ nghĩa xã hội” được Người tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau bằng cách chỉ ra những đặc trưng quan trọng nhất ở một lĩnh vực cụ thể nào đó, như tiếp cận ở góc độ *khát vọng của dân tộc khi đất nước còn là thuộc địa*, Người khẳng định: Chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức; ở góc độ *chính trị*: chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ của nhân dân, do nhân dân làm chủ⁵; ở góc độ *kinh tế*: chủ nghĩa xã hội có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.24.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.602.

3Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.610.

4Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.8, tr.289-290.

5Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.610; t.6, tr.232.

đại¹; ở góc độ *quan hệ giữa người với người*: chủ nghĩa xã hội đem lại tự do, bình đẳng, bác ái, xóa bỏ “những bức tường dài” ngăn cản con người đoàn kết, yêu thương nhau²; v.v. Song tất cả những cách tiếp cận ấy đều hướng đến mục tiêu cơ bản của chủ nghĩa xã hội mà theo Người: “Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát khỏi bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc”, là làm sao cho dân giàu, nước mạnh³.

So sánh các chế độ xã hội đã tồn tại trong lịch sử để thấy sự khác nhau về bản chất giữa chủ nghĩa xã hội với các chế độ xã hội khác, Hồ Chí Minh nhận thấy: “Trong xã hội có giai cấp bóc lột thống trị, chỉ có lợi ích cá nhân của một số rất ít người thuộc giai cấp thống trị là được thỏa mãn, còn lợi ích cá nhân của quần chúng lao động thì bị giày xéo. Trái lại, trong chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ, thì mỗi người là một bộ phận của tập thể, giữ một vị trí nhất định và đóng góp một phần công lao trong xã hội. Cho nên lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện được thỏa mãn”⁴.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, *xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội ở giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa. Tuy còn tồn đọng tàn dư của quá khứ nhưng xã hội xã hội chủ nghĩa không còn áp bức, bóc lột, do nhân dân lao động làm chủ, trong đó con người sống ấm no, tự do, hạnh phúc; quyền lợi của cá nhân và tập thể vừa thống nhất, vừa gắn bó chặt chẽ với nhau.*

b. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan

Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác đã chỉ ra rằng, sự phát triển của xã hội loài người là quá trình lịch sử - tự nhiên. Sự phát triển này không tuân theo ý muốn chủ quan của con người mà tuân theo những quy luật khách quan, trong đó, trước hết và quan trọng nhất là quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và quy luật về kiến trúc thượng tầng phù hợp với cơ sở hạ tầng. Theo đó, “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản là tất yếu như nhau”⁵.

1Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.372.

2Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.496.

3Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.610.

4Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.610.

5 C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.613.

Sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi, trong điều kiện lịch sử mới và từ thực tiễn những năm đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Nga, V.I.Lênin khẳng định tính đúng đắn học thuyết của C.Mác về quy luật phát triển của xã hội và nhận định: “Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ xôviết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”¹. Ở đây V.I.Lênin đã đưa ra quan điểm về hai hình thức quá độ lên chủ nghĩa xã hội: *quá độ trực tiếp* đối với các nước có chủ nghĩa tư bản phát triển cao, giai cấp công nhân đã trưởng thành và *quá độ gián tiếp* đối với các nước chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Kế thừa tư tưởng của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin để nghiên cứu về lịch sử và vận dụng vào bối cảnh xã hội Việt Nam, ngay từ năm 1953, Hồ Chí Minh đã nhận thấy: Nhìn chung, xã hội loài người đã trải qua chế độ công xã nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và sẽ tiến lên xã hội xã hội chủ nghĩa; song, lộ trình này không bắt buộc đối với tất cả các nước mà diễn ra theo hai phương thức, trong đó: Có nước thì tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội như Liên Xô; có nước thì phải kinh qua *chế độ dân chủ mới*, rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội như các nước Đông Âu, Trung Quốc, Việt Nam, v.v.² Người chỉ rõ đặc điểm của *dân chủ mới* là: Dưới sự lãnh đạo của Đảng và giai cấp công nhân, nhân dân đánh đổ đế quốc và phong kiến; trên nền tảng công nông liên minh, nhân dân lao động làm chủ nước nhà, xây dựng *nhân dân dân chủ chuyên chính*; có nhiều thành phần kinh tế; tư tưởng Mác - Lênin là tư tưởng dẫn đường, ngày càng được củng cố và phát triển; Đảng lãnh đạo thực hiện dân chủ mới và tiến dần đến chủ nghĩa xã hội; trong nước thì nhân dân quyết tâm phấn đấu, quyết tâm *tiến lên*; trên thế giới thì có phe dân chủ hòa bình ủng hộ³.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan, song, tùy theo bối cảnh cụ thể mà thời gian, phương thức tiến lên chủ nghĩa xã hội ở mỗi quốc gia sẽ diễn ra một cách khác nhau. Những nước đã qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa sẽ “đi thẳng” lên chủ nghĩa xã hội; những nước đã hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân nhưng chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa có thể bỏ qua giai đoạn này để đi lên chủ nghĩa xã hội nếu có sự lãnh đạo của Đảng, của giai cấp công nhân, xây dựng được khối liên minh công nông,

1 V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1977, t.41, tr.295.

2 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.600-601; t.8, tr.293.

3 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.8, tr.293-294.

được chủ nghĩa Mác-Lênin dẫn đường và được sự giúp đỡ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới.

Với nhận định trên, Hồ Chí Minh đã cho thấy tính chất chung của các quy luật phát triển xã hội và tính đặc thù trong sự thể hiện các quy luật đó ở những quốc gia cụ thể, trong những điều kiện cụ thể.

Đối với Việt Nam, hàng nghìn năm dưới ách thống trị tàn bạo của chế độ phong kiến, thực dân, nhiều khuynh hướng cứu dân, cứu nước đã được thử nghiệm nhưng đều không đem lại kết quả cuối cùng mà dân tộc khát khao đạt được. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới là nguồn gốc của tự do, bình đẳng, bác ái, xóa bỏ được những bức tường dài ngăn cản con người đoàn kết, yêu thương nhau¹. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nhân loại nói chung, của Việt Nam nói riêng vừa là một tất yếu của lịch sử, vừa đáp ứng được khát vọng của các dân tộc bị áp bức, bóc lột, của những lực lượng tiến bộ trong quá trình đấu tranh tự giải phóng mình.

c. Một số đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa

Là xã hội có bản chất khác hẳn các xã hội khác đã tồn tại trong lịch sử, xã hội xã hội chủ nghĩa có nhiều đặc trưng; song, nếu tiếp cận từ những lĩnh vực lớn của xã hội, theo Hồ Chí Minh, xã hội xã hội chủ nghĩa có một số đặc trưng cơ bản sau:

Thứ nhất, về chính trị: Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội có chế độ dân chủ.

Chế độ dân chủ trong xã hội xã hội chủ nghĩa được thể hiện trước hết là xã hội do nhân dân làm chủ, nhân dân là chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản trên nền tảng liên minh công - nông. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, địa vị cao nhất là nhân dân. Nhà nước là của dân, do dân và vì dân. Mọi quyền lợi, quyền lực, quyền hạn thuộc về nhân dân và mọi hoạt động xây dựng, bảo vệ đất nước, bảo vệ chế độ xã hội cũng thuộc về nhân dân².

Những tư tưởng cơ bản về đặc trưng chính trị trong xã hội xã hội chủ nghĩa nêu trên không chỉ cho thấy tính nhân văn cao cả của Hồ Chí Minh mà còn cho thấy Hồ Chí Minh nhận thức rất sâu sắc về sức mạnh, địa vị và vai trò của nhân dân; về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội khi Đảng lãnh đạo dựa vào nhân dân, huy động được nhân lực, tài lực, trí lực của nhân dân để đem lại lợi ích cho nhân dân.

Liên quan đến vấn đề dân chủ, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ: Để tiến tới chủ nghĩa xã hội, trong giai đoạn thứ nhất của cách mạng vô sản, giai cấp vô sản phải “giành lấy dân chủ” để thực hiện nền

¹Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.496.

² Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr.10; t.7, tr.434; t.6, tr.232; t.8, tr. 293; t.12, tr.375; v.v.

chuyên chính của mình¹. Kế thừa và phát triển tư tưởng trên, Hồ Chí Minh cho rằng, chế độ nào cũng có chuyên chính; song, sự khác nhau cơ bản giữa chuyên chính trong chế độ xã hội chủ nghĩa với chuyên chính trong các chế độ khác ở chỗ: Chuyên chính ở chế độ phong kiến, tư bản là chuyên chính của số ít người đối với đại đa số nhân dân, còn chuyên chính dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là chuyên chính của đại đa số nhân dân đối với thiểu số phản động chống lại lợi ích của nhân dân². Người gọi chuyên chính này là *nhân dân dân chủ chuyên chính* và giải thích “*nhân dân dân chủ chuyên chính*, nghĩa là dân chủ với nhân dân, chuyên chính (trừng trị) bọn phản động”³. Về tầm quan trọng của *nhân dân dân chủ chuyên chính*, Người chỉ rõ: “Như cái hòm đựng của cải thì phải có khóa. Nhà thì phải có cửa. Khóa và cửa để phòng kẻ gian ăn trộm. *Dân chủ* là của quý báu nhất của nhân dân, *chuyên chính* là cái khóa, cái cửa để phòng kẻ phá hoại, nếu hòm không có khóa, nhà không có cửa thì sẽ mất cắp hết. Cho nên có cửa phải có khóa, có nhà phải có cửa. Thế thì dân chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ gìn lấy dân chủ”⁴.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, trong chủ nghĩa xã hội, *dân chủ* và *nhân dân dân chủ chuyên chính* là hai mặt của một vấn đề, là hai yếu tố không thể tách khỏi nhau để dân chủ được thực hiện và được bảo vệ trong hiện thực.

Thứ hai, về kinh tế: Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản nên chủ nghĩa xã hội phải có nền kinh tế phát triển cao hơn nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản; đây là nền kinh tế dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên tiến.

Đặt trong bối cảnh xã hội đương thời, lực lượng sản xuất hiện đại được Hồ Chí Minh diễn đạt là công cụ lao động, phương tiện lao động trong quá trình sản xuất “đã phát triển dần đến máy móc, sức điện, sức nguyên tử”⁵. Về quan hệ sản xuất, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh đến quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất bởi đây là yếu tố thuộc quan hệ giữa người với người trong lĩnh vực kinh tế. Người chỉ rõ, chính chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất cơ bản là nguồn gốc trực tiếp dẫn đến hiện tượng người bóc lột người nên chủ nghĩa xã hội phải từng bước xóa bỏ chế độ sở

1 Xem C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.626.

2 Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.456-457.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.8, tr.293.

4 Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.457.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.600.

hữu này. Trong nền kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “trước kia ruộng đất là của địa chủ, nông dân cứ cúi đầu làm lụng suốt ngày, gặt bao nhiêu thì nộp cho địa chủ hết”¹; ngày nay, xây dựng chủ nghĩa xã hội thì máy móc, ruộng đất, xe lửa, ngân hàng, v.v. phải là của nhân dân, nhân dân phải là chủ sở hữu về tư liệu sản xuất để làm chung, hưởng chung². Đây là tư tưởng Hồ Chí Minh về chế độ công hữu tư liệu sản xuất chủ yếu trong chủ nghĩa xã hội.

Thứ ba, về văn hóa, đạo đức và các quan hệ xã hội, xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội có trình độ phát triển cao về văn hoá và đạo đức, bảo đảm sự công bằng, hợp lý trong các quan hệ xã hội.

Trình độ phát triển cao về văn hóa và đạo đức của chủ nghĩa xã hội thể hiện trước hết trong các quan hệ xã hội; đây là xã hội không còn hiện tượng người bóc lột người; con người được tôn trọng, được đảm bảo đối xử công bằng, bình đẳng; được tạo điều kiện để phát huy năng lực của mình và các dân tộc đoàn kết, gắn bó với nhau.

So sánh giữa các chế độ xã hội, Hồ Chí Minh nhận thấy: Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới “chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn”³; “chỉ ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình”⁴. Chủ nghĩa xã hội là cơ sở, là tiền đề để tiến tới chế độ xã hội bình đẳng, bác ái, không còn phân biệt chủng tộc, không còn gì ngăn cản những người lao động hiểu nhau và thương yêu nhau⁵.

Chủ nghĩa xã hội bảo đảm tính công bằng và hợp lý trong các quan hệ xã hội. Đây là xã hội đem lại quyền bình đẳng trước pháp luật cho mọi công dân; mọi cộng đồng người đoàn kết chặt chẽ trên cơ sở bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ; ai cũng phải lao động và ai cũng có quyền lao động⁶, ai cũng được hưởng thành quả lao động của mình trên nguyên tắc làm nhiều thì hưởng nhiều, làm ít thì hưởng ít, không làm thì không hưởng, tất nhiên là trừ những người chưa có khả năng lao động hoặc không còn khả năng lao động⁷.

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.388.

2 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.389 - 390.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.610.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.610.

5 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.496.

6 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.377, 371; t.11, tr.241.

7 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.390.

Thứ tư, chủ thể xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Từ khi xã hội có giai cấp là có đấu tranh giai cấp. Đây là cuộc đấu tranh của những giai cấp bị trị, bị bóc lột chống lại những giai cấp thống trị nhằm thủ tiêu chế độ người bóc lột người. Khác với các chế độ xã hội trước đó, chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ của nhân dân, do nhân dân làm chủ, trong đó lợi ích của cá nhân gắn liền với lợi ích xã hội nên tiến lên chủ nghĩa xã hội không chỉ là “yêu cầu cấp bách của hàng chục triệu người lao động” mà nó còn là “công trình tập thể của quần chúng lao động”¹. Chính nhân dân là lực lượng xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng như quyết định tốc độ xây dựng và sự vững mạnh của chủ nghĩa xã hội. Song, giống như trong một dàn nhạc cần có người nhạc trưởng, trên con tàu cần có người thuyền trưởng và chủ nghĩa Mác-Lênin là “khoa học về thắng lợi của chủ nghĩa xã hội”² nên trong sự nghiệp xây dựng này, Hồ Chí Minh khẳng định: Cần có sự lãnh đạo của một *đảng cách mạng chân chính, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân*, biết vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước mình thì mới có thể đưa cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công³.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Mục tiêu về chế độ chính trị: Phải xây dựng được chế độ dân chủ.

Ngay từ thời cổ đại, *dân chủ* với tư cách là *quyền lực thuộc về nhân dân* đã là khát vọng của nhân dân lao động nhưng cho đến xã hội tư bản chủ nghĩa, khát vọng đó vẫn chỉ là khát vọng. Giai cấp chủ nô, giai cấp địa chủ phong kiến, giai cấp tư sản đã thiết lập bộ máy nhà nước để duy trì sự thống trị của mình và trên thực tế đã tước đoạt hết quyền lực của nhân dân lao động. Chính vì vậy *thực thi dân chủ*, thực thi quyền lực của nhân dân thể hiện bản chất của chủ nghĩa xã hội, làm cho chế độ xã hội chủ nghĩa khác về căn bản so với các chế độ trước nó.

Trong mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định và giải thích: “Chế độ ta là chế độ *dân chủ*. Tức là nhân dân làm chủ”⁴, “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”⁵.

1 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.609.

2 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.96.

3 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.391.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr.10.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.434.

Khi khẳng định “dân làm chủ” và “dân là chủ”, Hồ Chí Minh đã khẳng định quyền lợi và quyền hạn, trách nhiệm và địa vị của nhân dân. Người chỉ rõ: Tất cả lợi ích đều vì dân, tất cả quyền hạn đều của dân, công cuộc đổi mới là *trách nhiệm của dân*, sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước là *công việc của dân*, các cấp chính quyền *do dân cử ra*, các tổ chức đoàn thể *do dân tổ chức nên*¹; “Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”², “Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*”³.

Mục tiêu về kinh tế: Phải xây dựng được nền kinh tế phát triển cao gắn bó mật thiết với mục tiêu về chính trị.

Khái quát mục tiêu về kinh tế của chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Hồ Chí Minh chỉ rõ: Đây phải là nền kinh tế phát triển cao “với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học kỹ thuật tiên tiến”⁴, là “một nền kinh tế thuần nhất, dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể”⁵. Mục tiêu này phải gắn bó chặt chẽ với mục tiêu về chính trị vì “Chế độ kinh tế và xã hội của chúng ta nhằm thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, trên cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển”⁶. Để đảm bảo cho sự gắn bó này, Người xác định: Kinh tế quốc doanh lãnh đạo nền kinh tế quốc dân và kinh tế hợp tác xã là hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động nên Nhà nước phải đảm bảo ưu tiên cho kinh tế quốc doanh phát triển và phải đặc biệt khuyến khích, hướng dẫn, giúp đỡ kinh tế hợp tác xã⁷.

Mục tiêu về văn hoá: Phải xây dựng được nền văn hóa mang tính dân tộc, khoa học, đại chúng và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Hồ Chí Minh cho rằng mối quan hệ giữa văn hóa với chính trị và kinh tế là mối quan hệ biện chứng. Trong mối quan hệ này, chế độ chính trị và kinh tế là nền tảng và quyết định tính chất của văn hóa; còn văn hóa góp phần thực hiện mục tiêu của chính trị và kinh tế. Người đã từng nói: “Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị”⁸ và “Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội phải phát triển kinh tế và văn hóa. Vì sao không

1 Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.232.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.375.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.232.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.372.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.372.

6 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.376.

7 Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.373.

8 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr. 246.

nói phát triển văn hóa và kinh tế. Tục ngữ ta có câu: có thực mới vực được đạo, vì thể kinh tế phải đi trước”¹.

Về vai trò của văn hóa, Người khẳng định: Trình độ văn hóa của nhân dân được nâng cao sẽ góp phần phát triển dân chủ, góp phần xây dựng nước ta thành một nước hòa bình, thống nhất độc lập, dân chủ và giàu mạnh².

Theo Người, “để phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa thì văn hóa phải xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức”³; xây dựng văn hóa dân tộc phải chú ý đến: 1) Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường; 2) Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng; 3) Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội; 4) Xây dựng chính trị: dân quyền; 5) Xây dựng kinh tế⁴.

Trong quá trình xây dựng nền văn hóa mới, Hồ Chí Minh cho rằng phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc; đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới, để nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng⁵.

Mục tiêu về các quan hệ xã hội: Phải bảo đảm dân chủ, công bằng, văn minh.

Chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là chế độ “dân làm chủ”, “dân là chủ” nên theo Hồ Chí Minh, với tư cách làm chủ, là chủ của đất nước, nhân dân phải làm tròn nhiệm vụ của người chủ để xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó mọi người đều có quyền làm việc; có quyền nghỉ ngơi; có quyền học tập; có quyền tự do thân thể; có quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội, biểu tình; có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào; có quyền bầu cử, ứng cử. Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước đảm bảo quyền tự do dân chủ cho công dân, nhưng nghiêm cấm lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của nhân dân⁶.

Những tư tưởng trên biểu hiện xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn để mỗi người có

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.470.

2 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.458-459.

3 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.471.

4 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.458.

5 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.40.

6 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.377 - 378.

điều kiện cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình trong sự hài hòa với đời sống chung, lợi ích chung của tập thể.

b. Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Để đạt được những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh cho rằng, phải nhận thức, vận dụng và phát huy tối ưu các động lực. Trong tư tưởng của Người, hệ thống động lực thúc đẩy tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa rất phong phú, bao hàm những động lực cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai; cả về vật chất và tinh thần, nội lực và ngoại lực, v.v. ở tất cả các lĩnh vực như kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, giáo dục, v.v. Tất cả các động lực đều rất quan trọng và có mối quan hệ biện chứng với nhau nhưng giữ vai trò quyết định là nội lực dân tộc, là nhân dân nên để thúc đẩy tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa phải đảm bảo *lợi ích của dân, dân chủ của dân, sức mạnh đoàn kết toàn dân qua hoạt động của những cộng đồng người và những con người Việt Nam cụ thể*. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đây là những động lực hàng đầu của chủ nghĩa xã hội.

Về lợi ích của dân, Hồ Chí Minh quan tâm đến lợi ích của cả cộng đồng người và lợi ích của những con người cụ thể vì Người cho rằng đây là một trong những điểm khác nhau cơ bản giữa chủ nghĩa xã hội với những chế độ xã hội trước nó. Người nhận thấy trong xã hội xã hội chủ nghĩa mỗi người giữ một vị trí nhất định, đóng góp một phần công lao nhất định vì nhân dân lao động đã thoát khỏi bần cùng, có công ăn việc làm, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, mỗi người có điều kiện cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách và sở trường riêng của mình, nên ngay từ những ngày đầu xây dựng chế độ xã hội mới, Người nhấn mạnh: “việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh”, “phải đặt quyền lợi của dân lên trên hết”¹.

Về dân chủ, theo Hồ Chí Minh, dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân²; “địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”. Với tư cách là những động lực thúc đẩy tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, lợi ích của dân và dân chủ của dân không thể tách rời nhau.

Về sức mạnh đoàn kết toàn dân, Hồ Chí Minh cho rằng đây là lực lượng mạnh nhất trong tất cả các lực lượng và chủ nghĩa xã hội chỉ có thể xây dựng được với sự giác ngộ đầy đủ của nhân dân về quyền lợi và quyền hạn, trách nhiệm và địa vị dân chủ của mình; với sự lao động sáng tạo của hàng chục triệu quần chúng

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.50- 51.

2Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.10, tr.457; t.7, tr.434.

nhân dân¹. Chính vì vậy, ngay trong buổi ra mắt Đảng Lao động Việt Nam ngày 3-3-1951, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc”². Theo Người, đoàn kết toàn dân tộc là đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là cái gốc của đại đoàn kết³. Người còn chỉ rõ: Ai có tài, có đức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ; ngay cả những người trước đây chống đối ta nhưng bây giờ họ thật thà, tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ. Phải lấy công tác mà củng cố đoàn kết. Phải lấy đoàn kết mà đẩy mạnh công tác⁴.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, *lợi ích của dân, dân chủ của dân, đoàn kết toàn dân gắn bó hữu cơ với nhau, là cơ sở, là tiền đề của nhau, tạo nên những động lực mạnh mẽ nhất trong hệ thống những động lực của chủ nghĩa xã hội*. Song, những yếu tố trên chỉ có thể phát huy được sức mạnh của mình thông qua hoạt động của những cộng đồng người và những con người Việt Nam cụ thể.

Về hoạt động của những tổ chức, trước hết là Đảng Cộng sản, Nhà nước và các tổ chức chính trị-xã hội khác, trong đó sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản giữ vai trò quyết định. Theo Hồ Chí Minh, Đảng như người cầm lái, người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy⁵. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước là tổ chức đại diện cho ý chí và quyền lực của nhân dân, thực hiện chức năng quản lý xã hội để biến đường lối, chủ trương của Đảng thành hiện thực⁶. Các tổ chức chính trị-xã hội với tư cách là các tổ chức quần chúng tuy có những nội dung và phương thức hoạt động khác nhau nhưng đều nhất quán về chính trị và tư tưởng dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước; hoạt động vì lợi ích của các thành viên của mình trong sự thống nhất với lợi ích của dân tộc. Với những cộng đồng này, Người cũng luôn nhắc nhở phải không ngừng nêu cao cảnh giác, phải chống cả kẻ địch bên ngoài tìm cách phá hoại thành quả của cách mạng và phải chống cả kẻ địch bên trong là chủ nghĩa cá nhân; chống tư tưởng “làm quan cách mạng”⁷.

1 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr. 453; t.11, tr. 93.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.49.

3 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 9, tr.244.

4 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 9, tr.244.

5 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.289.

6 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.64-65; t.7, tr.434; t.10, tr.572; t.12, tr.370,376.

7 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr.68; t.10, tr. 572; v.v.

Về con người Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*”¹. Đây là *những con người của chủ nghĩa xã hội, có tư tưởng và tác phong xã hội chủ nghĩa*². Trong bài nói chuyện tại Hội nghị bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo các cấp toàn miền Bắc do Ban Bí thư Trung ương Đảng triệu tập từ ngày 13 tháng 3 đến ngày 21 tháng 3 năm 1961, Hồ Chí Minh giải thích rất chi tiết, cụ thể về tư tưởng, tác phong xã hội chủ nghĩa; cuối cùng Người khái quát: Những tư tưởng và tác phong mới mà mỗi người cần bồi dưỡng cho mình là: Có ý thức làm chủ nhà nước, có tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa và tư tưởng “mình vì mọi người, mọi người vì mình”; có quan điểm “tất cả phục vụ sản xuất”; có ý thức cần kiệm xây dựng nước nhà; có tinh thần tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội và phải chống lại những tư tưởng, tác phong xấu là: Chủ nghĩa cá nhân; quan liêu, mệnh lệnh; tham ô, lãng phí; bảo thủ, rụt rè³.

Như vậy, cùng với việc xác định và định hướng phát huy sức mạnh những động lực của chủ nghĩa xã hội, đối với các cộng đồng người và với những con người Việt Nam cụ thể, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở phải ngăn chặn, loại trừ những lực cản của những động lực này. Nhìn chung, trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, quan điểm “xây đi đôi với “chống” cũng là một trong những quan điểm xuyên suốt tư tưởng Hồ Chí Minh, là một trong những nét đặc sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a. Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ

Tính chất của thời kỳ quá độ: Đây là thời kỳ cải biến sâu sắc nhất nhưng phức tạp, lâu dài, khó khăn, gian khổ.

Theo Hồ Chí Minh, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là thời kỳ cải biến xã hội cũ thành xã hội mới – một xã hội hoàn toàn chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Thời kỳ mà dân tộc ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm; phải xóa bỏ giai cấp bóc lột; phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc. Trong điều kiện nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu, mới thoát khỏi ách thực dân, phong kiến nên nó là công cuộc biến đổi sâu sắc nhất, khó khăn nhất, thậm chí còn khó khăn, phức tạp hơn cả việc đánh giặc⁴, vì vậy, tiến

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr. 66.

2 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr.66.

3 Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr.65-72.

4 Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.91-92, 405.

lên chủ nghĩa xã hội không thể một sớm một chiều, không thể làm mau được mà phải làm dần dần¹.

Đặc điểm của thời kỳ quá độ: Đặc điểm lớn nhất của thời kỳ quá độ ở Việt Nam là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Bước vào thời kỳ quá độ, Việt Nam cũng có những đặc điểm giống như đặc điểm của các nước khác khi bước vào thời này như sự tồn tại đan xen giữa các yếu tố của xã hội cũ bên cạnh những yếu tố của xã hội mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống mà ở giai đoạn đầu, khi các yếu tố của xã hội cũ còn cụm lại thành một thế lực thì có khi nó còn chiến thắng những yếu tố của xã hội mới vừa xuất hiện, v.v.; song, từ thực tế của xã hội Việt Nam, Hồ Chí Minh nhận thấy “*đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa*”². Cùng với những đặc điểm khác và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, đặc điểm này quy định nhiệm vụ của dân tộc ta trong thời kỳ quá độ.

Nhiệm vụ của thời kỳ quá độ: Đấu tranh cải tạo, xóa bỏ tàn tích của chế độ xã hội cũ, xây dựng các yếu tố mới phù hợp với quy luật tiến lên chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống; trong đó:

Về chính trị, phải xây dựng được chế độ dân chủ vì đây là bản chất của chủ nghĩa xã hội. Muốn xây dựng được chế độ này, theo Hồ Chí Minh, phải chống tất cả các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, trước hết ở trong Đảng, trong bộ máy chính quyền từ cấp cơ sở đến Trung ương đồng thời phải bồi dưỡng, giáo dục để nhân dân có tri thức, có năng lực làm chủ chế độ xã hội³.

Về kinh tế, trong bối cảnh nền kinh tế của nước ta còn nghèo nàn, kỹ thuật còn lạc hậu, Hồ Chí Minh xác định nhiệm vụ quan trọng nhất của thời kỳ quá độ là phải cải tạo nền kinh tế cũ, xây dựng nền kinh tế mới có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại. Đây là quá trình xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Giữa cải tạo và xây dựng thì xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài⁴ và phải luôn gắn với việc thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân⁵.

1 Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.390, 392.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.411.

3 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.21, tr.40-41; t.5, tr. 269-346; t.15, tr.546-548; v.v.

4 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.412.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.376.

Về văn hóa, phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc; đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng¹.

Về các quan hệ xã hội, phải thay đổi triệt để những quan hệ cũ đã trở thành thói quen trong lối sống, nếp sống của con người; phải xây dựng được một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn để mỗi người có điều kiện cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng trong sự hài hòa với đời sống chung, với lợi ích chung của tập thể².

b. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ

Xác định xây dựng chủ nghĩa xã hội là quá trình sâu sắc nhưng phức tạp, lâu dài, khó khăn, gian khổ, đòi hỏi tính năng động, sáng tạo; song, theo Hồ Chí Minh, tính năng động, sáng tạo ấy phải tuân thủ nhiều nguyên tắc, trước hết là:

Thứ nhất, mọi tư tưởng, hành động phải được thực hiện trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin.

Hồ Chí Minh nhận định: Chủ nghĩa Mác-Lênin là sự tổng kết kinh nghiệm của phong trào công nhân từ trước đến nay của tất cả các nước, là khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bóc lột, là khoa học về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, khoa học về xây dựng chủ nghĩa cộng sản³ nên theo Người, cuộc cách mạng mà giai cấp công nhân thực hiện chỉ có thể đạt được thành tựu trên cơ sở trung thành sắt đá với những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin⁴. Đề cập đến tầm quan trọng của chủ nghĩa Mác-Lênin, Người thường nhắc: “Không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng”, “chỉ có một đảng có lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có thể làm tròn được vai trò chiến sĩ tiên phong”⁵. Chính vì vậy Người luôn nhắc nhở, khuyến khích, động viên mọi người phải không ngừng học tập để nâng cao trình độ về chủ nghĩa Mác-Lênin. Người còn chỉ rõ: Học chủ nghĩa Mác-Lênin không phải học để thuộc từng câu, từng chữ mà học lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin, phải gắn lý luận Mác-Lênin với

1 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.40.

2 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.92;t.12, tr.377-378.

3 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.96.

4 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.159 - 160.

5 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.93.

thực tiễn nếu không muốn nó trở thành lý luận suông và phải cụ thể hóa nó cho thích hợp với điều kiện hoàn cảnh từng nơi, từng lúc¹.

Thứ hai, phải giữ vững độc lập dân tộc.

Tự do cho đồng bào, độc lập cho Tổ quốc là mục đích của Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước. Khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Người đã khẳng định “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”². Ngay cả điều mong muốn cuối cùng của Người trước khi từ trần cũng là đất nước thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh³ vì trong tư tưởng của Người, đối với một dân tộc thì “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”⁴. Độc lập dân tộc là mục tiêu trước hết của mỗi dân tộc; còn đặt trong mối quan hệ với chủ nghĩa xã hội thì độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc trường tồn với đầy đủ ý nghĩa chân chính của nó.

Thứ ba, phải đoàn kết, học tập kinh nghiệm của các nước anh em.

Xác định “Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của lực lượng hòa bình, dân chủ, xã hội chủ nghĩa trên thế giới”⁵, Hồ Chí Minh quan niệm “sự đoàn kết giữa lực lượng các nước xã hội chủ nghĩa và sự đoàn kết nhất trí giữa các đảng cộng sản và công nhân tất cả các nước có ý nghĩa quan trọng bậc nhất”⁶. Trong sự đoàn kết này, cách mạng Việt Nam phải học tập kinh nghiệm của các nước anh em để trong quá trình cải tạo và xây dựng đất nước chúng ta đỡ bớt mò mẫm, đỡ bớt sai lầm. Người cũng chỉ rõ, học tập kinh nghiệm không có nghĩa là áp đặt những kinh nghiệm ấy một cách máy móc mà phải vận dụng nó một cách sáng tạo cho phù hợp với hoàn cảnh của đất nước ta⁷. Đương thời, mặc dù đánh giá rất cao thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, song Hồ Chí Minh khẳng định: “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác.... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội”⁸.

Thứ tư, xây phải đi đôi với chống.

1 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.95.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.3.

3 Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.624.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.130.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.674.

6 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.675.

7 Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.92.

8 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.391.

Theo Hồ Chí Minh, muốn đạt được và giữ được thành quả của cách mạng thì cùng với việc xây dựng các lĩnh vực của đời sống xã hội phải chống lại mọi hình thức của các thế lực cản trở, phá hoại sự phát triển của cách mạng. Người căn dặn: “đối với kẻ địch phải luôn tỉnh táo, giữ vững lập trường, quyết không vì hoàn cảnh hòa bình mà mất cảnh giác. Phải luôn sẵn sàng đập tan mọi âm mưu độc ác của kẻ địch, bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ lao động hòa bình của nhân dân”¹. Phải chống lại “căn bệnh” “Nghe những lời bình luận không đúng cũng làm thình, không biện bác... Ai nói sao, ai làm gì cũng mặc kệ”². Đối với tàn dư của xã hội cũ “... phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm”³. Đối với mỗi người phải đánh thắng kẻ địch bên trong là chủ nghĩa cá nhân bởi chủ nghĩa cá nhân như một thứ vi trùng độc hại, sản sinh ra bệnh tham lam, bệnh kiêu ngạo, bệnh háo danh, bệnh vô tổ chức, vô kỷ luật, v.v. – những thứ bệnh không chỉ làm hại cho người đó mà còn làm hại đến nhân dân, đến tổ chức Đảng⁴.

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội

Vào đầu thế kỷ XX vấn đề giải phóng dân tộc là vấn đề cấp bách, sống còn của dân tộc Việt Nam. Những phong trào yêu nước chống thực dân Pháp lúc bấy giờ lâm vào hoàn cảnh “một trăm lần thất bại mà không một lần thành công”. Sự thất bại một mặt là do đường lối cách mạng sai lầm, thiếu một giai cấp tiên tiến lãnh đạo cách mạng, mặt khác là không nhận thức và đi theo quy luật phát triển của thời đại nhất là sau Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917.

Trong bối cảnh đó, Hồ Chí Minh đã tiếp thu và vận dụng sáng tạo lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong việc xác định phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam, trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng* (1930), Người “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Tư tưởng trên của Người xuất phát từ nhận thức thực tế nước ta là một nước thuộc địa và phong kiến, cho nên nhiệm vụ đầu tiên của cách mạng phải là tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng tức đánh đổ đế quốc – phong kiến rồi sau đó mới quá độ lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Vậy, theo Hồ Chí Minh độc lập dân tộc sẽ là mục tiêu đầu tiên của cách mạng,

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr.68.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.298.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.92.

4 Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.294-296.

là cơ sở là tiền đề cho mục tiêu tiếp theo: xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Tư tưởng trên của Hồ Chí Minh đúng đắn và sáng tạo vì không chỉ đáp ứng được yêu cầu khách quan, cụ thể của cách mạng Việt Nam mà còn phù hợp với qui luật phát triển của thời đại.

Mặt khác, theo Hồ Chí Minh độc lập dân tộc bao gồm cả nội dung dân tộc và dân chủ; độc lập dân tộc cũng phải gắn liền với tự do, cơm no, áo ấm, hòa bình; độc lập phải gắn liền với thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Cho nên, khi đề cao mục tiêu độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh không coi đó là mục tiêu cuối cùng của cách mạng, mà là tiền đề cho một cuộc cách mạng tiếp theo - cách mạng xã hội chủ nghĩa, cuộc cách mạng mang lại hạnh phúc, cơm no, áo ấm cho nhân dân. Vì vậy, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân càng sâu sắc, triệt để thì càng tạo ra những tiền đề thuận lợi, sức mạnh to lớn cho cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hơn nữa, cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam ngay từ đầu đã được Hồ Chí Minh xác định đi theo con đường cách mạng vô sản, cho nên bản thân cuộc cách mạng này đã mang tính định hướng xã hội chủ nghĩa, được nhân dân đồng thuận và tin tưởng. Độc lập dân tộc vì vậy không những là tiền đề mà còn là nguồn sức mạnh to lớn cho cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc mà dân vẫn không có cơm ăn, áo mặc, không được học hành thì độc lập đó không có ý nghĩa gì, độc lập đó trước sau gì cũng không tồn tại, cho nên sau khi tiếp thu học thuyết cách mạng vô sản, Người khẳng định: độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Năm 1960, Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định : chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ. Kết hợp lí luận chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn Việt Nam, Hồ Chí Minh cho rằng, chủ nghĩa xã hội trước hết là một chế độ dân chủ, do nhân dân làm chủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tư tưởng này thể hiện điểm khác biệt và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội so với các chế độ chính trị trước đó. Chế độ dân chủ thể hiện trong tất cả mọi mặt của đời sống xã hội từ chính trị, kinh tế đến văn hóa, xã hội... và được thể chế hoá bằng hiến pháp, pháp luật, đây là điều kiện quan trọng nhất để bảo đảm nền độc lập dân tộc, tạo ra nền tảng ý thức xã hội bảo vệ chủ quyền dân tộc, kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu thôn tính, đe dọa nền độc lập, tự do của dân tộc. Và cũng chính chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa đã làm cho người dân tin tưởng, thiết tha với chế độ hơn, kiên định với mục tiêu chiến lược mà Hồ Chí Minh vạch ra cho cách mạng Việt Nam: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Mặt khác, theo Hồ Chí Minh chủ nghĩa xã hội còn là một xã hội đạt tới mức hoàn chỉnh, hoàn toàn tốt đẹp, là một chế độ không còn tình trạng người bóc lột người, một xã hội bình đẳng, công bằng và hợp lý: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng, bảo đảm phúc lợi xã hội cho người già, trẻ em và những người còn khó khăn trong cuộc sống; mọi người đều có điều kiện để phát triển như nhau. Chủ nghĩa xã hội theo Người, còn là một xã hội có nền kinh tế phát triển cao, gắn liền với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, là một xã hội phát triển cao về đạo đức và văn hoá, thể hiện những giá trị tư tưởng, truyền thống quý báu của dân tộc và hơn thế nữa là một chế độ có mối quan hệ hữu nghị, hòa bình sẵn sàng đoàn kết với các nước trên thế giới đấu tranh vì mục tiêu chung của cách mạng: độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội với chế độ công hữu về tư liệu sản xuất cũng sẽ đi đến xoá bỏ hoàn toàn, tận gốc mọi sự áp bức, bóc lột, bất công về giai cấp, dân tộc.

Tóm lại, theo Hồ Chí Minh, xây dựng chủ nghĩa xã hội là xây dựng những cơ sở vững chắc về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội cho sự phát triển đất nước và nó cũng là nền tảng, điều kiện để bảo vệ nền độc lập dân tộc.

3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, theo Hồ Chí Minh cần có những điều kiện cơ bản sau:

Một là, phải bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt tiến trình cách mạng từ cách mạng giải phóng dân tộc đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Hai là, phải củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc mà nền tảng là khối liên minh công - nông - trí, đây được coi là mục tiêu và nhiệm vụ chiến lược hàng đầu của cách mạng.

Ba là, phải đoàn kết quốc tế. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, đoàn kết gắn bó chặt chẽ với cách mạng thế giới.

Ba điều kiện trên thống nhất biện chứng với nhau, trong đó điều kiện đầu tiên - sự lãnh đạo của Đảng là quan trọng nhất quyết định sự thành công của cách mạng, góp phần giữ vững nền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định

Tiến tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là quá trình hợp quy luật, phù hợp với khát vọng của nhân dân Việt Nam, là sự lựa chọn đúng đắn của Hồ Chí Minh và sự khẳng định của Đảng Cộng sản Việt Nam. Xuất phát từ bối cảnh trong nước và quốc tế, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Đảng đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Cương lĩnh năm 1991. Đến Đại hội XI năm 2011, bổ sung, phát triển). Trong Cương lĩnh, từ thực tiễn phong phú của cách mạng Việt Nam, Đảng đã rút ra những bài học, mà bài học đầu tiên là phải “*Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội – ngọn cờ quang vinh mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau*”¹. Đảng nhận thức rõ: “Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau”².

Cương lĩnh đã xác định những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân ta xây dựng, những mối quan hệ cơ bản mà nhân dân ta phải giải quyết trong giai đoạn hiện nay để từng bước làm cho những đặc trưng cơ bản đó trở thành hiện thực. Sự thống nhất giữa tính kiên định và đổi mới, khoa học và cách mạng, trí tuệ và tình cảm, hiện tại và tương lai của cương lĩnh là định hướng cho cả dân tộc thực hiện mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định.

Trong bối cảnh đất nước phải đối mặt với tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp địa phận, không phận, hải phận và tài nguyên, v.v. tiếp tục diễn ra gay gắt và phức tạp, cần quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng là: “Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa luôn gắn bó chặt chẽ, mật thiết với nhau; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân, Công an nhân dân là nòng cốt”³.

2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa

Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa là phát huy sức mạnh bản chất ưu việt của chế độ xã hội; là bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; là dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời

1 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.65.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.65.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.32-33.

sống để nhân dân tham gia vào tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa không tách rời quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân theo tinh thần của Hiến pháp hiện hành; không tách rời với việc tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân và đạo đức xã hội, phê phán những biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức và xử lý nghiêm minh những hành vi lợi dụng dân chủ làm mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cũng như tất cả những hành vi vi phạm quyền dân và quyền làm chủ của nhân dân¹.

3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị

Đặc điểm của hệ thống chính trị ở Việt Nam là tính nhất nguyên và tính thống nhất: Nhất nguyên về chính trị, về tổ chức, về tư tưởng; thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, thống nhất về mục tiêu chính trị. Các tổ chức trong hệ thống chính trị ở Việt Nam có tính chất, vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ khác nhau, phương thức hoạt động khác nhau nhưng gắn bó mật thiết với nhau tạo nên một thể thống nhất, phát huy sức mạnh để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện.

Như vậy, củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị thực chất là để nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được thực hiện, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy đầy đủ.

4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ

Đảng đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam thu được nhiều thành tựu vĩ đại trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và trong sự nghiệp đổi mới. Song, chỉ trong một thời gian rất ngắn so với lịch sử của Đảng, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đã xuất hiện và trở nên nghiêm trọng. Nếu không ngăn

¹ Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.36-39, tr.156-170.

chặn, đẩy lùi sự suy thoái này sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng².

Hồ Chí Minh chưa sử dụng những khái niệm như “suy thoái” tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nhưng đã đề cập nhiều “căn bệnh” biểu hiện của nó và đã cảnh báo về tác hại của những “căn bệnh” này. *Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ* nói riêng và thực hiện có hiệu quả toàn bộ công tác xây dựng Đảng nói chung là những hành động cụ thể, đặt trong bối cảnh cụ thể mà Đảng tiếp tục thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh để Đảng xứng đáng là Đảng cầm quyền, thực hiện được nhiệm vụ của Đảng cầm quyền trong sự nghiệp xây dựng đất nước với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh để giữ vững nền độc lập dân tộc trên con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

1. Phân tích tính đúng đắn và sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
2. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
3. Nêu bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay và những yêu cầu cơ bản trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam – Ban Chấp hành Trung ương – Ban Chỉ đạo tổng kết: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.

² Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.29, 65.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
5. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1979 – 1981.
6. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
7. Jean Lacouture: *Ho Chi Minh*, Ed. Seuil, Paris, 1967.
8. Pierre Brocheux: *Ho Chi Minh*, Presses des Sciences Politiques, Paris, 2000.

Chương IV

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN

MỤC TIÊU

- Về kiến thức

Trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và về Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

- Về kỹ năng

Góp phần bồi dưỡng cho sinh viên kỹ năng phân tích một cách khoa học những vấn đề về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong thời kỳ đổi mới của đất nước.

- Về tư tưởng

Góp phần làm cho sinh viên tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự quản lý của Nhà nước Việt Nam giai đoạn kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập, toàn cầu hóa.

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Tính tất yếu sự ra đời, phát triển của Đảng và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và phát triển là một tất yếu, phù hợp với quy luật vận động của xã hội Việt Nam. Ở Hồ Chí Minh, việc khẳng định tính tất yếu sự ra đời, phát triển và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là quan điểm nhất quán, xuyên suốt trong cả quá trình hoạt động cách mạng của Người. Khi tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp và trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam vào tháng 12 năm 1920, Hồ Chí Minh bắt tay vào việc chuẩn bị về mọi mặt cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tác phẩm *Đường cách mệnh*, một cuốn sách của Hồ Chí Minh được xuất bản tại Quảng Châu (Trung Quốc) năm 1927 tập hợp những bài giảng tại các lớp huấn luyện, đào tạo những thanh niên Việt Nam yêu nước của tổ chức Hội Việt Nam

Cách mạng Thanh niên do Người sáng lập, đã khẳng định: Cách mạng trước hết phải có “đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp ở mọi nơi. Đảng có vững, cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”¹.

Trong suốt cả cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, việc cho rằng đảng cộng sản “như người cầm lái” cho con thuyền là quan điểm nhất quán của Người về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cả trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cả trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Như vậy, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu, vai trò lãnh đạo của Đảng cũng là một tất yếu, những điều đó hoàn toàn phù hợp với quy luật phát triển của xã hội Việt Nam. Trong suốt quá trình vận động của cách mạng Việt Nam, sự hiện diện của Đảng Cộng sản Việt Nam với vai trò được dân tộc, nhân dân giao phó lãnh đạo đưa đất nước phát triển đã nói lên một thực tế rằng, sự lãnh đạo của Đảng là thực tế lịch sử khách quan, đáp ứng yêu cầu phát triển của dân tộc.

Hồ Chí Minh là người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết Mác-Lênin về đảng cộng sản trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, một nước nông nghiệp lạc hậu, nơi số lượng công nhân, trong đó công nhân đại công nghiệp lại càng ít so với dân số, để xây dựng thành công một đảng cộng sản lãnh đạo nhân dân giành độc lập dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, sự ra đời của một đảng cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân. Còn đối với Việt Nam, Hồ Chí Minh cho rằng: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Như vậy, Hồ Chí Minh đưa thêm vào yếu tố thứ ba nữa, đó là phong trào yêu nước. Sự khẳng định của Hồ Chí Minh trên đây là hoàn toàn phù hợp với xã hội thuộc địa và phong kiến Việt Nam khi các giai cấp, tầng lớp (trừ tư sản mại bản và đại địa chủ), đều có mâu thuẫn dân tộc. Đó là *mâu thuẫn cơ bản* giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với các thế lực đế quốc và tay sai. Trong thực tế, những phong trào đấu tranh của công nhân đã kết hợp được rất nhuần nhuyễn với phong trào yêu nước ngay từ đầu khi giai cấp công nhân mới ra đời, và vấn đề đấu tranh giải phóng dân tộc quyện chặt với đấu tranh giai cấp. Một số người Việt Nam yêu nước lúc đầu theo xu hướng dân chủ tư sản, nhưng qua thực tế được sự tác động của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã dần dần tiến theo xu hướng cộng sản, rõ nhất là từ năm 1925 trở đi. Hàng loạt các tổ chức yêu nước ra đời, trong đó nổi rõ nhất là tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam là Hội Việt Nam Cách mệnh Thanh

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.289.

niên do Hồ Chí Minh lập ra. Mục tiêu cơ bản giữa các phong trào đấu tranh cách mạng, yêu nước đó, tuy lực lượng, phương thức, khẩu hiệu đấu tranh khác nhau, nhưng mục tiêu chung là: Giành độc lập, tự do cho dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, tồn tại và phát triển chính là do nhu cầu tất yếu của xã hội Việt Nam từ đầu năm 1930 trở đi. Đảng đã được toàn dân tộc trao cho sứ mệnh lãnh đạo đất nước trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội. Kết quả của 15 năm lãnh đạo đấu tranh giành độc lập dân tộc với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là Đảng trở thành Đảng cầm quyền – lãnh đạo Nhà nước cách mạng và toàn xã hội. Sự lãnh đạo, sự cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, do đó, không phải cứ tự nhận mà được, nó chính là kết quả tất yếu từ sự phát triển hợp quy luật của dân tộc Việt Nam và từ quá trình thực hiện vai trò của Đảng; Đảng được dân tộc, nhân dân giao cho sứ mệnh đó.

2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh

a. Đảng là đạo đức, là văn minh

Nhìn nhận về quá trình 30 năm hoạt động của Đảng, tại Lễ Kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Đảng (năm 1960), Hồ Chí Minh cho rằng: “*Đảng ta là đạo đức, là văn minh*”¹. Nhấn mạnh phẩm chất đạo đức và văn minh của Đảng Cộng sản Việt Nam là một quan điểm đặc sắc của Hồ Chí Minh trong vấn đề xây dựng Đảng. Hồ Chí Minh là người rất chú ý nêu cao thực hành đạo đức cách mạng cho con người Việt Nam, đặc biệt là đối với tổ chức Đảng cũng như đối với đội ngũ đảng viên. Khi nhận xét về một trong những người thầy, vị lãnh tụ của cách mạng vô sản thế giới là V.I.Lênin, Hồ Chí Minh chú ý tới khía cạnh đạo đức của người cộng sản. Năm 1924, khi V.I.Lênin qua đời, Hồ Chí Minh viết trong bài “*Lênin và các dân tộc phương Đông*” đăng ở báo *Le Paria* (Người cùng khổ), số 27 (7-1924) như sau: “Không phải chỉ thiên tài của Người, mà chính là tính coi khinh sự sa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy, đã ảnh hưởng lớn lao tới các dân tộc châu Á và đã khiến cho trái tim của họ hướng về Người, không gì ngăn cản nổi”². Đúng 31 năm sau, ngày 13-7-1955, Hồ Chí Minh và Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sang Liên Xô, có đến thăm nơi V.I.Lênin đã từng làm việc trong Điện Cremlin (Mátxcova). Tại đây, Hồ Chí Minh ghi vào sổ cảm tưởng của Phòng lưu niệm: “Lênin, người thầy dạy vĩ đại của cách mệnh vô sản. Cũng là một vị đạo đức rất cao, dạy chúng ta phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính. Tinh thần Lênin muôn đời bất diệt”³.

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.403.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.1, 2011, tr.317.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.10, 2011, tr.43.

Hồ Chí Minh luôn luôn coi đạo đức là ngọn nguồn của sông, là gốc của cây, là đức tính căn bản của con người. Từ cuối những năm 20 của thế kỷ XX, trong hệ thống các bài giảng cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Hồ Chí Minh đưa lên đầu như là một bài nhập môn phần *Tư cách của một người cách mạng*, nhấn mạnh tới phẩm chất của người cách mạng thể hiện cụ thể trên ba mặt quan hệ ứng xử về đạo đức: đối với người, đối với việc và tự mình đối với bản thân mình.

Theo Hồ Chí Minh, đạo đức của Đảng thể hiện trên những điểm sau đây:

(1) Mục đích hoạt động của Đảng là lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Đó là sự nghiệp cách mạng theo chủ nghĩa Mác-Lênin, làm cho dân tộc được độc lập, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc thực sự, đoàn kết hữu nghị với các dân tộc trên thế giới.

(2) Cương lĩnh, đường lối, chủ trương và mọi hoạt động thực tiễn của Đảng đều phải nhằm mục đích đó. Đảng phải luôn luôn trung thành với lợi ích toàn dân tộc vì Đảng không có mục đích riêng; sự ra đời và phát triển của Đảng đều vì mục đích làm cho đất nước hùng cường đi lên chủ nghĩa xã hội, đưa lại quyền lợi cho dân.

(3) Đội ngũ đảng viên phải luôn luôn thấm nhuần đạo đức cách mạng, ra sức tu dưỡng, rèn luyện, suốt đời phấn đấu cho lợi ích của dân, của nước. Do vậy, một trong những biểu hiện rõ nhất của Hồ Chí Minh về rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam để cho Đảng trở thành Đảng của đạo đức, của văn minh là Người “rèn” đạo đức cán bộ, đảng viên. Hồ Chí Minh nhấn mạnh, đảng viên càng phải là những người có lòng nhân ái, “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”; trung với Đảng, trung với nước, hiếu với dân; có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính và luôn luôn chí công vô tư; có tinh thần quốc tế trong sáng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Đảng “là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nghĩa là những người thợ thuyền, dân cấy và lao động trí óc kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc và nhân dân. Những người mà:

Giàu sang không thể quyến rũ

Nghèo khó không thể chuyển lay,

Uy lực không thể khuất phục”¹.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.50.

thành của nhân dân”¹; rằng, Đảng phải “sẵn sàng vui vẻ làm trâu ngựa, làm tôi tớ trung thành của nhân dân”².

Yếu tố đạo đức cách mạng và yếu tố văn minh trong Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn đi đôi với nhau. Xây dựng Đảng để Đảng thành một Đảng có đạo đức, xét về khía cạnh nào đó, cũng đồng thời là xây dựng để Đảng thành một Đảng văn minh, hoặc có lúc Hồ Chí Minh gọi đó là “một Đảng cách mạng chân chính”.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, những nội dung chủ yếu về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thành một Đảng văn minh bao gồm:

(1) Đảng văn minh là một Đảng tiêu biểu cho lương tâm, trí tuệ và danh dự của dân tộc.

(2) Đảng ra đời, tồn tại và phát triển phù hợp với quy luật phát triển văn minh tiến bộ của dân tộc và của nhân loại. Mọi hoạt động của Đảng đều xuất phát và đi theo xu thế phát triển của dân tộc, lấy lợi ích tối cao của dân tộc làm trọng, mọi lợi ích giai cấp đều phải đặt dưới sự phát triển của dân tộc; mọi hoạt động của Đảng đều phải luôn luôn phù hợp với quy luật vận động nội tại của xã hội Việt Nam đồng thời góp phần tích cực tác động tới sự phát triển văn minh tiến bộ của nhân loại.

(3) Đảng phải luôn luôn trong sạch, vững mạnh, làm tròn sứ mệnh lịch sử do nhân dân, dân tộc giao phó là lãnh đạo giành độc lập cho Tổ quốc và đưa lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Trong giai đoạn Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh càng chú trọng hơn việc phòng và chống các tiêu cực trong Đảng để Đảng luôn luôn là nhân tố tích cực, đi tiên phong cho mọi sự phát triển bền vững của xã hội Việt Nam.

(4) Xây dựng Đảng văn minh còn thể hiện trong giai đoạn cầm quyền, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, Đảng không phải là tổ chức đứng trên dân tộc, mà là con đẻ của dân tộc, “Đảng ta là con nòi, xuất thân từ giai cấp lao động”.

(5) Đảng văn minh còn là ở chỗ đội ngũ đảng viên, từ những đảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong bộ máy Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng, nhất là những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý chủ chốt, cho đến đảng viên không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải là những chiến sĩ tiên phong, gương mẫu trong công tác và cuộc sống hằng ngày.

(6) Đảng văn minh phải là Đảng có quan hệ quốc tế trong sáng, hoạt động không những vì lợi ích dân tộc Việt Nam mà còn vì độc lập, chủ quyền, thống nhất,

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611-612.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.50.

toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia khác; vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển của các dân tộc trên thế giới.

Nếu Đảng không đạo đức, văn minh thì Đảng sẽ bị mất quyền lãnh đạo vì khi đó Đảng thể hiện bản thân mình là một tổ chức không trong sạch, vững mạnh, có một đội ngũ cán bộ, đảng viên thoái hoá, biến chất. Nếu đến mức như thế và đến lúc như thế thì mọi thành quả của cách mạng Việt Nam sẽ bị tiêu tan đúng như logic tất yếu mà Hồ Chí Minh đã cảnh báo: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”¹. Như vậy, xây dựng Đảng để cho Đảng xứng đáng là Đảng đạo đức, văn minh là một nội dung đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, là bước phát triển sáng tạo của Người so với lý luận của V.I.Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

b. Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng

Hồ Chí Minh là người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp năm 1920; là người chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930; là cán bộ của Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản; là Chủ tịch Đảng từ Đại hội II của Đảng (2-1951). Người là lãnh tụ của Đảng đồng thời là một chiến sĩ kiên cường của phong trào cộng sản quốc tế. Hồ Chí Minh có nhiều cống hiến cả về mặt lý luận và thực tiễn về xây dựng một đảng cộng sản ở một nước nông nghiệp lạc hậu, trình độ kinh tế kém phát triển, lại phải kinh qua nhiều chiến tranh ác liệt, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, vừa đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc vừa xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh là người vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trên nhiều vấn đề của cách mạng, trong đó có những nguyên tắc về xây dựng một đảng cộng sản. Các nguyên tắc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện trên những nội dung sau đây:

- *Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.* Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (năm 1927), Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”².

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.672.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.289.

Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh phải trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin nhưng đồng thời phải luôn luôn sáng tạo, vận dụng cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh, từng lúc, từng nơi, không được phép giáo điều.

- *Tập trung dân chủ*. Hồ Chí Minh đưa ra luận đề liên quan mật thiết với nhau: Tập trung trên nền tảng dân chủ, dân chủ phải đi đến tập trung. Như vậy, hàm lượng dân chủ càng cao, càng đậm đặc bao nhiêu trong hoạt động của Đảng thì tập trung trong Đảng càng đúng đắn bấy nhiêu. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, phải làm cho tất cả mọi đảng viên bày tỏ hết ý kiến của mình ở trong Đảng, tức là khơi dậy tinh thần trách nhiệm và tính tích cực chủ động của tất cả đảng viên. Khi đã thảo luận, bày tỏ ý kiến rồi thì đi đến tập trung, tức là đề cập ý chí thống nhất, hành động thống nhất, như thế mới có sức mạnh. Và, nói như Hồ Chí Minh, lúc ấy quyền tự do của đảng viên trở thành quyền phục tùng chân lý, mà chân lý là những điều có lợi cho dân, cho nước. Điều kiện tiên quyết khi thực hiện nguyên tắc này là tổ chức Đảng phải *trong sạch, vững mạnh*.

Đối với tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, có lúc Hồ Chí Minh coi tập thể lãnh đạo là dân chủ, cá nhân phụ trách là tập trung. Để nhấn mạnh tính chất này, Hồ Chí Minh lưu ý hai điều cần tránh trong hoạt động của Đảng: (1) Độc đoán, chuyên quyền, coi thường tập thể; (2) Dưa dẫm tập thể, không dám quyết đoán. Hai vế tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách phải luôn luôn đi đôi với nhau.

- *Tự phê bình và phê bình*. Hồ Chí Minh coi tự phê bình và phê bình là việc làm thường xuyên, “như mỗi ngày phải rửa mặt”¹. Người viết trong *Di chúc*: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng”². Người cho rằng, tự phê bình và phê bình là “thang thuốc” tốt nhất để làm cho phần tốt trong mỗi tổ chức và mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi; tự phê bình và phê bình phải trung thực, kiên quyết, đúng người, đúng việc, phải có văn hóa... Trong Đảng, “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”³.

- *Kỷ luật nghiêm minh, tự giác*. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: «Đảng tổ chức rất nghiêm, khác với các đảng phải khác và các hội quần chúng. Trong Đảng chỉ kết nạp những phần tử hăng hái nhất, cách mạng nhất. Đảng có những điều kiện kỷ luật bắt buộc mỗi đảng viên phải theo. Không có kỷ luật sắt không có Đảng. Đã vào Đảng thì phải theo tư tưởng của Đảng. Đảng đã chỉ thị nghị quyết là phải làm.

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.279.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611.

Không làm thì đuổi ra khỏi Đảng»¹. Sức mạnh của một đảng cộng sản bắt nguồn từ kỷ luật, muôn người như một, cùng một ý chí và hành động. Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng ta tuy đông người, nhưng khi tiến đánh chỉ như một người. Điều đó là nhờ trong Đảng có kỷ luật. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, “Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới. Kỷ luật này là tư tưởng phải nhất trí, hành động phải nhất trí”². Kỷ luật của Đảng là kỷ luật tự giác, “do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng”³; khi đã tự giác thì kỷ luật của Đảng mới nghiêm và mới bền lâu, thực sự tạo sức mạnh cho Đảng.

- *Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn*. Quyền lực của Đảng là do giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc giao phó. Đảng phải không ngừng tự chỉnh đốn bản thân mình. Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng không có mục đích tự thân, Đảng không phải là tổ chức để làm quan phát tài mà Đảng từ trong xã hội mà ra, hoạt động vì Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng. Thường xuyên tự chỉnh đốn, do đó, trở thành một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong xây dựng Đảng. Điều này càng đặc biệt quan trọng hơn khi Đảng đứng trước những thử thách lớn trong quá trình hoạt động, chẳng hạn, Hồ Chí Minh nêu ý kiến rằng, ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam hoàn toàn thắng lợi, “việc cần phải làm trước tiên là *chỉnh đốn lại Đảng*, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”⁴. Khi viết về tư cách của đảng chân chính cách mạng trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Hồ Chí Minh nêu lên 12 điều, trong đó có Điều 9: “Đảng phải chọn lựa những người rất trung thành và rất hăng hái”⁵ và Điều số 10: “Đảng phải luôn luôn tẩy bỏ những phần tử hủ hóa ra ngoài”⁶. Nếu thực hiện được như thế, Đảng sẽ luôn luôn lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng.

- *Đoàn kết, thống nhất trong Đảng*. Đoàn kết trong Đảng là điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đoàn kết, thống nhất trong Đảng trước hết là trong cấp ủy, trong những cán bộ lãnh đạo chủ chốt; đoàn kết trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, trên cơ sở cương lĩnh, đường lối, quan điểm, nghị quyết của Đảng. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.16, tr.367.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.290.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.290.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.616.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.290.

6 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.290.

phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. *Đoàn kết* là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân tộc ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”¹.

- *Đảng phải liên hệ mật thiết với nhân dân*. Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận của toàn thể dân tộc Việt Nam. Vấn đề mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản – Giai cấp công nhân – Nhân dân Việt Nam là mối quan hệ máu thịt, chặt chẽ. Mỗi một thành tố đều có chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng tất cả những thành tố đó cũng như sự hoạt động, sự tương tác của chúng đều có tính hướng đích: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh theo ham muốn tốt bậc của Hồ Chí Minh là ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành, cũng như theo mong muốn cuối cùng của Hồ Chí Minh đã ghi trong *Di chúc*: Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Đảng Cộng sản Việt Nam "không phải trên trời sa xuống. Nó ở trong xã hội mà ra"²; "Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng"³; "ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác"⁴; "Đảng ta là một đảng cách mạng, một đảng vì dân, vì nước"⁵. Ngay từ năm 1945, khi nước nhà vừa mới giành được độc lập, Hồ Chí Minh nêu lên một quan điểm: “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁶. Người còn nói rõ thêm: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”⁷. Trong một bài nói chuyện ngày 10-5-1950, Hồ Chí Minh nói: “Đảng không phải làm quan, sai khiến quần chúng, mà phải làm đầy tớ cho quần chúng và phải làm cho ra trò, nếu không, quần chúng sẽ

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.303.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.289.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.290.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 5, tr.294.

6 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.64.

7 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.175.

đá dít”¹. Từ đầu những năm 20 của thế kỷ XX, Người viết: “Tiếng dân chính là truyền lại ý trời”². Ngay cả chức Chủ tịch nước của mình, Hồ Chí Minh cũng nói là “vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui”³.

Hồ Chí Minh đã nhiều lần phê bình những cán bộ, đảng viên “vác mặt quan cách mạng” xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân. Hồ Chí Minh ý thức được rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam nhất thiết phải là hiện thân của văn hóa dân tộc vì Đảng là đội tiên phong không những của giai cấp công nhân mà còn là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng viên không được cứ ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau; không phải cứ dán lên trán hai chữ “cộng sản” là dân tin, dân yêu, dân kính, dân phục, mà phải trong công tác hằng ngày cố gắng học dân, làm cho dân tin, tức là coi trọng chữ TÍN - dân tin Đảng và Đảng tin dân. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như lơ lửng giữa trời, nhất định sẽ thất bại. Mất lòng tin là mất tất cả. Hướng vào việc phục vụ dân - đó chính là yêu cầu của Hồ Chí Minh đối với Đảng. Đồng thời, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, Đảng “học hỏi quần chúng nhưng không theo đuôi quần chúng”⁴, phải chú ý nâng cao dân chúng.

- *Đoàn kết quốc tế*. Đảng phải chú trọng giữ vững và tăng cường mối quan hệ quốc tế trong sáng. Điều này xuất phát từ tính chất quốc tế của giai cấp công nhân mà C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đã nhiều lần đề cập. Đối với nguyên tắc này, Hồ Chí Minh coi cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới và trong *Di chúc*, Người mong Đảng “sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”⁵.

c. Xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ

Trong xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ, Hồ Chí Minh nêu lên yêu cầu như là cặp chính thể: vừa có đức vừa có tài.

Đối với *đội ngũ đảng viên*, Hồ Chí Minh nêu lên những yêu cầu sau đây:

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.367.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.97.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.187.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.333.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.613.

(1) Phải trung thành tuyệt đối với Đảng, với sự nghiệp cách mạng của Đảng, suốt đời phấn đấu cho lợi ích của cách mạng, vì mục tiêu lý tưởng của Đảng, những người “đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, lên trước hết, vì lợi ích của Đảng tức là lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc. Vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên và cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau... Nếu gặp khi lợi ích chung của Đảng mâu thuẫn với lợi ích riêng của cá nhân, thì phải kiên quyết hy sinh lợi ích của cá nhân cho lợi ích của Đảng. Khi cần đến tính mệnh của mình cũng phải vui lòng hy sinh cho Đảng”¹.

(2) Phải là những người nghiêm chỉnh thực hiện cương lĩnh, đường lối, quan điểm, chủ trương, nghị quyết của Đảng và các nguyên tắc xây dựng Đảng.

(3) Phải luôn luôn tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng.

(4) Phải luôn luôn học tập nâng cao trình độ về mọi mặt.

(5) Phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân, làm đầy tớ thật trung thành cho nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tiên phong, gương mẫu, chịu khổ trước nhân dân và vui sau nhân dân, “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”.

(6) Không bao giờ thụ động, không bao giờ lười biếng mà phải là những người “thắng không kiêu bại không nản”, luôn luôn có tinh thần sáng tạo, hăng hái, nêu cao trách nhiệm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân.

(7) Đảng viên phải là những người luôn luôn phòng và chống những tiêu cực, đặc biệt là tham ô, lãng phí, quan liêu mà Hồ Chí Minh cho đó là giặc nội xâm, là những kẻ địch bên trong, “mỗi kẻ địch bên trong là một bạn đồng minh của kẻ địch bên ngoài. Địch bên ngoài không đáng sợ. Địch bên trong đáng sợ hơn, vì nó phá hoại từ trong phá ra”². Hồ Chí Minh là người chỉ ra rất sớm, nêu rõ những tiêu cực của đảng viên và chỉ rõ những giải pháp khắc phục. Có thể đề cập sự thoái hoá, biến chất của đảng viên trên nhiều mặt: về tư tưởng chính trị, về đạo đức, lối sống, v.v. nhưng điều thường thấy nhất và trực tiếp nhất là Hồ Chí Minh đề cập là về đạo đức, lối sống, về tinh thần trách nhiệm trong công việc. Hồ Chí Minh nghiêm khắc chỉ rõ: "Chúng ta không sợ sai lầm, nhưng đã nhận biết sai lầm thì phải ra sức sửa chữa. Vậy nên, ai không phạm những lầm lỗi... thì nên chú ý tránh đi, và gắng sức cho thêm tiến bộ. Ai đã phạm những lầm lỗi... thì phải hết sức sửa chữa... Chúng ta phải ghi sâu những chữ "công bình, chính trực" vào lòng"³. Hồ Chí Minh còn cho rằng,

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.290-291.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.278.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.66.

một đảng giấu giếm khuyết điểm của mình là một đảng hòng, “Đảng không che giấu những khuyết điểm của mình, không sợ phê bình. Đảng phải nhận khuyết điểm của mình mà tự sửa chữa, để tiến bộ, và để dạy bảo cán bộ và đảng viên”¹. Trong các quan điểm của Hồ Chí Minh, có những vấn đề xử lý các mối quan hệ với những đức tính: nghiêm khắc và độ lượng; kỷ luật và khoan hòa; phòng đi trước và đi liền với chống; xử lý ba mối quan hệ đối với người, đối với việc và đối với mình đều trên cơ sở vừa có lý vừa có tình; có tấm lòng bao dung đi liền với xử lý một cách đúng người, đúng kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, bất kể người đó là ai, đảng viên thường hay là đảng viên là cán bộ giữ những chức vụ nào trong bộ máy của Đảng, Nhà nước cũng như trong bộ máy của hệ thống chính trị nói chung. Ở bài báo trong những tháng cuối cùng của cuộc đời Hồ Chí Minh là bài *"Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân"* ², Người vẫn dành nhiều ý về vấn đề tư cách, đạo đức, chống sự suy thoái trong đảng viên. Sau khi nêu lên ưu điểm của đảng viên, Hồ Chí Minh chỉ ra "còn một số ít cán bộ, đảng viên mà đạo đức, phẩm chất còn thấp kém". Những người này mang nặng chủ nghĩa cá nhân, việc gì cũng nghĩ đến lợi ích riêng của mình trước hết; ngại gian khổ, sa vào tham ô, hủ hoá, lãng phí, xa hoa; tham danh, trục lợi, thích địa vị, quyền hành; coi thường tập thể, xem khinh quần chúng; độc đoán, chuyên quyền; mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh; không chịu học tập để tiến bộ; mất đoàn kết, thiếu tinh tổ chức, kỷ luật; kém tinh thần trách nhiệm; không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh viết: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân... Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên””.

Trong đội ngũ đảng viên nói chung, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng *công tác cán bộ*, những đảng viên giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các tổ chức của Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị-xã hội khác, vì Người cho rằng: “Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.290.

2 Đảng báo *Nhân Dân*, số 5409, ngày 3-2-1969.

Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng”¹; cán bộ là gốc của mọi công việc, “muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém”².

Hồ Chí Minh nhấn mạnh những vấn đề chủ yếu sau đây về công tác cán bộ:

Một là, phải hiểu và đánh giá đúng cán bộ. Phải thật sự công minh, “phải biết rõ cán bộ”³; “biết rõ ràng cán bộ, mới có thể cất nhắc cán bộ một cách đúng mực”⁴.

Những người làm công tác cán bộ muốn hiểu được cán bộ thì trước hết phải “tự biết mình” để tránh những chứng bệnh: tự cao tự đại, ưa người ta nịnh mình, đối xử với cán bộ trên cơ sở lòng yêu ghét, đem một khuôn khổ nhất định mà lắp vào tất cả mọi người khác nhau. Hồ Chí Minh lưu ý: “Cách xem xét cán bộ quyết không nên chấp nhất... Một người cán bộ khi trước có sai lầm, không phải vì thế mà sai lầm mãi. Cũng có cán bộ đến nay chưa bị sai lầm, nhưng chắc gì sau này không phạm sai lầm?...Xem xét cán bộ không chỉ xem ngoài mặt mà còn phải xem tính chất của họ. Không chỉ xem một việc, một lúc mà phải xem toàn cả lịch sử, toàn cả công việc của họ”⁵.

Hai là, phải chú trọng huấn luyện cán bộ, huấn luyện một cách thiết thực, có hiệu quả. Phải coi “huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”⁶, trong đó Hồ Chí Minh lưu ý: “Các cơ quan cần phải rất chú ý đến việc huấn luyện cán bộ. Phải lựa chọn rất cẩn thận những nhân viên phụ trách việc huấn luyện đó. Những người lãnh đạo cần phải tham gia việc dạy. Không nên bủn xỉn về các khoản chi tiêu trong việc huấn luyện”⁷.

Ba là, phải đề bạt đúng cán bộ. Trong công tác này, phải “xét rõ người đó có gần gũi quần chúng, có được quần chúng tin cậy và mến phục không. Lại phải xem người ấy xứng với việc gì”⁸. Trong lựa chọn đề bạt, phải chú ý những người tỏ ra rất trung thành với Đảng và hăng hái trong công việc; những người có quan hệ mật thiết với nhân dân; những người có tinh thần phụ trách trước công việc, nhất là trong những hoàn cảnh khó khăn, thất bại không hoang mang, khi thắng lợi không kiêu ngạo; những người giữ đúng kỷ luật.

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.309.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.280.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.314.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.321.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.317-318.

6 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.309.

7 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.313.

8 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.314.

Bốn là, phải sắp xếp, sử dụng cán bộ cho đúng. Hồ Chí Minh quan niệm: “không phải ai cái gì cũng tốt, cái gì cũng hay. Vì vậy, chúng ta phải khéo dùng người, sửa chữa những khuyết điểm cho họ, giúp đỡ ưu điểm của họ. Thường chúng ta không biết tùy tài mà dùng người. Thí dụ: thợ rèn thì bảo đi đóng tủ, thợ mộc thì bảo đi rèn dao. Thành thử hai người đều lúng túng. Nếu biết tùy tài mà dùng người thì hai người đều thành công”¹. Hồ Chí Minh nhấn mạnh tới việc phải “khéo dùng cán bộ”, nghĩa là phải chí công vô tư, không có thành kiến; phải gần gũi cả những người mình không ưa; phải có tinh thần giúp đỡ cán bộ; phải sáng suốt để tránh những kẻ xúc xiểm nói xấu làm cho bản thân người làm công tác cán bộ cách xa những cán bộ tốt. Trong sử dụng cán bộ, phải làm cho cán bộ “có gan phụ trách”, phải tránh tạo ra loại cán bộ “nhát gan, dễ bảo, “đập đi hò đứng”, không dám phụ trách. Như thế là một việc thất bại cho Đảng”²; “nếu vì công tác không hợp với năng lực của họ, phải tìm công việc thích hợp hơn cho họ làm”³.

*Năm là, phải kết hợp “cán bộ cấp trên phái đến và cán bộ địa phương”*⁴. Hai hạng cán bộ này phải giúp đỡ nhau, phải đoàn kết thành một khối, không phân biệt, không kèn cựa.

Sáu là, phải chống bệnh địa phương cục bộ. Hồ Chí Minh chỉ rõ căn bệnh này là “bệnh ích kỷ, bệnh địa phương...không muốn cấp trên điều động cán bộ, hoặc khi điều động thì chỉ đùn những cán bộ kém ra”⁵.

Bảy là, kết hợp cán bộ trẻ với cán bộ cũ. “Hai bên phải tôn trọng nhau, giúp đỡ nhau, học lẫn nhau, đoàn kết chặt chẽ với nhau...Cán bộ cũ phải hoan nghênh, dạy bảo, dìu dắt, yêu mến cán bộ mới”⁶.

Tám là, phải phòng và chống các tiêu cực trong công tác cán bộ. Trong đó có bệnh hẹp hòi, “chỉ thấy lợi ích bộ phận của mình, không thấy lợi ích của toàn thể... Vì ham danh vọng và địa vị, cho nên khi phụ trách một bộ phận nào thì lôi người này, kéo người khác, ưa ai thì kéo vào, không ưa thì tìm cách tẩy ra. Thế là chỉ biết có mình, chỉ biết có bộ phận mình mà quên cả Đảng”⁷. Phải chống việc “ham dùng người bà con, anh em quen biết, bầu bạn, cho họ là chắc chắn hơn người ngoài; ham

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.314.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.320.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.321.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.276.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.277.

6 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.277.

7 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.276.

dùng những kẻ khéo nịnh hót mình, mà chán ghét những người chính trực; ham dùng những người tính tình hợp với mình, mà tránh những người tính tình không hợp với mình...Đối với những người chính trực thì bới lông tìm vết để trả thù”¹.

Chín là, phải thường xuyên kiểm tra, giúp đỡ cán bộ. Trong công tác này, Hồ Chí Minh lưu ý là “phải luôn luôn dùng lòng thân ái mà giúp đỡ, lãnh đạo cán bộ. Giúp họ sửa chữa những chỗ sai lầm. Khen ngợi họ lúc họ làm được việc. Và phải luôn luôn kiểm soát cán bộ”², “sau khi đã cất nhắc phải giúp đỡ họ, khuyến khích họ, vun trồng lòng tự tin, tự trọng của họ...Nếu để sai lầm và khuyết điểm trở nên to tát rồi mới đem ra “chỉnh” một lần, thế là “đập” cán bộ. Cán bộ bị “đập”, mất cả lòng tự tin, người hăng hái cũng hóa thành nản chí, từ nản chí đi đến vô dụng. Vì vậy hễ thấy cán bộ sai lầm, phải lập tức sửa chữa ngay”³.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN

1. Nhà nước dân chủ

a. Bản chất giai cấp của nhà nước

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước Việt Nam là nhà nước dân chủ, nhưng tuyệt nhiên nó không phải là “Nhà nước toàn dân”, hiểu theo nghĩa là nhà nước phi giai cấp. Nhà nước ở đâu và bao giờ cũng mang bản chất của một giai cấp nhất định. *Nhà nước Việt Nam mới – Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*⁴ - theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là một nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước Việt Nam thể hiện trên mấy phương diện:

Một là, Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vị trí và vai trò cầm quyền. Lời nói đầu của bản Hiến pháp năm 1959 khẳng định: “Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo”. Ngay trong quan điểm về nhà nước dân chủ, nhà nước do nhân dân là người chủ nắm chính quyền, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh nòng cốt của nhân dân là liên minh công – nông – trí, do giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đảng cầm quyền bằng phương thức thích hợp sau đây: (1) Bằng đường lối, quan điểm, chủ trương để Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật,

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.318-319.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.314.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.322.

4 Nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

chính sách, kế hoạch; (2) Bằng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên của mình trong bộ máy, cơ quan nhà nước; (3) Bằng công tác kiểm tra.

Hai là, bản chất giai cấp của Nhà nước Việt Nam thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển đất nước. Đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là mục tiêu cách mạng nhất quán của Hồ Chí Minh. Việc giành lấy chính quyền, lập nên Nhà nước Việt Nam mới, chính là để giai cấp công nhân và nhân dân lao động có được một tổ chức mạnh mẽ nhằm thực hiện mục tiêu nói trên.

Ba là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ. Hồ Chí Minh rất chú ý đến cả hai mặt dân chủ và tập trung trong tổ chức và hoạt động của tất cả bộ máy, cơ quan nhà nước. Người nhấn mạnh đến sự cần thiết phải phát huy cao độ dân chủ, đồng thời cũng nhấn mạnh phải phát huy cao độ tập trung, Nhà nước phải tập trung thống nhất quyền lực để tất cả mọi quyền lực thuộc về nhân dân.

Trong Nhà nước Việt Nam, *bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc*. Hồ Chí Minh là người giải quyết rất thành công mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp trong cách mạng Việt Nam. Trong tư tưởng của Người về Nhà nước mới ở Việt Nam, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc, thể hiện cụ thể như sau:

Một, Nhà nước Việt Nam ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của rất nhiều thế hệ người Việt Nam, của toàn thể dân tộc. Từ giữa thế kỷ XIX, khi đất nước bị ngoại xâm, các tầng lớp nhân dân Việt Nam, hết thế hệ này đến thế hệ khác đã không quản hy sinh, xương máu chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, trở thành lực lượng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc, với chiến lược đại đoàn kết đúng đắn, sức mạnh của toàn dân tộc đã được tập hợp và phát huy cao độ, chiến thắng ngoại xâm, giành lại độc lập, tự do, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Nhà nước Việt Nam mới, do vậy, không phải của riêng giai cấp, tầng lớp nào, mà là thuộc về nhân dân.

Hai, Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời đã xác định rõ và luôn kiên trì, nhất quán mục tiêu vì quyền lợi của nhân dân, lấy quyền lợi của dân tộc làm nền tảng. Bản chất của vấn đề này là ở chỗ, Hồ Chí Minh khẳng định quyền lợi cơ bản của giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Nhà nước Việt Nam mới là người đại diện, bảo vệ, đấu tranh không chỉ cho lợi ích của giai cấp công nhân, mà còn của nhân dân lao động và của toàn dân tộc.

Ba, trong thực tế, Nhà nước mới ở Việt Nam đã đảm đương nhiệm vụ mà toàn thể dân tộc giao phó là tổ chức nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới. Con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đi đến chủ nghĩa cộng sản là con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định, cũng là sự nghiệp của chính Nhà nước.

b. Nhà nước của nhân dân

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, nhà nước của nhân dân là nhà nước mà tất cả mọi quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Người khẳng định: “Trong Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà của chúng ta, tất cả mọi quyền lực đều là của nhân dân”¹. Nhà nước của dân tức là “dân là chủ”. Nguyên lý “dân là chủ” khẳng định địa vị chủ thể tối cao của mọi quyền lực là nhân dân.

Trong Nhà nước dân chủ, nhân dân thực thi quyền lực thông qua hai hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp. Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ trong đó nhân dân trực tiếp quyết định mọi vấn đề liên quan đến vận mệnh của quốc gia, dân tộc và quyền lợi của dân chúng. Hồ Chí Minh luôn coi trọng hình thức dân chủ trực tiếp bởi đây là hình thức dân chủ hoàn bị nhất, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để thực hành dân chủ trực tiếp.

Cùng với dân chủ trực tiếp, dân chủ gián tiếp hay dân chủ đại diện là hình thức dân chủ được sử dụng rộng rãi nhằm thực thi quyền lực của nhân dân. Đó là hình thức dân chủ mà trong đó nhân dân thực thi quyền lực của mình thông qua các đại diện mà họ lựa chọn, bầu ra và những thiết chế quyền lực mà họ lập nên. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, trong hình thức dân chủ gián tiếp:

- *Quyền lực nhà nước là “thừa ủy quyền” của nhân dân.* Tự bản thân nhà nước không có quyền lực. Quyền lực của nhà nước là do nhân dân ủy thác do. Do vậy, các cơ quan quyền lực nhà nước cùng với đội ngũ cán bộ của nó đều là “công bộc” của nhân dân, nghĩa là “gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân”². Ở đây, Hồ Chí Minh đã xác định rõ vị thế và mối quan hệ giữa nhân dân với cán bộ nhà nước trên cơ sở nhân dân là chủ thể nắm giữ mọi quyền lực. Theo Hồ Chí Minh: “Dân làm chủ thì Chủ tịch, Bộ trưởng, thứ trưởng, uỷ viên này uỷ viên khác là làm gì? Làm đầy tớ. Làm đầy tớ cho nhân dân, chứ không phải là làm

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.8, tr.262.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr. 64-65.

quan cách mạng”¹; “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đầy tớ cho dân”². Hồ Chí Minh kịch liệt phê phán những cán bộ nhà nước thoái hóa, biến chất, từ chỗ là công bộc của dân đã trở thành “quan cách mạng”, đứng trên nhân dân, coi khinh nhân dân, “cậy thế” với dân, “quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân”.

- *Nhân dân có quyền kiểm soát, phê bình nhà nước, có quyền bãi miễn những đại biểu mà họ đã lựa chọn, bầu ra và có quyền giải tán những thiết chế quyền lực mà họ đã lập nên.* Đây là quan điểm rõ ràng, kiên quyết của Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo cho mọi quyền lực, trong đó có quyền lực nhà nước, luôn nằm trong tay dân chúng. Một nhà nước thật sự của dân, theo Hồ Chí Minh, luôn “mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”³; trong Nhà nước đó, “nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”⁴, thậm chí, “nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”⁵.

- *Luật pháp dân chủ và là công cụ quyền lực của nhân dân.* Theo Hồ Chí Minh, sự khác biệt căn bản của luật pháp trong Nhà nước Việt Nam mới với luật pháp của các chế độ tư sản, phong kiến là ở chỗ nó phản ánh được ý nguyện và bảo vệ quyền lợi của dân chúng. Luật pháp đó là của nhân dân, là công cụ thực thi quyền lực của nhân dân, là phương tiện để kiểm soát quyền lực nhà nước.

c. Nhà nước do nhân dân

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhà nước do nhân dân trước hết là nhà nước do nhân dân lập nên sau thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhân dân “cử ra”, “tổ chức nên” nhà nước dựa trên nền tảng pháp lý của một chế độ dân chủ và theo các trình tự dân chủ với các quyền bầu cử, phúc quyết, v.v..

Nhà nước do nhân dân còn có nghĩa “dân làm chủ”. Người khẳng định rõ: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ”⁶. Nếu “dân là

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.572.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.434.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr.81.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.375.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.75.

6 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr.258.

chủ” xác định vị thế của nhân dân đối với quyền lực nhà nước, thì “dân làm chủ” nhấn mạnh quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân với tư cách là người chủ. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, “nhân dân có *quyền lợi* làm chủ, thì phải có *nghĩa vụ* làm tròn bổn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân”¹. Dân làm chủ thì phải tuân theo pháp luật của Nhà nước, tuân theo kỷ luật lao động, giữ gìn trật tự chung, đóng góp (nộp thuế) đúng kỳ, đúng số để xây dựng lợi ích chung, hăng hái tham gia công việc chung, bảo vệ tài sản công cộng, bảo vệ Tổ quốc, v.v.

Trong nhà nước do nhân dân làm chủ, nhà nước phải tạo mọi điều kiện để nhân dân được thực thi những quyền mà Hiến pháp và pháp luật đã quy định, hưởng dụng đầy đủ quyền lợi và làm tròn nghĩa vụ làm chủ của mình. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân.

Nhà nước do nhân dân cần coi trọng việc giáo dục nhân dân, đồng thời nhân dân cũng phải tự giác phấn đấu để có đủ năng lực thực hiện quyền dân chủ của mình. Hồ Chí Minh nói: “Chúng ta là những người lao động làm chủ nước nhà. Muốn làm chủ được tốt, phải có năng lực làm chủ”². Không chỉ tuyên bố quyền làm chủ của nhân dân, cũng không chỉ đưa nhân dân tham gia công việc nhà nước, mà còn chuẩn bị và động viên nhân dân chuẩn bị tốt năng lực làm chủ, quan điểm đó thể hiện tư tưởng dân chủ triệt để của Hồ Chí Minh khi nói về nhà nước do nhân dân.

d. Nhà nước vì nhân dân

Nhà nước vì nhân dân là nhà nước phục vụ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, thực sự trong sạch, cần kiệm liêm chính. Hồ Chí Minh là một vị Chủ tịch vì dân và Người yêu cầu các cơ quan nhà nước, các cán bộ nhà nước đều phải vì nhân dân phục vụ. Người nói: “Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thấy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh”³. Theo Hồ Chí Minh, thước đo một Nhà nước vì dân là phải được lòng dân. Hồ Chí Minh đặt vấn đề với cán bộ Nhà nước phải “làm sao cho được lòng dân, dân tin, dân mến, dân yêu”, đồng thời chỉ rõ: “muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thấy, phải có một tinh thần chí công vô tư”⁴. Trong Nhà nước vì dân, cán bộ vừa là đầy tớ, nhưng đồng thời phải vừa là

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr.258.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.527.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.21.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.52.

người lãnh đạo nhân dân. Hai đòi hỏi này tưởng chừng như mâu thuẫn, nhưng đó là những phẩm chất cần có ở người cán bộ nhà nước vì dân. Là đầy tớ thì phải trung thành, tận tụy, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ. Là người lãnh đạo thì phải có trí tuệ hơn người, minh mẫn, sáng suốt, nhìn xa trông rộng, gần gũi nhân dân, trọng dụng hiền tài. Như vậy, để làm người thay mặt nhân dân phải gồm đủ cả đức và tài, phải vừa hiền lại vừa minh. Phải như thế thì mới có thể “chẳng những làm những việc trực tiếp có lợi cho dân, mà cũng có khi làm những việc mới xem qua như là hại đến dân”¹, nhưng thực chất là vì lợi ích toàn cục, vì lợi ích lâu dài của nhân dân.

2. Nhà nước pháp quyền

a. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp

Hồ Chí Minh luôn chú trọng vấn đề xây dựng nền tảng pháp lý cho Nhà nước Việt Nam mới. Người đã sớm thấy rõ tầm quan trọng của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống chính trị - xã hội. Điều này thể hiện trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* của nhóm những người Việt Nam yêu nước tại Pháp do Người thay mặt nhóm gửi đến Hội nghị Vécxây (Pháp) năm 1919. Bản Yêu sách đó nêu ra yêu cầu “cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách làm cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những *bảo đảm về mặt pháp luật* như người Âu châu; *xoá bỏ hoàn toàn* các toà án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam”; “*Thay thế chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật*”².

Sau này, khi trở thành người đứng đầu Nhà nước Việt Nam mới, Hồ Chí Minh càng quan tâm sâu sắc hơn việc bảo đảm cho Nhà nước được tổ chức và vận hành phù hợp với pháp luật, đồng thời, căn cứ vào pháp luật để điều hành xã hội, làm cho tinh thần pháp quyền thấm sâu và điều chỉnh mọi quan hệ và hoạt động trong Nhà nước và xã hội.

Chính vì thế, chỉ một ngày sau khi đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời (ngày 3-9-1945), Hồ Chí Minh đã đề nghị: “Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc **TỔNG TUYÊN CỬ** với chế độ phổ thông đầu phiếu”³ để lập nên Quốc hội rồi từ đó lập ra Chính phủ và các cơ quan, bộ máy hợp hiến, thể hiện quyền lực tối cao của nhân dân như vậy thì nước ta mới có cơ sở pháp lý vững chắc

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.285.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.441.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.7.

để làm việc với quân Đồng Minh, mới có quan hệ quốc tế bình đẳng, mới thiết lập được một cơ chế quyền lực hợp pháp theo đúng thông lệ của một Nhà nước pháp quyền hiện đại.

Cuộc Tổng tuyển cử được tiến hành thắng lợi ngày 6-1-1946 với chế độ phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Lần đầu tiên trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam cũng như lần đầu tiên ở Đông Nam châu Á, tất cả mọi người dân từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam nữ, giàu nghèo, dân tộc, đảng phái, tôn giáo... đều đi bỏ phiếu bầu những đại biểu của mình tham gia Quốc hội. Ngày 2-3-1946, Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã họp phiên đầu tiên, lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của Nhà nước. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp đầu tiên. Đây chính là Chính phủ có đầy đủ tư cách pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề đối nội và đối ngoại ở nước ta.

b. Nhà nước thượng tôn pháp luật

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước quản lý bằng bộ máy và bằng nhiều biện pháp khác nhau, nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng Hiến pháp và bằng pháp luật nói chung. Muốn vậy, trước hết, *cần làm tốt công tác lập pháp*. Hồ Chí Minh luôn chú trọng xây dựng hệ thống luật pháp dân chủ, hiện đại. Ở cương vị Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã hai lần tham gia vào quá trình lãnh đạo soạn thảo Hiến pháp (Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959), đã ký lệnh công bố 16 đạo luật, 613 sắc lệnh trong đó có 243 sắc lệnh quy định về tổ chức Nhà nước và pháp luật, và nhiều văn bản dưới luật khác. Trong bối cảnh đất nước phải vừa kháng chiến, vừa kiến quốc vô cùng cùng khó khăn, sự ra đời của hệ thống luật pháp như trên thể hiện rất rõ nỗ lực của Hồ Chí Minh và Nhà nước Việt Nam trong công tác lập pháp.

Cùng với công tác lập pháp, Hồ Chí Minh cũng rất *chú trọng đưa pháp luật vào trong cuộc sống, bảo đảm cho pháp luật được thi hành và có cơ chế giám sát việc thi hành pháp luật*.

Hồ Chí Minh chỉ rõ sự cần thiết phải nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực sử dụng luật của người dân, giáo dục ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật trong nhân dân. Pháp luật là công cụ quyền lực của nhân dân, vì thế điều quan trọng là phải *“làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm”*¹. Người cho rằng, công tác giáo dục pháp luật cho mọi người, đặc biệt cho thế hệ trẻ trở nên cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.293.

một Nhà nước pháp quyền, bảo đảm mọi quyền và nghĩa vụ công dân được thực thi trong cuộc sống. Việc thực thi pháp luật có quan hệ rất lớn đến trình độ dân trí của nhân dân, vì vậy, Hồ Chí Minh chú trọng đến vấn đề nâng cao dân trí, phát huy tính tích cực chính trị của nhân dân, làm cho nhân dân có ý thức chính trị trong việc tham gia công việc của chính quyền các cấp.

Hồ Chí Minh luôn *nêu cao tính nghiêm minh của pháp luật*. Người tuyên bố: “Pháp luật Việt Nam tuy khoan hồng với những người biết cải tà quy chính, nhưng sẽ thẳng tay trừng trị những tên Việt gian đầu sỏ đã bán nước buôn dân”¹. Điều đó đòi hỏi pháp luật phải đúng và phải đủ; tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho mọi người dân; người thực thi pháp luật phải thật sự công tâm và nghiêm minh, v.v.. Người phê phán những hiện tượng thể hiện tính thiếu nghiêm minh của pháp luật, như: “thường có khi quá rộng, mà phạt thì không nghiêm”², lẫn lộn giữa công và tội.

Hồ Chí Minh luôn luôn *khuyến khích nhân dân phê bình, giám sát công việc của Nhà nước, giám sát quá trình Nhà nước thực thi pháp luật*, đồng thời không ngừng nhắc nhở *cán bộ các cấp, các ngành phải gương mẫu trong việc tuân thủ pháp luật, trước hết là các cán bộ thuộc ngành hành pháp và tư pháp*. Trong thư gửi Hội nghị tư pháp toàn quốc, Người viết: “Các bạn là những người phụ trách thi hành pháp luật. Lẽ tất nhiên các bạn cần phải nêu cao cái gương “phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư” cho nhân dân noi theo”³. Bản thân Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Người tự giác khép mình vào kỷ luật, vào việc gương mẫu chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật đã trở thành nền nếp, thành thói quen, thành lối ứng xử tự nhiên của Hồ Chí Minh.

c. Pháp quyền nhân nghĩa

Đây là một điểm rất đặc sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền. “Pháp quyền nhân nghĩa” tức là trước hết Nhà nước phải *tôn trọng, bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền con người*, chăm lo đến lợi ích của mọi người. Tiếp thu và vận dụng sáng tạo các lý thuyết hiện đại về quyền con người, Hồ Chí Minh tiếp cận quyền con người một cách toàn diện. Người đề cập đến các quyền tự nhiên của con người, trong đó quyền cao nhất là quyền sống; đồng thời cũng đề cập đến cả các quyền chính trị - dân sự, quyền kinh tế, văn hóa, xã hội của con người. Người chú trọng quyền của công dân nói chung, đồng thời cũng chú trọng đến quyền của

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.49.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.225.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.473.

những nhóm người cụ thể như phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số, v.v.. Sự nghiệp cách mạng chân chính cần đấu tranh cho quyền con người, vì thế, mục tiêu giải phóng con người, làm cho mọi người có được cuộc sống hạnh phúc, tự do xứng với phẩm giá con người, được hưởng dụng các quyền con người một cách đầy đủ nhất đã hòa quyện một cách hữu cơ và trở thành mục tiêu cao nhất của sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam. Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời và luôn nhất quán quan điểm kiên quyết đấu tranh cho quyền con người. Hiến pháp của đất nước đã ghi nhận một cách toàn diện quyền con người ở Việt Nam. Đó là nền tảng pháp lý để bảo vệ và thực thi các quyền con người đó một cách triệt để.

Trong Nhà nước pháp quyền nhân nghĩa, *pháp luật có tính nhân văn, khuyến thiện*. Cho nên, ngay khi thành lập, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã lập tức tuyên bố xóa bỏ mọi luật pháp hà khắc của chính quyền thực dân phản động. Tính nhân văn của hệ thống luật pháp thể hiện ở việc ghi nhận đầy đủ và bảo vệ quyền con người; ở tính nghiêm minh nhưng khách quan và công bằng, tuyệt đối chống đối xử với con người một cách dã man. Ngay cả đối với những kẻ phản bội Tổ quốc, Hồ Chí Minh tuyên bố rõ: “Chính phủ Việt Nam sẽ tha thứ hay trừng trị họ theo luật pháp tùy theo thái độ của họ hiện nay và về sau. Nhưng sẽ không có ai bị tàn sát”¹. Đặc biệt, hệ thống luật pháp đó có tính khuyến thiện, bảo vệ cái đúng, cái tốt, lấy mục đích giáo dục, cảm hóa, thức tỉnh con người làm căn bản. Với Hồ Chí Minh, việc xây dựng và thi hành pháp luật phải dựa trên nền tảng đạo đức của xã hội và các giá trị đạo đức thấm sâu vào trong mọi quy định của pháp luật. Nói cách khác, pháp luật trong Nhà nước pháp quyền nhân nghĩa phải là pháp luật vì con người.

3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh

a. Kiểm soát quyền lực nhà nước

Để giữ vững bản chất của Nhà nước, bảo đảm cho Nhà nước hoạt động có hiệu quả, phòng chống thoái hóa, biến chất trong đội ngũ cán bộ Nhà nước, Hồ Chí Minh rất chú trọng vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước.

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, *kiểm soát quyền lực nhà nước là tất yếu*. Các cơ quan nhà nước, cán bộ nhà nước, dù ít hay nhiều đều nắm giữ quyền lực trong tay. Quyền lực này là do nhân dân ủy thác cho. Nhưng một khi đã nắm giữ quyền lực, cơ quan nhà nước hay cán bộ nhà nước đều có thể trở nên lạm quyền. Người chỉ rõ: “dân ghét các ông chủ tịch, các ông Ủy viên vì cái tật ngông nghênh, cậy thế, cậy quyền. Những ông này không hiểu nhiệm vụ và chính sách của Việt

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.437.

Minh, nên khi nắm được chút quyền trong tay vẫn hay lạm dụng”¹. Vì thế, để đảm bảo tất cả mọi quyền lực thuộc về nhân dân, cần kiểm soát quyền lực nhà nước.

Về hình thức kiểm soát quyền lực Nhà nước, theo Hồ Chí Minh, trước hết, cần phát huy vai trò, trách nhiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc, là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, chính vì vậy, Đảng có quyền và có trách nhiệm kiểm soát quyền lực Nhà nước. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Công việc của Đảng và Nhà nước ngày càng nhiều. Muốn hoàn thành tốt mọi việc, thì toàn thể đảng viên và cán bộ phải chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và chính sách của Đảng. Và muốn như vậy, thì các cấp ủy đảng phải tăng cường công tác kiểm tra. Vì kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm tròn nhiệm vụ đối với Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho nhân dân”². Để kiểm soát có kết quả tốt, theo Hồ Chí Minh, cần có hai điều kiện là việc kiểm soát phải có hệ thống và người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín. Người còn nêu rõ hai cách kiểm soát là từ trên xuống và từ dưới lên. Người nhấn mạnh, phải “khéo kiểm soát”.

Vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước dựa trên cách thức tổ chức bộ máy nhà nước và việc phân công, phân nhiệm giữa các cơ quan thực thi quyền lực nhà nước bước đầu cũng đã được Hồ Chí Minh đề cập đến. Hiến pháp năm 1946 do Hồ Chí Minh ghi rõ một số hình thức kiểm soát bên trong Nhà nước, trong đó nổi bật là kiểm soát của Nghị viện nhân dân đối với Chính phủ, chẳng hạn, Nghị viện nhân dân có quyền “Kiểm soát và phê bình Chính phủ”, “Bộ trưởng nào không được Nghị viện tín nhiệm thì phải từ chức”, v.v..

Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực Nhà nước, vì thế, nhân dân có quyền kiểm soát quyền lực Nhà nước. Đây là hình thức được Hồ Chí Minh đề cập rất cụ thể. Người nhấn mạnh: “Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được”³. Đảng cầm quyền cần chú ý phát huy vai trò kiểm soát quyền lực của nhân dân, bởi so với số nhân dân thì số đảng viên chỉ là tối thiểu, hàng trăm người dân mới có một đảng viên. Nếu không có nhân dân giúp sức, thì Đảng không làm được việc gì hết. Đối với Nhà nước, là công bộc của dân, “mọi công tác phải dựa hẳn vào quần chúng, hoan nghênh quần chúng đôn đốc và kiểm tra”⁴.

b. Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.51.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.14, tr.362.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.325.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.8, tr.507.

Trong quá trình lãnh đạo xây dựng Nhà nước Việt Nam, Hồ Chí Minh thường nói đến những tiêu cực sau đây và nhắc nhở mọi người đề phòng và khắc phục.

Đặc quyền, đặc lợi. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh đòi hỏi phải tẩy trừ những thói cậy mình là người trong cơ quan chính quyền để cửa quyền, hạch dịch với dân, lạm quyền, đồng thời để vợ vét tiền của, lợi dụng chức quyền để làm lợi cho cá nhân mình, làm như thế tức là sa vào chủ nghĩa cá nhân.

Tham ô, lãng phí, quan liêu. Hồ Chí Minh coi tham ô, lãng phí, quan liêu là “giặc nội xâm”, “giặc ở trong lòng”, thứ giặc nguy hiểm hơn giặc ngoại xâm. Người thường phê bình những người “lấy của công dùng vào việc tư, quên cả thanh liêm, đạo đức”¹. Quan điểm của Hồ Chí Minh là: “Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, dù có ý hay không, cũng là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến...Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám”². Ngày 27-11-1946, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh ấn định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ với mức từ 5 năm đến 20 năm tù khổ sai và phải nộp phạt gấp đôi số tiền nhận hối lộ. Ngày 26-1-1946, Hồ Chí Minh ký lệnh nói rõ tội tham ô, trộm cắp đến mức cao nhất là tử hình.

Lãng phí là một căn bệnh mà Hồ Chí Minh lên án gay gắt. Chính bản thân Người luôn làm gương, tích cực thực hành chống lãng phí trong cuộc sống và công việc hằng ngày. Người quý trọng từng đồng xu, bát gạo do dân đóng góp cho hoạt động của bộ máy nhà nước. Lãng phí ở đây được Hồ Chí Minh xác định là lãng phí sức lao động, lãng phí thời giờ, lãng phí tiền của. Chống lãng phí là biện pháp để tiết kiệm, là quốc sách của mọi quốc gia.

Bệnh quan liêu không những có ở cấp trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện mà còn có ngay ở cả cấp cơ sở. Hồ Chí Minh phê bình những người và các cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không đi sâu từng vấn đề. Bệnh quan liêu làm cho chúng ta chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, *chứ không kiểm tra đến nơi đến chốn...* thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững... Thế là *bệnh quan liêu* đã ấp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, đây là bệnh gốc sinh ra các bệnh tham ô, lãng phí; muốn trừ sạch bệnh tham ô, lãng phí thì trước hết phải tẩy sạch bệnh quan liêu.

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.65.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.357-358.

“*Tư túng*”, “*chia rẽ*”, “*kiêu ngạo*”. Những căn bệnh trên gây mất đoàn kết, gây rối cho công tác. Hồ Chí Minh kịch liệt lên án tệ kéo bè, béo cánh, tệ nạn bà con bạn hữu mình không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài có đức, nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Trong chính quyền, còn hiện tượng gây mất đoàn kết, không biết cách làm cho mọi người hoà thuận với nhau, còn có người “bệnh vực lớp này, chống lại lớp khác”. Ngoài bệnh cậy thế, có người còn kiêu ngạo, “tưởng mình ở trong cơ quan Chính phủ là thần thánh rồi... cứ chỉ lúc nào cũng vác mặt “quan cách mạng””¹, làm mất uy tín của Chính phủ.

Để tìm ra biện pháp phòng, chống tiêu cực trong bộ máy nhà nước, Hồ Chí Minh đã dày công luận giải nguyên nhân nảy sinh tiêu cực. Những nguyên nhân này được Hồ Chí Minh tiếp cận rất toàn diện. Trước hết là nguyên nhân chủ quan, bắt nguồn từ căn “bệnh mẹ” là chủ nghĩa cá nhân, tự sự thiếu tu dưỡng, rèn luyện của bản thân cán bộ. Bên cạnh đó còn có những nguyên nhân khách quan, từ gần đến xa, là do công tác cán bộ của Đảng và Nhà nước chưa tốt; do cách tổ chức, vận hành trong Đảng, trong Nhà nước, sự phối hợp giữa Đảng với Nhà nước chưa thật sự khoa học, hiệu quả; do trình độ phát triển còn thấp của đời sống xã hội; do tàn dư của những chính sách phản động của chế độ thực dân, phong kiến; do âm mưu chống phá của các lực lượng thù địch, v.v... Các nguyên nhân này không tồn tại biệt lập với nhau, mà có sự kết hợp với nhau, tiến công vào đội ngũ cán bộ. Nếu Đảng và Nhà nước không có biện pháp phòng, chống tốt, không có chính sách bảo vệ cán bộ một cách có hiệu quả, thì nguy cơ mất cán bộ là rất lớn.

Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước là nhiệm vụ hết sức khó khăn. Trong nhiều tác phẩm khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau, Hồ Chí Minh đã nêu lên nhiều biện pháp khác nhau. Khái quát lại, có thể thấy nổi bật một hệ thống biện pháp cơ bản như sau:

Một là, nâng cao trình độ dân chủ trong xã hội, thực hành dân chủ rộng rãi, phát huy quyền làm chủ của nhân dân đó là giải pháp căn bản và có ý nghĩa lâu dài.

Hai là, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra phải thường xuyên. Cán bộ, đảng viên phải nghiêm túc và tự giác tuân thủ pháp luật, kỷ luật. Đối với những kẻ thoái hóa, biến chất, pháp luật phải “thăng tay trừng trị”, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì. Trong Nhà nước “trăm điều phải có thần linh pháp quyền” thì tuyệt nhiên không có bất cứ vùng cấm nào.

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.66.

Ba là, phạt nghiêm minh, nghiêm khắc, đúng người đúng tội là cần thiết, song việc gì cũng xử phạt thì lại không đúng. Cần coi trọng giáo dục, lấy giáo dục, cảm hóa làm chủ yếu. Chỉ có như vậy mới làm cho cái tốt trong mỗi người nảy nở như hoa mùa Xuân và cái xấu mất dần đi. Trong giáo dục cán bộ, phải coi trọng giáo dục đạo đức, xây dựng hệ chuẩn mực đạo đức của người cầm quyền, khơi dậy lương tâm trong mỗi con người. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp “dĩ công vi tư””¹.

Bốn là, cán bộ phải đi trước làm gương, cán bộ giữ chức vụ càng cao, trách nhiệm nêu gương càng lớn. Cán bộ, người đứng đầu có ý thức nêu gương tu dưỡng đạo đức, chống tiêu cực, sẽ có tác động rất mạnh mẽ đến cấp dưới, đến nhân dân, góp phần gây nên những đức tính tốt trong nhân dân. Đây là một nét đặc sắc trong văn hoá chính trị Việt Nam.

Năm là, phải huy động sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước vào cuộc chiến chống lại tiêu cực trong con người, trong xã hội và trong bộ máy Nhà nước. Bất kỳ người Việt Nam nào có lòng tự hào, tự tôn dân tộc, thì dù là người dân bình thường, hay cán bộ, đảng viên, thì đều phải có trách nhiệm tu dưỡng và thực hành đạo đức cách mạng.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC

1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh

Đảng phải đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn. Sai một ly thì đi một dặm, đó là tầm quan trọng của đường lối, chủ trương của Đảng. Đường lối, chủ trương dứt khoát phải dựa trên nền tảng lý luận Mác - Lênin sáng tạo và tư tưởng Hồ Chí Minh; phải phù hợp với hoàn cảnh của đất nước từng giai đoạn, thời kỳ.

Phải tổ chức thực hiện thật tốt đường lối, chủ trương của Đảng. Phải thể chế hóa và phải biến thành hành động tích cực nhất của tất cả các tổ chức của hệ thống chính trị, trong đó đặc biệt quan trọng là thực thi và phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đối với đội ngũ cán bộ chiến lược, đặc biệt quan trọng nữa là người đứng đầu cần nêu cao trách nhiệm nêu gương sáng cho mọi người noi theo đúng như tinh thần của Hồ Chí Minh đã nói: đảng viên đi trước làng nước theo sau.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.127.

Phải chú trọng hơn nữa công tác chỉnh đốn Đảng. Sự nghiệp cách mạng nói chung và sự nghiệp đổi mới đất nước có thành công hay không hoàn toàn phụ thuộc vào chất lượng, trong đó có sự trong sạch của bản thân Đảng. Thường xuyên chỉnh đốn nội bộ để Đảng xứng đáng là người cầm quyền, để đảng viên luôn xứng đáng vừa là người lãnh đạo vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Phải làm cho Đảng luôn là “Đảng là đạo đức, là văn minh” như Hồ Chí Minh đã nêu. Cái thiếu nhất hiện nay là sự thống nhất giữa nói và làm trong Đảng. Phải quán triệt sâu sắc hơn nữa trong Đảng tư tưởng và hành động của Hồ Chí Minh về thống nhất giữa nói và làm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để Đảng sử dụng và phát huy tốt quyền lực do dân giao phó nhằm phục vụ sự phát triển của dân tộc, đưa đất nước tiến những bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, làm cho đất nước hùng cường, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc như tiêu đề mà Hồ Chí Minh đã viết trong các văn bản hành chính.

Những sinh viên đang là đảng viên của Đảng cần chú trọng thực hiện thật tốt đường lối, quan điểm, chủ trương, điều lệ Đảng, phải là công dân gương mẫu và là sinh viên tốt. Những sinh viên chưa là đảng viên cần nghiên cứu, học tập thật tốt tư tưởng Hồ Chí Minh, phấn đấu trở thành đảng viên hoặc người tích cực ủng hộ Đảng, góp phần đưa nước nhà sánh vai với các cường quốc năm châu, như Hồ Chí Minh đã viết trong Thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tháng 9-1945.

2. Xây dựng Nhà nước

Phải xây dựng Nhà nước thật sự trong sạch, vững mạnh. Cần đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước; bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội.

Cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân.

Phải xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền. Đồng thời, quy định rõ hơn cơ chế phối hợp trong việc thực hiện và kiểm soát các quyền ở các cấp chính

quyền. Tiếp tục phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương.

Chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Đảng phải tập trung lãnh đạo về đường lối, chủ trương, xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế, chính sách về cán bộ, công chức. Đẩy mạnh dân chủ hóa công tác cán bộ, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. Thực hiện thí điểm dân trực tiếp bầu một số chức danh ở cơ sở và ở cấp huyện; mở rộng đối tượng thi tuyển chức danh cán bộ quản lý. Hoàn thiện tiêu chí đánh giá và cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi công vụ; xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính. Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách đối với cán bộ, công chức theo hướng khuyến khích cán bộ, công chức nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ; lấy bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, hiệu quả thực thi nhiệm vụ để đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ. Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài.

Đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền; thực hành tiết kiệm trong các cơ quan nhà nước và trong đội ngũ cán bộ, công chức.

Đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Tiếp tục nâng cao hiệu quả thực hiện và đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng các chủ trương, chính sách lớn, lãnh đạo thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật, lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất và năng lực để thực thi tốt trách nhiệm công vụ, lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách và hệ thống pháp luật; chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp; các tổ chức của Đảng và đảng viên phải gương mẫu tuân thủ pháp luật. Bản chất, tính chất của Nhà nước gắn liền với vai trò, trách nhiệm của Đảng cầm quyền, do đó, đến lượt Đảng, một tiền đề tất yếu được đặt ra là sự trong sạch, vững mạnh của Đảng là yếu tố quyết định cho sự thành công của việc xây dựng Nhà nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

1. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam để phân tích vấn đề phòng và chống các tiêu cực trong Đảng hiện nay.
2. Phân tích những điểm đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước Việt Nam.
3. Trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng lãnh đạo giai đoạn hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh, cần chú ý những vấn đề gì?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
3. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986.
4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nền tảng tư tưởng của Đảng ta*, Nxb Chính trị-Hành chính, Hà Nội, 2009.
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
7. Nguyễn Đình Lộc: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
8. Song Thành: *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005.
9. Mạch Quang Thắng: *Hồ Chí Minh – Con người của sự sống*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

Chương V

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

MỤC TIÊU *- Về kiến thức*

Trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào sự nghiệp đổi mới đất nước.

- *Về kỹ năng*

Góp phần làm cho sinh viên rèn luyện kỹ năng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế vào trong cuộc sống giai đoạn hiện nay.

- *Về tư tưởng*

Củng cố niềm tin của sinh viên vào khối đại đoàn kết toàn dân tộc và sự kết hợp sức mạnh dân tộc Việt Nam với sức mạnh thời đại trong sự nghiệp đổi mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc

a. Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng

Vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa chiến lược lâu dài và xuyên suốt tiến trình cách mạng. Đại đoàn kết toàn dân tộc không chỉ có ý nghĩa trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, mà còn có ý nghĩa cả trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Theo Hồ Chí Minh, trong thời đại mới, để đánh bại các thế lực đế quốc thực dân nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp và giải phóng con người, nếu chỉ có tinh thần yêu nước thì chưa đủ. Cách mạng muốn thành công và thành công “đến nơi”, phải tập hợp tất cả mọi lực lượng có thể tập hợp, xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân tộc một cách bền vững.

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, muốn quy tụ được mọi lực lượng vào khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cần có chính sách và phương pháp phù hợp với từng đối tượng. Trong mỗi giai đoạn cách mạng, trước những yêu cầu và nhiệm vụ khác nhau, chính sách và phương pháp tập hợp đại đoàn kết có thể và cần thiết phải điều chỉnh cho phù hợp với từng đối tượng khác nhau, song không bao giờ được thay đổi chủ trương đại đoàn kết toàn dân tộc, vì đó là vấn đề sống còn, quyết định thành bại của cách mạng. Nhờ tư tưởng nhất quán và chính sách mặt trận đúng đắn, Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Hồ Chí Minh, đã xây dựng thành công khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đưa cách mạng Việt Nam giành được nhiều thắng lợi to lớn. Từ bài học thành công của cách mạng, Hồ Chí Minh đã tổng kết những quan điểm mang tính chân lý về vai trò của nhân dân, của khối đại đoàn kết: “Đoàn kết là sức mạnh

của chúng ta”¹, “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi”², “Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi”³, “Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công”⁴, “Bây giờ còn một điểm rất quan trọng, cũng là điểm mấu chốt. Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt: Đó là đoàn kết”⁵. Người kết luận:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công”⁶

b. Đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, đoàn kết không chỉ là khẩu hiệu chiến lược, mà còn là mục đích của cách mạng. Chính vì thế, theo Người, đại đoàn kết toàn dân tộc phải được xác định là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, phải được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực, từ đường lối, chủ trương, chính sách tới hoạt động thực tiễn của Đảng. Trong lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam, ngày 3-3-1951, Hồ Chí Minh đã thay mặt Đảng tuyên bố trước toàn thể dân tộc: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong tám chữ là: ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC”⁷.

Đại đoàn kết toàn dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, cũng là nhiệm vụ hàng đầu của mỗi giai đoạn cách mạng. Nhấn mạnh vấn đề này là nhấn mạnh đến vai trò của thực lực cách mạng. Bởi cách mạng muốn thành công nếu chỉ có đường lối đúng thì chưa đủ, mà trên cơ sở của đường lối đúng, Đảng phải cụ thể hoá thành những mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng phù hợp với từng giai đoạn để lôi kéo, tập hợp quần chúng, tạo thực lực cho cách mạng. Thực lực đó chính là khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Năm 1963, khi nói chuyện với cán bộ tuyên truyền và huấn luyện miền núi về cách mạng xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trước Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến, thì nhiệm vụ tuyên huấn là làm cho đồng bào các dân tộc hiểu được mấy việc: *Một là đoàn kết. Hai là làm cách mạng hay kháng chiến để đòi độc lập.* Chỉ đơn giản thế thôi. Bây giờ mục đích của

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.392.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.397.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.22.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.154.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.8, tr.392.

6 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.607.

7 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.183.

tuyên truyền huấn luyện là: *Một là đoàn kết. Hai là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ba là đấu tranh thống nhất nước nhà*¹.

Đại đoàn kết là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, là đòi hỏi khách quan của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng. Từ trong phong trào đấu tranh để tự giải phóng và xây dựng xã hội mới tốt đẹp, quần chúng nảy sinh nhu cầu đoàn kết và hợp tác, Đảng Cộng sản phải có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn quần chúng, chuyển những nhu cầu, những đòi hỏi khách quan, tự phát của quần chúng thành những đòi hỏi tự giác, thành hiện thực có tổ chức trong khối đại đoàn kết, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh vì độc lập của dân tộc, tự do cho nhân dân và hạnh phúc cho con người. Do đó, đại đoàn kết toàn dân tộc chính là hợp điểm của “Ý Đảng” và “Lòng dân”.

2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

a. Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo quan điểm của Hồ Chí Minh là toàn thể nhân dân, tất cả những người Việt Nam yêu nước. Đứng trên lập trường giai cấp công nhân và quan điểm quần chúng, Hồ Chí Minh đề cập vấn đề *nhân dân* một cách rõ ràng, toàn diện. Nội hàm về nhân dân có biên độ rất rộng, Hồ Chí Minh thường dùng khái niệm này để chỉ “Mọi con dân nước Việt”, “Mỗi một người con Rồng cháu Tiên”, không phân biệt dân tộc đa số hay thiểu số, có tín ngưỡng hay không tín ngưỡng, không phân biệt “già, trẻ, gái, trai, giàu nghèo, quý tiện”. Như vậy, nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh vừa được hiểu với tư cách là mỗi con người Việt Nam cụ thể, vừa là một tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân, với những mối liên hệ cả quá khứ và hiện tại, họ là chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đại đoàn kết dân tộc thực chất là tập hợp lực lượng toàn dân.

Nói tới đại đoàn kết toàn dân tộc cũng có nghĩa là phải tập hợp được tất cả mọi người dân vào trong cuộc đấu tranh chung. Theo ý nghĩa đó, nội hàm khái niệm đại đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất phong phú, bao gồm nhiều tầng nấc, nhiều cấp độ các quan hệ liên kết qua lại giữa các thành viên, các bộ phận, các lực lượng xã hội của dân tộc từ dân tộc đa số đến dân tộc thiểu số, từ thấp đến cao, từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới... Hồ Chí Minh nhiều lần nói: “Đoàn kết của ta không những rộng rãi mà còn đoàn kết lâu dài... ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và bảo vệ Tổ

¹Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.130.

quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”¹.

Hồ Chí Minh còn chỉ rõ, trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc để tập hợp lực lượng, không được phép bỏ sót một lực lượng nào, miễn là lực lượng đó có lòng trung thành và sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, không là Việt gian, không phản bội lại quyền lợi của dân chúng. Với tinh thần đại đoàn kết rộng rãi như vậy, Hồ Chí Minh đã định hướng cho việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tới cách mạng xã hội chủ nghĩa.

b. Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Dân tộc, nhân dân là những khái niệm chỉ một cộng đồng, một khối đông người. Muốn xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc thì phải xác định rõ đâu là nền tảng của khối đoàn kết toàn dân tộc và những lực lượng nào tạo nên nền tảng đó. Người chỉ rõ: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền, gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác”²; “Lực lượng chủ yếu trong khối đại đoàn kết dân tộc là công nông, cho nên liên minh công nông là nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất”³. Người còn nêu rõ, lấy liên minh công nhân - nông dân – lao động trí óc làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nền tảng càng được củng cố vững chắc thì khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng có thể mở rộng, không e ngại bất cứ thế lực nào có thể làm suy yếu khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đại đoàn kết toàn dân tộc còn phải đoàn kết và thống nhất trong Đảng. Sự đoàn kết thống nhất của Đảng phải dựa trên cơ sở lý luận của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin; cương lĩnh, đường lối, quan điểm của Đảng; điều lệ Đảng; nghị quyết của tổ chức đảng các cấp. Đồng thời, muốn đoàn kết thống nhất trong Đảng, phải thực hành dân chủ rộng rãi ở trong Đảng, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, thường xuyên tu dưỡng đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân và các biểu hiện tiêu cực khác, phải sống với nhau có tình có nghĩa. Có đoàn kết tốt thì mới tạo ra cơ sở vững chắc để thống nhất ý chí và hành động. Sự đoàn kết trong Đảng là cơ sở vững chắc để xây dựng sự đoàn kết trong Mặt trận. Đảng đoàn

1Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.438.

2Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.438.

3Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10 tr.18.

kết, dân tộc đoàn kết và sự gắn bó máu thịt giữa Đảng đối với nhân dân sẽ tạo nên sức mạnh bên trong, để dân tộc vượt qua mọi khó khăn, chiến thắng mọi kẻ thù, đi tới thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, *phải lấy lợi ích chung làm điểm quy tụ, đồng thời phải tôn trọng các lợi ích khác biệt chính đáng*. Phải chú ý xử lý các mối quan hệ lợi ích rất phong phú trong xã hội Việt Nam. Chỉ có xử lý tốt quan hệ lợi ích trong xã hội thì mới tìm ra những điểm tương đồng để đoàn kết lực lượng yêu nước, cách mạng. Mặt trận là tổ chức tập hợp đông đảo quần chúng với lợi ích vừa tương đồng, vừa khác biệt. Muốn Mặt trận hoạt động lâu dài và bền chặt thì phải đặt lợi ích tối cao của dân tộc lên trên hết. Lợi ích tối cao của dân tộc Việt Nam và cũng là nguyên tắc “bất di bất dịch” của cách mạng Việt Nam chính là *độc lập, tự do*. Vấn đề còn lại là ở chỗ phải làm thế nào để tất cả mọi người thuộc bất cứ giai tầng nào, lực lượng nào trong Mặt trận cũng phải đặt lợi ích tối cao đó lên trên hết, trước hết, vì lợi ích tối cao của dân tộc được bảo đảm thì lợi ích cơ bản của mỗi bộ phận, mỗi người đều được thực hiện.

Trên cơ sở bảo đảm lợi ích tối cao của dân tộc, những quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân cũng được cụ thể hóa sao cho phù hợp với lợi ích dân tộc, với từng đối tượng và điều kiện thực tiễn.

Theo Hồ Chí Minh, muốn xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, *phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của toàn dân tộc*. Truyền thống này được hình thành, củng cố và phát triển trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm của cả dân tộc, trở thành giá trị bền vững, thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của mỗi con người Việt Nam, được lưu truyền qua các thế hệ từ thời các vua Hùng dựng nước, tới Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Quang Trung... Đó chính là cội nguồn sức mạnh vô địch để cả dân tộc chiến đấu và chiến thắng thiên tai địch họa, làm cho đất nước được trường tồn, cốt cách dân tộc được giữ vững.

Phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người. Hồ Chí Minh chỉ rõ, trong mỗi cá nhân cũng như mỗi cộng đồng đều có những ưu điểm, khuyết điểm, mặt tốt, mặt xấu... Cho nên, vì lợi ích của cách mạng, cần phải có lòng khoan dung độ lượng, trân trọng phần thiện dù nhỏ nhất ở mỗi người thì mới có thể tập hợp, quy tụ rộng rãi mọi lực lượng. Người viết: “Sông to, biển rộng bao nhiêu nước cũng chứa được, vì độ lượng nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn, thì một chút nước đầy tràn, vì độ

lượng nó hẹp nhỏ. Người mà tự kiêu, tự mãn, cũng như cái chén, cái đĩa cạn”¹. Theo Người, năm ngón tay có ngón ngắn ngón dài, nhưng cả năm ngón đều thuộc về một bàn tay, “trong mấy triệu người cũng có người thể này thể khác, nhưng thể này hay thể khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng, đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải dùng tình thân ái mà cảm hoá họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang”².

Lòng khoan dung độ lượng ở Hồ Chí Minh không phải là một sách lược nhất thời, một thủ đoạn chính trị mà là sự tiếp nối phát triển truyền thống nhân ái, bao dung của dân tộc, từ chính mục tiêu của cuộc cách mạng mà Người suốt đời theo đuổi. Đó là một tư tưởng nhất quán, được thể hiện trong đường lối, chính sách của Đảng đối với những người làm việc dưới chế độ cũ và những người nhất thời lầm lạc biết hối cải. Người tuyên bố: “Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”³.

Để thực hiện đoàn kết rộng rãi toàn dân tộc, cần *có niềm tin vào nhân dân*. Với Hồ Chí Minh, yêu dân, tin dân, dựa vào dân, sống, đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân là nguyên tắc tối cao. Nguyên tắc này vừa là sự tiếp nối truyền thống dân tộc “Nước lấy dân làm gốc”, “Chở thuyền và lật thuyền cũng là dân”, đồng thời là sự quán triệt sâu sắc nguyên lý mácxít “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”. Trong tư tưởng của Người, dân là chỗ dựa vững chắc của Đảng, là nguồn sức mạnh vô tận và vô địch của khối đại đoàn kết, quyết định thắng lợi của cách mạng, là nền, gốc và chủ thể của mặt trận dân tộc thống nhất.

4. Hình thức, nguyên tắc tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc – Mặt trận dân tộc thống nhất

a. Mặt trận dân tộc thống nhất

Theo Hồ Chí Minh hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là mặt trận dân tộc thống nhất. Từ rất sớm Hồ Chí Minh đã rất chú ý đến việc đưa quần chúng nhân dân vào những tổ chức yêu nước phù hợp với từng giai cấp, tầng lớp, từng giới, từng ngành nghề, từng lứa tuổi, từng tôn giáo. Đó là các hội ái hữu, tương trợ, công hội, nông hội, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, đội thiếu niên nhi đồng, hội phụ lão, hội Phật giáo cứu quốc, Công giáo yêu nước, các nghiệp đoàn... nhưng bao

1Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.664.

2Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.246-247.

3Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.438.

trùm nhất là Mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận dân tộc thống nhất chính là nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu nước, tập hợp mọi người dân nước Việt Nam, không chỉ ở trong nước mà còn cả những người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Do yêu cầu và nhiệm vụ của từng chặng đường lịch sử, Mặt trận dân tộc thống nhất đã có những tên gọi khác nhau: Hội Phản đế đồng minh (năm 1930); Mặt trận Dân chủ Đông Dương (năm 1936); Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương (1939); Mặt trận Việt Minh (năm 1941); Mặt trận Liên Việt (năm 1951); Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (năm 1960); Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam (năm 1968); Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (các năm 1955, 1976)... Tuy nhiên, dù có nhiều tên gọi khác nhau nhưng thực chất chỉ là một, là tổ chức chính trị - xã hội rộng rãi, tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, các tổ chức, cá nhân yêu nước ở trong và ngoài nước, phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập, thống nhất của Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của nhân dân.

b. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

Là tổ chức tập hợp rộng rãi mọi giai cấp, tầng lớp vì vậy, Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng và hoạt động theo một số nguyên tắc cơ bản sau đây:

(1) *Mặt trận dân tộc thống nhất được xây dựng trên nền tảng liên minh công nhân - nông dân - trí thức do Đảng Cộng sản lãnh đạo.*

Mặt trận dân tộc thống nhất hoạt động phải dựa trên cơ sở liên minh cơ bản đó để mở rộng Mặt trận, làm cho Mặt trận thực sự quy tụ được cả dân tộc, tập hợp được toàn dân, kết thành một khối vững chắc. Đây là nguyên tắc cốt lõi trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Hồ Chí Minh. Do công - nông là lực lượng cách mạng nòng cốt nên liên minh cũng là nền tảng của Mặt trận. Trí thức là sức mạnh riêng có của con người nên để cách mạng thành công, xây dựng khối đại đoàn kết với nền tảng công-nông-trí là yêu cầu mang tính khách quan. Đặc biệt, trong Mặt trận, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là lực lượng lãnh đạo. Tuy nhiên, quyền lãnh đạo Mặt trận không phải do Đảng tự phong cho mình, mà phải được nhân dân thừa nhận. Hồ Chí Minh nói: “Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành địa vị lãnh đạo”¹. Như vậy, sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận *vừa là*

¹Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.139.

một tất yếu, vừa phải có điều kiện. Đảng lãnh đạo Mặt trận trước hết bằng việc xác định chính sách Mặt trận đúng đắn, phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng. Đảng phải dùng phương pháp vận động, giáo dục, thuyết phục, nêu gương, lấy lòng trung thành để đối xử, cảm hoá, khơi gợi tinh thần tự giác, tự nguyện, hết sức tránh gò ép, quan liêu mệnh lệnh.

(2) Mặt trận dân tộc thống nhất phải hoạt động trên cơ sở hiệp thương dân chủ.

Hiệp thương dân chủ đòi hỏi tất cả mọi vấn đề của Mặt trận đều phải được đem ra để tất cả các thành viên cùng nhau bàn bạc công khai, để đi đến nhất trí, loại trừ mọi sự áp đặt hoặc dân chủ hình thức. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng đều phải được trình bày công khai trước mặt trận. Khi có những lợi ích riêng biệt không phù hợp, Mặt trận sẽ giải quyết bằng việc nêu cao lợi ích chung của dân tộc. Lợi ích tối cao của dân tộc thể hiện ở quyền dân tộc cơ bản: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; là bảo đảm phát triển vững chắc của chế độ xã hội chủ nghĩa với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Để có thể xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phải làm cho mọi người thuộc bất cứ giai tầng nào cũng đặt lợi ích tối cao của dân tộc lên trên hết và trước hết. Lợi ích tối cao của dân tộc có được bảo đảm thì lợi ích của mỗi bộ phận, mỗi người mới được thực hiện. Mỗi bộ phận, mỗi người lại có những lợi ích riêng khác nhau. Những lợi ích riêng chính đáng, phù hợp với lợi ích chung của đất nước và dân tộc phải được tôn trọng. Ngược lại, những gì riêng biệt, không phù hợp sẽ dần dần được giải quyết bằng lợi ích chung của dân tộc, bằng sự nhận thức ngày càng đúng đắn hơn của mỗi người, mỗi bộ phận về mối quan hệ giữa lợi ích chung và lợi ích riêng. Tổ chức Mặt trận cần đặc biệt quan tâm, xem xét và giải quyết thỏa đáng vấn đề này đối với các thành viên tham gia bằng việc thực hiện nghiêm túc nguyên tắc hiệp thương dân chủ, cùng bàn bạc để đi đến nhất trí, loại trừ mọi sự áp đặt và dân chủ hình thức.

(3) Mặt trận dân tộc thống nhất phải hoạt động theo nguyên tắc đoàn kết thật sự, lâu dài, chặt chẽ, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Giữa các thành viên của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bên cạnh những điểm tương đồng, vẫn có những điểm khác nhau cần bàn bạc để đi đến nhất trí, bên cạnh những nhân tố tích cực vẫn có những nhân tố tiêu cực cần phải khắc phục. Để giải quyết vấn đề này, một mặt, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm “cầu đồng tồn dị” lấy cái chung để hạn chế cái riêng, cái khác biệt; mặt khác, Người nêu rõ rằng, đoàn kết phải gắn với đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết. Người thường xuyên căn dặn phải khắc phục tình trạng đoàn kết xuôi chiều, phải nêu cao tinh thần

tự phê bình và phê bình để biểu dương mặt tốt, khắc phục mặt chưa tốt, củng cố đoàn kết nội bộ. Đoàn kết thật sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí, vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái vì nước, vì dân. Trong quá trình xây dựng, củng cố và phát triển Mặt trận dân tộc thống nhất, Đảng luôn đấu tranh chống khuynh hướng hẹp hòi, coi nhẹ việc tranh thủ tất cả các lực lượng có thể tranh thủ được, đồng thời chống khuynh hướng đoàn kết một chiều, đoàn kết mà không có đấu tranh đúng mức trong nội bộ Mặt trận. Trong Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh - Liên Việt (3-1951), Hồ Chí Minh nêu rõ: “Trong Đại hội này, chúng ta có đại biểu đủ các tầng lớp, các tôn giáo, các dân tộc, già có, trẻ có, nam có, nữ có, thật là một đại gia đình tương thân tương ái. Chắc rằng sau cuộc Đại hội, mỗi đoàn kết thân ái sẽ phát triển và củng cố khắp toàn dân”¹.

5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Một là, làm tốt công tác vận động quần chúng (dân vận)

Hồ Chí Minh coi đại đoàn kết như một mục tiêu, một nhiệm vụ hàng đầu. Để thực hiện mục tiêu đó thì phải làm tốt công tác vận động quần chúng. Vận động quần chúng để thu hút quần chúng chính là để đoàn kết mọi người, tạo ra động lực phát triển kinh tế - xã hội và văn hoá. Theo Người, để phát huy đầy đủ vai trò, trí tuệ, khả năng to lớn của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng và Nhà nước cũng như mọi cán bộ, đảng viên phải biết làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền, hướng dẫn, giúp đỡ và vận động quần chúng nhân dân thực hiện mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; phải giúp nhân dân hiểu đầy đủ, sâu sắc về quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của người công dân đối với Đảng, với Tổ quốc và với dân tộc, từ đó họ tích cực, chủ động, tự giác phấn đấu và cống hiến cho sự nghiệp cách mạng. Người dặn: "cần phải chịu khó tìm đủ cách giải thích cho họ hiểu rằng: những việc đó là vì ích lợi của họ mà phải làm"². Theo Hồ Chí Minh, mọi phương pháp tiếp cận và vận động quần chúng đều phải phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của quần chúng; đồng thời phải xuất phát từ thực tế trình độ dân trí và văn hoá, theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp, bao gồm cả phong tục, tập quán và cụ thể đối với từng địa phương, từng đối tượng của nhân dân.

Hai là, thành lập các đoàn thể, tổ chức quần chúng phù hợp với từng đối tượng để tập hợp quần chúng.

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr 182.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr 286.

Theo Hồ Chí Minh, để tập quần chúng nhân dân một cách có hiệu quả, cần phải tổ chức ra các đoàn thể, tổ chức quần chúng. Đây là những tổ chức để tập hợp, giáo dục, rèn luyện quần chúng cho phù hợp từng giai cấp, dân tộc, tôn giáo, lứa tuổi, giới tính, vùng miền...như các tổ chức: Công đoàn, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ...Các đoàn thể, tổ chức quần chúng có nhiệm vụ giáo dục, động viên và phát huy tính tích cực của các tầng lớp nhân dân, góp phần thực hiện nhiệm vụ của cách mạng trong từng giai đoạn.

Các đoàn thể, tổ chức quần chúng ra đời, dưới sự lãnh đạo của Đảng, có nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ, vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân tham gia cách mạng, đấu tranh bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Chính vì vậy mà trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, xây dựng và bảo vệ đất nước, các tổ chức, đoàn thể không ngừng lớn mạnh về số lượng, hoạt động ngày càng có hiệu quả, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng, là hạt nhân của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ba là, các đoàn thể, tổ chức quần chúng được tập hợp và đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất.

Theo Hồ Chí Minh, các đoàn thể, tổ chức quần chúng hợp thành Mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận dân tộc thống nhất càng rộng rãi, càng chặt chẽ, thống nhất bao nhiêu thì khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng mạnh mẽ, càng bền vững bấy nhiêu. Các đoàn thể, tổ chức quần chúng và Mặt trận dân tộc thống nhất là sợi dây gắn kết Đảng với nhân dân. Người khẳng định: "Những đoàn thể ấy là tổ chức của dân, phấn đấu cho dân, bênh vực quyền của dân, liên lạc mật thiết nhân dân với Chính phủ"¹. Như vậy, bản chất của đoàn thể nhân dân, các tổ chức quần chúng là tổ chức của dân, do đó vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân là phải vận động quần chúng bao gồm các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội tham gia vào các tổ chức của mình. Công tác vận động quần chúng phải dựa trên chiến lược:

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công!"².

Đối với các đoàn thể, tổ chức quần chúng, Hồ Chí Minh cho rằng được tập hợp và đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất, do vậy đều có sự chỉ đạo trong công tác vận động, thu hút, tập hợp quần chúng tham gia sinh hoạt trong tổ chức của mình. Người chỉ rõ: "Mặt trận dân tộc thống nhất vẫn là một trong những lực

1Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.397.

2Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr.119.

lượng to lớn của cách mạng Việt Nam... Phải đoàn kết tốt các đảng phái, các đoàn thể, các nhân sĩ trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thực hiện hợp tác lâu dài, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tiến bộ. Phải đoàn kết các dân tộc anh em, cùng nhau xây dựng Tổ quốc... Phải đoàn kết chặt chẽ giữa đồng bào lương và đồng bào các tôn giáo, cùng nhau xây dựng đời sống hòa thuận ấm no, xây dựng Tổ quốc"¹.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế

a. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng

Đoàn kết quốc tế là để tập hợp lực lượng bên ngoài, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của các trào lưu cách mạng thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam chiến thắng kẻ thù là một trong những nội dung chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh và cũng là một trong những bài học kinh nghiệm quan trọng nhất, mang tính thời sự sâu sắc nhất của cách mạng Việt Nam.

Sức mạnh dân tộc Việt Nam là sự tổng hợp của các yếu tố vật chất và tinh thần, nhưng trước hết là sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và ý thức tự lực, tự cường dân tộc; sức mạnh của tinh thần đoàn kết; của ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho độc lập, tự do... Sức mạnh đó đã giúp cho dân tộc ta vượt qua mọi thử thách, khó khăn trong quá trình dựng nước và giữ nước.

Trong thực tiễn hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh từng bước phát hiện sức mạnh vĩ đại tiềm ẩn trong các trào lưu cách mạng thế giới mà Việt Nam cần tranh thủ. Các trào lưu đó nếu được liên kết, tập hợp trong khối đoàn kết quốc tế sẽ tạo nên sức mạnh to lớn. Sức mạnh đó luôn được bổ sung những nhân tố mới, phản ánh sự vận động, phát triển không ngừng của lịch sử toàn thế giới và tiến trình chính trị quốc tế sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917.

Ngay khi tìm thấy con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã sớm xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, cách mạng Việt Nam chỉ có thể thành công khi thực hiện đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới. Song song với quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam, tư tưởng đoàn kết với phong trào cách mạng thế giới đã được Hồ Chí Minh ngày càng đầy đủ, rõ ràng và cụ thể hơn.

¹Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr.453.

Đối tượng đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất rộng lớn. Đó là đoàn kết với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở “chính quốc” và ở các nước tư bản chủ nghĩa nói chung; đoàn kết với nước Nga Xôviết, với Liên Xô và sau này mở rộng ra tất cả các nước xã hội chủ nghĩa; đoàn kết với phong trào đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới; đặc biệt là đoàn kết với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia, hai nước cùng cảnh ngộ với Việt Nam trên bán đảo Đông Dương, thực hiện khối đoàn kết ba nước Đông Dương trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập, tự do cho mỗi dân tộc và hạnh phúc cho nhân dân mỗi nước.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế; đại đoàn kết toàn dân tộc phải là cơ sở cho việc thực hiện đoàn kết quốc tế. Đoàn kết toàn dân tộc gắn liền với đoàn kết quốc tế là để kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng chiến thắng kẻ thù. Cũng như đại đoàn kết toàn dân tộc là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam, thì đoàn kết quốc tế cũng là một nhân tố thường xuyên và hết sức quan trọng giúp cho cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi hoàn toàn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

b. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại

Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước chân chính phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế vô sản, đại đoàn kết toàn dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế; thực hiện đoàn kết quốc tế không chỉ vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà còn vì sự nghiệp chung của nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế vì các mục tiêu cách mạng của thời đại.

Thời đại mà Hồ Chí Minh sống và hoạt động chính trị là thời đại đã chấm dứt thời kỳ tồn tại biệt lập giữa các quốc gia, mở ra các quan hệ quốc tế ngày càng sâu rộng cho các dân tộc, làm cho vận mệnh của mỗi dân tộc không thể tách rời vận mệnh chung của cả loài người. Sau khi nắm được đặc điểm của thời đại mới, Hồ Chí Minh đã hoạt động không mệt mỏi để phá thế đơn độc của cách mạng Việt Nam, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Trong suốt quá trình đó, Người không chỉ phát huy triệt để sức mạnh chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc trong đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc mình mà còn kiên trì đấu tranh không mệt mỏi để củng cố và tăng cường đoàn kết giữa các lực lượng cách mạng

thế giới, đấu tranh cho mục tiêu chung: hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Hồ Chí Minh cho rằng muốn tăng cường đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh vì mục tiêu chung, các Đảng Cộng sản phải kiên trì chống lại mọi khuynh hướng sai lầm của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa vị kỷ dân tộc, chủ nghĩa sô vanh... những khuynh hướng làm suy yếu sức mạnh đoàn kết, thống nhất các lực lượng cách mạng thế giới. Nói cách khác, các đảng cộng sản phải tiến hành có hiệu quả việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Nhờ gương cao ngạo cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cách mạng Việt Nam đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ quốc tế, huy động được sức mạnh của các trào lưu cách mạng thời đại, làm cho sức mạnh dân tộc được nhân lên gấp bội, chiến thắng được những kẻ thù có sức mạnh to lớn hơn mình về nhiều mặt.

2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức

a. Các lực lượng cần đoàn kết

Trong tư tưởng đoàn kết quốc tế Hồ Chí Minh, lực lượng đó bao gồm: Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và phong trào hoà bình, dân chủ thế giới, trước hết là phong trào chống chiến tranh của nhân dân các nước đang xâm lược Việt Nam.

Đối với *phong trào cộng sản và công nhân quốc tế*, lực lượng nòng cốt của đoàn kết quốc tế, Hồ Chí Minh cho rằng, sự đoàn kết giữa giai cấp vô sản quốc tế là một bảo đảm vững chắc cho thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản. Do đánh giá rất cao vai trò của khối đoàn kết của giai cấp vô sản thế giới, tháng 12 năm 1920, tại Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp, Hồ Chí Minh đã lên tiếng: “Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên xã hội, cả phái hữu lẫn phái tả, chúng tôi kêu gọi: các đồng chí, hãy cứu chúng tôi”¹. Tiếp nhận học thuyết Lênin, Hồ Chí Minh đã tìm thấy phương hướng cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, tìm thấy “cái cảm nang thần kỳ” cho sự nghiệp cứu nước của các dân tộc bị nô dịch. Đồng thời, Người cũng tìm thấy một lực lượng ủng hộ mạnh mẽ công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Đó là phong trào cộng sản và công nhân thế giới, là Liên Xô và sau này là các nước xã hội chủ nghĩa; là Quốc tế thứ ba và sau này là Cục thông tin quốc tế. Từ đó, Người đã giành nhiều thời gian và tâm lực, phấn đấu

¹Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.23-24.

không mệt mỏi cho việc xây dựng và củng cố khối đoàn kết, thống nhất trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Chủ trương đoàn kết giai cấp vô sản các nước, đoàn kết giữa các đảng cộng sản trong tư tưởng Hồ Chí Minh xuất phát từ tính tất yếu về vai trò của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay. Người cho rằng, chủ nghĩa tư bản là một lực lượng phản động quốc tế, là kẻ thù chung của nhân dân lao động toàn thế giới. Trong hoàn cảnh đó, chỉ có sức mạnh của sự đoàn kết, nhất trí, sự đồng tình và ủng hộ lẫn nhau của lao động toàn thế giới theo tinh thần “bốn phương vô sản đều là anh em” mới có thể chống lại được những âm mưu thâm độc của chủ nghĩa đế quốc thực dân. Cho dù lịch sử có thay đổi, song sự đồng tình, ủng hộ, sự chi viện về vật chất của các nước xã hội chủ nghĩa, của các lực lượng cộng sản và công nhân cho cách mạng và nhân dân Việt Nam theo tinh thần quốc tế vô sản là không thể phủ nhận.

Đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã phát hiện từ rất sớm âm mưu chia rẽ dân tộc của các nước đế quốc, tạo sự biệt lập, đối kháng và thù ghét dân tộc, chủng tộc... nhằm làm suy yếu phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Do đó, Người đã chú ý tới những biện pháp nhằm “làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản”¹. Hơn nữa, để tăng cường đoàn kết giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản chính quốc như hai cái cánh của cách mạng thế giới, Hồ Chí Minh còn đề nghị Quốc tế Cộng sản, bằng mọi cách phải “làm cho đội quân tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này; chỉ có sự hợp tác này mới bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành thắng lợi cuối cùng”². Người nói, đứng trước chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của giai cấp vô sản chính quốc và của nhân dân các nước thuộc địa là thống nhất.

Đối với các lực lượng tiến bộ, những người yêu chuộng hoà bình, dân chủ, tự do và công lý, Hồ Chí Minh cũng tìm mọi cách để thực hiện đoàn kết. Trong xu thế thời đại mới, sự thức tỉnh dân tộc gắn liền với sự thức tỉnh giai cấp, Hồ Chí Minh đã gắn cuộc đấu tranh vì độc lập ở Việt Nam với mục tiêu bảo vệ hòa bình, tự do, công lý và bình đẳng để tập hợp và tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới.

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.124.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.124.

Sau khi nước Việt Nam giành được độc lập, thay mặt Chính phủ, Hồ Chí Minh đã nhiều lần tuyên bố: “Chính sách ngoại giao của Chính phủ thì chỉ có một điều tức là thân thiện với tất cả các nước dân chủ trên thế giới để gìn giữ hoà bình”¹. “Thái độ nước Việt Nam đối với những nước Á châu là một thái độ anh em, đối với ngũ cường là một thái độ bạn bè”². Bên cạnh ngoại giao Nhà nước, Hồ Chí Minh đẩy mạnh ngoại giao nhân dân, cho đại diện các tổ chức của nhân dân Việt Nam tiếp xúc, hợp tác với các tổ chức chính trị - xã hội, văn hoá của nhân dân thế giới, của nhân dân Á - Phi..., xây dựng các quan hệ hữu nghị, đoàn kết với các lực lượng tiến bộ thế giới.

Gắn kết cuộc đấu tranh vì độc lập của dân tộc với mục tiêu hòa bình, tự do và công lý, Hồ Chí Minh đã khơi gợi lương tri của loài người tiến bộ tạo nên những tiếng nói ủng hộ mạnh mẽ của các tổ chức quần chúng, các nhân sĩ trí thức và từng con người trên hành tinh. Có thể khẳng định, rất hiếm có cuộc đấu tranh nào giành được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi và lớn lao như cuộc đấu tranh vĩ đại của nhân dân Việt Nam.

b. Hình thức tổ chức

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đoàn kết quốc tế không phải là vấn đề sách lược, một thủ đoạn chính trị nhất thời mà là vấn đề có tính nguyên tắc, một đòi hỏi khách quan của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới. Từ năm 1924, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan điểm về thành lập “Mặt trận thống nhất của nhân dân chính quốc và thuộc địa”³ chống chủ nghĩa đế quốc, đồng thời kiến nghị Quốc tế Cộng sản cần có giải pháp cụ thể để đến Đại hội VI (1928) quan điểm này trở thành hiện thực.

Dựa trên cơ sở các quan hệ về địa lý chính trị và tính chất chính trị - xã hội trong khu vực và trên thế giới, cũng như tình hình và nhiệm vụ cách mạng trên mỗi thời kỳ, Hồ Chí Minh đã từng bước xây dựng và củng cố khối đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các trào lưu cách mạng thời đại, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

Với các dân tộc trên bán đảo Đông Dương, Hồ Chí Minh dành sự quan tâm đặc biệt. Ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia là láng giềng gần gũi, có nhiều điểm tương đồng về lịch sử, văn hoá và có chung một kẻ thù là thực dân Pháp. Năm 1941, để khơi dậy sức mạnh và quyền tự quyết của mỗi dân tộc, Người cùng Đảng quyết

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.30.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.136.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.282.

định thành lập Mặt trận độc lập đồng minh cho Việt Nam, đồng thời nêu chủ trương giúp Lào, Campuchia thành lập mặt trận yêu nước. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Hồ Chí Minh đã chăm lo đến việc hình thành Mặt trận đoàn kết Việt - Miên - Lào (Mặt trận nhân dân ba nước Đông Dương) phối hợp và giúp đỡ lẫn nhau cùng chiến đấu, cùng thắng lợi.

Mở rộng đoàn kết với các nước khác, Hồ Chí Minh chăm lo củng cố mối quan hệ đoàn kết hữu nghị, hợp tác nhiều mặt theo tinh thần “vừa là đồng chí, vừa là anh em” với Trung Quốc, nước láng giềng có quan hệ lịch sử văn hoá lâu đời với Việt Nam; thực hiện đoàn kết với các dân tộc châu Á và châu Phi đang đấu tranh giành độc lập. Đối với các dân tộc châu Á, Người chỉ rõ, các dân tộc châu Á có độc lập thì nền hoà bình thế giới mới thực hiện. Vận mệnh dân tộc châu Á có quan hệ mật thiết với vận mệnh dân tộc Việt Nam. Do vậy, từ những năm 20 của thế kỷ XX, cùng với việc sáng lập *Hội Liên hiệp thuộc địa tại Pháp*, Hồ Chí Minh đã tham gia sáng lập *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức* tại Trung Quốc. Đây là hình thức sơ khai của mặt trận thống nhất các dân tộc bị áp bức theo xu hướng vô sản, lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Với hoạt động tham gia sáng lập các tổ chức này, Hồ Chí Minh đã góp phần đặt cơ sở cho sự ra đời của Mặt trận nhân dân Á - Phi đoàn kết với Việt Nam.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, bằng hoạt động ngoại giao không mệt mỏi, Hồ Chí Minh đã nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của bạn bè quốc tế và nhân loại tiến bộ, trong đó có cả nhân dân Pháp trong kháng chiến chống Pháp và cả nhân dân Mỹ trong kháng chiến chống Mỹ, hình thành mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược.

Có thể nhận thấy, tư tưởng đoàn kết vì thắng lợi của cách mạng Việt Nam đã định hướng cho việc hình thành bốn tầng mặt trận: Mặt trận đại đoàn kết dân tộc; Mặt trận đoàn kết Việt - Miên - Lào; Mặt trận nhân dân Á - Phi đoàn kết với Việt Nam; Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược. Đây thực sự là sự phát triển rục rờ nhất và thắng lợi to lớn nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế.

3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích; có lý, có tình

Muốn thực hiện được đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng phản động quốc tế, phải tìm ra được những điểm tương đồng về mục tiêu và lợi ích giữa các dân tộc, các lực lượng tiến bộ và phong trào

cách mạng thế giới. Đây là vấn đề cốt tử, có tính nguyên tắc trong công tác tập hợp lực lượng. Hồ Chí Minh đã sớm phát hiện ra sự tương đồng này nhờ đặt cách mạng Việt Nam trong bối cảnh chung của thời đại, kết hợp lợi ích của cách mạng Việt Nam với trào lưu cách mạng thế giới và nhận thức về nghĩa vụ của Việt Nam đối với sự nghiệp chung của loài người tiến bộ.

Đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh luôn giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện đoàn kết thống nhất trên nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình. Là một chiến sĩ cách mạng quốc tế kiên định, Hồ Chí Minh đã suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp xây dựng và củng cố khối đoàn kết, thống nhất trong cách mạng thế giới, trước hết là phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, lực lượng tiên phong của cách mạng thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng, để thực hiện đoàn kết thống nhất trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế thì đoàn kết giữa các Đảng “là điều kiện quan trọng nhất để bảo đảm cho phong trào cộng sản và công nhân toàn thắng trong cuộc đấu tranh vĩ đại cho tương lai tươi sáng của toàn thể loài người”¹. Người cho rằng, thực hiện sự đoàn kết đó, phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, quán triệt sâu sắc những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản. *Có lý* trước hết là phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, phải xuất phát từ lợi ích chung của cách mạng thế giới. Tuy nhiên, việc trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin đòi hỏi phải vận dụng sáng tạo, có hiệu quả vào hoạt động thực tiễn của mỗi nước, mỗi Đảng, tránh giáo điều. *Có tình* là sự cảm thông, tôn trọng lẫn nhau trên tinh thần, tình cảm của những người cùng chung lý tưởng, cùng chung mục tiêu đấu tranh; phải khắc phục tư tưởng sô vanh, “nước lớn”, “Đảng lớn”; không “áp đặt”, “ức chế”, nói xấu, công kích nhau, hoặc dùng các giải pháp về chính trị, kinh tế... gây sức ép với nhau. *Có tình* đòi hỏi trong mọi vấn đề phải chờ đợi nhau cùng nhận thức, cùng hành động vì lợi ích chung. Lợi ích của mỗi quốc gia, dân tộc, mỗi Đảng phải được tôn trọng, song lợi ích đó không được phương hại đến lợi ích chung, lợi ích của Đảng khác, của dân tộc khác. *Có lý, có tình* vừa thể hiện tính nguyên tắc vừa là một nội dung của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh. Nó có tác dụng rất lớn không chỉ trong việc củng cố khối đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân mà còn củng cố tình đoàn kết trong nhân dân lao động.

¹Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.235.

Đối với các dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Độc lập, tự do cho mỗi dân tộc là tư tưởng nhất quán, được Hồ Chí Minh coi là chân lý. Hồ Chí Minh không chỉ suốt đời đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc mình mà còn đấu tranh cho độc lập, tự do cho các dân tộc khác. Trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước láng giềng cũng như các quốc gia, dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh thực hiện nhất quán quan điểm có tính nguyên tắc: Dân tộc Việt Nam tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết của tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới, đồng thời mong muốn các quốc gia, dân tộc trên thế giới quan hệ hợp tác, hữu nghị với Việt Nam trên cơ sở những nguyên tắc đó.

Những quan điểm trên được Người thể chế hóa thành chính sách đối ngoại sau khi Việt Nam giành được độc lập. Tháng 9 năm 1947, trả lời nhà báo Mỹ S. Êli Mâyxi, Hồ Chí Minh tuyên bố: Chính sách đối ngoại của nước Việt Nam là “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”¹.

Thời đại Hồ Chí Minh sống là thời đại của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ trên hầu khắp các châu lục của thế giới. Người không chỉ là nhà tổ chức, người cổ vũ mà còn là người ủng hộ nhiệt thành cuộc đấu tranh của các dân tộc vì các quyền dân tộc cơ bản của họ. Giương cao tư tưởng độc lập và quyền bình đẳng giữa các dân tộc, Hồ Chí Minh trở thành người khởi xướng, người cầm cờ và là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc được sống trong độc lập, tự do, hạnh phúc, đồng thời thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau, thực hiện đoàn kết, hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới với Việt Nam vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước.

Đối với các dân tộc tiến bộ trên thế giới, Hồ Chí Minh nêu cao ngọn cờ hoà bình, công lý, chống chiến tranh xâm lược. Tư tưởng đó bắt nguồn từ truyền thống hòa hiếu của dân tộc Việt Nam kết hợp với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản và những giá trị nhân văn nhân loại. Trong suốt cuộc thực tiễn cách mạng, Hồ Chí Minh luôn giương cao ngọn cờ hoà bình, đấu tranh cho hoà bình, một nền hoà bình thật sự cho tất cả các dân tộc - “hoà bình trong độc lập, tự do”².

Giương cao ngọn cờ hoà bình và đấu tranh bảo vệ hoà bình là tư tưởng bất di bất dịch của Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, đó không phải là một nền hoà bình trừu tượng, mà là “một nền hoà bình chân chính xây trên công bình và lý tưởng dân

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.220.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.109.

chủ”¹, chống chiến tranh xâm lược vì các quyền dân tộc cơ bản của các quốc gia. Suốt hai cuộc kháng chiến, quan điểm hoà bình trong công lý, lòng thiết tha hoà bình trong sự tôn trọng độc lập và thống nhất đất nước của Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam đã làm rung động trái tim nhân loại. Nó có tác dụng cảm hoá, lôi kéo các lực lượng tiến bộ thế giới đứng về phía nhân dân Việt Nam đòi chấm dứt chiến tranh, văn hồi hòa bình. Trên thực tế, đã hình thành một mặt trận nhân dân thế giới, có cả nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ, đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược, góp phần kết thúc thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ

Mục tiêu đoàn kết quốc tế là để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng quốc tế nhằm tăng thêm nội lực, tạo sức mạnh thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng đã đặt ra. Để thực hiện đoàn kết quốc tế tốt phải có nội lực tốt. Nội lực là nhân tố quyết định, còn nguồn lực ngoại sinh chỉ có thể phát huy tác dụng thông qua nguồn lực nội sinh. Chính vì vậy, trong đấu tranh cách mạng, Hồ Chí Minh luôn nêu cao khẩu hiệu: “Tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính”, “Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”. Trong đấu tranh giành chính quyền, Người chủ trương “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”². Trong quan hệ với các nước trên thế giới, Người nhấn mạnh: phải có thực lực, thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng, chiêng có to tiếng mới lớn...

Hồ Chí Minh nhấn mạnh, muốn tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế, Đảng phải có đường lối độc lập, tự chủ và đúng đắn. Trả lời một phóng viên nước ngoài, Người nói: “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào”³. Trong quan hệ giữa các Đảng thuộc phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, Người xác định: “Các Đảng dù lớn dù nhỏ đều độc lập và bình đẳng, đồng thời đoàn kết nhất trí giúp đỡ lẫn nhau”⁴. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và kháng chiến chống thực dân Pháp của Việt Nam là

1Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.66.

2Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.522.

3Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.136.

4Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.235.

thắng lợi của đường lối đúng đắn và sáng tạo của Đảng, đứng đầu là Hồ Chí Minh. Trong kháng chiến chống Mỹ, với đường lối độc lập, tự chủ giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp hài hòa lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế, Đảng ta đã tranh thủ được phong trào nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam, tạo ra được tiếng nói chung và sự ủng hộ có hiệu quả của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là của Liên Xô, Trung Quốc, giữa lúc hai nước này đang có những bất đồng sâu sắc cả về đường lối quốc tế lẫn đường lối chống Mỹ của Việt Nam. Sự đoàn kết của Việt Nam với Liên Xô và Trung Quốc trong kháng chiến chống Mỹ đã góp phần quan trọng vào việc củng cố đoàn kết của các nước xã hội chủ nghĩa, của phong trào cách mạng thế giới, tạo chỗ dựa cho phong trào nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Thực tiễn lịch sử chứng minh sức sống kỳ diệu của chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh. Tiến trình cách mạng Việt Nam chỉ rõ: Nơi nào, lúc nào chiến lược đại đoàn kết của Hồ Chí Minh được hiểu đúng và thực hiện đúng, thì nơi đó, lúc đó phong trào cách mạng phát triển nhanh, mạnh; ngược lại, nơi nào, lúc nào xa rời chiến lược đại đoàn kết của Hồ Chí Minh, thì nơi đó, lúc đó phong trào cách mạng gặp khó khăn, tổn thất. Dưới sự lãnh đạo của Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy, sức mạnh đó kết hợp với sự đoàn kết, ủng hộ của nhân dân thế giới đã giành được những thắng lợi to lớn cho cách mạng Việt Nam. Không phải ngẫu nhiên, khi đúc kết kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: Đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là bài học lớn của cách mạng Việt Nam¹. Và chính Hồ Chí Minh đã tổng kết: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/Thành công, thành công, đại thành công.

1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng

Phải khơi dậy và phát huy đến mức cao nhất sức mạnh dân tộc, và sức mạnh quốc tế, trong đó đặt lợi ích dân tộc, của đất nước lên hàng đầu, lấy đó làm cơ sở để xây dựng các chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội. Trước đây, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là sức mạnh để chiến thắng giặc ngoại xâm. Hiện nay, sức mạnh ấy phải là sức mạnh để chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu. Phải xuất phát từ

¹Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.53, tr.72.

lợi ích dân tộc mà mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi khả năng có thể tranh thủ được để xây dựng, phát triển đất nước.

Nhận thức tầm quan trọng của vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc, ngày 2-11-1993, Bộ Chính trị Trung ương Đảng khóa VII đã ra Nghị quyết 07/NQ-TW “Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất”. Nghị quyết này đã phản ánh tập trung nhất sự kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết trong sự nghiệp đổi mới. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996), vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc đã được đặt ở một tầm cao mới, nhằm phát huy sức mạnh của toàn dân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đại hội Đảng lần thứ IX, X, XI tiếp tục bổ sung nhấn mạnh hơn vai trò, tầm quan trọng của đoàn kết dân tộc trong thời đại mới. Đại hội lần thứ XII của Đảng (2016) khẳng định: “Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹. Để phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, Đại hội XII đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo. Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng cường quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết dân tộc.

Cùng với việc phát huy tối đa sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, qua hơn 30 năm đổi mới, tư tưởng đoàn kết quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã được Đảng ta vận dụng một cách sáng tạo trong việc hoạch định chủ trương, đường lối. Từ tuyên bố “muốn là bạn” (Đại hội Đảng lần thứ VII), “sẵn sàng là bạn” (Đại hội Đảng lần thứ VIII), “là bạn và đối tác tin cậy” (Đại hội Đảng lần thứ IX) đến Đại hội Đảng lần thứ XII, Đảng ta khẳng định: “Quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, có hiệu quả. Vị thế, uy tín quốc tế của nước ta tiếp tục được nâng cao”². Tinh thần đoàn kết quốc tế, huy động tối đa sức mạnh toàn dân tộc kết

¹Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 158.

²Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 59.

hợp sức mạnh thời đại để bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng

Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng minh sức sống của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc. Đại đoàn kết toàn dân tộc, từ chỗ là tư tưởng của lãnh tụ đã trở thành quan điểm xuyên suốt đường lối chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng đó cần thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm của tất cả những người Việt Nam yêu nước và phải biến thành hành động cách mạng của hàng triệu, hàng triệu con người, tạo thành sức mạnh vô địch trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sự thật lịch sử đã chứng tỏ rằng, Mặt trận dân tộc thống nhất càng rộng rãi thì liên minh công - nông - trí càng mạnh, sự lãnh đạo của Đảng càng vững. Đồng thời, khối liên minh này càng được củng cố, sự lãnh đạo của Đảng càng được tăng cường thì Mặt trận dân tộc thống nhất càng được mở rộng và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng được nhân lên to lớn hơn. Đại hội XII của Đảng đã khẳng định: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có đổi mới cả về nội dung và phương thức hoạt động; phát huy ngày càng tốt hơn vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; cùng Đảng, Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, quản lý xã hội; thường xuyên tổ chức các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, góp phần tích cực vào những thành tựu chung của đất nước”¹.

Để tiếp tục tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời gian tới, cần thực hiện tốt một số vấn đề cơ bản sau: *Trước hết*, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền để các cấp, ngành, lực lượng nhận thức sâu sắc về sự cần thiết phải tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay. *Hai là*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc. *Ba là*, giải quyết tốt quan hệ lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội; kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và toàn xã hội. *Bốn là*, tăng cường quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. *Năm là*, kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, phá hoại, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

¹Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 159.

3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, việc phát huy bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế, lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế theo tư tưởng Hồ Chí Minh, phải nhất quán coi cách mạng Việt Nam là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng thế giới, tiếp tục đoàn kết, ủng hộ các phong trào cách mạng, các xu hướng và trào lưu tiến bộ của thời đại vì các mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Để nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới, Đảng, Nhà nước ta chủ trương nêu cao nguyên tắc độc lập tự chủ, tự lực tự cường, chủ trương phát huy mạnh mẽ sức mạnh dân tộc- sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, sức mạnh của người làm chủ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, trên cơ sở sức mạnh bên trong mà tranh thủ và tận dụng sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của lực lượng bên ngoài.

Trước tình hình quốc tế và trong nước hiện nay biến chuyển nhanh chóng và sâu sắc đặt ra những điều kiện mới đòi hỏi phải rút ra những bài học trong chiến lược đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh để vận dụng cho phù hợp. *Trước hết*, làm rõ đoàn kết để thực hiện mục tiêu cách mạng trong giai đoạn hiện nay là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, xã hội công bằng văn minh. *Hai là*, mở cửa, hội nhập quốc tế, là bạn của tất cả các nước, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển, đồng thời phải tham gia những vấn đề toàn cầu hiện nay của quốc tế. *Ba là*, phải nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới. *Bốn là*, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh làm hạt nhân đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế, tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng cho ngang tầm nhiệm vụ của dân tộc và của thời đại.

Những quan điểm cơ bản cùng những giá trị thực tiễn của tư tưởng đoàn kết quốc tế Hồ Chí Minh là những bài học quý báu cần được nhận thức và vận dụng sáng tạo cho phù hợp với cách mạng Việt Nam và thế giới tiến bộ trong giai đoạn hiện nay.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

1. Một số vấn đề đặt ra về xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc, phương pháp đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay.

3. Phân tích quan điểm Hồ Chí Minh về sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế. Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Phúc Luân: *Ngoại giao Hồ Chí Minh – Lấy chí nhân thay cường bạo*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2003.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, 15 tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

3. Nguyễn Dy Niên, *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

4. Phùng Hữu Phú (Chủ biên): *Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

5. Song Thành: *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005.

6. Lê Văn Yên: *Hồ Chí Minh với chiến lược đoàn kết quốc tế trong cách mạng giải phóng dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

Chương VI

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, CON NGƯỜI

MỤC TIÊU

- *Về nội dung*: cung cấp cho sinh viên nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, con người. Trên cơ sở đó, sinh viên biết vận dụng vào thực tiễn, thể hiện trách nhiệm xây dựng văn hóa và con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

- *Về kỹ năng*: giúp cho sinh viên có phương pháp tư duy năng động, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu; tự mình biết đào sâu lý luận; gắn lý luận với thực tiễn.

- *Về tư tưởng*: Trên cơ sở nhận thức khoa học, sinh viên có niềm tin tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi; đồng thời chống lại các quan điểm sai, luận điệu thù địch nhằm phủ nhận,

xóa bỏ tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng của Người về văn hóa, con người nói riêng.

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1. Hồ Chí Minh - Nhà văn hóa kiệt xuất Việt Nam

Nói đến “Nhà văn hóa” (dân tộc hay nhân loại), phải có những tiêu chí nhất định. “Nhà văn hóa” dân tộc là những con người kiệt xuất có tên tuổi, có cống hiến lớn lao cho nền văn hóa dân tộc, được lịch sử, dân tộc, người dân biết đến, ghi nhận và đánh giá cao, đại diện, tiêu biểu, biểu trưng cho một nền văn hóa.

“Nhà văn hóa” (có khi gọi là “danh nhân văn hóa”) thế giới là những nhà văn hóa có tên tuổi trên thế giới, những nhân vật có đóng góp xuất sắc không chỉ cho sự phát triển văn hóa dân tộc mà còn cho sự phát triển văn hóa chung của nhân loại, để lại một dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại; là đại diện, biểu trưng cho một nền văn hóa thế giới đa bản sắc, vừa thấm đượm văn hóa dân tộc, vừa thẩm đượm tinh hoa văn hóa nhân loại.

Đại hội đồng UNESCO Khóa họp lần thứ 24 tại Pari từ ngày 20-10 đến ngày 20-11 năm 1987 đã thông qua Nghị quyết 24C/18.6.5 về Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh với tư cách là “*Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất Việt Nam*”¹. Nội dung Nghị quyết khẳng định Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại một dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Người có sự đóng góp quan trọng về nhiều mặt trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, nghệ thuật. Tư tưởng của Người là sự kết tinh truyền thống văn hóa hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam và hiện thân cho khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau.

Cống hiến của nhà văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh còn thể hiện ở việc sáng tạo văn hóa văn nghệ, xác lập hệ thống quan điểm về văn hóa và xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam. Cả cuộc đời Người chú trọng phát triển văn hóa, nâng cao dân trí, chống giặc đói, xóa mù chữ.

Nền văn hóa mà Người chủ trương, kết hợp những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc được phát triển và nâng cao với tinh hoa văn hóa của nhân loại,

¹ Công văn số 465-CV/BTGTW ngày 10-3-2011 của Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng về việc sử dụng cụm từ tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh có viết: “Căn cứ vào Nghị quyết của Tổ chức Văn hóa, khoa học và giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) năm 1987 về việc tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như ảnh hưởng của Người và dân tộc Việt Nam đối với các nước trên thế giới, cụm từ: “*Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất Việt Nam*” đã bao hàm sự tôn vinh đối với Người.

thấm nhuần sâu sắc chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính. Phải làm cho văn hóa đi sâu vào tâm lý quốc dân, đi vào cuộc sống mới. Hồ Chí Minh cho rằng, văn hóa phải sửa đổi tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ. Văn hóa phải làm thế nào cho mọi người dân Việt Nam, từ già đến trẻ, cả đàn ông và đàn bà, ai cũng hiểu nhiệm vụ của mình và biết hưởng hạnh phúc mà mình nên được hưởng.

Hồ Chí Minh quan tâm đến việc xây dựng con người mới. Học để làm việc, làm người, làm cán bộ, học đi đôi với hành. Người chú trọng đến việc giáo dục lý tưởng, giáo dục đạo đức.

“Hồ Chí Minh, nhà văn hóa kiệt xuất” cần được hiểu theo nghĩa rộng của khái niệm văn hóa, trong đó có những nội dung cốt tủy là quyền sống của con người. Vì vậy, có thể khẳng định rằng, “sự nghiệp văn hóa quan trọng nhất của Người là đã lãnh đạo toàn dân đánh đuổi giặc ngoại xâm trong thời đại mới, giành lại cho nhân dân những quyền sống của con người, một cuộc sống có văn hóa. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần cùng với loài người loại trừ một trở lực to lớn trên con đường tiến lên thế giới văn minh, xóa đi một vết nhơ trong lịch sử là chế độ thuộc địa”¹.

Người là biểu tượng của chủ nghĩa nhân văn với đầy đủ ý nghĩa của nó, một hình mẫu cao đẹp của con người mới trong thời đại mới, một tấm gương tuyệt vời về người cộng sản.

Nghị quyết của UNESCO cho thấy Hồ Chí Minh có sự thống nhất giữa nhà chính trị và nhà văn hóa (thống nhất giữa cách mạng và văn hóa). Trong thực tế, có những người nổi tiếng về hoạt động văn hóa nhưng không phải là nhà hoạt động chính trị. Trái lại, có những người nổi tiếng trên lĩnh vực hoạt động chính trị nhưng lại không phải là nhà văn hóa. Hồ Chí Minh thì hoàn toàn khác. Người là nhà hoạt động chính trị nổi tiếng đồng thời cũng là nhà hoạt động văn hóa tiêu biểu, thể hiện sự thống nhất chặt chẽ giữa chất cách mạng và chất văn hóa trong tư tưởng và hoạt động của mình. UNESCO thừa nhận Hồ Chí Minh cả hai tư cách: anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hóa kiệt xuất. Tuy nhiên ở Hồ Chí Minh thật khó tách bạch sự nghiệp chính trị và sự nghiệp văn hóa. Bản thân Người cũng không có ý thức tách hai lĩnh vực hoạt động của mình. Từ chối mọi danh hiệu liên quan đến văn nghệ, Người chỉ tự nhận mình là nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp. Ở đây vừa do đức tính khiêm tốn của Hồ Chí Minh vừa do quan niệm của Người về văn hóa.

Hoạt động chính trị và hoạt động văn hóa của Hồ Chí Minh được kết hợp một cách nhuần nhuyễn, tạo nên nhân cách văn hóa Hồ Chí Minh, là biểu hiện của sáng tạo văn hóa. Mọi sản phẩm văn hóa của Hồ Chí Minh đều chứa đựng quan điểm

¹ Võ Nguyên Giáp: *Thế giới còn đổi thay nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi*, Ban Khoa học xã hội Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, 1991, tr.14.

chính trị, quan điểm văn hóa và quan điểm văn hóa chính trị. Chẳng hạn, như các tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, *Nhật ký trong tù*, *Tuyên ngôn độc lập*, v.v.. thể hiện sự thống nhất giữa cách mạng và văn hóa.

Nhà văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh được nhiều nhà hoạt động chính trị - xã hội, nhiều chính khách, những người nghiên cứu nổi tiếng trên thế giới ghi nhận và đánh giá cao. Một trong những đánh giá sớm nhất về tầm nhìn văn hóa của Hồ Chí Minh là bài viết của nhà báo Liên Xô Ôxíp Mandensotam. Với tựa đề “*Thăm một chiến sĩ quốc tế cộng sản - Nguyễn Ái Quốc*”, tác giả nhận xét: “Dáng dấp của con người đang ngồi trước mặt tôi đây, Nguyễn Ái Quốc, cũng đang tỏa ra một cái gì thật lịch thiệp và tế nhị... Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một thứ văn hóa, không phải văn hóa châu Âu, mà có lẽ là nền văn hóa tương lai”¹.

Tiếp cận ở khía cạnh quyền làm người, đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng thuộc địa, có thể thấy “sự nghiệp văn hóa lớn lao nhất, quan trọng nhất của Hồ Chí Minh là đã huy động sức mạnh của truyền thống 4000 năm văn hiến của dân tộc, kết hợp với tinh hoa văn hóa của thời đại, lãnh đạo thành công sự nghiệp giải phóng dân tộc, giành lại cho nhân dân ta quyền làm người, quyền được sống một cuộc sống xứng đáng với con người. Sự nghiệp đó trả lại địa vị xứng đáng cho nền văn hóa Việt Nam, cũng là một sự nghiệp có ý nghĩa to lớn đối với nền văn hóa thế giới, góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa, từng bước tiến lên thanh toán chủ nghĩa thực dân, xóa đi một vết nhơ trong lịch sử và trong nền văn hóa của loài người.

Sự nghiệp văn hóa của Hồ Chí Minh đem đến cho kho tàng văn hóa thế giới những giá trị lớn, thể hiện khát vọng của nhân dân các nước trong cuộc đấu tranh vì các quyền dân tộc cơ bản, vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc, mỗi dân tộc khẳng định bản sắc văn hóa của mình và phát triển sự hiểu biết với các dân tộc khác”².

Nói đến nhà văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh là nói đến biểu tượng của tinh thần dân tộc và hội tụ nhiều dòng tư tưởng tiên bộ trên thế giới, góp phần thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau. Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng UNESCO, “Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng của tinh thần dân tộc, Người đã cống hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc trên thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Hồ Chí Minh là một con người hội tụ nhiều tư tưởng thể hiện khát

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.462.

2 Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012, tr.255-256.

vọng của các dân tộc trên thế giới trong việc khẳng định bản sắc văn hóa và trong những nỗ lực nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau”¹.

Nghị quyết UNESCO được Đại Hội đồng thông qua tại Khóa họp lần thứ 24 của cơ quan này tại Pari năm 1987, về việc kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được ông Hans D’Orville, Phó Tổng Giám đốc UNESCO và bà Katherine Muller Marin, Trưởng đại diện Văn phòng UNESCO Hà Nội tiếp tục khẳng định trong dịp kỷ niệm 120 năm Ngày sinh của Người năm 2010: “Tôi có mặt tại đây ngày hôm nay để hoàn thành sứ mệnh của Đại hội đồng cho rằng việc thế giới kỷ niệm ngày sinh của những nhà văn hóa và trí thức kiệt xuất sẽ góp phần đạt được mục tiêu của UNESCO và thúc đẩy sự hiểu biết giữa các quốc gia”².

Ba trăm nhà khoa học trên thế giới biên soạn tác phẩm loại từ điển mang tên *Văn hóa thế kỷ XX (XX Century culture)* thảo luận và đưa ra tiêu chí ghi nhận danh nhân văn hóa thế giới trong thế kỷ XX: (a) Thế kỷ XX là thế kỷ của những đảo lộn khoa học và công nghệ. Chẳng hạn Thuyết Tương đối của A. Anhxtanh. Ai phát minh ra những kết quả khoa học và công nghệ làm đảo lộn thế giới thì người đó là danh nhân văn hóa thế giới; (b) Thế kỷ XX là thế kỷ của những cuộc chiến tranh tàn bạo. Ai tích cực đấu tranh cho quyền sống của con người, bênh vực con người, giải phóng con người, là người tiêu biểu cho chủ nghĩa nhân văn, người đó là danh nhân văn hóa thế giới; (c) Thế kỷ XX là thế kỷ phi thực dân hóa (décolonisation). Ai là người góp phần tích cực giải phóng các thuộc địa, giải phóng các dân tộc bị áp bức, làm đảo lộn thế giới thuộc địa, vẽ lại bản đồ chính trị thế giới, thì đó là danh nhân văn hóa thế giới.

300 nhà khoa học nhất trí cho rằng: “Hồ Chí Minh là nhà mácxít hay nhà Nho, điều đó không quan trọng. Hồ Chí Minh là người cộng sản hay là người dân tộc chủ nghĩa, điều đó không quan trọng. Chỉ cần biết Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc - người yêu nước - thế là đủ để xếp ông vào hàng danh nhân văn hóa thế giới thế kỷ XX. Vì Hồ Chí Minh là người khởi xướng và giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc thuộc địa và trở thành người dẫn đường chủ chốt được mặc nhiên thừa nhận và kính trọng của châu Á và của thế giới thứ ba”³.

2. Quan niệm về văn hóa

Quan niệm chung của nhân loại. Có tài liệu cho rằng, từ *văn hóa* được sử dụng sớm nhất từ năm 776 trước công nguyên, thời Tây Hán, với ý nghĩa như một

1 Bảo tàng Hồ Chí Minh: *Đặc san thông tin tư liệu*, số 27, tháng 6-2010, tr.10.

2 Bảo tàng Hồ Chí Minh: *Đặc san thông tin tư liệu*, số 27, tháng 6-2010, tr.14.

3 Tạp chí *Herald Tribune*, ngày 8-10-1993. Xem thêm tạp chí *Văn hóa Nghệ An*, số 164, ngày 10-01-2010, tr.5.

phương thức giáo hóa con người, đối lập với vũ lực¹. Ở phương Tây, người Pháp, người Anh có từ *culture* (người Đức, người Nga cũng có từ tương tự). Những từ này có chung gốc La tinh là chữ *cultus* là trồng trọt (*cultus animi* là trồng trọt tinh thần, *cultus agri* là trồng trọt cây cối). Như vậy chữ *cultus* là văn hóa với hai nghĩa: thích ứng, khai thác tự nhiên và giáo dục con người (cá nhân hay cộng đồng) để họ xa rời trạng thái nguyên sơ, trạng thái con vật tự nhiên, khẳng định tính người.

Khái niệm văn hóa giàu tính nhân bản, chứa cả giá trị vật chất và tinh thần, nó hướng tới những giá trị muôn thuở. Văn hóa luôn có bề dày của quá khứ. Văn hóa có tính dân tộc, “làm cho dân tộc này khác dân tộc khác”. Và (có thể) gần bó nhiều hơn với phương Đông nông nghiệp. Các nền văn hóa cổ đại đều xuất phát từ phương Đông: Trung Hoa, Ấn Độ, Lưỡng Hà, Ai Cập. Nền văn hóa phương Tây sớm nhất là Hi Lạp - La Mã cũng có nguồn gốc từ phương Đông, được hình thành trên cơ sở tiếp thu những thành tựu của các nền văn hóa Ai Cập và Lưỡng Hà.

Tuy vậy, việc xác định và sử dụng khái niệm văn hóa cũng là tương đối, có sự thay đổi theo thời gian. Theo cố Giáo sư Trần Quốc Vượng thì thế kỷ XVII-XVIII, khái niệm văn hóa dùng chủ yếu theo nghĩa “khai thác tinh thần”. Thế kỷ XIX, khái niệm văn hóa dùng gần như khái niệm văn minh, theo tiêu chuẩn trí lực, có thể phân loại ra từ trình độ thấp nhất đến cao nhất và văn hóa phương Tây chiếm vị trí cao nhất. Thế kỷ XX, khái niệm văn hóa không dùng theo tiêu chuẩn trí lực mà được xem xét dưới góc độ khác biệt.

Hầu hết các loại từ điển ghi nhận rằng văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do loài người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử và tiêu biểu cho trình độ mà xã hội đã đạt được trong từng giai đoạn về các mặt học vấn, khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật, triết học, đạo đức, sản xuất...

Văn hóa có những đặc trưng và chức năng cơ bản sau²:

- Tính hệ thống: Nhờ có tính hệ thống mà văn hóa thực hiện được *chức năng tổ chức xã hội*. Chính văn hóa thường xuyên làm tăng tính ổn định của xã hội, cung cấp cho xã hội mọi phương tiện cần thiết để ứng phó với môi trường tự nhiên và xã hội của mình.

- Tính giá trị: Nó là thước đo mức độ nhân bản của xã hội và con người. Nhờ thường xuyên xem xét các giá trị mà văn hóa thực hiện được *chức năng điều chỉnh xã hội*, giúp cho xã hội duy trì được trạng thái cân bằng động của mình, không

1 Xem Trần Quốc Vượng (Chủ biên): *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2005, tr.18.

2 Xem Trần Ngọc Thêm: *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb TP Hồ Chí Minh, 1997, tr.22-27.

ngừng tự hoàn thiện và thích ứng với những biến đổi của môi trường nhằm tự bảo vệ để tồn tại và phát triển.

Từ việc điều chỉnh xã hội, văn hóa có *chức năng bộ phận là định hướng các chuẩn mực*, điều chỉnh các ứng xử của con người. Từ việc điều chỉnh xã hội, văn hóa có *chức năng phái sinh là động lực cho sự phát triển của xã hội*.

- Tính nhân sinh: Văn hóa đối lập với tự nhiên, là cái tự nhiên đã được biến đổi dưới tác động của con người - “tự nhiên thứ hai”. Do gắn với con người và hoạt động của con người trong xã hội, văn hóa trở thành một công cụ giao tiếp quan trọng. Nó có *chức năng giao tiếp*.

- Tính lịch sử: Văn hóa bao giờ cũng được hình thành trong một quá trình và được tích lũy qua nhiều thế hệ. Tính lịch sử của văn hóa được duy trì bằng truyền thống văn hóa. Truyền thống (“truyền” là chuyển giao, “thống” là nối tiếp) là cơ chế tích lũy và truyền đạt kinh nghiệm qua không gian và thời gian trong cộng đồng.

Truyền thống văn hóa được tồn tại nhờ giáo dục. Vì vậy văn hóa có *chức năng giáo dục*. Từ chức năng giáo dục, văn hóa có *chức năng phái sinh là bảo đảm tính kế tục của lịch sử*. Văn hóa là một thứ “gien” xã hội di truyền phẩm chất con người lại cho các thế hệ mai sau.

Quan niệm của UNESCO. Tuyên bố về những chính sách văn hóa tại Hội nghị quốc tế do UNESCO chủ trì từ ngày 26-7-1982 đến ngày 6-8-1982 tại Mêhicô đã đưa ra quan niệm như sau: “Văn hóa là tổng thể những nét riêng biệt tinh thần và vật chất, trí tuệ và xúc cảm quyết định tính cách của một xã hội hay của một nhóm người trong xã hội. Văn hóa bao gồm nghệ thuật và văn chương, lối sống, những quyền cơ bản của con người, những hệ thống các giá trị, những tập tục và những tín ngưỡng. Văn hóa đem lại cho con người khả năng suy xét về bản thân. Chính văn hóa đã làm cho chúng ta trở thành những sinh vật đặc biệt nhân bản, có lý tính, có óc phê phán và dần thân một cách có đạo lý. Chính nhờ văn hóa mà con người tự thể hiện, tự ý thức được bản thân, tự biết mình là một phương án chưa hoàn thành đặt ra để xem xét những thành tựu của bản thân, tìm tòi không biết mệt những ý nghĩa mới mẻ và sáng tạo nên những công trình mới mẻ, những công trình vượt trội bản thân”.

Quan niệm của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh có bốn cách tiếp cận chủ yếu về văn hóa: 1- Tiếp cận theo nghĩa rộng, tổng hợp mọi phương thức sinh hoạt của con người (theo định nghĩa tháng 8-1943); 2- Tiếp cận theo nghĩa hẹp là đời sống tinh thần của xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng (sau Cách mạng Tháng Tám); 3- Tiếp cận theo nghĩa hẹp hơn là bàn đến các trường học, số người đi học, xóa nạn mù

chữ, biết đọc biết viết (thường xuất hiện trong các bài nói với đồng bào miền núi) ;
4- Tiếp cận theo “phương thức sử dụng công cụ sinh hoạt” (trong định nghĩa tháng 8-1943).

Tháng 8-1943, khi còn ở trong nhà tù, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan niệm nhấn mạnh ý nghĩa của văn hóa. Người viết: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”¹.

Quan niệm văn hóa nêu trên của Hồ Chí Minh xuất hiện trong một bối cảnh thời gian và không gian đặc biệt, khi UNESCO chưa thành lập, cả nước đang tập trung cho nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Đây là quan niệm văn hóa duy nhất theo nghĩa rộng. Từ sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh bàn đến văn hóa theo nghĩa hẹp, với ý nghĩa là kiến trúc thượng tầng, đời sống tinh thần của xã hội.

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

Quan hệ giữa văn hóa với chính trị. Hồ Chí Minh cho rằng trong đời sống có bốn vấn đề phải được coi là quan trọng ngang nhau, tác động qua lại lẫn nhau, đó là chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Nhưng ở nước Việt Nam thuộc địa, trước hết phải tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc, xóa ách nô lệ, thiết lập nhà nước của dân, do dân, vì dân. Đó chính là sự giải phóng chính trị để mở đường cho văn hóa phát triển. Tuy nhiên, văn hóa không thể đứng ngoài mà phải ở trong chính trị, tức là văn hóa phải phục vụ nhiệm vụ chính trị; đồng thời mọi hoạt động của tổ chức và nhà chính trị phải có hàm lượng văn hóa. Đặc biệt, Người cho rằng “văn hóa hiểu rộng cũng là chính trị. Chính trị hiểu sâu cũng là văn hóa”².

Quan hệ giữa văn hóa với kinh tế. Trong mối quan hệ với kinh tế, Hồ Chí Minh giải thích rằng văn hóa là một kiến trúc thượng tầng. Vì vậy, những cơ sở hạ tầng của xã hội có kiến thiết rồi, văn hóa mới kiến thiết được và có đủ điều kiện phát triển được. Tuy nhiên, văn hóa cũng không thể đứng ngoài mà phải đứng trong kinh tế, nghĩa là văn hóa không hoàn toàn phụ thuộc vào kinh tế, mà có vai trò tác động tích cực trở lại kinh tế. Sự phát triển của chính trị, kinh tế, xã hội, sẽ thúc đẩy

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.458.

2 Dẫn theo GS Đinh Xuân Lâm-TS Nguyễn Văn Khoan: *Luật sư Phan Anh*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2011, tr.326.

văn hóa phát triển; ngược lại, mỗi bước phát triển của kinh tế, chính trị, xã hội đều có sự khai sáng của văn hóa.

Quan hệ giữa văn hóa với xã hội. Giải phóng chính trị đồng nghĩa với giải phóng xã hội, từ đó văn hóa mới có điều kiện phát triển. Xã hội thế nào văn hóa thế ấy. Trong xã hội thực dân-phong kiến thì văn hóa không thể nảy sinh được. Văn học, nghệ thuật của dân tộc ta rất phong phú, nhưng trong chế độ nô lệ của kẻ áp bức, thì văn nghệ cũng bị nô lệ, không thể phát triển được. Vì vậy phải làm cách mạng giải phóng dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng chính trị, giải phóng xã hội, đưa Đảng Cộng sản Việt Nam lên địa vị cầm quyền, thì mới giải phóng được văn hóa.

4. Quan điểm của Hồ Chí Minh về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Bản sắc văn hóa dân tộc là những giá trị văn hóa bền vững của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; là thành quả của quá trình lao động, sản xuất, chiến đấu và giao lưu của con người Việt Nam. Bản sắc văn hóa dân tộc được nhìn nhận qua hai lớp quan hệ. Về nội dung, đó là lòng yêu nước, thương nòi; tinh thần độc lập, tự cường, tự tôn dân tộc... Về hình thức, cốt cách văn hóa dân tộc biểu hiện ở ngôn ngữ, phong tục, tập quán, lễ hội, cách cảm và nghĩ...

Bản sắc văn hóa dân tộc chứa đựng giá trị lớn và có một ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nó phản ánh những nét độc đáo, đặc tính dân tộc. Nó là ngọn nguồn đi tới chủ nghĩa Mác-Lênin. Theo Hồ Chí Minh, âm nhạc dân tộc ta rất độc đáo; Người đã đi nhiều nơi trên thế giới, nhưng Người vẫn nhớ những câu hát của dân ta; ở Việt Nam có nhiều câu hát dân ca rất hay; bây giờ phải khai thác và phát triển. Người nhấn mạnh, “những người cộng sản chúng ta rất quý trọng cổ điển. Có nhiều dòng suối tiến bộ chảy từ những ngọn nguồn cổ điển đó”. Vì vậy, trách nhiệm của con người Việt Nam là phải trân trọng, khai thác, giữ gìn, phát huy, phát triển những giá trị của văn hóa dân tộc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng của từng giai đoạn lịch sử. Theo Người, “dân ta phải biết sử ta, cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”; “càng thấm nhuần chủ nghĩa Mác-Lênin càng phải coi trọng những truyền thống tốt đẹp của cha ông”. “Mỗi dân tộc cần phải chăm lo đặc tính dân tộc mình trong nghệ thuật”. Chăm lo cốt cách dân tộc, đồng thời cần triệt để tẩy trừ mọi di hại thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc, tôn trọng phong tục tập quán, văn hóa của các dân tộc ít người.

Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Tiếp biến văn hóa (tiếp nhận và biến đổi) là một quy luật của văn hóa. Theo Hồ Chí Minh, “văn hóa Việt Nam ảnh hưởng lẫn nhau của văn hóa Đông phương và Tây phương chung đúc lại...Tây phương hay

Đông phương có cái gì tốt ta học lấy để tạo ra một nền văn hóa Việt Nam. Nghĩa là lấy kinh nghiệm tốt của văn hóa xưa và văn hóa nay, trau dồi cho văn hóa Việt Nam thật có tinh thần thuần túy Việt Nam để hợp với tinh thần dân chủ”¹.

Trong giữ gìn văn hóa dân tộc, đồng thời phải tiếp thu văn hóa nhân loại. Trao đổi với một nhà văn Liên Xô, Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng “các bạn chớ hiểu là tôi cho rằng chúng tôi cần dứt bỏ văn hóa nào đó, dù là văn hóa Pháp đi nữa. Ngược lại, tôi muốn nói điều khác. Nói đến việc mở rộng kiến thức của mình về văn hóa thế giới, mà đặc biệt hiện nay là văn hóa xôviết - chúng tôi thiếu - nhưng đồng thời tránh nguy cơ trở thành kẻ bắt chước... Văn hóa của các dân tộc khác cần phải được nghiên cứu toàn diện, chỉ có trong trường hợp đó mới có thể được nhiều hơn cho văn hóa của chính mình”². Nhận diện về hiện tượng văn hóa Hồ Chí Minh, một nhà báo Mỹ viết: “Cụ Hồ không phải là một người dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi, mà cụ là một người yêu mến văn hóa Pháp trong khi chống thực dân Pháp, một con người biết coi trọng những truyền thống cách mạng Mỹ trong khi Mỹ phá hoại đất nước Cụ”³.

Mục đích tiếp thu văn hóa nhân loại là để làm giàu cho văn hóa Việt Nam, xây dựng văn hóa Việt Nam hợp với tinh thần dân chủ. Nội dung tiếp thu là toàn diện bao gồm Đông, Tây, kim, cổ, tất cả các mặt, các khía cạnh. Tiêu chí tiếp thu là có cái gì hay, cái gì tốt là ta học lấy. Mối quan hệ giữa giữ gìn cốt cách văn hóa dân tộc và tiếp thu văn hóa nhân loại là phải lấy văn hóa dân tộc làm gốc, đó là điều kiện, cơ sở để tiếp thu văn hóa nhân loại.

5. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa

Văn hóa là mục tiêu của cách mạng. Cả cuộc đời Hồ Chí Minh phấn đấu cho mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội bao gồm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Như vậy, văn hóa là một mục tiêu của cách mạng. Mục tiêu đó - nhìn một cách tổng quát - là quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc; là khát vọng của nhân dân về các giá trị chân, thiện, mỹ. Đó là một xã hội trong đó dân là chủ và dân làm chủ, công bằng, văn minh, ai cũng cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành; một xã hội mà đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân luôn luôn được quan tâm và không ngừng nâng cao, con người có điều kiện phát triển toàn diện.

Hồ Chí Minh đã bàn đến kinh tế, xã hội, môi trường với ý nghĩa là cơ sở cho một xã hội phát triển bền vững theo cách hiểu ngày nay. Ở những mức độ khác

1 Hồ Chí Minh: *Về văn hóa*, Bảo tàng Hồ Chí Minh xuất bản, Hà Nội, 1997, tr.350.

2 Hồ Chí Minh: *Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1981, tr.516-517.

3 Trần Văn Giàu: *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1993, tr.331.

nhau, chúng ta có thể nhận thức trong di sản Hồ Chí Minh các mục tiêu của Chương trình nghị sự XXI¹, một phần quan trọng của chiến lược phát triển bền vững.

Văn hóa là động lực của cách mạng được hiểu là thúc đẩy xã hội phát triển. Di sản Hồ Chí Minh cho ta một nhận thức về động lực phát triển đất nước, bao gồm động lực vật chất và tinh thần; động lực cộng đồng và cá nhân; nội lực và ngoại lực. Tất cả quy tụ ở con người và đều có thể được xem xét dưới góc độ văn hóa. Tuy nhiên, nếu tiếp cận các lĩnh vực văn hóa cụ thể trong tư tưởng Hồ Chí Minh, động lực có thể nhận thức ở nhiều phương diện.

Văn hóa chính trị là một trong những động lực có ý nghĩa *soi đường cho quốc dân đi*, lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ. Tư duy biện chứng, độc lập, tự chủ, sáng tạo của cán bộ, đảng viên là một động lực lớn dẫn đến tư tưởng và hành động cách mạng có chất lượng khoa học và cách mạng.

Văn hóa văn nghệ góp phần nâng cao lòng yêu nước, lý tưởng, tình cảm cách mạng, sự lạc quan, ý chí, quyết tâm và niềm tin vào thắng lợi của cách mạng.

Văn hóa giáo dục diệt giặc đói, xóa mù chữ, giúp con người hiểu biết quy luật phát triển của xã hội. Với sứ mệnh “trồng người”, văn hóa giáo dục đào tạo con người mới, cán bộ mới, nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp cách mạng.

Văn hóa đạo đức, pháp luật nâng cao phẩm giá, phong cách lành mạnh cho con người, hướng con người tới các giá trị chân, thiện, mỹ; bảo đảm dân chủ, trật tự, kỷ cương, phép nước. Theo Hồ Chí Minh, đạo đức là gốc của người cách mạng. Mọi việc thành hay là bại, chủ chốt là do cán bộ có thâm nhuần đạo đức cách mạng hay là không. Pháp luật là một cách thức nhằm bảo đảm cho các quy định về đạo đức thực hiện tốt. Nhận thức như vậy để thấy văn hóa đạo đức, pháp luật là một động lực lớn thúc đẩy cách mạng phát triển.

Văn hóa là một mặt trận. Văn hóa là một trong bốn nội dung chính của đời sống kinh tế - xã hội, quan trọng ngang các vấn đề kinh tế, chính trị và xã hội. Nói mặt trận văn hóa là nói đến một lĩnh vực hoạt động có tính độc lập, có mối quan hệ mật thiết với các lĩnh vực khác, đồng thời phản ánh tính chất cam go, quyết liệt của hoạt động văn hóa. Mặt trận văn hóa là cuộc đấu tranh cách mạng trên lĩnh vực văn hóa.

¹ Chương trình nghị sự XXI được 189 vị đứng đầu Nhà nước và Chính phủ các quốc gia thành viên Liên hợp quốc thông qua vào tháng 9 năm 2000 có 8 mục tiêu cụ thể: (1) Xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực; (2) Đạt phổ cập giáo dục tiểu học; (3) Tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ; (4) Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em; (5) Tăng cường sức khỏe bà mẹ; (6) Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh khác; (7) Bảo đảm bền vững về môi trường; (8) Thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì phát triển.

Nội dung mặt trận văn hóa phong phú, đấu tranh trên các lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống... của các hoạt động văn nghệ, báo chí, công tác lý luận, đặc biệt là định hướng giá trị chân, thiện, mỹ của văn hóa nghệ thuật. Vì vậy, anh chị em văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy. Cũng như các chiến sĩ khác, chiến sĩ nghệ thuật có nhiệm vụ phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Để làm tròn nhiệm vụ, chiến sĩ nghệ thuật phải có lập trường tư tưởng vững vàng; ngòi bút là vũ khí sắc bén trong sự nghiệp “phò chính trừ tà”. Phải bám sát cuộc sống thực tiễn, đi sâu vào quần chúng, để phê bình nghiêm khắc những thói xấu như tham ô, lười biếng, lãng phí, quan liêu, và ca tụng chân thật những người tốt việc tốt để làm gương mẫu cho chúng ta ngày nay và giáo dục con cháu đời sau. Đó chính là “chất thép” của văn nghệ theo tinh thần “kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến”.

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc anh hùng, thời đại ta là một thời đại vẻ vang. Vì vậy chiến sĩ văn nghệ phải có những tác phẩm xứng đáng với dân tộc anh hùng và thời đại vẻ vang.

Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân. Tư tưởng Hồ Chí Minh là vì nhân dân. Tư tưởng văn hóa của Người phản ánh khát vọng hạnh phúc của nhân dân, phục vụ nhân dân. Theo Người, mọi hoạt động văn hóa phải trở về với cuộc sống thực tại của quần chúng, phản ánh được tư tưởng và khát vọng của quần chúng.

Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân là phải miêu tả cho hay, cho thật, cho hùng hồn; phải trả lời được các câu hỏi: Viết cho ai? Mục đích viết? Lấy tài liệu đâu mà viết? Cách viết như thế nào? Viết phải thiết thực, tránh cái lối viết “rau muống” mà ham dùng chữ. Nói cũng vậy. Nói ít, nhưng nói cho thấm thía, nói cho chắc chắn, thì quần chúng thích hơn. Tóm lại “tìm trong quần chúng ra. Về sâu trong quần chúng”. Trên cơ sở đó để định hướng giá trị cho quần chúng.

Những người hoạt động trên lĩnh vực văn hóa phải hiểu và đánh giá đúng quần chúng. Sáng tác của quần chúng như tục ngữ, ca dao là những hòn ngọc quý. Họ cung cấp cho những nhà hoạt động văn hóa những tư liệu quý. Quần chúng là những người thẩm định khách quan, trung thực, chính xác các sản phẩm văn nghệ. Nhân dân phải là những người được hưởng thụ các giá trị văn hóa.

6. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong khi đưa ra quan niệm về ý nghĩa của văn hóa, Hồ Chí Minh quan tâm đến việc xây dựng nền văn hóa dân tộc với năm nội dung. Xây dựng tâm lý là tinh thần độc lập tự cường. Xây dựng luân lý

là biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng. Xây dựng xã hội, là mọi sự nghiệp liên quan đến phúc lợi của nhân dân. Xây dựng chính trị là một nền chính trị dân quyền. Xây dựng kinh tế.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh khẳng định lại quan điểm của Đảng ta từ năm 1943 trong *Đề cương văn hóa Việt Nam* về phương châm xây dựng nền văn hóa mới, đó là một nền văn hóa có tính chất *dân tộc, khoa học, đại chúng*.

Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc.

Tóm lại, quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam, đó là một nền văn hóa toàn diện, giữ gìn được cốt cách văn hóa dân tộc, bảo đảm tính khoa học, dân chủ, tiến bộ và nhân văn, hướng đến các giá trị chân-thiện-mỹ.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI

1. Quan niệm về con người

Chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ rõ “con người là một sinh vật xã hội”; “một chỉnh thể thống nhất giữa yếu tố sinh vật và yếu tố xã hội”. Bằng lao động, con người biến đổi tự nhiên và từng bước hình thành ý thức con người, ý thức đó dần dần thay thế bản năng, hay bản năng đã được ý thức. Ở con người, cái sinh vật đã được cải tạo, nhưng không hề bị xóa bỏ. Quá trình “người hóa” là quá trình diễn ra sự tương tác giữa yếu tố sinh vật và yếu tố xã hội. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng quát thì “trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội”.

Tuyệt đối hóa mặt này, mặt kia đều bị bác bỏ. Mác phê phán những quan điểm tuyệt đối hóa bản chất con người sinh vật dẫn tới chủ nghĩa tự do, lối sống thực dụng, nhấn mạnh mặt bản năng, phủ nhận vai trò quyết định của yếu tố xã hội, tách con người khỏi những quy luật xã hội, xa rời những vấn đề về tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỷ cương, phép nước. Ông cũng không chấp nhận tuyệt đối hóa con người xã hội, không thấy tính đa dạng, chiều sâu tâm hồn con người, làm mất tính người.

Hồ Chí Minh cho rằng con người là một chỉnh thể, thống nhất về trí lực, tâm lực, thể lực, đa dạng bởi mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội (quan hệ gia đình, dòng tộc, làng xã, quan hệ giai cấp, dân tộc...) và các mối quan hệ xã hội (quan hệ chính trị, văn hóa, đạo đức, tôn giáo...). Trong mỗi con người đều có tính tốt và tính xấu. Người giải thích “chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bè bạn; nghĩa rộng là đồng bào cả nước; rộng hơn nữa là cả loài người”. Con người có tính xã hội, là con người xã hội, thành viên của một cộng đồng xã hội.

Cũng như Mác, Hồ Chí Minh cho ta những hiểu biết về yếu tố sinh vật của con người như cần phải ăn, uống. Theo Người, mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng phải thể hiện được sự quan tâm cái ăn, mặc, ở, học hành cho nhân dân.

Trong thực tiễn, con người có nhiều chiều quan hệ: quan hệ với cộng đồng xã hội (là một thành viên); quan hệ với một chế độ xã hội (làm chủ hay bị áp bức); quan hệ với tự nhiên (một bộ phận không tách rời).

Xa lạ với con người trừu tượng, phi nguồn gốc lịch sử, Hồ Chí Minh nhìn nhận con người lịch sử - cụ thể về giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp, chức vụ, vị trí, đảng viên, công dân..., trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

Nét đặc sắc trong quan niệm của Hồ Chí Minh về con người là nhìn nhận đặc điểm con người Việt Nam với những điều kiện lịch sử, những cấu trúc kinh tế, xã hội cụ thể. Cách tiếp cận này đi đến việc giải quyết mối quan hệ dân tộc và giai cấp rất sáng tạo, không chỉ về mặt đường lối cách mạng mà cả về mặt con người.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người

Con người là mục tiêu của cách mạng. Nó được cụ thể hóa trong ba giai đoạn cách mạng: giải phóng dân tộc - xây dựng chế độ dân chủ nhân dân - tiến lên xã hội chủ nghĩa, để thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Giải phóng dân tộc là xóa bỏ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, giành lại độc lập cho dân tộc. Con người trong giải phóng dân tộc là cả cộng đồng dân tộc Việt Nam. Phạm vi thế giới là giải phóng các dân tộc thuộc địa.

Giải phóng xã hội là đưa xã hội phát triển thành một xã hội không có chế độ người bóc lột người, một xã hội có nền sản xuất phát triển cao và bền vững, văn hóa tiên tiến, mọi người là chủ và làm chủ xã hội, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, một xã hội văn minh, tiến bộ. Xã hội đó phát triển cao nhất là xã hội cộng sản, giai đoạn đầu là xã hội xã hội chủ nghĩa.

Giải phóng giai cấp là xóa bỏ sự áp bức, bóc lột của giai cấp này đối với giai cấp khác; xóa bỏ sự bất công, bất bình đẳng xã hội; xóa bỏ nền tảng kinh tế-xã hội đẻ ra sự bóc lột giai cấp; dần dần thủ tiêu sự khác biệt giai cấp, các điều kiện dẫn đến sự phân chia xã hội thành giai cấp và xác lập một xã hội không có giai cấp. Con người trong giải phóng xã hội là các giai cấp cần lao, trước hết là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân. Phạm vi thế giới là giải phóng giai cấp vô sản và nhân dân lao động các nước.

Giải phóng con người là xóa bỏ tình trạng áp bức, bóc lột, nô dịch con người; xóa bỏ các điều kiện xã hội làm tha hóa con người, làm cho mọi người được hưởng tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát huy năng sáng tạo, làm chủ xã hội, làm chủ tự nhiên và làm chủ bản thân, phát triển toàn diện theo đúng bản chất tốt đẹp của con người. Con người trong giải phóng con người là cá nhân mỗi con người. Phạm vi thế giới là giải phóng loài người.

Các giải phóng kết hợp chặt chẽ với nhau, giải phóng dân tộc đã có một phần giải phóng xã hội và giải phóng con người; đồng thời nối tiếp nhau, giải phóng dân tộc mở đường cho giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Con người là động lực của cách mạng. Theo Hồ Chí Minh, con người là vốn quý nhất, là động lực, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng. Người nhấn mạnh “mọi việc đều do người làm ra”; “trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng sức mạnh đoàn kết của nhân dân”. “Ý dân là ý trời”. “Để mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong”. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Nhân dân là những người sáng tạo chân chính ra lịch sử thông qua các hoạt động thực tiễn cơ bản nhất như lao động sản xuất, đấu tranh chính trị - xã hội, sáng tạo ra các giá trị văn hóa. Nói đến nhân dân là nói đến lực lượng, trí tuệ, quyền hành, lòng tốt, niềm tin, đó chính là gốc, động lực cách mạng.

3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng con người

Xây dựng con người có ý nghĩa quan trọng, là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, vừa cấp bách vừa lâu dài, là vấn đề chiến lược. Xây dựng con người là một trọng tâm, bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển đất nước, có mối quan hệ chặt chẽ với nhiệm vụ xây dựng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Hồ Chí Minh nêu hai quan điểm nổi bật làm sáng tỏ sự cần thiết xây dựng con người.

“Vì lợi ích trăm năm thì phải “trồng người”. “Trồng người”¹ là công việc lâu dài, gian khổ, vừa vì lợi ích trước mắt vừa vì lợi ích lâu dài, là công việc của văn hóa giáo dục. “Trồng người” phải được tiến hành thường xuyên trong suốt tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội và phải đạt được những kết quả cụ thể trong từng giai đoạn cách mạng. Nhiệm vụ “trồng người” phải được tiến hành song song với nhiệm vụ phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. “Trồng người” phải được tiến hành bền bỉ, thường xuyên trong suốt cuộc đời mỗi người, với ý

¹ Đây là lời của Quân Trọng thời Xuân Thu (Trung Quốc cổ đại): “Nhất niên chi kế mạc như thụ cốc, thập niên chi kế mạc như thụ mộc, bách niên chi kế mạc như thụ nhân” (Kế hoạch một năm không gì bằng trồng lúa, kế hoạch mười năm không gì bằng trồng cây, kế hoạch trăm năm không gì bằng trồng người)

nghĩa vừa là quyền lợi vừa là trách nhiệm của cá nhân đối với sự nghiệp xây dựng đất nước. Công việc “trồng người” là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị-xã hội kết hợp với tính tích cực, chủ động của từng người.

“Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần phải có những con người xã hội chủ nghĩa”. Chủ nghĩa xã hội sẽ tạo ra những con người xã hội chủ nghĩa, con người xã hội chủ nghĩa là động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội. Không phải chờ cho kinh tế, văn hóa phát triển cao rồi mới xây dựng con người xã hội chủ nghĩa; cũng không phải xây dựng xong những con người xã hội chủ nghĩa rồi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội. Việc xây dựng con người xã hội chủ nghĩa được đặt ra ngay từ đầu và phải được quan tâm trong suốt tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. “Trước hết cần phải có những con người xã hội chủ nghĩa” cần được hiểu trước hết cần có những con người với những nét tiêu biểu của xã hội xã hội chủ nghĩa như lý tưởng, đạo đức, lối sống, tác phong xã hội chủ nghĩa. Đó là những con người đi trước, làm gương lôi cuốn người khác theo con đường xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trong bất cứ phong trào cách mạng nào, tiên tiến là số ít và số đông là trung gian, muốn củng cố và mở rộng phong trào, cần phải nâng cao hơn nữa trình độ giác ngộ của trung gian để kéo chậm tiến”¹.

Nội dung xây dựng con người toàn diện, vừa “hồng” vừa “chuyên”. Đó là những con người có mục đích và lối sống cao đẹp, có bản lĩnh chính trị vững vàng, những con người của chủ nghĩa xã hội, có tư tưởng, tác phong và đạo đức xã hội chủ nghĩa và năng lực làm chủ. Xây dựng con người toàn diện bao gồm:

- Có ý thức làm chủ, tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa và tư tưởng “mình vì mọi người, mọi người vì mình”.
- Cần kiệm xây dựng đất nước, hăng hái bảo vệ Tổ quốc.
- Có lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần quốc tế trong sáng.
- Có phương pháp làm việc khoa học, phong cách quần chúng, dân chủ, nêu gương.

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân; bồi dưỡng về năng lực trí tuệ, trình độ lý luận chính trị, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, sức khỏe.

Xây dựng con người phải bằng những phương pháp khoa học, cách mạng. Mỗi người tự rèn luyện, tu dưỡng ý thức, kết hợp chặt chẽ với xây dựng cơ chế, tính khoa học của bộ máy và tạo dựng nền dân chủ. Việc nêu gương, nhất là người đứng đầu, có ý nghĩa rất quan trọng. Hồ Chí Minh thường nói đến “tu thân, chính tâm” thì

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.358.

mới có thể “trị quốc, bình thiên hạ” (làm những việc có lợi cho nước, cho dân). Văn hóa phương Đông cho thấy “một tấm gương sáng có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền” và “tiên trách kỷ, hậu trách nhân”. Hồ Chí Minh thường nhắc lại những điều ấy trong khi bàn biện pháp xây dựng con người. Người nói rằng “lấy gương người tốt, việc tốt hằng ngày để giáo dục lẫn nhau” là rất cần thiết và bổ ích.

Biện pháp giáo dục có một vai trò quan trọng. Hồ Chí Minh nhắc nhở “hiền, giữ phải đâu là tính sẵn. Phần nhiều do giáo dục mà nên”. Theo Người, học sinh như tờ giấy trắng, vẽ xanh thì xanh, vẽ đỏ thì đỏ.

Chú trọng vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng. Thông qua các phong trào cách mạng như “Thi đua yêu nước”, “Người tốt việc tốt”. Đặc biệt phải dựa vào quần chúng theo quan điểm “dựa vào ý kiến của dân chúng mà sửa chữa cán bộ và tổ chức của ta”¹.

III. XÂY DỰNG VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Sự cần thiết phải xây dựng văn hóa, con người Việt Nam hiện nay

Con người Việt Nam đang sống trong một thế giới toàn cầu hóa, với nền kinh tế tri thức và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 có nhiều thuận lợi và khó khăn đan xen.

Qua những năm đổi mới, trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước có nhiều khó khăn, thách thức, nhưng Việt Nam đã đạt được những kết quả nhất định trong việc xây dựng con người, văn hóa. Nhờ đó, đất nước đã đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, việc xây dựng con người, văn hóa còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Đại hội XII của Đảng chỉ rõ: “So với những thành quả trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành quả trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ tầm mức để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Đạo đức, lối sống có mặt xuống cấp đáng lo ngại”². Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Đời sống văn hóa tinh thần ở nhiều nơi còn nghèo nàn, đơn điệu, khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị trong các tầng lớp nhân dân chậm được rút ngắn. Môi trường văn hóa còn tồn tại

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.338.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.124-125.

những biểu hiện thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong, mỹ tục; tệ nạn xã hội và một số loại tội phạm có chiều hướng gia tăng.

Vấn đề đặt ra hiện nay là phải thấy hết thuận lợi và khó khăn, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật về những ưu điểm và hạn chế để có biện pháp xây dựng con người, văn hóa Việt Nam đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Điểm mấu chốt, sống còn hiện nay là lấy lại lòng tin của nhân dân. Phải rất coi trọng công tác dân vận; phải an trong để giải quyết bên ngoài, vì kẻ thù bên trong nguy hiểm hơn kẻ thù bên ngoài. Cùng với quan tâm phát triển kinh tế, giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia, đặc biệt phải đặt lên hàng đầu và xuyên suốt phong cách quần chúng, dân chủ. Giảm tăng trưởng kinh tế, sớm hoặc muộn sẽ khắc phục được, nhưng mất lòng tin của nhân dân với Đảng và chế độ là mất tất cả.

2. Một số nội dung xây dựng văn hóa, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Nghị quyết Hội nghị 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc (7-1998) nêu những quan điểm chỉ đạo cơ bản, khẳng định “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng; văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì tận tụy”.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) nêu rõ xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ. Phải làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Phát triển, nâng cao chất lượng sáng tạo văn học, nghệ thuật; khẳng định và biểu dương các giá trị chân, thiện, mỹ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém, đấu tranh chống những biểu hiện phản văn hóa. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền

tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng, đồng bộ, hiện đại, thông tin chân thực, đa dạng, kịp thời, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Theo tinh thần các nghị quyết của Đảng, chúng ta phải nhận thức sâu sắc, đúng đắn, đầy đủ khái niệm văn hóa và vai trò, sứ mệnh của văn hóa đối với sự phát triển bền vững. Mỗi bước đi lên, phát triển của đất nước đều có dấu ấn và sự khai sáng của văn hóa. Cần phải nhận thức những yếu tố bản chất của văn hóa như văn hóa gắn với con người, phản ánh những mặt căn cốt như tư tưởng, đạo đức, lối sống, nhân cách, tâm hồn, cách ứng xử. Văn hóa còn thì chế độ còn, văn hóa mất thì chế độ mất; không gì đáng sợ bằng văn hóa lâm nguy. Phát triển nền văn hóa toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần *dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học*; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển.

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Muôn việc thành công hay thất bại của cá nhân, tổ chức, cộng đồng, đất nước đều do có văn hóa hay tha hóa về văn hóa. Tập trung xây dựng văn hóa chính trị và các lĩnh vực văn hóa khác như văn hóa bốn phạm, văn hóa công bộc, văn hóa ứng xử, văn hóa phê bình... Nhận thức và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, chính trị, xã hội.

Phát huy và trọng dụng nhân tố con người với tư cách là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Trọng dụng trí thức, nhân tài. Thực hiện chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người, tạo động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Về xây dựng con người Việt Nam, *Hội nghị 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (7-1998)* nêu nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam với những hệ giá trị chung thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đó là những con người có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung. Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái. Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội.

Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định “con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân”.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9-6-2014) và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (1-2016) nêu phương hướng: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”¹. Đại hội XII nêu các nhiệm vụ cụ thể: 1. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện là mục tiêu của chiến lược phát triển. Tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật. Đấu tranh phê phán đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu, chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người. 2. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng môi trường văn hóa trong hệ thống chính trị, trong các địa phương, làng bản... Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam. Phát huy truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. 3. Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế. Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể, coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. 4. Nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa. 5. Làm tốt công tác lãnh đạo, quản lý báo chí, xuất bản. 6. Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa. 7. Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. 8. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.126.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

1. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa.
2. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về con người.
3. Phân tích nội dung xây dựng văn hóa và con người Việt Nam hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thành Duy: *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
3. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
4. Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
5. Đặng Xuân Kỳ (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa và con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, các tập: 3,7,13,15.
7. Bùi Đình Phong: *Hồ Chí Minh học và minh triết Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
8. Bùi Đình Phong: *Hồ Chí Minh văn hóa soi đường cho quốc dân đi*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2016.

Chương VII

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

MỤC TIÊU

- Về kiến thức

Trang bị cho sinh viên một số tri thức cơ bản nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng.

- Về kỹ năng

Giúp cho sinh viên có kỹ năng vận dụng các nội dung đó vào thực tiễn cuộc sống để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, phấn đấu góp phần vào sự nghiệp đổi mới toàn diện của đất nước ta hiện nay.

- Về tư tưởng

Góp phần làm cho sinh viên khẳng định được tính đúng đắn của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh; đồng thời biết đấu tranh, phê phán với những quan điểm sai trái phủ nhận tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

I. HỒ CHÍ MINH VÀ NỀN ĐẠO ĐỨC MỚI VIỆT NAM

1. Đạo đức - vấn đề quan tâm hàng đầu của Hồ Chí Minh trong sự nghiệp cách mạng

Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng đặc biệt quan tâm tới vấn đề đạo đức. Người là một tấm gương đạo đức vô cùng trong sáng và cao thượng, kết tinh tinh hoa văn hóa và khí phách của dân tộc Việt Nam. Người đã được UNESCO tôn vinh là “Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất”. Tuy không để lại những tác phẩm

đạo đức lớn, nhưng những tư tưởng của Người về đạo đức được thể hiện trong những bài viết, bài nói ngắn gọn, diễn đạt cô đọng, hàm súc theo phong cách phương Đông, rất quen thuộc đối với con người Việt Nam. Bản thân Người lại thực hiện trước nhất và nhiều nhất những tư tưởng ấy, nhiều hơn cả những điều Người đã nói, đã viết về đạo đức. Hồ Chí Minh là hình mẫu nhân cách cao đẹp của con người, của nhà lãnh đạo cộng sản được nhân dân Việt Nam kính trọng, tin yêu. Đó là chuẩn mực giá trị con người của dân tộc Việt Nam.

Nghiên cứu tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh không chỉ từ những tác phẩm của Người về đạo đức, mà quan trọng hơn phải từ chính hành vi được thể hiện trong toàn bộ hoạt động thực tiễn của Người, thông qua mẫu mực đạo đức trong sáng mà Người để lại cho Đảng, cho dân tộc và nhân loại. Sự thống nhất giữa tư tưởng và hành vi đạo đức, động cơ và hiệu quả, giữa lý luận và thực tiễn đã trở thành một *đặc trưng* nổi bật của Hồ Chí Minh về đạo đức. Giáo sư Trần Văn Giàu cũng khẳng định: “Đạo đức và nhân cách, đặc điểm số một của tư tưởng Hồ Chí Minh”. Đặc trưng này đã làm cho tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh có sự khác biệt căn bản với nhiều nhà tư tưởng, nhiều lãnh tụ cách mạng khác từ trước đến nay luận bàn về đạo đức.

Tư tưởng đạo đức của Hồ Chí Minh rất phong phú, sâu sắc, có ý nghĩa giá trị cả về lý luận và thực tiễn, đã trở thành tài sản tinh thần vô giá của văn hóa dân tộc và nhân loại, một sức mạnh to lớn làm nên mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Ở Hồ Chí Minh có *sự thống nhất hòa quyện* giữa chính trị, đạo đức, văn hóa, nhân văn: một nền chính trị rất đạo đức, rất văn hóa và đạo đức, văn hóa lại rất chính trị. Tư tưởng Hồ Chí Minh trước hết là tư tưởng chính trị, định hướng chính trị nhưng dễ dàng tìm thấy một đạo đức trong sáng, một chủ nghĩa nhân văn hoàn thiện, một nền văn hóa của tương lai. Sự thống nhất trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh còn là sự thống nhất giữa tư tưởng và hành động, nói đi đôi với làm, giữa đức và tài, giữa đạo đức cách mạng và đạo đức đời thường. Những yêu cầu đạo đức mà Người nêu ra cho cán bộ, đảng viên nay đã trở thành hệ chuẩn mực đạo đức cơ bản của con người Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức là một trong những nội dung cốt lõi quan trọng trong hệ thống quan điểm tư tưởng của Người. Sự quan tâm hàng đầu của Hồ Chí Minh về đạo đức được thể hiện nhất quán, xuyên suốt trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam, giành độc lập dân tộc, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng đạo đức của Hồ Chí Minh thấm nhuần triết lý hành động của phương Đông, được soi sáng bởi thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Người sớm nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò của đạo đức đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; chú trọng quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cách

mạng không chỉ đối với cán bộ đầu tiên từ những năm 1925 - 1927, mà cho mọi người, mọi thời kỳ cách mạng.

Hồ Chí Minh bắt đầu sự nghiệp cứu nước bằng cách giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng cho mọi người. Đồng thời, Người còn là hiện thân của đạo đức cách mạng, nêu gương sáng cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

Cuốn sách *Đường cách mệnh*, ngay ở trang đầu, đã nêu lên hai mươi ba điều về “*tư cách một người cách mệnh*”¹. Nội dung giáo dục đạo đức cách mạng cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được Người nêu lên trước các nội dung về chủ nghĩa Mác - Lênin, về cách mạng Việt Nam; về tư tưởng, chính trị, tổ chức. Trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ (3/9/1945), Hồ Chí Minh đã nói: “Tôi đề nghị mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện: Cần, Kiệm, Liêm, Chính”². Trong những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, Người chỉ rõ: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải bồi dưỡng con người xã hội chủ nghĩa. Con người xã hội chủ nghĩa là con người có đạo đức *cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng”³. Năm 1969, Người viết bài “*Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*”. Trong *Di chúc* Người viết: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”; “*Đoàn viên và thanh niên* ta nói chung là tốt, ... có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “*hồng*” vừa “*chuyên*”. Bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”⁴.

Như vậy, trong tiến trình cách mạng, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng luôn chủ trương phát triển văn hóa, nâng cao dân trí, giáo dục đạo đức và nâng cao nhân cách cho cán bộ, đảng viên, cho thế hệ trẻ và nhân dân. Đó là đạo đức làm người, hoàn thiện con người, đạo đức vì thắng lợi của sự nghiệp vĩ đại là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; xây dựng chủ nghĩa xã hội đem lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.280, 281. “*Tư cách một người cách mệnh*: Tự mình phải: Cần kiệm. Hòa mà không tư. Cả quyết sửa lỗi mình. Cần thận mà không nhút nhát. Hay hỏi. Nhẫn nại (chịu khó). Hay nghiên cứu, xem xét. Vị công vong tư. Không hiểu danh, không kiêu ngạo. Nói thì phải làm. Giữ chủ nghĩa cho vững. Hy sinh. Ít lòng tham muốn về vật chất. Bí mật. Đối người phải: Với từng người thì khoan thứ. Với đoàn thể thì nghiêm. Có lòng bày vẽ cho người. Trục mà không tảo bạo. Hay xem xét người. Làm việc phải: Xem xét hoàn cảnh kỹ càng. Quyết đoán. Dũng cảm. Phục tùng đoàn thể”.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.7.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.14, tr.140.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.622.

2. Phương pháp tiếp cận của Hồ Chí Minh về đạo đức

a. Cách tiếp cận khái niệm đạo đức của Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh không đưa ra định nghĩa đạo đức. Song, trong cuộc sống những thuật ngữ đạo đức được Người sử dụng, thực hành đã trở thành hệ thống các luận điểm về đạo đức của người Việt Nam trong thời đại mới.

Theo *nghĩa rộng*, đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, tập hợp những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội, một hệ thống các giá trị, nhờ đó con người tự điều chỉnh hành vi cho phù hợp với lợi ích, hạnh phúc và làm giàu *tính người* trong các quan hệ xã hội, kể cả trong quan hệ tư tưởng, chính trị, với thiên nhiên và môi trường sống.

Theo *nghĩa hẹp*, đạo đức là luân lý, những quy định, những phẩm chất, chuẩn mực ứng xử trong mối quan hệ giữa người và người trong giao tiếp với nhau, với công việc, với bản thân.

Vấn đề đạo đức được Hồ Chí Minh xem xét một cách *toàn diện*, phạm vi rộng lớn đối với mọi giai cấp và tầng lớp nhân dân lao động, đặc biệt là cán bộ, đảng viên. Người yêu cầu rèn luyện đạo đức trong các môi trường từ gia đình đến công sở, xã hội. Tấm gương và tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh có giá trị to lớn, lâu dài trong phạm vi dân tộc và quốc tế.

Đạo đức được đánh giá bằng hành vi và sự quan tâm đến người khác, vì người khác, cho Tổ quốc, cho nhân dân, đó là sự hiến dâng. Một người được gọi là có đạo đức, ít nhất và trước hết, người đó phải vì người khác mà làm nhiều việc, phải có sự cống hiến và hy sinh một cách vô tư. Chính từ giá trị ý nghĩa này, nhà triết học, luân lý nổi tiếng người Đức - Cantor đã có câu nói bất hủ: “Đạo đức sở dĩ có thanh danh cao cả và tốt đẹp như vậy, chính vì nó bao giờ cũng đi đôi với sự hy sinh”. Vì thế, đạo đức là *một hệ các giá trị* có sức lan tỏa rộng lớn.

Về thực chất, đạo đức là là một hình thái của ý thức xã hội, bao gồm *hệ thống các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội* do con người định ra, định hướng giá trị được xã hội thừa nhận, có tác dụng chi phối, điều chỉnh hành vi của con người và toàn xã hội. Đạo đức bao gồm *ý thức đạo đức và hành vi đạo đức*. Đối với mỗi cá nhân, hành vi đạo đức mang tính tự giác, chủ yếu xuất phát từ nhu cầu bên trong, đồng thời, chịu tác động của dư luận xã hội. Theo đó, con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi ích của cộng đồng, của xã hội; điều chỉnh hành vi ứng xử, điều chỉnh quan hệ giữa người với người trong hoạt động, thông qua những lời khen chê, đồng tình hay phản đối... Cùng với pháp luật, các quy tắc, chuẩn mực đạo đức dùng để điều chỉnh hành vi con người, nhưng khác pháp luật,

đạo đức là một *phương thức điều chỉnh hành vi* của con người bằng tự nguyện chứ không phải bằng cưỡng chế, nên làm hay không nên làm chứ không phải là được làm hay không được làm. Trong thực tế, Hồ Chí Minh sử dụng nhuần nhuyễn cả hai phương thức cơ bản này, kết hợp một cách khéo léo, tài tình đạt tới trình độ thấu lý, đạt tình trong ứng xử.

Đạo đức và tài năng là hai phẩm chất cơ bản của cấu trúc *nhân cách* con người. Hồ Chí Minh không chỉ nói đến đức - tài, hồng - chuyên, mà còn bàn kỹ quan hệ giữa đức với tài, hồng với chuyên, phẩm chất với năng lực, trong đó đức là gốc.

b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng

Hồ Chí Minh tiếp cận vấn đề đạo đức qua phạm trù đạo đức cách mạng. Hồ Chí Minh có nhiều cách diễn đạt về đạo đức, khá phong phú, Người không chỉ dùng thuật ngữ “*đạo đức cách mạng*”, mà còn dùng các thuật ngữ khác cùng ý nghĩa: đạo đức mới, đạo đức xã hội chủ nghĩa, đạo đức cộng sản chủ nghĩa, đạo đức tập thể, đạo đức vô sản, đạo đức vĩ đại, đạo đức cao nhất,... trong đó, “*đạo đức cách mạng*” được Hồ Chí Minh diễn đạt nhiều hơn với ý nghĩa sâu sắc hơn. Đạo đức cách mạng là phạm trù đạo đức cơ bản, bao quát nhất trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Đó là đạo đức của người cách mạng Việt Nam, của cán bộ, đảng viên và của nhân dân Việt Nam, xuất hiện trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Gọi là *đạo đức cách mạng*, vì đó là đạo đức phục vụ cách mạng, đạo đức mà người cách mạng cần phải có. Đạo đức cách mạng được nảy sinh và phát triển trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Theo Hồ Chí Minh: “Nói tóm tắt, thì *đạo đức cách mạng* là: Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất. Ra sức làm việc cho Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng. Đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc... *Đạo đức cách mạng là tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân*”¹. “Vì lợi ích chung của Đảng, của cách mạng, của giai cấp, của dân tộc và của loài người mà không ngần ngại hy sinh tất cả lợi ích riêng của cá nhân mình. Khi cần, thì sẵn sàng hy sinh cả tính mạng của mình cũng không tiếc. Đó là biểu hiện rất rõ rệt, rất cao quý của *đạo đức cách mạng*”².

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.603-604.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.602.

Gọi là *đạo đức mới*, vì nó khác đạo đức cũ, nó chưa hề xuất hiện trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, nó chỉ xuất hiện và phát triển cùng với tiến trình cách mạng Việt Nam trong thời đại mới. “Nó là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người”¹.

Đạo đức mới, đạo đức cách mạng khác hẳn với đạo đức cũ ở Việt Nam. Hồ Chí Minh đã luận giải: “Có người cho rằng đạo đức cũ và đạo đức mới không có gì khác nhau. Nói như vậy là lầm to, đạo đức cũ và đạo đức mới khác nhau nhiều. Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngừng lên trời”².

Đạo đức cách mạng đối lập với đạo đức tư sản. Đạo đức tư sản là kiểu đạo đức được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa cá nhân. Hồ Chí Minh đã vạch rõ tội ác của giai cấp tư sản “Chúng cướp của chung do xã hội sản xuất ra, làm của riêng, của cá nhân chúng, để chúng “ngồi mát ăn bát vàng”. Nhưng miệng chúng luôn huênh hoang những từ “đạo đức”, “tự do”, “dân chủ”, v.v..”³. Nhận thức rõ bản chất đạo đức của giai cấp tư sản là chủ nghĩa cá nhân, Hồ Chí Minh nêu rõ “Chủ nghĩa cá nhân trái ngược với đạo đức cách mạng..., ngăn trở ta một lòng một dạ đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng”⁴. Hồ Chí Minh luôn nêu cao chủ nghĩa tập thể và kiên quyết tìm mọi cách ngăn chặn mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Tuy nhiên, Người cho rằng, “Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là “giày xéo lên lợi ích cá nhân”... Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể thì không phải là xấu”⁵. Muốn xây dựng đạo đức mới, phải chống cho được chủ nghĩa cá nhân. Trong bài *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, Người lưu ý: “Do cá nhân chủ nghĩa, mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa... Cũng do cá nhân chủ nghĩa mà mất đoàn kết, thiếu tính tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và của Nhà nước, làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân. Tóm lại, do cá nhân chủ nghĩa mà phạm nhiều sai lầm”⁶. Người yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân “Phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng, bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và tính kỷ luật”⁷.

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.292.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.220.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.601.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.602.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.610.

6 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.547.

7 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.547.

Hồ Chí Minh quan tâm nhiều đến việc xây dựng *những hệ chuẩn mực đạo đức chung, có ý nghĩa cơ bản phổ cập đối với mọi người, mọi tầng lớp* như: “Yêu nước, yêu nhân dân”, “quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng”; “trung với nước, hiếu với dân”, “cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”; “việc gì có lợi cho dân ta phải hết sức làm, việc gì hại đến dân ta phải hết sức tránh”, phải “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”; “biết chiến thắng chủ nghĩa cá nhân”, “biết đặt lợi ích dân tộc, tập thể lên trên lợi ích cá nhân”; “khiêm tốn, trung thực, thật thà, dũng cảm, đoàn kết”; “biết thương yêu, quý trọng con người, sống có tình có nghĩa”; “có tinh thần quốc tế trong sáng”. v.v.. Đồng thời, Người cũng yêu cầu riêng cho phù hợp với chức năng, nghề nghiệp của mỗi người trong xã hội mới, như với công dân, cán bộ, đảng viên, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, bộ đội, công an, thanh niên, thiếu niên nhi đồng, phụ nữ, phụ lão, các tầng lớp khác trong nhân dân. Tùy theo từng đối tượng, từng thời điểm, nhất là yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng mà Hồ Chí Minh xác định nguyên tắc, nội dung đạo đức cách mạng cho từng chủ thể đạo đức trong xã hội.

Đối với công dân, đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức của toàn dân, do vậy, Hồ Chí Minh hết sức chăm lo xây dựng văn hóa, đạo đức, hình thành con người mới, những công dân của xã hội mới với những phẩm chất cao đẹp, đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng trong điều kiện mới. Hồ Chí Minh, trước hết coi trọng đạo đức, nhân cách làm người, cho rằng thực chất của đạo đức cách mạng là: “Quyết tâm giúp đỡ loài người ngày càng tiến bộ và thoát khỏi ách áp bức, bóc lột, luôn luôn giữ vững tinh thần chí công vô tư - đó là đạo đức cách mạng.”¹. Từ đó, Người nêu ra các yêu cầu cụ thể về phẩm chất đạo đức cho mọi lứa tuổi, mọi ngành nghề... Bao trùm lên tất cả, Hồ Chí Minh xác định rõ các yêu cầu của *đạo đức công dân*. Người nói “chúng ta cần phải có *giáo dục đạo đức công dân* để mọi người hiểu rõ: Lợi ích chung của nước nhà và lợi ích riêng của người dân là nhất trí; quyền lợi của công dân và nghĩa vụ của công dân là nhất trí; đã là người chủ của nước nhà thì phải phụ trách đối với Tổ quốc”². Hồ Chí Minh nêu rõ: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ. Nhân dân có *quyền lợi* làm chủ, thì phải có *nghĩa vụ* làm tròn bốn phận công dân, *giữ đúng đạo đức công dân*, tức là:

Tuân theo pháp luật Nhà nước. Tuân theo kỷ luật lao động. Giữ gìn trật tự chung. Đóng góp (nộp thuế) đúng kỳ, đúng số để xây dựng lợi ích chung. Hăng hái tham gia công việc chung. Bảo vệ tài sản công cộng. Bảo vệ Tổ quốc”³; “đạo đức

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr.508.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr.259.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr.258.

công dân tức là yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, bảo vệ của công”¹.

Đối với cán bộ, Hồ Chí Minh chú trọng quan tâm tới đạo đức của cán bộ, đảng viên. Đây là nội dung chiếm phần chủ yếu nhất trong tư tưởng đạo đức của Người. Vì cán bộ, đảng viên là những người đại diện cho Đảng, cho dân, ăn lương của dân, được dân trao cho ít hoặc nhiều quyền lực, nên nếu không giữ gìn đạo đức thì rất dễ bị tha hóa. Đạo đức của cán bộ, đảng viên phải là tấm gương cho dân tộc noi theo, có vai trò quyết định tới nền đạo đức của một chế độ, một đất nước và cả xã hội. Theo Hồ Chí Minh, “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Vì vậy, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”². Trong bài *Người cán bộ cách mạng* (1955), Hồ Chí Minh viết: “Người cán bộ cách mạng phải có đạo đức cách mạng. Phải giữ vững đạo đức cách mạng mới là người cách mạng chân chính. Đạo đức cách mạng có thể nói tóm tắt là: *Nhận rõ phải, trái. Giữ vững lập trường. Tận trung với nước. Tận hiếu với dân.* Mọi việc thành hay là bại, chủ chốt là do cán bộ có thâm nhuần đạo đức cách mạng, hay là không”³.

Đối với đảng viên, Hồ Chí Minh yêu cầu: “Vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên và cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau”⁴. “*Đạo đức cách mạng* của người đảng viên là bất kỳ hoàn cảnh khó khăn đến mức nào cũng phải kiên quyết *làm đúng chính sách và nghị quyết của Đảng*, làm gương mẫu cho quần chúng”⁵.

Đối với lực lượng vũ trang, Người nói: “Trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”⁶. Với cán bộ chỉ huy quân đội, Người yêu cầu phần đầu đạt tới “Trí, dũng, nhân, liêm, trung”.

Đối với công an, Người đòi hỏi *tư cách người công an cách mạng* là: “Đối với tự mình, phải cần, kiệm, liêm, chính. Đối với đồng sự, phải thân ái giúp đỡ. Đối với Chính phủ, phải tuyệt đối trung thành. Đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép.

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.8, tr.265.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.309.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr.354.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.290-291.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.607.

6 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.14, tr. 435.

Đối với công việc, phải tận tụy. Đối với địch, phải cương quyết, khôn khéo”¹; phải “vì nước quên thân, trung thành với Đảng, tận tụy với dân”².

Đối với những người làm công tác y tế, Hồ Chí Minh mong rằng người thầy thuốc phải luôn luôn đề cao “*y đức*”, “*y thuật*”, “*thầy thuốc phải như mẹ hiền*”, phải “*Thương yêu người bệnh* - Người bệnh phó thác tính mệnh của họ nơi các cô, các chú. Chính phủ phó thác cho các cô, các chú việc chữa bệnh tật và giữ sức khỏe cho đồng bào. Đó là một nhiệm vụ rất vẻ vang. Vì vậy, cán bộ cần phải thương yêu, săn sóc người bệnh như anh em ruột thịt của mình, coi họ đau đớn cũng như mình đau đớn. “*Luong y phải như từ mẫu*”³.

Đối với thầy giáo, cô giáo, Người đã dạy phải thương yêu học sinh, ra sức dạy tốt, dạy dễ hiểu, yêu nghề, yêu người, xứng đáng là người anh hùng vô danh... “Người thầy giáo tốt - thầy giáo xứng đáng là thầy giáo - là người vẻ vang nhất... Cô giáo, thầy giáo trong chế độ ta cần phải góp phần vào công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa. Phải có chí khí cao thượng, phải “*tiên ưu hậu lạc*” nghĩa là khó khăn thì phải chịu trước thiên hạ, sung sướng thì hưởng sau thiên hạ. Đây là đạo đức cách mạng”⁴.

Đối với đoàn viên, thanh niên, Hồ Chí Minh đặt niềm tin rất lớn vào tuổi trẻ. Người mong muốn thanh niên cần phải vừa “*hồng*” vừa “*chuyên*”, “*yêu đạo đức*: chúng ta phải thực hiện đức tính trong sạch, chất phác, hăng hái, cần kiệm; xóa bỏ hết những vết tích nô lệ trong tư tưởng và hành động”⁵. Người khẳng định: “Thanh niên là rường cột nước nhà”, “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà... Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh, một phần lớn là do các thanh niên... mỗi thanh niên, nhất là mỗi cán bộ phải kiên quyết làm bằng được những điểm sau:

- a) Các sự hy sinh khó nhọc thì mình làm trước người ta, còn sự sung sướng thanh nhàn thì mình nhường người ta hưởng trước (tiên thiên hạ ưu, hậu thiên hạ lạc).
- b) Các việc đáng làm, thì có khó mấy cũng cố chịu quyết làm cho kỳ được.
- c) Ham làm những việc ích quốc lợi dân. Không ham địa vị và công danh phú quý.
- d) Đem lòng chí công vô tư mà đối với người, đối với việc.
- e) Quyết tâm làm gương về mọi mặt: siêng năng, tiết kiệm, trong sạch.

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr. 498.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.251.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr.343.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.14, tr.402-403.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr.179.

f) Chớ kiêu ngạo, tự mãn, tự túc. Nói ít làm nhiều, thân ái đoàn kết”¹.

Nói chuyện tại Đại hội lần thứ III của Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam(1961), Người khẳng định: “... thanh niên ta cần phải thấm nhuần *tinh thần làm chủ nước nhà và phải trau dồi đạo đức của người cách mạng*. Đạo đức cách mạng là bất kỳ ở cương vị nào, bất kỳ công việc gì đều không sợ khó, không sợ khổ đều một lòng một dạ phục vụ lợi ích chung của giai cấp, của nhân dân, đều nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội”². Hồ Chí Minh thường nói: “Thanh niên phải luôn luôn rèn luyện đạo đức cách mạng, đạo đức cách mạng có thể tóm tắt trong mấy điểm: *Trung thành*. Trọn đời trung thành với cách mạng, với Tổ quốc, với Đảng, với giai cấp; *Dũng cảm*. Không sợ khổ, không sợ khó, thực hiện: “Đâu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên làm”; “gian khổ đi trước, hưởng thụ sau mọi người”; *Khiêm tốn*. Không nên tự cho mình là tài giỏi, không khoe công, không tự phụ”³. Hồ Chí Minh đã thấp sáng niềm tin cho thanh niên: “Không có việc gì khó; Chỉ sợ lòng không bền; Đào núi và lấp biển; Quyết chí ắt làm nên”⁴.

Đối với các cháu thiếu niên, nhi đồng, trong *Thư gửi các học sinh* (1945), Người viết: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”⁵. “Đạo đức cộng sản chủ nghĩa đối với các cháu không giống như đối với người lớn... Đạo đức cộng sản chủ nghĩa đối với các cháu là chăm học, giúp người lớn, đoàn kết, có kỷ luật tốt”⁶.

Hồ Chí Minh luôn luôn giành tình cảm yêu thương tới thiếu niên, nhi đồng, và mong các cháu phải biết “Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào. Học tập tốt, lao động tốt. Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt. Giữ gìn vệ sinh. Thật thà, dũng cảm.

Mai sau, các cháu sẽ là *người chủ* của nước nhà. Cho nên ngay từ rày, các cháu cần phải rèn luyện đạo đức cách mạng để chuẩn bị trở nên người công dân tốt, người cán bộ tốt của nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”⁷.

Như vậy, đạo đức cách mạng là nền tảng quy định nhân cách và tư cách của mỗi người, đó cũng là: *Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm*, là gốc của con người. Nhưng Hồ Chí Minh không hề hạ thấp yếu tố tài năng, kiến thức, văn hóa, học vấn...

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.216-217.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr.89-90.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr.471.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.440.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.35.

6 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr.543.

7 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr.131-132.

Người đòi hỏi tài năng phải gắn chặt và đặt vững trên nền tảng đạo đức. Hồ Chí Minh mong muốn: "... thanh niên phải có đức, có tài. Có tài mà không có đức ... không làm được gì ích lợi cho xã hội, mà còn có hại cho xã hội nữa. Nếu có đức mà không có tài ... không làm hại gì, nhưng cũng không lợi gì cho loài người"¹. "Nếu không có đạo đức cách mạng thì có tài cũng vô dụng"². Đức có thể bù đắp sự khiếm khuyết của tài, nhưng tài không thể bù đắp được sự thiếu hụt của đức. Vì thế, đức và tài là hai mặt không thể thiếu ở mỗi con người, nhưng giữa hai mặt đó, thì đạo đức vẫn là điểm cần có trước.

3. Hồ Chí Minh thực hiện một cuộc cách mạng trên lĩnh vực đạo đức ở Việt Nam

Hồ Chí Minh đã thực hiện một cuộc cách mạng về đạo đức, sáng lập nền đạo đức mới ở nước ta. Từ Hồ Chí Minh, nền đạo đức Việt Nam đã mang bản chất mới và được Người gọi là *đạo đức mới, đạo đức cách mạng*. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong sáng, suốt đời tận trung với nước, tận hiếu với dân, suốt đời tranh đấu cho Đảng, cho cách mạng.

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự kết hợp giữa tư tưởng đạo đức truyền thống quý báu của dân tộc với tinh hoa đạo đức của nhân loại, đặc biệt là với đạo đức nhân văn cộng sản chủ nghĩa Mác - Lênin - hệ tư tưởng tiên tiến nhất của thời đại; được hình thành và phát triển từ yêu cầu của sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ xã hội mới ở Việt Nam.

Hồ Chí Minh đánh giá cao đạo đức truyền thống dân tộc, đó là những đức tính nhân ái, sống có tình có nghĩa, có thủy có chung, có nhân có đức, có trước có sau, biết trung, biết hiếu, dũng cảm, vị tha... Trên cơ sở nền tảng đạo đức dân tộc, Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển, bổ sung mở rộng cho phù hợp với yêu cầu mới. Quan điểm về đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh khác hẳn về chất so với mọi quan điểm về đạo đức trong các xã hội cũ. Tư tưởng đạo đức mới của Hồ Chí Minh là sự kết tinh giá trị đạo đức truyền thống dân tộc và nhân loại, mang đậm *tính nhân văn cộng sản sâu sắc*; thống nhất hữu cơ giữa tính thực tiễn và tính khoa học. Người nêu rõ, *đạo đức chúng ta xây dựng là đạo đức mới*. Đạo đức mới đã lật ngược lại các kiểu đạo đức cũ của các giai cấp thống trị, áp bức bóc lột nhân dân lao động. Đạo đức mới xóa bỏ những chuẩn mực đạo đức phong kiến vẫn luôn luôn trói buộc nhân dân lao động vào những lễ giáo hủ bại, phục vụ chế độ đẳng cấp, tôn ti trật tự hết sức hà khắc của giai cấp phong kiến. Đạo đức mới hoàn toàn trái ngược với đạo đức cá nhân chủ nghĩa, ích kỷ cực đoan của giai cấp tư sản, kìm hãm con

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.399.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.14, tr.400.

người trong những lợi ích riêng cục bộ, hẹp hòi, cũng như trong vòng gia trưởng nhỏ bé. Nó càng xa lạ với đạo đức tôn giáo khuyên con người khắc kỷ, cam chịu, chấp nhận số phận trong chốn trần tục, để hướng về một cuộc sống tốt đẹp hơn sau khi chết ở nơi thiên đàng hay chốn niết bàn. Hồ Chí Minh luận giải: “Có người cho đạo đức cũ và đạo đức mới không có gì khác nhau. Nói như vậy là lầm to. Đạo đức cũ và đạo đức mới khác nhau nhiều.

Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngẩng lên trời”¹. Theo Hồ Chí Minh, “Đó là *đạo đức cách mạng*. Đạo đức đó không phải là đạo đức thủ cựu. Nó là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng cá nhân mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người”².

Đạo đức cách mạng do Hồ Chí Minh đề xướng và cùng với Đảng dày công xây dựng, bồi đắp, là đạo đức mới mang bản chất của giai cấp công nhân. Nền đạo đức ấy ngày càng phát triển cùng với sự vận động của thực tiễn cách mạng Việt Nam, là tài sản tinh thần vô giá đối với dân tộc, nhân loại và đã trở thành một bộ phận hết sức quan trọng, khắc họa sâu sắc thêm bản sắc nền văn hóa Việt Nam. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đã trở thành vũ khí mạnh mẽ trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển với các dân tộc khác trên thế giới nhằm thực hiện những mục tiêu cao cả của dân tộc, của thời đại.

Với tư duy độc lập, đổi mới và sáng tạo, xuất phát từ thực tiễn của Việt Nam và trào lưu cách mạng thế giới, Hồ Chí Minh kế thừa có chọn lọc, tiếp nhận và biến đổi những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, tinh hoa đạo đức nhân loại và đạo đức của học thuyết Mác - Lênin, đề xuất kiến tạo một nền đạo đức mới, phù hợp với yêu cầu của cách mạng Việt Nam và xu thế lịch sử của thời đại. Những chỉ dẫn thiết thực của Hồ Chí Minh về vai trò, chuẩn mực, những nguyên tắc và phương pháp xây dựng đạo đức cách mạng có ý nghĩa bền vững. Có thể nói tính hoàn chỉnh của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là một bước phát triển mới, sáng tạo vào sự phát triển đạo đức học Mác - Lênin, vẫn giữ nguyên giá trị soi sáng cho chúng ta trong việc giải quyết những vấn đề đạo đức trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là một bộ phận của văn hóa dân tộc, là động lực to lớn của nhân dân trong cuộc đấu tranh chống lại các hiện tượng tha hóa về đạo đức trong xã hội.

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.220.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.292.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng

Hồ Chí Minh khẳng định đạo đức là *gốc*, là nền tảng tinh thần của xã hội, là nền tảng của người cách mạng, muốn làm cách mạng phải lấy *đạo đức làm gốc*. Hồ Chí Minh quan niệm đạo đức là *gốc*, là *nền tảng*, là *sức mạnh*, là *tiêu chuẩn hàng đầu* của người cách mạng. Trong tác phẩm *Đạo đức cách mạng* (1958), Người viết: “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”¹.

Hồ Chí Minh coi đạo đức là *nguồn nuôi dưỡng và phát triển* con người, rất quan trọng như *gốc* của cây, như *ngọn nguồn* của sông, suối. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (1947), Người viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?”².

Hồ Chí Minh quan niệm *đạo đức cách mạng là chỗ dựa* giúp cho con người vững vàng trong mọi thử thách. “Có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước..., khi gặp thuận lợi và thành công vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”; lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ; không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hóa”³.

Đạo đức trở thành *nhân tố quyết định* sự thành bại của mọi công việc, phẩm chất mỗi con người. Trong bài *Người cán bộ cách mạng* (1955), Hồ Chí Minh yêu cầu “Người cán bộ cách mạng phải có đạo đức cách mạng... Mọi việc thành hay là bại, chủ chốt là do cán bộ có phẩm chất đạo đức cách mạng, hay là không”⁴. Người nói rõ, “Có đạo đức cách mạng thì mới hy sinh tận tụy với cách mạng, mới

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.601.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.292-293.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.602-603.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr.354.

lãnh đạo được quần chúng đưa cách mạng tới thắng lợi hoàn toàn”¹; “Việc nước lấy Đoàn thể làm cốt cán. Việc Đoàn thể lấy cán bộ làm cốt cán. Cán bộ lấy *đạo đức làm cốt cán*”².

Đạo đức cách mạng “có ảnh hưởng lớn đến sự nghiệp đổi xã hội cũ thành xã hội mới và xây dựng mỹ tục thuần phong”³. Đạo đức, với những chuẩn giá trị có tác dụng chi phối đời sống tinh thần của xã hội; là một bộ phận quan trọng của nền tảng tinh thần xã hội. Đạo đức góp phần giữ vững ổn định chính trị, xã hội, qua đó thúc đẩy sự phát triển của kinh tế - xã hội. Hồ Chí Minh nói rõ: “Cả nước siêng năng thì nước mạnh giàu”. Trong xã hội, sự suy thoái của đạo đức trong mỗi con người và xã hội là một trong những nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng chính trị, kinh tế, xã hội; Hồ Chí Minh nhắc lại lời Mạnh Tử: “Ai cũng tham lợi, thì nước sẽ nguy”⁴.

Đối với Đảng, đội tiên phong của giai cấp công nhân, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu phải thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng thật trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh đã sớm thấy được những nguy cơ xa rời cuộc sống, xa rời quần chúng của Đảng cầm quyền, đó là sự thoái hóa biến chất về đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Đảng cầm quyền nên có quyền lực chính trị, lãnh đạo nhà nước và xã hội. Nếu cán bộ, đảng viên không tu dưỡng đạo đức thì mặt trái của quyền lực có thể làm tha hóa con người nắm quyền lực. Vì vậy, theo quan điểm của Hồ Chí Minh Đảng phải “*là đạo đức, là văn minh*”⁵ thì mới hoàn thành được sứ mệnh lịch sử vẻ vang. Người thường nhắc lại tinh thần của V.I. Lênin: Đảng Cộng sản phải tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc và thời đại. Trong *Di chúc*, Người viết: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”⁶.

Đức và tài phải là những phẩm chất thống nhất của con người. Nếu đạo đức là tiêu chuẩn cho mục đích hành động thì tài là phương tiện thực hiện mục đích đó. Vì vậy, con người cần có cả đức và tài, “nếu thiếu tài thì làm việc gì cũng khó, nhưng thiếu đạo đức thì vô dụng, thậm chí có hại”. Trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh,

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.360.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.265.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr.508.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.127.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.403.

6 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.622.

đức và tài, hồng và chuyên, phẩm chất và năng lực phải thống nhất làm một. Trong sự nghiệp giải phóng dân tộc cũng như xây dựng xã hội mới, con người cần cả đạo đức và tri thức, thiếu một trong hai điều đó, không thể nói tới thắng lợi của cách mạng. Đức và tài gắn bó chặt chẽ với nhau, trong đó, đạo đức là *gốc*, là *nền tảng* của người cách mạng, *đức là gốc của tài, hồng là gốc của chuyên, phẩm chất là gốc của năng lực*. Người cách mạng vừa phải có đức, vừa phải có tài, có tài lại phải có đức. Mỗi quan hệ đức - tài còn thể hiện trong đức phải có tài, trong tài phải có đức. Người đòi hỏi tài năng phải gắn chặt với đạo đức. Tài là thể hiện cụ thể của đức trong hiệu quả hành động, “lấy thành tích lao động sản xuất và lãnh đạo sản xuất tốt hay là kém mà đánh giá tinh thần yêu nước và đạo đức cách mạng của mỗi người, mỗi cán bộ”¹.

Quan điểm lấy đức làm gốc của Hồ Chí Minh không có nghĩa là tuyệt đối hóa mặt đức, coi nhẹ mặt tài. Đức là gốc, nhưng đức và tài, hồng và chuyên phải kết hợp, phẩm chất và năng lực phải đi đôi, không thể có mặt này, thiếu mặt kia. Đạo đức và văn hóa là nội dung quan trọng nhất quyết định nhân cách và sự hoàn thiện của đạo đức, văn hóa là nhân tố căn bản hoàn thiện nhân cách. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trong giáo dục không những phải có tri thức phổ thông mà phải có *đạo đức cách mạng*. Có tài phải có đức. Có tài không có đức, tham ô hủ hóa có hại cho nước. Có đức không có tài...không giúp ích gì được ai”². “Dạy cũng như học phải biết chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là *đạo đức cách mạng*. Đó là cái gốc, rất là quan trọng. Nếu không có đạo đức cách mạng thì có tài cũng vô dụng.”³.

Vai trò của đạo đức còn thể hiện là thước đo *lòng cao thượng* của con người. Trong bài *Đạo đức cách mạng* (1955), Hồ Chí Minh đã viết: “Tuy năng lực và công việc của mỗi người khác nhau, người làm việc to, người làm việc nhỏ; nhưng ai giữ được đạo đức đều là người cao thượng”⁴. Hồ Chí Minh từng khẳng định sức mạnh của tinh thần, của đạo đức: “Chúng ta đem tinh thần mà chiến thắng vật chất, chúng ta vì nước, vì dân mà chịu khổ, một cái khổ rất có giá trị”⁵. Thực hành tốt đạo đức cá nhân không chỉ có tác dụng tôn vinh nâng cao giá trị của mình mà còn tạo ra sức mạnh nội sinh giúp mỗi người vượt qua mọi thử thách.

2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr.107.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.345-346.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.14, tr.400.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr.508.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.176.

Trong di sản tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, những chuẩn mực đạo đức được Người nêu ra là phù hợp với từng đối tượng, Người nhấn mạnh phẩm chất này hay phẩm chất khác là nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ nhất định. Từ đó, Hồ Chí Minh đã khái quát thành những chuẩn mực đạo đức chung, cơ bản nhất của con người Việt Nam trong thời đại mới, cũng chính là những định hướng để mỗi người Việt Nam vươn tới các giá trị cao đẹp *chân, thiện, mỹ* của cuộc sống con người.

a. Trung với nước, hiếu với dân

Về quan hệ đạo đức, thì mối quan hệ của mỗi người với đất nước, với nhân dân, và với dân tộc mình là mối quan hệ lớn nhất. Về phẩm chất đạo đức thì trung với nước, hiếu với dân là phẩm chất quan trọng nhất, bao trùm nhất, chi phối các phẩm chất khác.

Trung, hiếu là phẩm chất đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam và phương Đông, được Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển trong điều kiện mới. Đầu năm 1946, Hồ Chí Minh đã nói: “Đạo đức, ngày trước thì chỉ trung với vua, hiếu với cha mẹ. Ngày nay, thời đại mới, đạo đức cũng phải mới. Phải trung với nước. Phải hiếu với toàn dân, với đồng bào”¹.

Trước đây là “trung với vua” là trung quân, trung thành với vua; trung thành với vua cũng có nghĩa là trung thành với nước, vì vua với nước là một, vua là nước, nước là nước của vua. Còn “hiếu” thì hiếu với cha mẹ, tức là chỉ thu hẹp trong phạm vi gia đình. Tư tưởng “trung với nước, hiếu với dân” của Hồ Chí Minh không những kế thừa giá trị yêu nước truyền thống của dân tộc, mà còn vượt qua những hạn chế của truyền thống đó. Trung với nước là tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Nước ở đây là nước của dân, còn dân là chủ nhân của nước.

Trong *Thư gửi thanh niên* (1965), Người viết: “Phải luôn luôn nâng cao chí khí cách mạng “trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”². Luận điểm đó của Hồ Chí Minh vừa là lời kêu gọi hành động, vừa là định hướng chính trị - đạo đức cho mỗi người Việt Nam không chỉ trong cuộc đấu tranh cách mạng trước đây, hiện nay, mà còn lâu dài về sau.

Hồ Chí Minh đã sử dụng khái niệm “trung, hiếu” trong tư tưởng đạo đức truyền thống dân tộc và bổ sung những giá trị đạo đức mới, mở rộng nội dung, hiện đại và phù hợp, “*Trung với nước, hiếu với dân*” đã tạo nên một cuộc cách mạng sâu

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.170.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.14, tr.619.

sắc trong quan niệm về đạo đức. Quan điểm về đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh khác hẳn về chất, vượt trội so với các quan điểm về đạo đức trong các xã hội cũ. Hồ Chí Minh cho rằng, *trung với nước* phải gắn liền *hiếu với dân*. *Trung với nước* là phải yêu nước gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, với Tổ quốc, với con đường đi lên của đất nước, suốt đời phấn đấu cho Đảng, cho cách mạng, làm cho “dân giàu, nước mạnh”. *Hiếu với dân* là phải trọng dân, thương dân, tin dân, thân dân, học hỏi dân, lấy trí tuệ ở dân, lấy dân làm gốc, phục vụ nhân dân hết lòng, chăm lo mọi mặt đời sống nhân dân. Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ, đảng viên: “*phải* hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. *Phải* yêu kính nhân dân. *Phải* thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân”¹. Hồ Chí Minh nói rõ: “Không phải chúng ta ham chuộng khổ hạnh và bần cùng. Trái lại, chúng ta phấn đấu hy sinh, vì chúng ta muốn xây dựng một xã hội ai cũng ấm no, sung sướng. Nhưng chúng ta biết rằng: Muốn cải thiện đời sống, thì trước phải ra sức thi đua phát triển sản xuất; và trước phải nâng cao mức sống của nhân dân”².

Theo Hồ Chí Minh, muốn *trung với nước*, *hiếu với dân* phải chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và chủ nghĩa cá nhân. Điều này không chỉ là nguyên tắc đạo đức, mà còn là tình cảm đạo đức, hành động đạo đức, tư cách đạo đức của con người. Càng biết yêu cái thiện, cái tốt bao nhiêu, thì càng phải biết ghét cái ác, cái xấu bấy nhiêu.

b. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nội dung cốt lõi của đạo đức cách mạng, đó là phẩm chất đạo đức gắn liền với hoạt động hằng ngày của mỗi người. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, là *đại cương đạo đức* Hồ Chí Minh. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã đề cập phẩm chất này nhiều nhất, thường xuyên nhất, từ *Đường cách mệnh* đến bản *Di chúc*.

Hồ Chí Minh đã sử dụng những khái niệm cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của đạo đức phương Đông và đạo đức truyền thống Việt Nam. Người đã giữ lại những gì tốt đẹp của quá khứ, lọc bỏ những điều không còn phù hợp và đưa vào những nội dung mới, do yêu cầu sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội đặt ra.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là mối quan hệ “với tự mình”. Theo Hồ Chí Minh, những phẩm chất đầu tiên cần có của “*tư cách một người cách mệnh*” là, “Tự mình phải: Cần kiệm,... Nhẫn nại (chịu

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr.67.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr.508.

khó),... Vị công vong tư...”. Hồ Chí Minh cho rằng, cần, kiệm, liêm, chính là nền tảng của đời sống mới, nền tảng của thi đua ái quốc: “Cần, kiệm, liêm, chính. Giữ được vẹn mười. Tức là những người: Sống “*Đời sống mới*””¹.

Mỗi chữ cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư đã được Hồ Chí Minh giải thích rất rõ, rất cụ thể, rất dễ hiểu đối với mọi người. Nếu phẩm chất này đã cần thiết đối với con người Việt Nam trước đây khi đất nước còn phải đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược rất tàn bạo do chủ nghĩa thực dân đế quốc gây ra, thì lại càng cần thiết trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay.

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, “Bọn phong kiến ngày xưa nêu ra cần, kiệm, liêm, chính nhưng không bao giờ thực hiện mà lại bắt nhân dân tuân theo để phụng sự quyền lợi cho chúng. Ngày nay ta đề ra cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo để lợi cho nước cho dân”².

Hồ Chí Minh giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư luôn phải gắn với nhiệm vụ cụ thể từng thời kỳ cách mạng, luôn thiết thực với từng đối tượng con người, do vậy nội dung thường dễ hiểu và sâu sắc.

Hồ Chí Minh quan niệm, “*Cần* tức là siêng năng, chăm chỉ, cố gắng dẻo dai”³. “Siêng học tập thì mau biết. Siêng nghĩ ngợi thì hay có sáng kiến. Siêng làm thì nhất định thành công;... Người siêng năng thì mau tiến bộ. Cả nhà siêng năng thì chắc ấm no. Cả làng siêng năng thì làng phồn thịnh. Cả nước siêng năng thì nước mạnh giàu”⁴. “Muốn cho chữ *Cần* có nhiều kết quả hơn, thì phải có *kế hoạch* cho mọi công việc”⁵. Theo Hồ Chí Minh, “*Cần* là luôn luôn cố gắng, luôn luôn chăm chỉ,... *Lười biếng* là kẻ địch của chữ *cần*. Vì vậy, *lười biếng* cũng là *kẻ địch của dân tộc*”⁶. Cần tức là lao động cần cù, siêng năng; lao động có kế hoạch, sáng tạo, có năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng. Hồ Chí Minh mong muốn mọi người cần nhận thức rõ, “Lao động là *nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của chúng ta*”⁷.

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.200.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.220.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.118.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.118.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.118.

6 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.120.

7 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr.69.

Kiệm là thế nào? “Là tiết kiệm, không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi”¹. *Kiệm* tức là tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm tiền của của dân, của nước, của bản thân mình; không phô trương hình thức, không liên hoan chè chén lu bù. “Tiết *kiệm* không phải là bủn xỉn. Khi không nên tiêu xài thì một đồng xu cũng không nên tiêu. Khi có việc đáng làm, việc ích lợi cho đồng bào, cho Tổ quốc, thì dù bao nhiêu công, tốn bao nhiêu của, cũng vui lòng. Như thế mới đúng là *kiệm*. Việc đáng tiêu mà không tiêu, là bủn xỉn, chứ không phải là *kiệm*. Tiết kiệm phải kiên quyết *không xa xỉ*”². “Cần với *kiệm*, phải đi đôi với nhau, như hai chân của con người”³. Hồ Chí Minh yêu cầu “*Phải cần *kiệm* xây dựng nước nhà*”⁴.

Liêm là liêm khiết, “là trong sạch, không tham lam”⁵; “luôn luôn tôn trọng giữ gìn của công, của dân”, “*Liêm* là không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tâng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa. Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ”⁶. “Chữ *Liêm* phải đi đôi với chữ *Kiệm*. Cũng như chữ *Kiệm* phải đi với chữ *Cần*. Có *Kiệm* mới *Liêm* được”⁷. “Có cần mới *kiệm*. Có cần, *kiệm* mới *liêm*. Có cần, *kiệm*, *liêm* mới *chính*”⁸.

Chính là gì? “*Chính* nghĩa là không tà, nghĩa là thẳng thắn, đứng đắn. Điều gì không đứng đắn, thẳng thắn, tức là tà”⁹. “*Cần*, *kiệm*, *liêm*, là gốc rễ của *chính*”. “Trên thế giới, có thể chia làm hai hạng người: người thiện và người ác. Trong xã hội, có thể chia làm hai thứ công việc: việc *chính* và việc *tà*. “*Làm việc chính* là người thiện. *Làm việc tà* là người ác”. “Trên quả đất,... có thể chia làm hai hạng: người *thiện* và người *ác*. Trong xã hội, tuy có trăm công, nghìn việc. Song những công việc ấy có thể chia làm hai thứ: việc *chính* và việc *tà*. *Làm việc chính*, là người *thiện*. *Làm việc tà*, là người *ác*... Lười biếng, xa xỉ, tham lam, là *tà*, là *ác*”¹⁰. Mọi hoạt động của một người trong xã hội có thể chia làm ba mặt *chính*: mình đối với mình, mình đối với người, mình đối với công việc. Hồ Chí Minh yêu cầu: “Đối với

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.122.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 6, tr.123.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.122.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr.69.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.126.

6 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.292.

7 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.126.

8 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.241.

9 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.129.

10 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.129.

mình: Chớ tự kiêu, tự đại”. “Đối với người: Chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người... Chớ nịnh hót người trên. Chớ xem khinh người dưới. Thái độ phải chân thành, khiêm tốn, phải thật thà đoàn kết. Phải học người và giúp người tiến tới. Phải thực hành chữ Bác - Ái”¹. “Đối với việc: Dem lòng chí công vô tư mà đối với người, với việc”; “Phải để công việc nước lên trên, trước việc tư, việc nhà. Đã phụ trách việc gì, thì quyết làm cho kỳ được”². Hồ Chí Minh thường dạy: “Việc *thiện* thì dù nhỏ mấy cũng làm. Việc *ác* thì dù nhỏ mấy cũng tránh. Việc gì dù có lợi cho mình, mà có hại cho nước thì quyết không làm”³.

Như vậy, rõ ràng là, cần, kiệm, liêm, chính theo quan niệm của Hồ Chí Minh không phải là cũ, mà vẫn luôn mới. Những điều Người đã nói từ năm 1949 đến nay vẫn cần phải học lại, để cả nước phấn đấu thật sự cần, kiệm, liêm, chính theo lời tâm nguyện của Người.

Chí công vô tư, là hoàn toàn vì lợi ích chung, không vì tư lợi; là hết sức công bằng, không chút thiên vị, công tâm, luôn đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân, của dân tộc lên trên hết, trước hết. Chí công vô tư là nêu cao chủ nghĩa tập thể, chống chủ nghĩa cá nhân. Người nói: “Dem lòng chí công vô tư mà đối với người, với việc”⁴. “Khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước... khi hưởng thụ thì mình nên đi sau”⁵.

Chí công vô tư về thực chất là nối tiếp cần, kiệm, liêm, chính. Người chỉ rõ: “Những người ở các công sở, từ làng cho đến Chính phủ trung ương, đều dễ tìm dịp phát tài, hoặc xoay tiền của Chính phủ, hoặc khoét đục nhân dân. Đến khi lộ ra, bị phạt, thì mất hết cả danh giá, mà của phi nghĩa đó cũng không được hưởng. Vì vậy, những người trong công sở phải lấy chữ *Liêm* làm đầu”⁶. “Trước nhất là cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp “dĩ công vi tư”. Vì vậy, cán bộ phải thực hành chữ *Liêm* trước, để làm kiểu mẫu cho dân”⁷.

Hồ Chí Minh thường xuyên nhấn mạnh tới nhiệm vụ giáo dục lý tưởng cách mạng, giáo dục đạo đức “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” và chỉ rõ: “Một

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.130-131.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.131.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.131.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.217.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.400.

6 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.123.

7 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.127.

dân tộc biết cần, kiệm, biết liêm, là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh tiến bộ”¹.

Hồ Chí Minh cho rằng, “Lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chỗ chí công vô tư. Mình đã chí công vô tư thì khuyết điểm sẽ càng ngày càng ít, mà những tính tốt như sau, ngày càng thêm. Nói tóm tắt, tính tốt ấy gồm có năm điều: *nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm*”². Để trở thành người có phẩm chất đạo đức tốt, phải hội đủ các yếu tố cần, kiệm, liêm, chính. Hồ Chí Minh coi cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức cơ bản của con người, “thiếu một đức, thì không thành người”³; cũng giống như bốn mùa của trời, bốn phương của đất: thiếu một mùa, thì không thành trời; thiếu một phương, thì không thành đất.

Hồ Chí Minh quan niệm, để có được các đức tính cần, kiệm, liêm, chính thì phải chống chủ nghĩa cá nhân. Chủ nghĩa cá nhân là đồng minh của đế quốc; là một thứ vi trùng rất độc hại, nó đẻ ra hàng trăm thứ bệnh nguy hiểm như: quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí, tham danh, trục lợi, thích địa vị, quyền hành, coi thường tập thể, tự cao, tự đại, độc đoán chuyên quyền... “Chủ nghĩa cá nhân là một thứ rất gian xảo, xảo quyệt; nó khéo dỗ dành người ta đi xuống dốc.”⁴. “Chủ nghĩa cá nhân là một trở ngại lớn cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên *thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân*”⁵.

Bồi dưỡng phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư sẽ làm cho con người vững vàng trước mọi thử thách: “Giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy lực không thể khuất phục”⁶. Nhưng đây lại là vấn đề rất phức tạp, nói dễ làm khó, và trong cuộc sống thường hay vi phạm. Bởi vì nó đụng chạm đến nhiều mặt lợi ích cá nhân, tập trung nhất là *chức, quyền, danh, lợi*, mà nếu không vượt qua được chủ nghĩa cá nhân thì bất cứ ai cũng có thể sa vào những hành vi vô đạo đức.

c. Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa

Trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, thương yêu con người, sống có tình có nghĩa xuất phát từ truyền thống nhân nghĩa của dân tộc, kết hợp với chủ nghĩa nhân

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.128.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.291.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.117.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.602.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.609.

6 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.50.

văn của nhân loại và chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, cùng với việc thử nghiệm chính bản thân mình qua hoạt động thực tiễn. Hồ Chí Minh đã xác định tình thương yêu con người, sống với nhau có tình, có nghĩa là phẩm chất có tính nhân văn sâu sắc. Phẩm chất này là sự thể hiện mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân trong xã hội, là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất.

Hồ Chí Minh quan niệm, người cách mạng là người giàu tình cảm, có tình cảm cách mạng mới đi làm cách mạng. Vì yêu thương nhân dân, yêu thương con người mà Hồ Chí Minh sẵn sàng chấp nhận mọi gian khổ, hy sinh để đem lại độc lập cho dân tộc, tự do hạnh phúc cho con người.

Yêu thương con người là phải quan tâm đến những người lao động bình thường, chiếm phần đông trong xã hội; phải làm mọi việc để vì con người, vì mục tiêu “ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”; dám hy sinh để đấu tranh giải phóng con người. Hồ Chí Minh yêu thương con người với một tình cảm nhân ái sâu rộng, vừa bao la, vừa gần gũi, bao trùm cả cộng đồng đến từng số phận con người. Người thức tỉnh, tái tạo lương tâm, vạch hướng đi, đánh thức những giá trị tốt đẹp nhất trong mỗi con người, tạo điều kiện cho con người đứng dậy, vươn lên hoàn thành nhiệm vụ. Hồ Chí Minh yêu thương những con người đang sống trên trái đất này. Đó là tình yêu thương gắn liền với hành động cụ thể để mang lại cơm ăn, nước uống, trả lại nhân phẩm cho con người.

Yêu thương con người là giúp cho mỗi người ngày càng tiến bộ, sống cao đẹp hơn. Yêu thương con người phải thực hiện tự phê bình, phê bình chân thành, giúp nhau sửa chữa khuyết điểm; chứ không phải là thái độ “dĩ hòa vi quý”, không phải hạ thấp, càng không phải vui dập con người. Tình yêu thương con người ở Hồ Chí Minh vượt ra ngoài phạm vi dân tộc, mang tính quốc tế, tầm nhân loại. Tình yêu thương con người, là tình cảm rộng lớn, trước hết dành cho những người nghèo khổ, những người bị mất quyền, những người bị áp bức, bị bóc lột không phân biệt màu da, dân tộc. Người cho rằng, nếu không có tình yêu thương như vậy thì không thể nói đến cách mạng, càng không thể nói đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Tình yêu thương đó đã được thể hiện ở sự ham muốn tốt bậc của Hồ Chí Minh là “làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”¹. Đây là *yếu tố cốt lõi đầu tiên* tạo nên nền tảng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Đó cũng là lý tưởng chính trị, lý tưởng đạo đức và là lý tưởng nhân văn của Người.

Yêu thương con người là phải có niềm tin vào con người. Tình thương yêu con người theo Hồ Chí Minh phải được xây dựng trên lập trường của giai cấp công

¹Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.187.

nhân, thể hiện trong mối quan hệ hằng ngày với bạn bè, đồng chí, anh em... Nó đòi hỏi mỗi người phải chặt chẽ và nghiêm khắc với mình; rộng rãi, độ lượng và giàu lòng vị tha đối với người khác; phải có thái độ tôn trọng những quyền của con người, tạo điều kiện cho con người phát huy tài năng; nâng con người lên, kể cả những người nhất thời lầm lạc. Theo Hồ Chí Minh: “Có những người ... khi có ít nhiều quyền hạn trong tay thì đâm ra kiêu ngạo, xa xỉ, phạm vào tham ô, lãng phí, quan liêu, *không tự giác, mà biến thành người có tội với cách mạng*. Chúng ta phải cứu vãn họ, giúp họ khôi phục đạo đức cách mạng”¹. Người đã dạy: “Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được”². Trong *Di chúc*, Người căn dặn: “Đầu tiên là công việc đối với con người,... Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”³.

d. Tinh thần quốc tế trong sáng

Chủ nghĩa quốc tế trong sáng là một trong những phẩm chất quan trọng nhất của đạo đức cộng sản chủ nghĩa. Điều này được bắt nguồn từ bản chất của giai cấp công nhân, nhằm vào mối quan hệ rộng lớn vượt ra khỏi quốc gia dân tộc. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh về tinh đoàn kết quốc tế trong sáng là sự mở rộng quan hệ đạo đức giữa người với người và với toàn nhân loại, vì Hồ Chí Minh không chỉ là “người Việt Nam nhất” như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng khẳng định, mà còn là “nhà văn hóa lớn của thế giới”, “chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế”.

Tinh thần quốc tế trong sáng theo Hồ Chí Minh, trước hết là thực hiện đoàn kết với nhân dân lao động các nước vì mục tiêu chung: đấu tranh giải phóng con người khỏi ách áp bức, bóc lột; là tinh đoàn kết quốc tế giữa những người vô sản toàn thế giới; là đoàn kết với các dân tộc vì hòa bình, công lý và tiến bộ xã hội. Trong vấn đề này, tư tưởng đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh có ý nghĩa tầm chiến lược định hướng đúng đắn cho việc bồi dưỡng tinh thần quốc tế cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Hồ Chí Minh là tượng trưng cao đẹp của chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp nhuần nhuyễn với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa quốc tế vô sản phải gắn liền với chủ nghĩa yêu nước, hơn nữa phải là chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Nếu tinh thần yêu nước không chân chính và tinh thần quốc tế không trong sáng thì có thể dẫn đến chủ nghĩa dân

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.361.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.668.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.662.

tộc hẹp hòi, sô vanh, biệt lập, kỳ thị chủng tộc, hoặc chủ nghĩa bành trướng bá quyền. Tất cả những khuynh hướng lệch lạc ấy có thể dẫn đến chỗ phá vỡ cả một quốc gia dân tộc hay một liên bang đa quốc gia dân tộc, phá vỡ tình đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh chung, thậm chí có thể đưa đến tình trạng đối đầu, đối địch. Vì thế, Hồ Chí Minh thường xuyên giáo dục tinh thần quốc tế cho nhân dân Việt Nam, phải chăm lo bảo vệ sự đoàn kết quốc tế, vì sự nghiệp to lớn của cách mạng Việt Nam, vì nghĩa vụ cao cả đối với cách mạng thế giới.

Nội dung chủ nghĩa quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rộng lớn và sâu sắc. Đó là sự tôn trọng, hiểu biết, thương yêu và đoàn kết với giai cấp vô sản toàn thế giới, với các dân tộc bị áp bức, với tất cả các dân tộc và nhân dân các nước, với các lực lượng tiến bộ trên toàn cầu, chống lại mọi sự chia rẽ, hằn thù, bất bình đẳng và phân biệt chủng tộc. Hồ Chí Minh nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, nhưng Người cũng luôn kêu gọi phải tăng cường đoàn kết và hợp tác quốc tế, phải ra sức ủng hộ và giúp đỡ đối với các cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân các nước vì những mục tiêu thời đại. Đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh theo tinh thần quốc tế trong sáng:

*“Quan sơn muôn dặm một nhà,
Bốn phương vô sản đều là anh em!”¹*

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã dày công xây đắp tinh thần đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân thế giới và đã tạo nên một kiểu quan hệ quốc tế mới: đối thoại thay cho đối đầu, nhằm kiến tạo một nền *văn hóa hòa bình* cho nhân loại; là di sản tinh thần vô giá về hòa bình, hữu nghị và hợp tác phát triển giữa các dân tộc. Những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đường lối đối ngoại của Việt Nam và về quan hệ quốc tế là một trong những đóng góp to lớn vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng

a. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức

Hồ Chí Minh không chỉ quan tâm đến những phẩm chất, chuẩn mực đạo đức, mà còn rất chú trọng đến những nguyên tắc xây dựng và thực hành nền đạo đức mới. *Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức*, là nét đẹp trong đạo đức truyền thống của dân tộc được Hồ Chí Minh nâng lên một tầm cao mới. Hồ Chí Minh coi đây là nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong nền đạo đức mới. Điều này, Hồ Chí Minh khẳng định trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, khi đề cập đến *tư cách một người cách mệnh*: “nói thì phải làm”. Trong bài *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, Hồ

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.670.

Chí Minh yêu cầu “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”. Trong suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh đã giáo dục mọi người và chính bản thân Người đã thực hiện điều đó một cách nghiêm túc và đầy đủ nhất. Hơn nữa, chúng ta còn thấy Hồ Chí Minh nói ít nhưng làm nhiều, có những vấn đề về đạo đức Người làm mà không nói. Phải đi sâu vào hành vi đạo đức của Người, chúng ta mới khám phá ra được những tầng bản chất sâu xa của tư tưởng đạo đức và thực hành đạo đức của Hồ Chí Minh.

Đối với mỗi người, lời nói phải đi đôi với việc làm. Nói đi đôi với làm thể hiện bản chất và nhân cách của con người. Nói đi đôi với làm thì mới đem lại hiệu quả thiết thực cho chính bản thân mình và mới có tác dụng đối với người khác. Nếu nói nhiều làm ít, nói mà không làm, hơn nữa nói một đằng, làm một nẻo thì chỉ đem lại những hậu quả phản tác dụng. Nói đi đôi với làm, trước hết là sự nêu gương tốt. Mỗi người phải ra sức học tập lý luận và thực hành. Hồ Chí Minh yêu cầu: “Mỗi người phải *tích cực* công tác, phải cố gắng *làm gương* cho dân chúng. *Làm nhiều hơn nói*”¹. Hồ Chí Minh là tấm gương trong sáng tuyệt vời về lời nói đi đôi với việc làm. Nói đi đôi với làm là đặc trưng bản chất của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Nói đi đôi với làm đối lập hoàn toàn với thói đạo đức giả của giai cấp bóc lột. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Hồ Chí Minh đã chỉ ra những biểu hiện của thói đạo đức giả ở một số cán bộ, “vác mặt làm quan cách mạng”, nói mà không làm. Sau này, Người đã nhiều lần bàn đến việc tẩy sạch căn bệnh quan liêu, coi thường quần chúng của một số cán bộ, đảng viên “Miệng thì nói dân chủ, nhưng làm việc thì họ theo lối “quan” chủ. Miệng thì nói “phụng sự quần chúng”, nhưng họ làm trái ngược với lợi ích của quần chúng, trái ngược với phương châm và chính sách của Đảng và Chính phủ”²; làm tổn hại đến uy tín của Đảng và Chính phủ trước nhân dân.

Nêu gương về đạo đức, là một nét đẹp của truyền thống văn hóa phương Đông. Để đạo đức cách mạng thấm sâu, bám chắc vào đời sống xã hội và trở thành nền tảng tinh thần của nhân dân lao động, Hồ Chí Minh đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải làm gương trước quần chúng; trong mọi phong trào, mọi nhiệm vụ, cán bộ, đảng viên đều phải tiên phong, gương mẫu làm trước, tiến trước để quần chúng noi theo. Sự gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên có vai trò rất to lớn để biến đường lối, chủ trương của Đảng thành hiện thực, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Người đảng viên - dù công tác to hay nhỏ, địa vị cao hay thấp - ở đâu cũng phải làm gương mẫu cho quần chúng... Mà muốn cho quần chúng hăng hái thi hành, thì người đảng viên ắt phải xung phong làm gương mẫu để quần chúng bắt chước, làm theo”³. Người nói: “Trước mặt quần

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.196.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.176.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.55.

chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quan chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”¹. Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ: “Trước hết, mình phải làm gương, gắng làm gương trong anh em, và khi đi công tác, gắng làm gương cho dân. Làm gương về cả ba mặt: Tinh thần, vật chất và văn hóa”². “Cán bộ, đảng viên và đoàn viên thanh niên phải luôn luôn nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực vươn lên hàng đầu, *gương mẫu* về đạo đức cách mạng cũng như trong công tác và học tập”³.

Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”⁴. Với ý nghĩa như vậy, Hồ Chí Minh đã giáo dục, đào tạo các thế hệ cán bộ cách mạng Việt Nam không chỉ bằng lý luận cách mạng tiên phong mà còn bằng chính tấm gương đạo đức cao cả của mình.

Hồ Chí Minh cho rằng, hơn bất cứ một lĩnh vực nào mà vấn đề *nêu gương* lại được đặt ra và rất có ý nghĩa giáo dục như trong lĩnh vực đạo đức. Sự làm gương của thế hệ đi trước với thế hệ đi sau; trong gia đình thì cha mẹ làm gương cho con, anh chị làm gương cho em, ông bà làm gương cho con cháu; trong nhà trường thì thầy giáo, cô giáo làm gương cho học sinh noi theo; trong các tổ chức, đoàn thể, Đảng, Nhà nước là tấm gương của những người phụ trách, lãnh đạo của cấp trên đối với cấp dưới; trong xã hội thì đó là tấm gương của người này đối với người khác. Đạo làm gương, lời nói đi đôi với việc làm của Hồ Chí Minh thực sự có một sức thu hút mãnh liệt, khiến cho cả dân tộc, nhiều thế hệ, các giai cấp, tầng lớp xã hội đều tin tưởng đi theo tiếng gọi của Người.

Hồ Chí Minh quan niệm: “Lấy gương người tốt, việc tốt để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới”⁵. Để làm được như thế, phải chú ý phát hiện, xây dựng những điển hình người tốt, việc tốt rất gần gũi trong đời thường, trong các lĩnh vực lao động, sản xuất, trong chiến đấu, trong học tập, nghiên cứu. Theo Người: “Từng giọt nước nhỏ thấm vào lòng đất, chảy về một hướng mới thành suối, thành sông. Biết bao nhiêu giọt nước nhỏ hợp lại mới thành

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.16.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.171.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr.48.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.284.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 672.

biển cả”¹. Không nhận thức được điều này là “chỉ thấy ngọn mà quên mất gốc”. Người nói: “Người tốt, việc tốt nhiều lắm. Ở đâu cũng có. Ngành, giới nào, địa phương nào, lứa tuổi nào cũng có”².

Như vậy, những tấm gương đạo đức đã được hiểu theo một nghĩa rộng. Có những tấm gương chung và riêng, lớn và nhỏ, xa và gần. Một nền đạo đức mới chỉ được xây dựng trên một cái nền rộng lớn, vững chắc, khi những chuẩn mực đạo đức trở thành hành vi đạo đức ngày càng phổ biến trong toàn xã hội, những tấm gương đạo đức của những người tiêu biểu, những người tốt, việc tốt có ý nghĩa thúc đẩy cho quá trình tạo dựng một nền đạo đức mới.

b. Xây đi đôi với chống

Trong xây dựng nền tảng đạo đức, tinh thần của xã hội mới, ngoài việc bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, nhất thiết phải chống những biểu hiện phi đạo đức, sai trái với những yêu cầu của đạo đức chung của xã hội, đó là tệ nạn, tiêu cực, thoái hóa, biến chất, suy thoái về đạo đức, lối sống; tham ô, lãng phí, quan liêu, chủ nghĩa cá nhân, cái tà, cái ác.

Hồ Chí Minh cho rằng, nguyên tắc xây đi đôi với chống là đòi hỏi của nền đạo đức mới, thể hiện tính nhân đạo chiến đấu vì mục tiêu của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Hồ Chí Minh quan niệm xây dựng đạo đức mới, đấu tranh với những hiện tượng phi đạo đức là nguyên tắc đặc biệt quan trọng. Theo Người, *xây* tức là xây dựng các giá trị, các chuẩn mực đạo đức mới; *chống* là chống các biểu hiện, các hành vi vô đạo đức. Xây phải đi đôi với chống, muốn xây phải chống, chống nhằm mục đích xây, lấy xây làm chính. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải chống chủ nghĩa cá nhân.

Xây dựng đạo đức mới trước hết phải được tiến hành bằng *giáo dục nhận thức*, từ trong gia đình đến nhà trường, tập thể và toàn xã hội. Những phẩm chất đạo đức chung phải được cụ thể hóa, sát hợp với từng tầng lớp, đối tượng. Trong các bài viết của mình, Hồ Chí Minh đã nêu rất cụ thể các phẩm chất đạo đức cơ bản đối với các giai cấp, tầng lớp, lứa tuổi và các nhóm xã hội, ngành nghề.

Trong giáo dục đạo đức, vấn đề quan trọng là phải khơi dậy *ý thức đạo đức* lành mạnh trong mỗi người, từ đó, mỗi người nhận thức được và tự giác thực hiện. Trong đấu tranh chống lại những cái tiêu cực, lạc hậu phải phát hiện sớm, phải chú ý phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời.

¹Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.663.

²Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.663.

Để xây và chống trong vấn đề đạo đức cần phát huy vai trò của *dư luận xã hội*, tạo ra phong trào quần chúng rộng rãi, biểu dương cái tốt, phê phán cái xấu. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm đến việc biểu dương kịp thời những gương người tốt, việc tốt. Người đã phát động nhiều cuộc thi đua “ba xây, ba chống”, “dạy tốt, học tốt”, viết sách “người tốt, việc tốt” nhằm để giáo dục về đạo đức, lối sống.

Theo Hồ Chí Minh, trong tiến trình cách mạng, có nhiều kẻ địch, nhưng Người nhấn mạnh ba loại: “Chủ nghĩa tư bản và bọn đế quốc là kẻ địch rất nguy hiểm. Thói quen và truyền thống lạc hậu cũng là kẻ địch to, nó ngấm ngấm ngăn trở cách mạng tiến bộ... Loại địch thứ ba là *chủ nghĩa cá nhân*”¹. Từ đó, Người kết luận: “*đạo đức cách mạng* là vô luận trong hoàn cảnh nào, cũng phải quyết tâm đấu tranh, chống mọi kẻ địch, luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, quyết không chịu khuất phục, không chịu cúi đầu”².

Để xây dựng một nền đạo đức mới cần phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống. Trong đời sống hằng ngày, những hiện tượng tốt - xấu, đúng - sai, cái đạo đức và cái vô đạo đức thường đan xen nhau, đối chọi nhau thông qua hành vi của những con người khác nhau, thậm chí trong mỗi con người. Chính vì vậy, việc xây và chống trong lĩnh vực đạo đức rõ ràng không đơn giản, phải kiên trì, kết hợp chặt chẽ gia đình, nhà trường, và xã hội; sự tự giác rèn luyện, trau dồi đạo đức của cá nhân có tính quyết định.

Xây dựng đạo đức mới, đạo đức cách mạng phải được tiến hành bằng việc *giáo dục* những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức mới. Việc giáo dục đạo đức mới phải được tiến hành phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, phù hợp với từng lứa tuổi, ngành nghề, giai cấp, tầng lớp và trong từng môi trường khác nhau; phải khơi dậy được ý thức đạo đức lành mạnh ở mỗi người. Hồ Chí Minh quan niệm, “Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa Xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng”³.

Xây phải đi đôi với chống, nhằm loại bỏ cái sai, cái xấu, cái vô đạo đức trong đời sống hằng ngày, Hồ Chí Minh cho rằng, trên con đường đi tới tiến bộ và cách mạng, đạo đức mới chỉ có thể được xây dựng thành công trên cơ sở kiên trì mục tiêu chống chủ nghĩa đế quốc, chống những thói quen và tập tục lạc hậu, phải loại trừ chủ nghĩa cá nhân. Theo Hồ Chí Minh: “đó là một cuộc cách mạng nội bộ, một

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.606.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.606.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.672.

cuộc đấu tranh gay go giữa cái tốt và cái xấu, cái cũ và cái mới, giữa đạo đức cách mạng là cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và kẻ địch là tệ nạn tham ô, lãng phí, quan liêu”¹. Muốn giành được thắng lợi trong cuộc chiến đấu này, điều quan trọng là phải phát hiện sớm, phải tuyên truyền, vận động hình thành phong trào quần chúng rộng rãi đấu tranh cho sự lành mạnh, trong sáng về đạo đức; phải chú trọng kết hợp giáo dục đạo đức với tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật, kết hợp nhuần nhuyễn “đức trị”, với “pháp trị”.

Một vấn đề quan trọng thường được Hồ Chí Minh đề cập tới là *chống chủ nghĩa cá nhân, chống tham ô, lãng phí, quan liêu* để xây dựng đạo đức mới. Trong bài *Chống quan liêu, tham ô, lãng phí* (1952), Người viết, “Quan liêu, tham ô, lãng phí là *tội ác*. Phải tẩy sạch nó để thực hiện cần kiệm liêm chính”². Người coi tham ô, lãng phí, quan liêu là *kẻ thù khá nguy hiểm* của nhân dân, là “*giặc nội xâm*”, “*giặc ở trong lòng*”, phá từ trong phá ra. Người chỉ rõ, “Chủ nghĩa cá nhân là như một thứ vi trùng rất độc, do nó mà sinh ra các thứ *bệnh rất nguy hiểm*: Bệnh tham lam, bệnh lười biếng, bệnh kiêu ngạo; bệnh hiếu danh, thiếu kỷ luật; óc hẹp hòi, óc địa phương, óc lãnh tụ”³; “*Do cá nhân chủ nghĩa* mà phạm nhiều sai lầm... Phải kiên quyết *quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng*, bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và tính kỷ luật”⁴. Đối với từng người, Hồ Chí Minh yêu cầu “trước hết phải đánh thắng lòng tà là kẻ thù trong mình”⁵. Với việc, với người thì nhất thiết phải phê phán, đấu tranh, loại bỏ những hiện tượng phi đạo đức, tàn dư đạo đức cũ.

Để xây và chống có kết quả, phải tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi, Hồ Chí Minh đã phát động nhiều phong trào thiết thực: năm 1952, phong trào “*Thi đua thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu*”, năm 1963, mở “*Cuộc vận động Nâng cao ý thức trách nhiệm; tăng cường quản lý kinh tế - tài chính; cải tiến kỹ thuật*”...

Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh đã viết: Đó là “một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.13, tr.421.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.457.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.295-296.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.547.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.8, tr.142.

thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”¹.

c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời

Suốt đời tu dưỡng rèn luyện đạo đức để thấm nhuần và thực hành đạo đức cách mạng, đây vừa là nguyên tắc vừa là phương pháp quan trọng xây dựng đạo đức mới. Hồ Chí Minh đã nói, tu dưỡng đạo đức như một cuộc cách mạng trường kỳ, gian khổ. Mỗi người cần phải kiên trì rèn luyện, tu dưỡng suốt đời. Việc tu dưỡng đạo đức của mỗi người phải được thể hiện qua hoạt động thực tiễn, thực hiện nhiệm vụ, công việc được giao.

Tự rèn luyện, tu dưỡng có vai trò rất quan trọng. Một nền đạo đức mới chỉ có thể được xây dựng trên cơ sở tự giác tu dưỡng đạo đức của mỗi người. Hồ Chí Minh cho rằng, đã là người thì ai cũng có chỗ hay, chỗ dở, chỗ xấu, chỗ tốt, ai cũng có thiện, có ác ở trong mình. Điều quan trọng là dám nhìn thẳng vào con người mình, không tự lừa dối, huyễn hoặc; thấy được cái hay, cái tốt, cái thiện để phát huy và thấy rõ cái dở, cái xấu, cái ác để khắc phục. Tu dưỡng đạo đức phải được thực hiện trong mọi hoạt động thực tiễn, trong đời tư cũng như sinh hoạt cộng đồng, trong mọi mối quan hệ của mình. Hồ Chí Minh hằng quan tâm, phải làm thế nào để mỗi người tự nhận thấy sâu sắc việc trau dồi đạo đức cách mạng là một việc phải kiên trì, thường xuyên, liên tục. Người nhắc lại luận điểm của Khổng Tử “chính tâm, tu thân” để “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, và chỉ rõ: “Chính tâm, tu thân tức là cải tạo. Cải tạo cũng phải trường kỳ gian khổ, vì đó là một cuộc cách mạng trong bản thân của mỗi người. Bồi dưỡng tư tưởng mới để đánh thắng tư tưởng cũ, đoạn tuyệt với con người cũ để trở thành con người mới không phải là một việc dễ dàng... Dù khó khăn gian khổ, nhưng muốn cải tạo thì nhất định thành công”².

Phải kiên trì rèn luyện, tu dưỡng đạo đức suốt đời. Hồ Chí Minh đã nhiều lần chỉ rõ: mỗi người phải thường xuyên chăm lo tu dưỡng đạo đức như việc rửa mặt hằng ngày, đây cũng là công việc phải làm kiên trì bền bỉ suốt đời. Từ thực tiễn, Người tổng kết sâu sắc: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”³.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.617.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.8, tr.300-301.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.612.

Theo Hồ Chí Minh, làm cách mạng phải cải tạo thể giới và cải tạo xã hội. “Muốn cải tạo thể giới và cải tạo xã hội thì trước hết phải tự cải tạo bản thân chúng ta”¹. Thực hiện việc này phải kiên trì, bền bỉ, lâu dài, gian khổ. Nếu không kiên trì rèn luyện, thì ở thời kỳ trước là người có công, nhưng thời kỳ sau có thể lại là người có tội, lúc trẻ giữ được đạo đức, nhưng lúc già lại thoái hóa biến chất, hư hỏng. Từ đó, Người lưu ý: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”².

Trong cuộc sống, mỗi người có nhiều cương vị, nhiều vai trò khác nhau đòi hỏi phải điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp, phẩm chất đạo đức của mỗi người được biểu hiện rất cụ thể, phong phú, đa dạng. Có rèn luyện công phu như vậy thì con người mới có được phẩm chất đạo đức tốt đẹp, và những phẩm chất đạo đức mới ngày càng được bồi đắp, nâng cao.

III. HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị bền vững phù hợp với thực tiễn Việt Nam và thời đại. Hồ Chí Minh nêu tấm gương đạo đức cách mạng trong sáng, mẫu mực hoàn thiện nhất của một con người Việt Nam: Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, yêu nhân dân, triết để cách mạng và vô cùng nhân từ; uyên bác mà cực kỳ khiêm tốn; vĩ đại mà rất mực bình dị. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là nền tảng tinh thần của xã hội, là cơ sở cho xây dựng nền đạo đức mới trong hiện tại và tương lai ở Việt Nam. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh chính là tu dưỡng, rèn luyện, theo các chuẩn mực đạo đức truyền thống quý báu của dân tộc, đạo đức cộng sản và những chuẩn mực đạo đức nhân đạo, nhân văn tiên tiến nhất của thời đại; học và làm theo những nguyên tắc, phương pháp xây dựng đạo đức mới. Đồng thời, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội. Để trở thành người có ích cho xã hội, người chủ tương lai của nước nhà, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; thế hệ trẻ Việt Nam nói chung và sinh viên, thanh niên trí thức nói riêng cần phải học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Dưới đây là một số nội dung cơ bản định hướng học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh:

1. Học trung với nước, hiếu với dân, suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.96.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.672.

Hoài bão lớn nhất của Hồ Chí Minh là Tổ quốc được hoàn toàn độc lập, nhân dân được ấm no, tự do, hạnh phúc. Hồ Chí Minh thường xuyên chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên phải tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng của giai cấp công nhân, suốt đời phấn đấu cho mục tiêu lý tưởng của Đảng là xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản cao đẹp, đem lại phồn vinh cho đất nước, hạnh phúc cho đồng bào.

Ngay từ thuở thiếu thời, Hồ Chí Minh đã lựa chọn một cách rõ ràng và dứt khoát mục tiêu hiến dâng cả cuộc đời mình cho cách mạng. Người đã chấp nhận một sự hy sinh, luôn kiên định, dũng cảm và sáng suốt để vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, “thắng không kiêu, bại không nản”, giàu sang thì không quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy lực không thể khuất phục, nhằm thực hiện bằng được mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc, giải phóng giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức, cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, cho sự hợp tác anh em và hòa bình, hữu nghị giữa các dân tộc. Ở Hồ Chí Minh, “một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên”¹. Trong Di chúc, Hồ Chí Minh viết về việc riêng, nhưng lại mang ý nghĩa đại sự, là cái chung cho nhân cách, cho hậu thế. Người viết như sau: “Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”². Hối hận thì không, nhưng tiếc thì có; không phải tiếc vì mình chưa có vật chất đủ đầy cao sang... mà tiếc là không còn sống lâu nữa để phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân.

Tấm gương vì nước, vì dân, suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người của Hồ Chí Minh đã được nhân dân thế giới và bạn bè quốc tế thừa nhận và kính phục. Họ đã dùng những lời lẽ đẹp đẽ và trang trọng nhất để ca ngợi Hồ Chí Minh: “Nhà cách mạng triệt để”; “cuộc đời đồng chí Hồ Chí Minh là một thiên thần thoại”³; “một lãnh tụ có sự kết hợp hiếm có giữa lòng khoan dung tốt độ và ý chí kiên quyết nhất... Người cũng là nhân vật nổi bật nhất trong thời đại của chúng ta”⁴. Phidén Caxtorô Rudơ (Cuba) viết: “Cuộc đời của Người là một tấm gương sáng chói những phẩm chất cách mạng và nhân đạo cao cả

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.470.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.615.

3 *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chí Minh*, Nxb Thanh niên, 2004, tr.16.

4 *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chí Minh*, Nxb Thanh niên, 2004, tr.36.

nhất. Hiếm có một nhà lãnh đạo nào trong những giờ phút thử thách lại tỏ ra sáng suốt, bình tĩnh, gan dạ, quên mình, kiên nghị và dũng cảm một cách phi thường như vậy... Hồ Chí Minh thuộc lớp những người đặc biệt mà cái chết là mầm mống của sự sống và là nguồn cổ vũ đời đời bất diệt”¹.

2. Học cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn, trung thực

Hồ Chí Minh là một tấm gương mẫu mực về đạo đức cách mạng: Suốt đời cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; suốt đời hết lòng hết sức phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Hồ Chí Minh thường yêu cầu cán bộ, đảng viên, đoàn viên, thanh niên phải thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng, phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, ít lòng ham muốn vật chất; phải khiêm tốn, giản dị, trung thực và có tinh thần trách nhiệm, đó là tư cách người cán bộ cách mạng, và tự mình, Người đã gương mẫu thực hiện.

Theo Hồ Chí Minh, “Muốn hoàn thành nhiệm vụ được tốt thì chúng ta phải học tập, chúng ta phải trau dồi tư tưởng,... phải trau dồi đạo đức cách mạng, trước hết là *đức khiêm tốn*”². “Chớ kiêu ngạo, phải khiêm tốn... Khiêm tốn là một đạo đức mà mọi người cách mạng phải luôn luôn trau dồi”³; phải chân thành, không được tự mãn, luôn luôn cầu tiến bộ, “năng lực của mỗi người đều có giới hạn, tuy có thành công cũng chớ kiêu ngạo. Kiêu ngạo là bước đầu của thất bại”⁴; phải “yêu nước, liêm khiết, trung thực, công tâm”⁵. Hồ Chí Minh thường dạy: phải “*khiêm tốn, trong sạch và chính trực*”⁶. Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về trung thực, trách nhiệm với mình, với người, với việc, thể hiện nhất quán trong tư tưởng và lẽ sống của Người.

Trung thực là phẩm chất hàng đầu của cán bộ, đảng viên và của mỗi người. Trung thực trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh mang nội dung đạo đức cao quý của người cộng sản, những người đã công khai nói về sự tự nguyện hy sinh, cống hiến cả cuộc sống của mình cho mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong công việc, trung thực phải luôn luôn gắn bó với trách nhiệm.

1 *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chí Minh*, Nxb Thanh niên, 2004, tr.6,7.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.513.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.8, tr.508.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.323.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.482.

6 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.288.

Hồ Chí Minh coi trách nhiệm là việc phải làm, không thể thoái thác. Trách nhiệm là bổn phận của mỗi người, dù ở cương vị nào. Ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân là sự tự ý thức về các công việc phải làm, “nhận rõ phải, trái, đúng sai”, tự mình xác định việc cần làm; phải có trách nhiệm với quá khứ, trách nhiệm với hiện tại, trách nhiệm với tương lai. Trên cơ sở có ý thức đúng đắn, tự giác, tích cực thực hiện trách nhiệm của mình là “có tinh thần trách nhiệm cao”.

Với cán bộ, đảng viên và mỗi một người cần nhận thức rõ: Trung thực, trách nhiệm, trước hết là trách nhiệm với Tổ quốc, với Đảng, với nhân dân, sau đó là trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương. Xây dựng, rèn luyện bản lĩnh vững vàng, có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng, phấn đấu vì cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc của nhân dân.

Từ lòng yêu nước, Người xác định trách nhiệm của mình là phải cứu nước và suốt đời phấn đấu vì mục tiêu, lý tưởng đó. Ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh mang theo hoài bão, khát vọng giành lại nền độc lập cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân.

Suốt đời Người sống trong sạch, thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, luôn vì nước, vì dân, vì con người, không gợn chút riêng tư. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng có viết: “Hồ Chủ tịch không có cái gì riêng. Cái gì của nước, của dân là của Người. Quyền lợi tối cao của nước, lợi ích hằng ngày của dân là sự lo lắng đêm ngày của Người. Gia đình của Người là đại gia đình Việt Nam”¹.

Là lãnh tụ cách mạng, Hồ Chí Minh luôn coi khinh mọi sự xa hoa, không ưa chuộng những nghi thức trang trọng cầu kỳ, suốt đời giữ một nếp sống thanh bạch tao nhã, giản dị, khiêm tốn, cần lao và tranh đấu để mưu cầu hạnh phúc cho dân. Toàn thể nhân dân Việt Nam và thế giới đều biết bộ ka ki bạc màu, đôi dép lốp mòn, cái nhà sàn gỗ đơn sơ của Hồ Chí Minh... Nói về những đức tính vĩ đại của Hồ Chí Minh, X.Agiendê - vị Tổng thống anh hùng của nước Cộng hoà Chilê đã khái quát: “Nếu như muốn tìm một sự tiêu biểu cho tất cả cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì đó là đức tính vô cùng giản dị và sự khiêm tốn phi thường”².

Học tập đức tính cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn, trung thực, đòi hỏi mỗi người phải đấu tranh với chính mình, vượt qua chính mình, ra sức tu dưỡng rèn luyện đạo đức, sống có nhân cách, trách nhiệm, xử lý hài hòa giữa lợi ích chung và lợi ích riêng. Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, tôn trọng kỷ cương, phép nước.

1 Đinh Xuân Dũng (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.45.

2 *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.378.

3. Học đức tin tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân, kính trọng nhân dân và hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân; luôn nhân ái, vị tha, khoan dung và nhân hậu với con người

Hồ Chí Minh luôn luôn chú trọng giáo dục cán bộ, đảng viên, đoàn viên và thanh niên phải có niềm tin vững chắc vào sức mạnh của nhân dân. Người nói: “Dựa vào nhân dân thì việc gì, dù khó đến đâu cũng có thể làm được”¹; “Chúng ta phải tin tưởng rằng sức mạnh của nhân dân đoàn kết đấu tranh là một sức mạnh bất thắng, một sức mạnh vô địch”². “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”³.

Hồ Chí Minh có tình thương yêu bao la đối với con người. Tình thương đó gắn liền với niềm tin tuyệt đối vào sức mạnh và trí tuệ của nhân dân. Người luôn dạy cán bộ, đảng viên việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh; phải gần dân, hiểu dân, phải học dân, kính trọng nhân dân; hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân. Người phê phán quyết liệt đầu óc “quan cách mạng” và tự mình thường xuyên đi xuống cơ sở để tìm hiểu “lắng nghe ý kiến của đảng viên, của nhân dân, của những người không quan trọng”. Là người có uy tín rất cao và sức hấp dẫn rất lớn, song không bao giờ Hồ Chí Minh đặt mình cao hơn nhân dân, chỉ tâm niệm suốt đời là công bộc của nhân dân, “cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận”⁴.

Với tình thương yêu bao la, Hồ Chí Minh dành cho tất cả, chia sẻ với mọi người những nỗi đau riêng. Tháng 7 năm 1969, khi tiếp và trả lời nữ đồng chí Mácta Rôhát, phóng viên báo *Granma* (Cuba): Người nói: “Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi...; Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi”⁵. Cách mạng Tháng Tám thành công cũng là lúc Việt Nam vừa trải qua nạn đói khủng khiếp, Hồ Chí Minh chủ trương tăng gia sản xuất, mỗi tháng mỗi người nhịn ăn ba bữa để góp gạo cứu đói và Người cũng đóng góp lon gạo của mình như mọi người dân.

Học tập Hồ Chí Minh là học tập lòng nhân ái, khoan dung, nhân hậu của Người bắt nguồn từ đại nghĩa của dân tộc, nên có sức mạnh và cảm hóa to lớn. Ở Hồ Chí Minh, thương người là một đức tính và tình cảm lớn. Cho nên, khi

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.47.

2 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.305.

3 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.453.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.187.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.674.

làm cách mạng, Hồ Chí Minh luôn luôn phấn đấu cho độc lập, tự do, hạnh phúc. Đó chính là biểu hiện chủ nghĩa nhân văn vừa thánh thiện, vừa gần gũi, đã làm xúc động trái tim nhân loại.

4. Học tấm gương về ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, quyết tâm vượt qua mọi thử thách, gian nguy để đạt được mục đích cuộc sống

Học tập Hồ Chí Minh là noi theo hoài bão cách mạng, đức hy sinh cao cả, tính kiên định lập trường, quan điểm, mục tiêu; học ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, quyết tâm vượt qua mọi thử thách; học tình yêu quê hương, đất nước, con người; yêu thiên nhiên, gìn giữ môi trường sống.

Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta và nhân dân thế giới. Người đã trải qua một cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ. Người đã vượt qua chuỗi năm tháng vô cùng khó khăn, hai lần ngồi tù, một lần bị án tử hình vắng mặt, có giai đoạn hoạt động rất sôi nổi, được đánh giá rất cao, có giai đoạn bị hiểu nhầm, nghi kỵ, không được giao nhiệm vụ... Song, nhờ ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, Hồ Chí Minh đã bình tĩnh, kiên cường, chủ động vượt qua thử thách, gian nguy, kiên trì mục đích cuộc sống, bảo vệ chân lý, giữ vững quan điểm cách mạng của mình. Tập thơ *Nhật ký trong tù*, ngay bài thơ đầu tiên, Người đã viết:

“Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao”¹.

Dũng cảm, quyết tâm, bền bỉ, bất khuất là những đặc trưng trong nhân cách Hồ Chí Minh.

5. Học tấm gương về chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng

Trái tim, khối óc của Hồ Chí Minh luôn dành cho dân tộc Việt Nam và cũng hướng về giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta và nhân dân thế giới. Hồ Chí Minh chẳng những là một nhà yêu nước vĩ đại, mà còn là một chiến sĩ kiên cường của phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc trong thế kỷ XX. Hồ Chí Minh thường dạy chúng ta phải chăm lo bảo vệ sự đoàn kết quốc tế, vì sự nghiệp của cách mạng Việt Nam, vì nghĩa vụ cao cả đối với cách mạng thế giới.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.305.

Trong tình hình hiện nay, bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước có nhiều thời cơ và thách thức; xu thế toàn cầu hóa, kinh tế tri thức, cuộc cách mạng khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng, làm cho hội nhập ngày càng sâu rộng giữa các quốc gia, dân tộc; hòa bình hữu nghị và hợp tác cùng phát triển càng thể hiện rõ là khát vọng của nhân loại.

Do vậy, sinh viên rất cần phải học tập phẩm chất đạo đức kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với tinh thần quốc tế trong sáng. Thanh niên, sinh viên phải ra sức trau dồi đạo đức trở thành những con người làm chủ đất nước, đoàn kết thành một khối, quyết làm tròn nghĩa vụ cao cả vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới.

Sinh viên Việt Nam quyết tâm học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Hồ Chí Minh, thi đua *học tập, rèn luyện*, vì ngày mai lập nghiệp, xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu như Hồ Chí Minh hằng mong muốn.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

1. Phân tích đạo đức là một trong những nội dung quan trọng nhất hoàn thiện nhân cách theo quan niệm của Hồ Chí Minh.

2. Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, có cần phải trau dồi những phẩm chất đạo đức và phải nắm vững những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới đã được Hồ Chí Minh nêu rõ không? Tại sao?

3. Phân tích thực trạng đạo đức sinh viên hiện nay và những nội dung cơ bản sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chương trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh: *Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh - Truyền thống dân tộc và nhân loại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.

2. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - Tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.

3. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
4. Trần Văn Giàu: “Nhân cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, trong: *Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990.
5. Đặng Xuân Kỳ (Chủ biên): *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011. Các tập: 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15.
7. Nguyễn Khắc Nho: *Hồ Chí Minh đỉnh cao truyền thống Nhân Trí Dũng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
8. *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976.